HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LƯU THỊ THU HIỀN

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC TRONG TƯ TƯỞNG CỦA J.J.ROUSSEAU - Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LƯU THỊ THU HIỀN

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC TRONG TƯ TƯỞNG CỦA J.J.ROUSSEAU - Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS, TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH

2. TS. PHẠM ANH HÙNG

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các dẫn chứng, đánh giá, phân tích trong Luận án là trung thực, trích nguồn rõ ràng, đúng quy định.

Tác giả Luận án



Lưu Thị Thu Hiền

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI 11

1.1. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước 11

1.2. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến ý nghĩa của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay 26

1.3. Giá trị của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài đã tổng quan và những vấn đề cần làm sáng tỏ thêm 34

Chương 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG CỦA J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC 41

2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội châu Âu thế kỷ XVII - XVIII 41

2.2. Những tiền đề lý luận hình thành tư tưởng J.J.Rousseau 53

2.3. Quá trình hình thành tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước 63

Chương 3: NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ, HẠN CHẾ CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC 81

3.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước 81

3.2. Giá trị, hạn chế của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước 125

Chương 4: Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY 147

4.1. Những yêu cầu đặt ra trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay 147

4.2. Giá trị tham khảo của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước 161

4.3. Những vấn đề vận dụng có chọn lọc tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước 181

KẾT LUẬN 193

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 195

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 196

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quan hệ giữa công dân và nhà nước là mối quan hệ cơ bản, có tính nền tảng trong hầu hết các trường phái triết học chính trị và các quan niệm triết học về nhà nước. Nhiều học thuyết triết học, dưới những hình thức và cách tiếp cận khác nhau, đều lấy việc lý giải mối quan hệ này làm trung tâm để xác định bản chất, nguồn gốc và giới hạn của quyền lực nhà nước. Các nhà triết học của trường phái triết học pháp quyền tự nhiên như John Locke, Thomas Hobbes, J.J.Rousseau, Montesquieu… là những người đã đặt nền móng lý luận, định hình các khuôn khổ cho mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Thông qua các học thuyết về quyền tự nhiên, khế ước xã hội, chủ quyền nhân dân và phân quyền, họ đã góp phần xây dựng mô hình nhà nước trong đó quyền lực nhà nước có nguồn gốc từ nhân dân, bị giới hạn bởi pháp luật và được thể chế hóa trong các nhà nước cộng hòa, được hiến định trong các bản hiến pháp và hệ thống luật thành văn do nghị viện ban hành.

J.J.Rousseau (1712 - 1778), sinh tại Geneve, là nhà tư tưởng vĩ đại của triết học Khai sáng Pháp, đồng thời là đại biểu tiêu biểu của trường phái triết học pháp quyền tự nhiên. Tư tưởng của ông về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước ra đời như sự phản ứng mang tính cách mạng trước thực trạng bất bình đẳng xã hội do chế độ chuyên chế thế kỷ XVIII gây ra. Khởi nguồn nhận thức của J.J.Rousseau từ quan điểm con người sinh ra vốn tự do nhưng lại bị giam cầm trong xiềng xích quyền lực, J.J.Rousseau đã xây dựng nên học thuyết về khế ước xã hội để kiến tạo một trật tự chính trị mới. Trong các tác phẩm của J.J.Rousseau, *"Bàn về khế ước xã hội"* là một tác phẩm triết học tương đối trọn vẹn, trong đó, ông trình bày một cách khá đầy đủ, có hệ thống những nội dung cơ bản cùng ý nghĩa triết học của mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Trong tác phẩm này, tư tưởng về chủ quyền nhân dân giữ vai trò xuyên suốt, đề cao quyền lực chính trị chính đáng và vai trò của công dân trong đời sống chính trị. Theo J.J.Rousseau, quyền lực nhà nước chỉ có tính chính đáng khi được hình thành trên cơ sở ý chí chung của nhân dân và phục

vụ lợi ích chung của cộng đồng - nguyên tắc cốt lõi giúp ông tạo nên một bước chuyển lịch sử: biến con người từ vị thế "thần dân bị trị" thành "chủ thể nắm giữ chủ quyền", đồng thời tiến xa hơn so với quan điểm Montesquieu. Cùng với tác phẩm của các nhà tư tưởng cùng thời như J. Locke, Montesquieu, *"Bàn về khế ước xã hội"* đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, châm ngòi cho các cuộc cách mạng tư sản diễn ra mạnh mẽ ở thế kỷ XVIII. Cho đến nay, nhiều nội dung trong tác phẩm ấy vẫn được kế thừa, được nêu trong các văn kiện chính trị quan trọng như một biểu tượng của tinh thần cách mạng nhân loại. Vì vậy, tư tưởng cấp tiến của J.J.Rousseau không chỉ là nguồn lý luận quan trọng cho quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền trong lịch sử, mà việc quay trở lại nghiên cứu quan điểm của ông còn mang ý nghĩa cấp thiết, cung cấp chiếc chìa khóa lý luận để tiếp tục hoàn thiện mối quan hệ giữa nhà nước và công dân trong bối cảnh đương đại.

Đặc biệt, đối với Việt Nam, tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước mang giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc. Sự kế thừa này được thể hiện rõ nét qua việc Đảng và Nhà nước ta đã có sự tham khảo, vận dụng sáng tạo học thuyết về chủ quyền nhân dân và ý chí chung để xây dựng mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Hiện nay, Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Một trong những nội dung cốt lõi của quá trình này là xác lập và phát triển mối quan hệ hài hòa, chặt chẽ giữa Nhà nước và công dân, trong đó, Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đồng thời, công dân phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội. Văn kiện Đại hội XIV chỉ rõ:

> Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; luôn phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây

> dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân [21, tr.126].

Tuy nhiên, quá trình quản lý, tổ chức quyền lực nhà nước vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cả về lý luận và thực tiễn.

Về mặt lý luận: Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần thể chế hoá rõ ràng về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, đảm bảo tính chính danh của nhà nước; xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước thực sự đặt trọng tâm vào việc xây dựng hệ thống thể chế trên nền tảng mối quan hệ giữa nhân dân với nhà nước; xây dựng nhà nước có đủ năng lực quản trị quốc gia trong bối cảnh tri thức và thực hành dân chủ, đòi hỏi bảo đảm và tự bảo đảm lợi ích chính đáng của người dân ngày càng nâng cao; xây dựng nguyên tắc thượng tôn pháp luật trong giai đoạn phát triển mới trên cơ sở đảm bảo mối quan hệ hai chiều giữa công dân và nhà nước.

Về mặt thực tiễn: Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, sự ảnh hưởng của lối sống thực dụng, thờ ơ, sự tha hóa của một bộ phận không nhỏ đảng viên trong bộ máy chính quyền nhà nước... đang là vấn đề nhức nhối, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp mà bao thế hệ nhân dân Việt Nam đã dày công vun đắp. Mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân đang tồn tại nhiều bất cập; hệ thống chính quyền hai cấp mới vận hành chưa thực sự thông suốt, một số vấn đề tồn đọng trước đó chưa được giải quyết hiệu quả, tính dân chủ của nhân dân chưa thực sự được phát huy...

Những vấn đề đặt ra về cơ chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước, tăng cường trách nhiệm giải trình, củng cố niềm tin trong nhân dân đối với Nhà nước… đòi hỏi Việt Nam cần tiếp thu chọn lọc những quan điểm tư tưởng tiến bộ trên thế giới, đồng thời, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm từ quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở một số quốc gia để có sự phân tích toàn diện. Việc quay trở lại nghiên cứu

một cách hệ thống tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước không chỉ giúp làm sáng tỏ bản chất lịch sử - lý luận của quyền lực chính trị, mà còn cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng nhằm góp phần giải quyết các vướng mắc thực tiễn, tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay. Xuất phát từ lý do đó, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài: ***"Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng của J.J.Rousseau - Ý nghĩa đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay"*** để làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ bối cảnh hình thành, nội dung cơ bản tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, luận án đánh giá giá trị, hạn chế lịch sử, đồng thời rút ra một số ý nghĩa gợi mở đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ

Thứ nhất, luận án tiến hành tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp đến đề tài, đánh giá những kết quả đạt được, nhận diện những khoảng trống nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án xác định rõ hướng đi riêng, làm nổi bật tính cần thiết, tính mới và giá trị bổ sung của đề tài trong lĩnh vực triết học chính trị.

Thứ hai, luận án phân tích các tiền đề hình thành tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, qua đó lý giải cơ sở ra đời các luận điểm cốt lõi trong học thuyết ông, đặc biệt là tư tưởng về khế ước xã hội, chủ quyền nhân dân và ý chí chung.

Thứ ba, luận án đi sâu phân tích hệ thống những nội dung cơ bản trong quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, làm rõ cách ông xác định vị thế, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân

trong cấu trúc chính trị cũng như cơ chế bảo đảm tính chính đáng của quyền lực nhà nước.

Thứ tư, luận án đánh giá những giá trị tiến bộ và hạn chế lịch sử trong quan điểm của J.J.Rousseau; trên cơ sở đó rút ra những giá trị tham chiếu và ý nghĩa lý luận, thực tiễn đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung phân tích tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, chỉ ra những giá trị tham chiếu và ý nghĩa lý luận, thực tiễn của tư tưởng này đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu các quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

- Về tư liệu: Luận án chủ yếu dựa trên tác phẩm tiêu biểu *"Bàn về khế ước xã hội"* của J.J.Rousseau. Bên cạnh đó, luận án có đề cập đến tác phẩm *"Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người"* của J.J.Rousseau cùng với việc tham khảo các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước.

- Về hướng vận dụng: Luận án tập trung làm rõ ý nghĩa lý luận và giá trị tham khảo của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Luận án chủ yếu tiếp cận vấn đề ở phương diện triết học chính trị và lý luận nhà nước, qua đó rút ra những gợi mở có giá trị về vai trò của công dân, quyền và nghĩa vụ công dân, trách nhiệm của nhà nước và mối quan hệ giữa quyền lực nhà nước với chủ quyền nhân dân; không đi sâu phân tích các quy định pháp luật, cơ chế pháp lý hay các vấn đề kỹ thuật pháp lý cụ thể.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án triển khai trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là cơ sở định hướng quan trọng giúp luận án tiếp cận vấn đề quyền công dân không chỉ ở bình diện pháp lý, mà còn đặt trong tổng thể chiến lược phát triển đất nước, gắn với yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với đối tượng, mục tiêu và nội dung của từng chương.

Thứ nhất, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng xuyên suốt luận án, giữ vai trò định hướng cho việc tiếp cận, phân tích và luận giải các vấn đề nghiên cứu. Trên cơ sở đó, tư tưởng của J.J.Rousseauvề mối quan hệ giữa công dân và nhà nước được xem xét trong tính lịch sử - cụ thể, trong mối liên hệ với những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị và tư tưởng của thời đại. Phương pháp luận này đồng thời là cơ sở để luận án xem xét quyền công dân, quyền lực nhà nước và mối quan hệ giữa công dân với nhà nước như những hiện tượng lịch sử - xã hội, có sự hình thành, vận động và biến đổi gắn với những điều kiện lịch sử nhất định; từ đó đánh giá khách quan giá trị và giới hạn lịch sử trong tư tưởng của J.J.Rousseau.

Thứ hai, phương pháp lịch sử - lôgic được sử dụng chủ yếu trong Chương 2 nhằm tái hiện và phân tích những điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội, chính trị và tiền đề tư tưởng tác động đến sự hình thành quan điểm của

J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Phương pháp lịch sử giúp đặt tư tưởng của ông trong bối cảnh xã hội Pháp và châu Âu thế kỷ XVIII với những biến đổi về cơ cấu xã hội, tương quan lực lượng chính trị và những mâu thuẫn của chế độ đương thời. Trên cơ sở đó, phương pháp lôgic được sử dụng để nhận diện quá trình hình thành và mối liên hệ nội tại giữa các quan niệm về khế ước xã hội, chủ quyền nhân dân, ý chí chung, tự do, công dân và tính chính đáng của quyền lực nhà nước.

Thứ ba, phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để nghiên cứu, xử lý và hệ thống hóa các nguồn tư liệu liên quan đến đề tài, bao gồm các tác phẩm của J.J.Rousseau và những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về tư tưởng của ông. Thông qua phân tích, luận án làm rõ từng luận điểm, khái niệm và nội dung cấu thành quan niệm của J.J.Rousseau về công dân, nhà nước và quan hệ giữa hai chủ thể này; trên cơ sở tổng hợp để xác định những nội dung cơ bản, mối liên hệ giữa chúng và cấu trúc tư tưởng tương đối thống nhất. Phương pháp này được sử dụng tập trung trong Chương 1 và Chương 3.

Thứ tư, phương pháp so sánh và đối chiếu được sử dụng nhằm làm rõ sự kế thừa, phát triển và những điểm riêng trong tư tưởng của J.J.Rousseau so với các tiền đề tư tưởng có ảnh hưởng đến ông; đồng thời góp phần nhận diện những giá trị và giới hạn lịch sử trong quan niệm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Ở Chương 4, phương pháp này được vận dụng trên cơ sở đối chiếu những nội dung có giá trị trong tư tưởng của J.J.Rousseau với những yêu cầu đặt ra trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, qua đó xác định ý nghĩa lý luận và giá trị tham khảo, tránh sự vận dụng giản đơn hoặc đồng nhất những tư tưởng được hình thành trong các điều kiện lịch sử, chính trị và xã hội khác nhau.

Thứ năm, phương pháp hệ thống và cấu trúc được sử dụng xuyên suốt luận án, đặc biệt trong Chương 3, nhằm xem xét quan niệm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước như một chỉnh thể có cấu trúc và logic nội tại. Các phạm trù như khế ước xã hội, chủ quyền nhân dân, ý chí chung, tự do, công dân và quyền lực nhà nước không được nghiên cứu biệt lập mà được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhau. Qua đó, luận án làm rõ cấu trúc, sự thống nhất và mối liên hệ giữa các bộ phận cấu thành tư tưởng của J.J.Rousseau về công dân và nhà nước.

Thứ sáu, phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa khoa học được sử dụng trên cơ sở kết quả phân tích các tác phẩm và quan điểm cụ thể của J.J.Rousseau để khái quát thành những luận điểm cơ bản về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Phương pháp này đồng thời giúp luận án vượt qua những biểu hiện cụ thể gắn với bối cảnh lịch sử thế kỷ XVIII để nhận diện những nội dung có ý nghĩa lý luận tương đối phổ quát, từ đó đánh giá giá trị, hạn chế và rút ra những ý nghĩa có thể tham khảo đối với Việt Nam hiện nay. Phương pháp được sử dụng chủ yếu trong Chương 3 và Chương 4.

Thứ bảy, phương pháp diễn giải văn bản và khái niệm được sử dụng chủ yếu trong Chương 3 nhằm phân tích và làm rõ nội hàm của những khái niệm, phạm trù then chốt trong tư tưởng chính trị của J.J.Rousseau như "khế ước xã hội", "ý chí chung", "chủ quyền", "tự do", "công dân" và "nhà nước". Việc diễn giải được đặt trong chỉnh thể tư tưởng của J.J.Rousseau và trong bối cảnh lịch sử hình thành các tác phẩm, qua đó hạn chế việc tách rời khái niệm khỏi văn cảnh hoặc diễn giải theo cách hiểu hiện đại một cách giản đơn. Đây là phương pháp có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xác định chính xác nội dung tư tưởng của J.J.Rousseau mà luận án nghiên cứu.

Như vậy, hệ thống phương pháp nghiên cứu của luận án được tổ chức theo một logic thống nhất: phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử giữ vai trò nền tảng và định hướng; phương pháp lịch sử và lôgic làm

rõ điều kiện hình thành và quá trình phát triển tư tưởng; phân tích, tổng hợp và diễn giải làm rõ nội dung các quan niệm; hệ thống - cấu trúc xác lập mối liên hệ và chỉnh thể tư tưởng; so sánh, đối chiếu giúp nhận diện đặc điểm, giá trị và giới hạn; khái quát hóa và trừu tượng hóa khoa học là cơ sở để rút ra các nhận định và giá trị tham khảo. Việc kết hợp các phương pháp này bảo đảm luận án vừa tiếp cận tư tưởng của J.J.Rousseau trong điều kiện lịch sử - cụ thể, vừa làm rõ logic nội tại và giá trị triết học của quan niệm về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, từ đó xác định có căn cứ những ý nghĩa lý luận và giá trị tham khảo đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

5. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của luận án

Khi hoàn thành, luận án sẽ có những ý nghĩa và đóng góp như sau:

Về phương diện khoa học:

- Luận án góp phần hệ thống, khái quát những nội dung chủ yếu trong quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

- Luận án góp phần đánh giá những giá trị trong tư tưởng của J.J.Rousseau, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế, tồn tại trong quan điểm của ông, đặc biệt khi bàn về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

- Luận án có thể mang đến giá trị tham khảo cho những nghiên cứu về vấn đề nhà nước, công dân, mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

Về phương diện thực tiễn: Luận án có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo có giá trị trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo, nhất là trong các học phần về lịch sử triết học, lịch sử tư tưởng chính trị và lịch sử triết học phương Tây cận đại.

Đóng góp mới của luận án:

- Luận án góp phần hệ thống hoá những nội dung cốt lõi trong tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*.

- Luận án khẳng định các đóng góp nổi bật của J.J.Rousseau trong việc đặt nền tảng lý luận cho tính chính danh của nhà nước và chỉ ra những giới hạn lịch sử trong tư tưởng của ông. Từ đó, luận án đánh giá ý nghĩa tham khảo của tư tưởng J.J.Rousseau đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay theo hướng đề cao quyền công dân, trách nhiệm giải trình và mở rộng cơ chế bảo đảm dân chủ.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến luận án và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 04 chương, 11 tiết.

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2. Cơ sở hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước

Chương 3. Nội dung cơ bản và giá trị, hạn chế của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước

Chương 4. Ý nghĩa của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TIÊU BIỂU LIÊN QUAN ĐẾN TƯ TƯỞNG CỦA J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, J.J.Rousseau là một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng đối với triết học chính trị phương Tây cận đại. Tư tưởng của ông được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau như triết học, chính trị học, luật học, giáo dục học, văn học và lịch sử tư tưởng. Trong đó, những vấn đề về con người, tự do, bình đẳng, khế ước xã hội, ý chí chung, chủ quyền nhân dân, quyền lực nhà nước và dân chủ là những nội dung được giới nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Đây cũng chính là những phương diện cấu thành cơ sở lý luận để nhận diện và luận giải tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

Trước hết, các tác phẩm của chính J.J.Rousseau là nguồn tư liệu trực tiếp và quan trọng nhất để nghiên cứu tư tưởng của ông. Những tác phẩm này đã được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu các quan niệm của J.J.Rousseau về quyền con người, quyền công dân, nhà nước và mối quan hệ giữa công dân với nhà nước. Ở Việt Nam, riêng tác phẩm *Du contrat social* được Hoàng Thanh Đạm dịch với tên *Bàn về khế ước xã hội*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1992, sau đó được Nhà xuất bản Lý luận chính trị tái bản năm 2006. Năm 2013 và năm 2016, Nhà xuất bản Tri thức và Nhà xuất bản Thế giới tiếp tục ấn hành bản dịch của Dương Văn Hóa với tên *Khế ước xã hội*. Các bản dịch không chỉ chuyển tải nội dung tác phẩm mà phần giới thiệu của các dịch giả còn cung cấp những thông tin khái quát về cuộc đời, bối cảnh tư tưởng và những luận điểm chủ yếu của J.J.Rousseau.

Đáng chú ý, trong bản dịch *Bàn về khế ước xã hội* (2006), Hoàng Thanh Đạm đã bổ sung một số tư liệu về cuộc đời, tính cách và các tác phẩm chính của J.J.Rousseau nhằm giúp người đọc "nắm được biên niên tiểu sử, trình tự phát triển tư tưởng và những quãng đời thăng trầm của ông: nghèo khổ nhưng luôn luôn tự chủ, không chịu cúi đầu. Mặt khác cũng cần làm rõ mối tương kế thừa giữa J.J.Rousseau với Montesquieu là người đi trước ông 12 năm" [44, tr.10]. Tác giả dành 36 trang đầu cuốn sách để giới thiệu cuộc đời J.J.Rousseau và tác phẩm *Bàn về khế ước xã hội*, đồng thời có bài viết so sánh J.J.Rousseau với Montesquieu, qua đó cho thấy sự kế thừa và phát triển trong tư tưởng của J.J.Rousseau sau khi *Tinh thần pháp luật* của Montesquieu ra đời. Đây không chỉ là nguồn tư liệu trực tiếp phục vụ luận án mà còn cung cấp những gợi mở quan trọng để nghiên cứu sinh đặt tư tưởng J.J.Rousseau về công dân và nhà nước trong tiến trình phát triển của triết học chính trị Khai sáng.

Một hướng nghiên cứu quan trọng khác tập trung làm rõ cuộc đời, nhân cách, bối cảnh lịch sử và những tiền đề kinh tế - xã hội, văn hóa, tư tưởng hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau. Cuốn *Giăng - Giắc Ru - xô* (1978) của Phùng Văn Tửu được chia thành hai phần: Phần 1, *Con đường đến với văn học*; Phần 2, *Viết văn là để chiến đấu*. Mặc dù mục đích chính của công trình là tái hiện cuộc đời J.J.Rousseau và những đóng góp của ông đối với văn học Pháp và văn học phương Tây, tác giả đã dành dung lượng đáng kể trình bày hoàn cảnh ra đời và nội dung cốt lõi của các tác phẩm quan trọng. Qua đó, những giá trị nhân văn, tinh thần phản kháng và khát vọng đấu tranh vì tự do của con người trong tư tưởng J.J.Rousseau được thể hiện khá rõ nét. Đây là nguồn tư liệu có ý nghĩa giúp nghiên cứu sinh nhận diện thêm những yếu tố về cuộc đời, nhân cách và hoàn cảnh xã hội góp phần hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau về con người, quyền công dân và nhà nước [97].

Ở bình diện lịch sử thế giới, công trình *The History of the World* (1993) của John Morris Roberts phân tích tiến trình phát triển của nhân loại và những

biến động lớn của phương Tây, nhất là các cuộc cách mạng chính trị - tư tưởng. Trong công trình có quy mô đồ sộ này, J.J.Rousseau được đề cập trong dòng tư tưởng Khai sáng cùng với các triết gia tiêu biểu của thời đại. Tuy không phân tích riêng mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, công trình giúp đặt J.J.Rousseau trong bối cảnh những chuyển biến chính trị, xã hội và tư tưởng dẫn tới sự hình thành các quan niệm mới về quyền con người, quyền công dân và tính chính đáng của quyền lực nhà nước. Qua đó có thể nhận thấy những tư tưởng về tự do, bình đẳng, chủ quyền nhân dân và khế ước xã hội đã trở thành một bộ phận quan trọng của vũ khí lý luận cho các cuộc cách mạng tư sản, góp phần tạo nên những chuyển biến lớn trong lịch sử phát triển của nhân loại [115].

Công trình *Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới* (1999) do Nguyễn Thế Nghĩa chủ biên đã dành một chương trong phần thứ hai để phân tích lịch sử tư tưởng và các học thuyết chính trị thời cận đại phương Tây. Tác giả làm rõ tình hình kinh tế - xã hội, văn hóa và tư tưởng nước Pháp thế kỷ XVIII, coi đây là một trong những thời kỳ phong phú, đa dạng nhất của tư tưởng chính trị Pháp. Những tiền đề kinh tế - xã hội, văn hóa, tư tưởng và khoa học đã tác động sâu sắc đến Voltaire (1694 - 1778), Montesquieu (1689 - 1755), J.J.Rousseau và các nhà tư tưởng Khai sáng khác. Nguyễn Thế Nghĩa không chỉ khái quát những luận điểm nổi bật của J.J.Rousseau mà còn đặt ông trong mối liên hệ với những nhà tư tưởng cùng thời và những người kế tục. Tác giả khẳng định tư tưởng của J.J.Rousseau đã vượt khỏi giới hạn lịch sử nước Pháp thế kỷ XVIII, thậm chí xem ông như một người dự báo một số tư tưởng về chủ nghĩa xã hội, mặc dù J.J.Rousseau không phải là nhà xã hội chủ nghĩa [73]. Những nhận định này cung cấp cơ sở để luận án nghiên cứu các tiền đề và điều kiện lịch sử hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau, đồng thời đánh giá tư tưởng của ông trong tính lịch sử - cụ thể.

Vũ Dương Ninh và Nguyễn Văn Hồng trong *Lịch sử thế giới cận đại* (2004) đã có những phân tích về bước chuyển từ xã hội phong kiến sang phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Công trình khắc họa xã hội Pháp thế kỷ XVIII với chế độ quân chủ chuyên chế, sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến, sự phân hóa sâu sắc giữa các đẳng cấp và những bất mãn ngày càng lớn đối với quyền lực chính trị. Trong bối cảnh đó, các tác giả xác định "người đại diện xuất sắc cho tư tưởng dân chủ cách mạng trong thời kỳ Ánh sáng là Giăng Giắc Ruxô" và cho rằng "Giá trị và ảnh hưởng của những tác phẩm… Ruxo đã nói lên quyền lợi và nguyện vọng của đại đa số quần chúng nhân dân, đặc biệt là của nông dân và tiểu tư sản" [69, tr.72]. Công trình góp phần làm rõ cơ sở xã hội của những tư tưởng đề cao tự do, bình đẳng, dân chủ và chủ quyền nhân dân ở J.J.Rousseau [69].

Cũng từ hướng tiếp cận con người, công trình *Triết học nhân sinh* (2004) do Stanley Rosen chủ biên, Nguyễn Minh Sơn, Lưu Văn Hy, Nguyễn Đức Phú biên dịch, Hoàng Thị Thơ hiệu đính, đã tập hợp những đánh giá tổng quan về triết học phương Tây từ góc độ vấn đề nhân sinh. Khi bàn đến J.J.Rousseau, công trình làm nổi bật triết lý nhân sinh và quan niệm của ông về việc cải cách xã hội công dân, giáo dục công dân có lòng ái quốc, tinh thần phục vụ công ích và ý thức bình đẳng, qua đó hình thành sự thống nhất chính trị mà J.J.Rousseau gọi là “ý chí phổ quát”. Dù không trực tiếp hệ thống hóa mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, những phân tích này cho thấy vai trò của phẩm chất công dân và ý chí chung đối với sự tồn tại của cộng đồng chính trị [89].

Christopher D. Wraight trong *Rousseau's the social contract: a reader’s guide* (2008) đã tiếp cận trực tiếp tác phẩm *Khế ước xã hội*, tóm tắt và phân tích các chủ đề chính, đồng thời hướng dẫn người đọc đặt văn bản của J.J.Rousseau trong bối cảnh triết học và chính trị rộng hơn. Wraight chú ý đến ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình, môi trường xã hội và các nhà tư tưởng

thời Khai sáng đối với sự phát triển tư tưởng J.J.Rousseau. Đặc biệt, tác giả khai thác những phương diện phức tạp trong tâm lý, cuộc đời và nhân cách J.J.Rousseau, qua đó cung cấp thêm cách lý giải về động lực khiến ông đề xuất những quan niệm mới về tự do, công dân và trật tự chính trị. Công trình giúp nghiên cứu sinh có thêm cơ sở để nhìn nhận mối quan hệ giữa điều kiện lịch sử, đặc điểm cá nhân với sự hình thành tư tưởng J.J.Rousseau về công dân và nhà nước [120].

Trong *Lịch sử văn minh thế giới* (2010), Vũ Dương Ninh phân tích những điều kiện hình thành nền văn minh công nghiệp Tây Âu và đề cập các học thuyết chính trị tiêu biểu, trong đó có Locke (1632 - 1704), Montesquieu (1689 - 1775) và J.J.Rousseau (1712 - 1778). J.J.Rousseau được nhìn nhận không chỉ là nhà tư tưởng Khai sáng lớn của Pháp thế kỷ XVIII mà còn là nhà chính trị học, nhà văn, nhà nghệ thuật và nhà giáo dục học [70]. Những phân tích về sự biến đổi của cơ sở kinh tế - xã hội Tây Âu là nguồn tư liệu giúp luận án nhận diện mâu thuẫn giữa những yếu tố mới của đời sống kinh tế - xã hội với kiến trúc chính trị phong kiến, từ đó giải thích yêu cầu khách quan về một trật tự chính trị mới trong đó quyền con người và quyền công dân được bảo đảm.

Tương tự, *Lịch sử Châu Âu* (2012) của Norman Davies, bản dịch của Lê Thành, tái hiện tiến trình phát triển của châu Âu qua nhiều thời kỳ. Ở chương 8, tác giả khắc họa bối cảnh xã hội châu Âu và sự xuất hiện của những quan điểm dân chủ, tiến bộ, cách mạng của các lực lượng xã hội mới. Công trình đề cập đến những yếu tố góp phần hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau về quyền con người, quyền công dân và khế ước xã hội [72]. Những phân tích này giúp luận án làm rõ thêm cơ sở lịch sử của lý thuyết "ý chí chung" và quan niệm về cộng đồng chính trị trong *Bàn về khế ước xã hội*.

Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang trong *Lịch sử thế giới*, tập 3 (2012) cũng khái quát điều kiện chính trị, văn hóa và xã hội Pháp thế kỷ XVIII, đặc biệt là

những biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội và sự phát triển của khoa học - kỹ thuật. Những chuyển biến này làm thay đổi đời sống vật chất và tinh thần, tạo tiền đề cho cuộc cách mạng về tư tưởng [47]. Công trình giúp luận án nhận diện rõ hơn sự không còn phù hợp giữa những biến đổi của cơ sở kinh tế - xã hội với hệ thống chính trị phong kiến, từ đó lý giải nhu cầu tìm kiếm một mô hình nhà nước mới trong tư tưởng J.J.Rousseau.

Tác phẩm *Jean-Jacques Rousseau* (2015), được Bùi Xuân Linh dịch từ các chương I, VI, VIII, XXXV của tập X trong bộ *Lịch sử văn minh* của Will và Ariel Durant, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính và giới thiệu, tiếp tục cung cấp một cách tiếp cận đáng chú ý về cuộc đời và thời đại của J.J.Rousseau. Công trình khắc họa ông như một nhân vật đặc biệt và có ảnh hưởng sâu sắc trong thế kỷ XVIII, đồng thời làm rõ những biến động của văn minh châu Âu trước năm 1789. Việc nghiên cứu tác phẩm giúp nhận diện rõ hơn cá tính mạnh mẽ, cuộc đời nhiều biến động và bối cảnh lịch sử đã thúc đẩy J.J.Rousseau đi đến những tư tưởng tiến bộ về con người, tự do và xã hội [111].

Bertrand Russell trong *Lịch sử triết học phương Tây - tập III - Triết học hiện đại* (2023), Hồ Hồng Đăng biên dịch, lại đặt J.J.Rousseau trong những chuyển biến rộng lớn của văn hóa và tinh thần phương Tây. Ở chương 18 - Phong trào lãng mạn, Russell nhấn mạnh bối cảnh văn hóa tác động tới tư duy triết học. Theo đó, từ những năm 1660 đến thời đại J.J.Rousseau, ký ức về chiến tranh tôn giáo và nội chiến ở Pháp, Anh, Đức khiến xã hội đặc biệt đề cao trật tự, an toàn và sự kiềm chế. Trong bối cảnh ấy, J.J.Rousseau xuất hiện như một tiếng nói mạnh mẽ phá vỡ những giới hạn của trật tự cũ, đề cao cảm xúc, tự do và khát vọng thay đổi cuộc sống. Russell nhìn nhận J.J.Rousseau là nhà dân chủ, người cảm thấy bức bối trước sự kìm kẹp của chế độ quân chủ chuyên chế [4]. Cách tiếp cận này giúp luận án nhận diện sâu hơn những điều kiện văn hóa - tinh thần hình thành tư tưởng chính trị của J.J.Rousseau.

Bên cạnh các công trình lịch sử và triết học tổng quát, một số nghiên cứu chuyên biệt đã trực tiếp làm rõ những tiền đề và đặc điểm tư tưởng của J.J.Rousseau. Nguyễn Thị Bích Lệ trong bài "Jean - Jacques Rousseau (1712 - 1778) - nhà triết học Khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh" (2008), đăng trên *Tạp chí Triết học*, số 7 (206), phân tích cuộc đời, sự nghiệp và lập trường chính trị cấp tiến của J.J.Rousseau, đồng thời chỉ ra ảnh hưởng của ông cùng Montesquieu, Voltaire và các nhà Khai sáng đối với Cách mạng tư sản Pháp thế kỷ XVIII [50]. Công trình góp phần cung cấp căn cứ cho việc so sánh J.J.Rousseau với những nhà tư tưởng cùng thời và nhận diện các tiền đề lý luận hình thành tư tưởng của ông.

Luận án tiến sĩ *Góp phần tìm hiểu tư tưởng nhân văn của các nhà triết học Khai sáng Pháp và ảnh hưởng của nó đến các nhà yêu nước Việt Nam* (2002) của Võ Thị Dung trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng nhân văn trong triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII qua Voltaire, J.J.Rousseau, Montesquieu, đồng thời khảo sát ảnh hưởng của tư tưởng đó đối với các nhà yêu nước Việt Nam thế kỷ XX và quá trình hình thành tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Những phân tích về con người, xã hội và tinh thần nhân văn trong tư tưởng J.J.Rousseau góp phần giúp nghiên cứu sinh nhận diện nền tảng giá trị của quan niệm về quyền con người và quyền công dân trong *Bàn về khế ước xã hội* [13].

Luận án *Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau* (2022) của Võ Ngọc Quân phân tích tương đối hệ thống bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa và tôn giáo nước Pháp thế kỷ XVIII, qua đó làm rõ những điều kiện tác động đến sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Công trình đồng thời đánh giá những đóng góp, hạn chế và gợi mở giá trị của tư tưởng giáo dục J.J.Rousseau đối với giáo dục Việt Nam hiện nay [85]. Mặc dù đối tượng trực tiếp là triết học giáo dục, công trình cung cấp những tư liệu cần thiết để luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục công dân, con người tự do và cộng đồng chính trị trong hệ thống tư tưởng của J.J.Rousseau.

Nếu các công trình trên chủ yếu góp phần làm rõ bối cảnh và tiền đề hình thành tư tưởng thì một nhóm nghiên cứu khác đi trực tiếp hơn vào các nội dung cấu thành mối quan hệ giữa công dân và nhà nước ở J.J.Rousseau.

Trong *Lịch sử Triết học* (1998) do Nguyễn Hữu Vui chủ biên, J.J.Rousseau được giới thiệu trong tiến trình triết học phương Tây với quan niệm coi lịch sử nhân loại là lịch sử do chính con người tạo nên chứ không phải do Thượng đế quyết định, đồng thời khẳng định bản chất của con người là tự do. Công trình cho rằng J.J.Rousseau phân chia lịch sử thành ba giai đoạn: giai đoạn tự nhiên; giai đoạn công dân; và thông qua cách mạng xã hội, xã hội trở về trạng thái tự nhiên trên cơ sở cao hơn. Đáng chú ý, các tác giả khái quát quan niệm của J.J.Rousseau về nhà nước như một nhà nước của nhân dân, quản lý xã hội bằng pháp luật và được thiết lập thông qua khế ước xã hội [109]. Cách khái quát này gợi mở trực tiếp việc nghiên cứu sự chuyển đổi từ con người tự nhiên thành công dân và từ quyền tự nhiên sang quyền công dân trong một cộng đồng chính trị.

M. Qvortrup trong *The political philosophy of Jean Jacques Rousseau. Imposibility of reason* (2003) tập trung nghiên cứu triết học chính trị J.J.Rousseau, trong đó đặc biệt chú ý đến vấn đề dân chủ trực tiếp, quyền tự do, bình đẳng, tôn giáo và tín ngưỡng công dân. Tác giả phân tích sự kết hợp giữa tinh thần cổ đại và tư tưởng hiện đại trong J.J.Rousseau, đồng thời chỉ ra những khó khăn khi hiện thực hóa mô hình dân chủ trực tiếp trên thực tế [118]. Công trình giúp luận án mở rộng cách tiếp cận mối quan hệ công dân - nhà nước từ phương diện phương thức thực hiện chủ quyền và sự tham gia chính trị của công dân.

Joseph R. Reisert trong *Jean - Jacques Rousseau - a friend of virtue* (2003) tiếp cận J.J.Rousseau từ vấn đề đức hạnh công dân. Theo Reisert, J.J.Rousseau xây dựng một lý thuyết chính trị có tính hệ thống, trong đó đức hạnh được xem như sức mạnh ý chí cần thiết để mỗi người tôn trọng quyền

của người khác. Một xã hội đáng tin cậy phải có khả năng vun đắp đức hạnh cho công dân để bảo vệ những quyền cơ bản của họ. Tuy nhiên, Reisert cũng chỉ ra nghịch lý: các chính phủ dân chủ khó có khả năng trực tiếp tạo ra đức hạnh, trong khi một xã hội tự do lại cần đến nền tảng đạo đức ấy; do đó, gia đình, tổ chức tôn giáo và các hiệp hội công dân có vai trò quan trọng [116]. Hướng tiếp cận này bổ sung một chiều cạnh đáng chú ý của mối quan hệ công dân - nhà nước: nhà nước không chỉ gắn với quyền và nghĩa vụ mà còn với những điều kiện đạo đức để duy trì cộng đồng chính trị.

Công trình *French and English philosophers: Decarters - Rousseau - Voltaire - Hobbes* (2004) giới thiệu khái quát những thành tựu tư tưởng của các triết gia Pháp và Anh, trong đó lược trích *Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người* của J.J.Rousseau. Công trình làm nổi bật quan niệm về nguồn gốc bất bình đẳng, chủ quyền nhân dân và khế ước xã hội. Theo cách tiếp cận này, khế ước xã hội xác lập chủ quyền tối cao thuộc về nhân dân; nhà nước trở thành lực lượng chung điều hành xã hội trên cơ sở ý chí chung và pháp luật, đồng thời quyền công dân phải được bảo đảm trước quyền lực nhà nước [112]. Việc đặt J.J.Rousseau bên cạnh các nhà tư tưởng khác giúp làm rõ hơn những điểm kế thừa và nét riêng của ông trong lịch sử lý thuyết khế ước xã hội.

Lịch sử các học thuyết chính trị thế giới (2006), do các tác giả Liên bang Nga biên soạn và Lưu Kiếm Thanh - Phạm Hồng Thái biên dịch, đặt tư tưởng J.J.Rousseau trong cuộc đấu tranh giữa các học thuyết chính trị ở Pháp thế kỷ XVIII, thời đại đã "sản sinh ra những nhà tư tưởng vĩ đại" [100, tr.230]. J.J.Rousseau được nhấn mạnh với chủ trương phủ định hệ thống chính trị phong kiến, xây dựng trật tự dân chủ cộng hòa và xác lập chủ quyền nhân dân. Công trình khẳng định: "Những thỏa thuận của con người là cơ sở cho mọi chính quyền hợp pháp, thể hiện của chúng đó là Khế ước xã hội" [100, tr.256]. Đồng thời, công trình đề cập vai trò của pháp luật, sự phân biệt quyền

lập pháp và hành pháp, cơ chế chính phủ báo cáo trước đại hội nhân dân để ngăn ngừa nguy cơ tiếm quyền. Khi quyền lực nhà nước đi ngược khế ước và lạm quyền, nhân dân có quyền thay đổi nó [100]. Đây là những phân tích trực tiếp liên quan đến cấu trúc quan hệ giữa công dân với nhà nước: nhân dân là chủ thể quyền lực, nhà nước là thiết chế thực thi quyền lực được ủy nhiệm và phải chịu sự kiểm soát của nhân dân.

Nguyễn Đăng Dung trong *Chế ước quyền lực nhà nước* (2008) xem J.J.Rousseau là một trong những nhà tư tưởng có đóng góp đối với lý thuyết chế ước quyền lực nhà nước. Theo J.J.Rousseau, chủ quyền nhân dân bắt nguồn từ khế ước xã hội và dân chủ trực tiếp là phương thức quan trọng để thực hiện chủ quyền đại chúng. Từ đó hình thành nguyên tắc trách nhiệm của quyền lực nhà nước trước nhân dân. Nguyễn Đăng Dung nhấn mạnh: "Nếu quyền lực nhà nước không phải chịu trách nhiệm, tức là sẽ không bị kiểm soát thì hậu quả rõ ràng nhất là sự vi phạm các quyền của con người" [11, tr.46]. Công trình góp phần làm rõ một phương diện cơ bản của mối quan hệ công dân - nhà nước: quyền lực nhà nước phải được giới hạn bởi chủ quyền nhân dân, ý chí chung và pháp luật [11].

Trong *Lịch sử triết học (Từ cổ đại đến cận hiện đại)* (2009) của Dagobert D. Runes, Phạm Văn Liễn biên dịch, J.J.Rousseau được nhìn nhận như một nhà tư tưởng sớm nhận diện những khủng hoảng của nền văn minh hiện đại. Công trình nhấn mạnh quan điểm cho rằng mỗi con người có nhân cách độc nhất nhưng mọi người đều bình đẳng; mục tiêu cải cách là phục hồi một trật tự trong đó lý trí và tình cảm hài hòa, con người không lệ thuộc và cũng không bắt người khác lệ thuộc vào mình, mà cùng "tôn trọng ý chí chung của đại đa số các công dân" [8, tr.278]. Nhận định này có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu quan hệ giữa cá nhân, cộng đồng và quyền lực chính trị trong tư tưởng J.J.Rousseau.

Tư tưởng về quyền con người (Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam) (2011) của Lã Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Tuấn trình bày có

hệ thống lịch sử tư tưởng về quyền con người, trong đó tuyển chọn một số nội dung của *Bàn về khế ước xã hội*. Qua việc nhấn mạnh sự ra đời của khế ước xã hội và vai trò của công dân đối với chính quyền, công trình cho thấy quyền con người ở J.J.Rousseau không tồn tại biệt lập với thiết chế chính trị mà gắn với vấn đề xác lập một trật tự quyền lực có khả năng bảo đảm các quyền ấy [93].

Bộ *Lịch sử Triết học phương Tây* (2014) của Đỗ Minh Hợp cũng khái quát cuộc đời và những nội dung cơ bản trong tư tưởng J.J.Rousseau. Các phạm trù tự do, bình đẳng và dân chủ được xác định là những nội dung quan trọng trong tư tưởng của ông. J.J.Rousseau đề cao quyền tự nhiên của con người, xác lập mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trên cơ sở khế ước chung của xã hội và hướng tới mô hình nhà nước dân chủ cộng hòa với quyền lực tối cao thuộc về nhân dân [39]. Mặc dù không chuyên khảo riêng về J.J.Rousseau, công trình góp phần xác định vị trí của ông trong lịch sử triết học chính trị phương Tây.

Phạm Văn Đức trong *Lịch sử triết học của xã hội dân sự* (2015) tiếp cận trực tiếp hơn quan hệ giữa công dân và nhà nước. Theo tác giả, trong quan niệm của J.J.Rousseau, quyền lợi và nghĩa vụ tạo nên mối quan hệ hai chiều giữa cá nhân và nhà nước: cá nhân được nhà nước bảo đảm quyền lợi nhưng đồng thời có nghĩa vụ đối với cộng đồng với tư cách công dân. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước và nhà nước có chức năng bảo vệ quyền của công dân. Công trình cũng đánh giá cao quan niệm của J.J.Rousseau về quan hệ giữa ý chí chung và pháp luật, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích chung. Cách tiếp cận này đặc biệt có ý nghĩa đối với luận án bởi mối quan hệ công dân - nhà nước được nhận diện không chỉ từ phía giới hạn quyền lực nhà nước mà còn từ trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với cộng đồng [24].

Trong *Xây dựng con người chính trị Việt Nam trong thời kỳ đổi mới* (2018) do Nguyễn Văn Quang chủ biên, J.J.Rousseau được tiếp cận từ

phương diện con người chính trị. Công trình cho rằng J.J.Rousseau đã nhận thức rõ sự khác biệt giữa nhà nước và xã hội công dân, xem quyền lực nhà nước là quyền lực được công dân ủy quyền, đồng thời nhận thấy nguy cơ nhà nước lộng quyền. Học thuyết chủ quyền nhân dân của J.J.Rousseau vì vậy là sự tìm kiếm một thể chế chính trị hợp lý để khi con người liên kết với nhau trong xã hội, các quyền tự nhiên và tự do của họ không bị thủ tiêu, đồng thời lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng được bảo đảm [83]. Đây là cách tiếp cận trực tiếp gắn công dân với cơ chế chính danh của quyền lực nhà nước.

Nhóm tác giả Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, Đoàn Đức Lương và Lê Thị Nga trong *Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam* (2019) làm rõ quan hệ giữa tự do và quyền lực trong tư tưởng J.J.Rousseau. Chính quyền được tạo lập để thực hiện ý chí chung và đóng vai trò trung gian giữa người dân với chủ quyền tối cao, vừa thi hành pháp luật vừa bảo đảm tự do. Quyền lực nhà nước là quyền lực phái sinh từ nhân dân và vì vậy phải chịu sự kiểm soát của nhân dân. Chủ quyền thuộc về nhân dân đòi hỏi phải có những phương thức dân chủ để nhân dân thực hiện quyền lực của mình [92]. Công trình cung cấp những luận cứ quan trọng cho việc phân tích phương diện kiểm soát quyền lực trong cấu trúc quan hệ công dân - nhà nước.

Francis Fukuyama trong *Nguồn gốc trật tự chính trị từ thời tiền sử đến cách mạng Pháp* (2021), bản dịch Nguyễn Khắc Giang và Nguyễn Quang Thái, tiếp cận J.J.Rousseau trong quá trình tìm hiểu nguồn gốc của nhà nước, pháp quyền và chính quyền có trách nhiệm giải trình. Khi bàn về trạng thái tự nhiên, Fukuyama viết: “Con người tự nhiên đối với J.J.Rousseau thực sự cô độc, rụt rè, sợ hãi và nhiều khả năng là chạy trốn nhau thay vì chiến đấu với nhau… sự trỗi dậy của xã hội chính trị không đại diện cho sự cứu rỗi khỏi "cuộc chiến của mỗi con người chống lại mỗi con người", mà là sự gắn kết với những người khác thông qua sự phụ thuộc lẫn nhau" [26, tr.51-52]. Tác giả cũng đề cập quan niệm "Nhà nước là một khế ước tự nguyện" [26, tr.122]

và đặt lý thuyết khế ước trong vấn đề tìm kiếm nền tảng chính danh của chính phủ. Ở tập 2, *Trật tự chính trị và suy tàn chính trị - từ cách mạng công nghiệp hóa tới toàn cầu hóa* (2021), Fukuyama tiếp tục phân tích nhà nước, pháp luật, dân chủ và chính quyền trong tiến trình phát triển thể chế [27]. Các công trình này giúp mở rộng cách tiếp cận tư tưởng J.J.Rousseau từ bình diện lịch sử triết học sang lịch sử hình thành và phát triển thể chế chính trị.

Ở cấp độ các bài viết chuyên sâu, Nguyễn Thị Châu Loan trong "Gi.Gi. Rútxô với vấn đề con người", đăng trên *Tạp chí Triết học* (2012), phân tích sự chuyển biến từ con người tự nhiên sang con người xã hội, làm rõ các quyền tự nhiên, nhất là tự do và bình đẳng. Tác giả đồng thời chỉ ra tính tương đối của bình đẳng trong thực tế và giới hạn của quan niệm bình đẳng tuyệt đối [51, tr.80-88]. Đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sự chuyển hóa từ con người tự nhiên thành công dân trong cộng đồng chính trị.

Nguyễn Thị Thanh Huyền trong "Tư tưởng của Rousseau về quyền con người" (2014), đăng trên *Tạp chí Triết học*, số 6, phân tích các quyền cơ bản như quyền sống, quyền tự do và bình đẳng, quyền tư hữu tài sản và quyền được giáo dục. Bài viết đồng thời nhận diện mâu thuẫn trong quan niệm J.J.Rousseau về sở hữu khi một mặt bảo vệ quyền tư hữu vừa và nhỏ, mặt khác coi tư hữu là nguồn gốc của bất công xã hội. Quyền được giáo dục cũng được đặt trong quan hệ với tự do và dân chủ [43]. Công trình góp phần làm rõ nền tảng quyền của chủ thể công dân trong tư tưởng J.J.Rousseau.

Đỗ Minh Hợp trong "Đôi nét về triết lý phản khai sáng của Rousseau" (2017), đăng trên *Tạp chí Triết học*, số 6, tiếp cận J.J.Rousseau từ sự phê phán mặt trái của văn minh và khoa học. Theo đó, sự phát triển của khoa học - kỹ thuật tuy cải thiện đời sống nhưng cũng có thể làm con người xa rời trạng thái tự nhiên và đối mặt với những khổ đau mới. J.J.Rousseau tìm kiếm khả năng khắc phục nghịch lý đó thông qua việc trở về với trạng thái tự nhiên trên một trình độ cao hơn, nơi các quyền tự nhiên của con người được bảo đảm [40].

Hướng nghiên cứu này bổ sung chiều sâu triết học cho việc lý giải tại sao J.J.Rousseau tìm kiếm một hình thức liên kết chính trị vừa bảo đảm cộng đồng vừa duy trì tự do của cá nhân.

Nguyễn Huỳnh Như trong bài "Từ khế ước xã hội đến sự hình thành quyền lực nhà nước theo quan điểm của Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau" (2022) phân tích khế ước xã hội như cơ sở lý luận giải thích sự hình thành quyền lực nhà nước. Thông qua so sánh Hobbes, Locke và J.J.Rousseau, tác giả cho rằng khế ước là kết quả của sự đồng thuận giữa con người khi chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái chính trị; về phương diện pháp lý, đó là sự thống nhất những nguyên tắc chung sống và là cơ sở hình thành nhà nước, quyền lực nhà nước [76]. Cách so sánh này giúp làm rõ hơn tính kế thừa cũng như nét đặc thù trong lý thuyết khế ước của J.J.Rousseau.

Các luận án nghiên cứu chuyên sâu tiếp tục làm rõ những nội dung nói trên. Luận án *Tư tưởng chính trị Montesquier trong tác phẩm Tinh thần pháp luật và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2005) của Lê Tuấn Huy phân tích tự do, bình đẳng như những quyền cơ bản của con người và có sự đối chiếu Montesquieu với J.J.Rousseau, Voltaire cùng các nhà Khai sáng khác. Qua đó, công trình góp phần làm rõ sự kế thừa, tương đồng và khác biệt giữa các nhà Khai sáng về quyền tự nhiên của con người [41].

Đáng chú ý hơn cả là luận án *Triết học chính trị của Jean - Jacques Rousseau và ý nghĩa của nó* (2009) của Dương Thị Ngọc Dung. Công trình nghiên cứu các tiền đề và điều kiện hình thành triết học chính trị J.J.Rousseau; phân tích quan niệm về bất bình đẳng, quyền con người, nhà nước, quyền lực thuộc về nhân dân và mẫu người tự do. Thông qua nghiên cứu các tác phẩm tiêu biểu, luận án đã hệ thống hóa nhiều nội dung của triết học chính trị J.J.Rousseau, trong đó quyền con người và cơ chế bảo vệ quyền

con người được phân tích khá rõ [12]. Đây là công trình gần với hướng nghiên cứu của luận án, nhưng đối tượng của công trình là triết học chính trị J.J.Rousseau nói chung chứ chưa lấy mối quan hệ giữa công dân và nhà nước làm đối tượng trung tâm để tái cấu trúc và phân tích như một chỉnh thể.

Luận án *Tư tưởng về quyền con người của Jean - Jacques Rousseau - đặc điểm và giá trị lịch sử* (2019) của Nguyễn Thị Huỳnh Như tiếp tục hệ thống hóa quan niệm của J.J.Rousseau về quyền con người qua các phạm trù tự do, bình đẳng, ý chí chung và khế ước xã hội. Công trình làm rõ phương án khế ước xã hội nhằm xây dựng cộng đồng chính trị với chủ quyền tối cao thuộc về toàn dân; dân chủ trực tiếp được xem là phương thức để nhân dân thực hiện tự do ý chí. Luận án cũng đề cập tư tưởng về nhà nước pháp quyền và quan hệ giữa quyền lực nhà nước với dân chủ, tự do, bình đẳng, đồng thời chỉ ra những giới hạn lịch sử trong quan niệm của J.J.Rousseau [78]. Đây là nguồn tư liệu quan trọng cho luận án, song trọng tâm của công trình vẫn là quyền con người, chưa phải cấu trúc tương tác hai chiều giữa công dân và nhà nước.

Nhìn tổng thể, các công trình thuộc nhóm này đã tiếp cận tư tưởng J.J.Rousseau trên nhiều bình diện, từ điều kiện kinh tế - xã hội, bối cảnh chính trị, văn hóa và tiền đề tư tưởng đến các nội dung cụ thể như con người, quyền tự nhiên, tự do, bình đẳng, công dân, khế ước xã hội, ý chí chung, chủ quyền nhân dân, pháp luật, dân chủ, nhà nước và kiểm soát quyền lực. Đây là hệ thống tư liệu quan trọng để luận án kế thừa trong việc nghiên cứu tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới tiếp cận từng yếu tố hoặc đặt chúng trong những chủ đề rộng hơn như triết học chính trị, quyền con người, dân chủ, pháp quyền hay lịch sử tư tưởng. Vì vậy, vẫn còn không gian để tiếp tục nghiên cứu có hệ thống mối quan hệ giữa công dân và nhà nước như một vấn đề tương đối độc lập trong triết học chính trị J.J.Rousseau, làm rõ cơ sở xác lập mối quan hệ,

địa vị và quyền của công dân, nguồn gốc và giới hạn của quyền lực nhà nước, cũng như cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa tự do cá nhân với quyền lực của cộng đồng chính trị.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TIÊU BIỂU LIÊN QUAN ĐẾN Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

Bên cạnh những công trình nghiên cứu về bối cảnh hình thành và nội dung tư tưởng J.J.Rousseau, một số tác giả đã bước đầu quan tâm đến giá trị lịch sử, ý nghĩa hiện đại và khả năng tham khảo những hạt nhân hợp lý trong tư tưởng của ông đối với các vấn đề về dân chủ, quyền con người, chủ quyền nhân dân, tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền nói chung và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Mặc dù số lượng công trình trực tiếp nghiên cứu ý nghĩa của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa nhiều, những kết quả hiện có cung cấp các tiền đề quan trọng để luận án tiếp tục nghiên cứu vấn đề này.

Trước hết, *Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới* (1999) của Nguyễn Thế Nghĩa không chỉ giới thiệu các luận điểm tiêu biểu của J.J.Rousseau mà còn đánh giá ảnh hưởng của học thuyết ấy đối với Cách mạng Pháp và lịch sử tư tưởng chính trị. Theo tác giả, học thuyết J.J.Rousseau mang tính cách mạng sâu sắc và có sức lan tỏa mạnh mẽ, được nhiều lực lượng chính trị sử dụng, đặc biệt là phái Giacôbanh, như một vũ khí lý luận trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế. Qua cách đánh giá này có thể thấy tư tưởng J.J.Rousseau không chỉ tồn tại trên bình diện triết học mà còn tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị, cung cấp cơ sở lý luận cho những yêu cầu về tự do, bình đẳng và chủ quyền nhân dân. Đồng thời,

Nguyễn Thế Nghĩa cũng lưu ý đến những giới hạn của học thuyết khi nó chưa thể vượt khỏi điều kiện lịch sử và lợi ích của thời đại [73, tr.349]. Cách đánh giá này có ý nghĩa phương pháp luận đối với luận án: việc xác định giá trị tham khảo của J.J.Rousseau đối với Việt Nam phải đồng thời nhận diện cả giá trị phổ biến lẫn giới hạn lịch sử, tránh tuyệt đối hóa hoặc vận dụng trực tiếp những quan niệm ra đời trong một bối cảnh kinh tế - xã hội và thể chế chính trị khác biệt.

Phùng Xuân Tế trong *Jean - Jacques Rousseau: Về khế ước xã hội* (2002) và bài "Tư tưởng Rousseau trong cách mạng Pháp" (2008), đăng trên *Tạp chí Triết học*, số 7, tr.15-21, tập trung làm rõ các phạm trù "ý chí chung", "chủ quyền nhân dân", "nhà nước pháp quyền" và xem đây là những nội dung có ý nghĩa nền tảng đối với việc hình thành một trật tự xã hội công bằng, bình đẳng và tự do [90, 91]. Các nghiên cứu này cho thấy mối liên hệ logic giữa khế ước xã hội, ý chí chung, chủ quyền nhân dân và tính chính danh của pháp luật. Qua đó, mục tiêu của thiết chế quyền lực không phải là đặt con người dưới sự chi phối tùy tiện của nhà nước mà là xây dựng một trật tự trong đó quyền lực được chính danh hóa từ cộng đồng và phục vụ con người. Đây là gợi mở có giá trị để luận án xem xét di sản J.J.Rousseau như một nguồn tham chiếu lịch sử - tư tưởng khi nghiên cứu quan hệ giữa nhân dân, công dân và quyền lực nhà nước trong điều kiện hiện nay.

Trong *Lịch sử thế giới cận đại*, Vũ Dương Ninh và Nguyễn Văn Hồng (2003) đánh giá những quan niệm chính trị - xã hội của J.J.Rousseau đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với các nhà tư tưởng hậu bối. Điểm nổi bật là chủ trương về nhà nước cộng hòa được hình thành trên cơ sở chủ quyền nhân dân và bảo đảm tự do, bình đẳng, dân chủ cho công dân. Các tác giả khẳng định tư tưởng tiến bộ của J.J.Rousseau có ảnh hưởng sâu sắc không chỉ đối với Cách mạng tư sản Pháp mà còn đối với lịch sử tư tưởng nhân loại [69]. Đánh giá này cung cấp cơ sở lịch sử để luận án phân biệt giữa ảnh hưởng trực tiếp của

J.J.Rousseau trong thời đại ông với giá trị tư tưởng có thể tiếp tục được nghiên cứu, tham khảo trong những bối cảnh lịch sử khác.

Một vấn đề có quan hệ trực tiếp với xây dựng nhà nước pháp quyền là tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước. Nguyễn Thị Hồi trong *Tư tưởng phân chia quyền lực nhà nước với việc tổ chức bộ máy nhà nước ở một số nước* (2005) phân tích quan niệm của J.J.Rousseau về quyền lực nhà nước. Tác giả dẫn quan điểm: "về nguyên tắc thì quyền lực tối cao là không thể phân chia, nhưng trên thực tế, người ta vẫn chia tách thành lực lượng và ý chí, thành quyền lập pháp và quyền hành pháp, thành quyền quan thuế, quyền tư pháp… Nhà nước tồn tại là do quyền lực lập pháp bởi vì quyền lập pháp là trái tim của quốc gia, quyền hành pháp là bộ não làm cho các bộ phận hoạt động" [37, tr.95-96]. J.J.Rousseau đồng thời đặc biệt quan tâm đến nguy cơ lạm quyền và tìm kiếm những cơ chế ngăn chặn sự tha hóa của quyền lực nhà nước.

Đặt vấn đề trong điều kiện Việt Nam, Nguyễn Thị Hồi chỉ ra rằng lịch sử tổ chức Nhà nước Việt Nam không thừa nhận phân quyền như một nguyên tắc tổ chức quyền lực theo nghĩa tuyệt đối; tuy nhiên, việc phân định chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp giữa các cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm tính độc lập tương đối và kiểm soát quyền lực là vấn đề cần được quan tâm. Những phân tích này giúp luận án có thêm cơ sở để nhận diện giới hạn lịch sử và những hạt nhân hợp lý trong tư tưởng của J.J.Rousseau, từ đó xem xét giá trị tham khảo đối với việc tổ chức và kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam [37].

Ở hướng tiếp cận trực tiếp hơn đến vấn đề quyền con người và quyền công dân, Nguyễn Quỳnh Anh trong bài "Từ tư tưởng về quyền con người trong tác phẩm *Bàn về khế ước xã hội* của Jean - Jacques Rousseau đến tư tưởng về quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh" (2016), đăng trên *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*, số 11 (36), tháng 1, phân tích khế ước xã hội như một phương thức nhằm bảo đảm tự do và bình

đẳng. Theo tác giả, nhà nước được thiết lập trên cơ sở khế ước phải phù hợp với ý chí của nhân dân và hướng tới bảo đảm các quyền tự nhiên. Để công dân thực hiện quyền làm chủ cần coi trọng pháp luật và các cơ quan bảo đảm thực thi pháp luật; chính phủ phải đủ năng lực để hiện thực hóa lý tưởng của cộng đồng nhưng đồng thời phải chịu sự ràng buộc bởi ý chí của công dân nhằm ngăn ngừa nguy cơ tiếm quyền [1]. Công trình gợi mở khả năng nghiên cứu giá trị của J.J.Rousseau ở cả hai chiều: bảo đảm quyền của công dân và xác lập trách nhiệm, giới hạn của quyền lực nhà nước.

Hoàng Thị Hạnh trong bài "Jean Jacques Rousseau và tác phẩm *Bàn về khế ước xã hội*" (2017), đăng trên *Thông tin khoa học xã hội*, số 7, tr.30-36, đánh giá J.J.Rousseau như một nhà tư tưởng có những đóng góp quan trọng trong việc khai mở con đường hướng tới xã hội dân chủ. Tác giả tập trung phân tích các nội dung của khế ước xã hội, mối quan hệ tác động qua lại giữa công dân và nhà nước, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, vai trò của pháp luật và sự phục tùng ý chí nhân dân của các cơ quan quyền lực. Theo cách tiếp cận của tác giả, mô hình tổ chức nhà nước có thể thay đổi theo điều kiện thực tiễn, nhưng các cơ quan thực hiện quyền lực phải hướng tới ý chí của nhân dân [30]. Đây là nguồn tư liệu trực tiếp gợi mở cho luận án khi xác định những giá trị có thể tham khảo từ tư tưởng J.J.Rousseau đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhóm tác giả Đinh Ngọc Thạch và Doãn Chính chủ biên trong *Lịch sử Triết học phương Tây, tập 1: Từ triết học cổ đại đến triết học cổ điển Đức* (2018) đánh giá J.J.Rousseau có đóng góp quan trọng trong việc lý giải nguồn gốc và tính chính đáng của quyền lực nhà nước. Theo đó, quyền lực nhà nước được hình thành trên cơ sở khế ước xã hội; nhân dân là chủ thể tối cao còn nhà nước thực hiện quyền lực được ủy quyền. Từ cách tiếp cận này, tư tưởng J.J.Rousseau về quyền con người, quyền công dân và quan hệ giữa công dân với nhà nước được các tác giả đánh giá là có ý nghĩa đối với lịch sử tư tưởng

nhân loại và có những giá trị nhất định đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam [99]. Công trình cung cấp thêm căn cứ để luận án nhận diện những "hạt nhân hợp lý" có khả năng trở thành giá trị tham khảo, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu phải tiếp tục luận chứng cụ thể hơn những giá trị đó trong điều kiện chính trị - xã hội Việt Nam.

Một hướng nghiên cứu có giá trị trực tiếp khác là vấn đề dân chủ và phương thức thực hiện quyền làm chủ của công dân. Nguyễn Thị Huỳnh Như trong bài "Tư tưởng về dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau giá trị tham khảo trong xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay" (2018), đăng trên *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 6, làm rõ dân chủ trực tiếp như một cơ chế để bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân và được thực hiện bằng sự tham gia thực chất của công dân. Theo tác giả, dân chủ trực tiếp trong J.J.Rousseau không đơn thuần là một kỹ thuật tổ chức quyền lực mà còn là nguyên tắc bảo đảm tính chính danh của nhà nước. Công dân phải có thông tin, được tham gia thảo luận, bày tỏ chính kiến và hình thành quan điểm của mình; qua đó, quyết định chung có thể hướng tới lợi ích cộng đồng thay vì trở thành kết quả của sự áp đặt [77].

Giá trị đáng chú ý của bài viết là đã đặt quan niệm dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau trong mối liên hệ với yêu cầu xây dựng và phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay [77]. Đây là cơ sở tham khảo quan trọng để luận án nghiên cứu ý nghĩa của tư tưởng J.J.Rousseau đối với việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, mở rộng các điều kiện để công dân tham gia vào đời sống chính trị - xã hội, nâng cao chất lượng thảo luận công khai và trách nhiệm của các cơ quan thực thi quyền lực. Đồng thời, việc tham khảo phải được đặt trong điều kiện lịch sử - cụ thể, không đồng nhất mô hình dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau với phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam.

Ở phương diện pháp quyền, Nguyễn Trung Hiếu trong "Tư tưởng pháp quyền của Jean Jacques Rousseau và ý nghĩa của nó trong thời đại ngày nay" (2020), đăng trên *Tạp chí khoa học Đại học Văn Lang*, phân tích tính nhân văn và cấp tiến của tư tưởng pháp quyền J.J.Rousseau, đặc biệt ở việc đề cao quyền con người và vai trò của pháp luật. Tác giả xem tư tưởng pháp quyền của J.J.Rousseau là một trong những nguồn lý luận có ảnh hưởng quan trọng đến Cách mạng Pháp năm 1789 và những tuyên bố về tự do, bình đẳng, quyền lực thuộc về nhân dân, trách nhiệm của nhà nước trong bảo đảm quyền của con người. Qua đó, bài viết khẳng định một số nội dung trong tư tưởng pháp quyền của J.J.Rousseau vẫn có ý nghĩa đối với thời đại hiện nay [32]. Đây là một hướng tiếp cận quan trọng để luận án tiếp tục xác định những giá trị tham khảo liên quan đến tính tối cao của pháp luật, chủ quyền nhân dân và bảo đảm quyền công dân.

Công trình *Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam* (2019) của Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, Đoàn Đức Lương và Lê Thị Nga cũng có giá trị trực tiếp đối với hướng nghiên cứu này. Nhóm tác giả đặt J.J.Rousseau cùng với Locke trong tiến trình hình thành những quan niệm về quan hệ giữa cá nhân và chính quyền, giữa tự do với quyền lực. Chính quyền được hình thành để thực hiện ý chí chung; quyền lực nhà nước là quyền lực phái sinh từ nhân dân và do đó phải chịu sự kiểm soát của nhân dân. Dân chủ trở thành một trong những cơ chế để chủ quyền nhân dân được hiện thực hóa [92]. Những luận giải này tạo cơ sở để luận án nghiên cứu giá trị tham khảo của J.J.Rousseau đối với yêu cầu kiểm soát quyền lực, trách nhiệm của bộ máy nhà nước và bảo đảm vai trò chủ thể của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ở bình diện rộng hơn, Bertrand Russell trong *Lịch sử triết học phương Tây - tập III - Triết học hiện đại* (2023) cho thấy sức ảnh hưởng rộng lớn và đồng thời tính phức tạp trong di sản J.J.Rousseau. Theo Russell, J.J.Rousseau

có ảnh hưởng không chỉ trong triết học mà còn trong văn học, chính trị và đời sống tinh thần châu Âu cận hiện đại. Ông góp phần tạo nên một hệ quy chiếu trong đó con người không đơn thuần là đối tượng của thiết chế chính trị mà còn là chủ thể có nhu cầu được thừa nhận và tham gia vào đời sống chung. Tuy nhiên, Russell đồng thời chỉ ra những giới hạn và những phương diện gây tranh luận trong tư tưởng J.J.Rousseau [4]. Cách tiếp cận đa diện này có ý nghĩa đối với luận án trong việc bảo đảm nguyên tắc đánh giá lịch sử - cụ thể: không chỉ khẳng định giá trị mà còn phải chỉ ra giới hạn của tư tưởng J.J.Rousseau trước khi xác định ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam hiện nay.

Trong số các luận án có liên quan, *Triết học chính trị J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay* (2014) của Nguyễn Thị Châu Loan là công trình có mức độ gần gũi cao với hướng nghiên cứu của đề tài. Luận án hệ thống hóa triết học chính trị J.J.Rousseau ở hai phương diện lớn. Một mặt, công trình phân tích những tư tưởng nền tảng liên quan đến nhà nước pháp quyền như bất bình đẳng xã hội, con người và các quyền tự nhiên của con người, ý chí chung, chủ quyền tối cao và khế ước xã hội. Mặt khác, luận án phân tích tư tưởng về nhà nước pháp quyền như một thiết chế thực hiện và bảo vệ các quyền tự nhiên của con người, bao gồm tổ chức quyền lực, phân định và kiểm soát quyền lực nhà nước. Trên cơ sở đó, tác giả xem xét ý nghĩa của triết học chính trị J.J.Rousseau đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam [53].

Công trình của Nguyễn Thị Châu Loan có giá trị tham khảo trực tiếp đối với luận án cả về phương diện nội dung và cách tiếp cận. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của công trình là triết học chính trị J.J.Rousseau nói chung và ý nghĩa của nó đối với xây dựng nhà nước pháp quyền, trong khi luận án này lựa chọn một lát cắt cụ thể hơn, đó là mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Việc lựa chọn quan hệ này làm trung tâm cho phép tiếp tục nghiên cứu sâu hơn sự thống nhất giữa hai phía của quan hệ chính trị: một bên là công dân

với địa vị, quyền, tự do, nghĩa vụ và sự tham gia vào quyền lực; bên kia là nhà nước với nguồn gốc quyền lực, tính chính danh, chức năng bảo đảm quyền, trách nhiệm và giới hạn quyền lực.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu liên quan đến ý nghĩa hiện đại của tư tưởng J.J.Rousseau đã tập trung vào một số phương diện chủ yếu: giá trị của chủ quyền nhân dân; bảo đảm quyền con người và quyền công dân; phát huy dân chủ và sự tham gia của người dân; vai trò của pháp luật; tổ chức, phân định và kiểm soát quyền lực nhà nước; trách nhiệm của nhà nước trước nhân dân; tính chính danh của quyền lực và yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền. Một số công trình đã trực tiếp liên hệ những nội dung này với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam [37], [53], [77], [99]; một số khác chủ yếu đánh giá giá trị lịch sử và ý nghĩa hiện đại của J.J.Rousseau, từ đó cung cấp cơ sở lý luận để tiếp tục nghiên cứu khả năng tham khảo đối với Việt Nam [1], [4], [30], [32], [69], [73], [90], [91], [92].

Tuy nhiên, qua tổng quan có thể nhận thấy chưa có nhiều công trình lấy chính mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng J.J.Rousseau làm điểm xuất phát để nghiên cứu một cách hệ thống ý nghĩa của mối quan hệ đó đối với xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Các nghiên cứu thường lựa chọn một phương diện riêng như quyền con người, dân chủ trực tiếp, chủ quyền nhân dân, pháp quyền, phân chia hoặc kiểm soát quyền lực nhà nước; hoặc nghiên cứu triết học chính trị J.J.Rousseau trên phạm vi rộng. Do đó, sự liên hệ hữu cơ giữa quyền và nghĩa vụ của công dân - chủ quyền nhân dân - ý chí chung - tính chính danh của quyền lực - trách nhiệm của nhà nước - giới hạn và kiểm soát quyền lực - sự tham gia của công dân vào đời sống chính trị vẫn cần được tiếp tục hệ thống hóa và luận giải sâu hơn.

Đây cũng là khoảng trống để luận án tiếp tục nghiên cứu. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những kết quả của các công trình đi trước, luận án không đặt

vấn đề áp dụng trực tiếp mô hình chính trị của J.J.Rousseau vào Việt Nam, mà tập trung phân tích ý nghĩa lý luận và giá trị tham khảo của những hạt nhân hợp lý trong tư tưởng của ông về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước đối với việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Cách tiếp cận này vừa đòi hỏi nhận diện đầy đủ giá trị lịch sử và những đóng góp của J.J.Rousseau, vừa phải làm rõ giới hạn do điều kiện lịch sử, lập trường và trình độ phát triển của thời đại quy định; trên cơ sở đó mới xác định những nội dung có khả năng tham khảo phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của Việt Nam.

1.3. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LÀM SÁNG TỎ THÊM

Quá trình tiếp cận các nghiên cứu phong phú, đa dạng có liên quan đến mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng của J.J.Rousseau, cho thấy sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu đối với J.J.Rousseau - những tác phẩm và tư tưởng của ông. Sự tổng quan giúp tác giả phần nào khái quát được những giá trị của các công trình nghiên cứu cũng như gợi mở những vấn đề còn bỏ ngỏ, cần tiếp tục nghiên cứu thêm.

1.3.1. Giá trị của các công trình nghiên cứu đã tổng quan

Thứ nhất, các nghiên cứu đề cập đến bối cảnh lịch sử kinh tế - xã hội Pháp, sự phát triển của văn hóa - tư tưởng cũng như nhưng quan điểm triết học xoay quanh vấn đề công dân, nhà nước… của các nhà tư tưởng thế kỷ XVIII góp phần làm rõ những tác động của thực tiễn, lý luận đến việc hình thành quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Đồng thời, các công trình đã có sự phác họa đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác, nghiên cứu của J.J.Rousseau để thấy được sự liên quan, sự thống nhất trong tư tưởng của ông trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Sự phân tích về bối cảnh lịch sử - xã hội Pháp thế kỷ XVIII, sự phát triển quan điểm tư tưởng J.J.Rousseau trong các nghiên cứu trên đã góp phần tạo nên cái nhìn tổng

quan, bức tranh tổng thể để nghiên cứu sinh có những phân tích về sự tác động của bối cảnh đến quan điểm J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước. Đó chính là nền tảng thực tiễn sinh động góp phần hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau, làm cho ngòi bút của ông thêm sức chiến đấu. Những biến cố trong cuộc đời của J.J.Rousseau cũng ít nhiều tác động đến tư tưởng của ông thể hiện trong các tác phẩm. Có thể nói, các công trình nghiên cứu mà chúng tôi đã tổng quan đã cung cấp cơ sở tư liệu và bối cảnh thực tiễn - lý luận quan trọng để nghiên cứu sinh nhận diện rõ hơn các tiền đề hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu đã có sự phân tích về nội dung các tác phẩm trong sự nghiệp sáng tác của J.J.Rousseau, trong đó chủ yếu tập trung vào tác phẩm nổi tiếng *"Bàn về khế ước xã hội"*. Sự tiếp cận tư tưởng của J.J.Rousseau rất phong phú, đa dạng từ rất nhiều góc nhìn khác nhau. Các công trình nghiên cứu đã có sự phân tích từ nhiều góc độ khác nhau khi bàn về các quan điểm triết học chính trị, tư tưởng biện chứng J.J.Rousseau. Những phân tích, luận giải trong các nghiên cứu về quan điểm chính trị xã hội của J.J.Rousseau phần nào giúp tác giả có thêm tư liệu để làm rõ một số nội dung trong luận án. Các công trình nghiên cứu đã được tổng quan trên đây là nguồn khảo cứu quan trọng giúp luận án kế thừa các giá trị khoa học đã có, qua đó, hệ thống hoá và có sự phân tích sâu sắc hơn tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*.

Thứ ba, các công trình đã góp phần nghiên cứu khía cạnh khác nhau của lý luận về nhà nước pháp quyền, trong đó ít nhiều đề cập đến tư tưởng của J.J.Rousseau và các nhà triết học cùng thời với ông. Các nghiên cứu tập trung vào tư tưởng của J.J.Rousseau về nhà nước hợp lý tính, hợp pháp và có sự kiểm soát quyền lực thông qua hệ thống pháp luật, đảm bảo chủ quyền nhân dân. Một số tác giả đã đi sâu nghiên cứu về quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp trong quan điểm của J.J.Rousseau. Các nghiên cứu cho thấy, tư tưởng của J.J.Rousseau hướng đến mô hình nhà nước dân chủ cộng

hoà và quyền của công dân là thực chất chứ không chỉ là hình thức. Các tác giả đã có sự phân tích, đối chiếu, so sánh và chỉ ra những yếu tố tích cực, những hạn chế lịch sử của những quan điểm, tư tưởng đó. Điều đó gợi mở những giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng J.J.Rousseau đối với các vấn đề chính trị - xã hội hiện đại, đặc biệt trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở phát huy dân chủ và bảo đảm quyền công dân.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài có thể nhận thấy rằng, tư tưởng của J.J.Rousseau về công dân, nhà nước, quyền con người, dân chủ và khế ước xã hội đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Các công trình đã góp phần làm rõ bối cảnh lịch sử, kinh tế, chính trị và văn hóa nước Pháp thế kỷ XVIII; đồng thời phân tích nhiều nội dung quan trọng trong triết học chính trị của J.J.Rousseau như tự do, bình đẳng, chủ quyền nhân dân, ý chí chung và vai trò của pháp luật. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn một số khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được bổ sung và làm sáng tỏ.

Trước hết, phần lớn các công trình mới chỉ tiếp cận tư tưởng của J.J.Rousseau ở từng phương diện riêng lẻ như quyền con người, dân chủ trực tiếp hay khế ước xã hội, mà chưa nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước như một chỉnh thể thống nhất trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của ông. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về tiền đề hình thành tư tưởng J.J.Rousseau chủ yếu dừng ở việc khái quát bối cảnh lịch sử - xã hội mà chưa làm rõ sự tác động tổng hợp của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa và trải nghiệm cá nhân đến sự hình thành quan điểm của ông. Ngoài ra, việc đánh giá giá trị và hạn chế trong tư tưởng J.J.Rousseau vẫn chưa thật sự đầy đủ, đặc biệt là những hạn chế mang tính lịch sử và tính không tưởng trong mô hình dân chủ trực tiếp. Đặc biệt, các nghiên cứu liên hệ tư tưởng J.J.Rousseau với việc xây dựng Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay còn chưa nhiều, thiếu chiều sâu lý luận và tính hệ thống. Đây chính là khoảng trống mà đề tài tiếp tục nghiên cứu và bổ sung.

1.3.2. Những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Quá trình tiếp cận và khảo cứu các tài liệu liên quan cho thấy rằng, hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về J.J.Rousseau với nội dung tương đối phong phú, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, như: lịch sử, triết học, chính trị học, pháp lý, giáo dục học… Các công trình này đã tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản trong tư tưởng của ông như khế ước xã hội, chủ quyền nhân dân, giáo dục công dân, dân chủ, tự do, bất bình đẳng xã hội… Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII là một giai đoạn phát triển quan trọng trong tiến trình phát triển tư tưởng triết học Tây Âu và thế giới. Cho đến nay, những quan điểm ấy vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Song, những nghiên cứu về triết học Khai sáng còn khá khiêm tốn, nhất là những nghiên cứu chuyên sâu.

Một là, các công trình khoa học đề cập đến bối cảnh, những tiền đề hình thành tư tưởng triết học J.J.Rousseau nói chung, quan điểm về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước nói riêng còn hạn chế. Phần lớn là những bài viết được tiếp cận từ các góc nhìn khác nhau với những phân tích bước đầu chiếm dung lượng không nhiều và chưa có tính khái quát, hệ thống. Việc nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ những tiền đề này sẽ cho ta thấy bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội cũng như việc J.J.Rousseau kế thừa quan điểm triết học chính trị của các nhà triết học tiền bối khác có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành tư tưởng triết học, giáo dục… của ông, đặc biệt, chúng ta sẽ phần nào hiểu hơn về tính cách, con người cũng như lối tư duy rất riêng của J.J.Rousseau. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà luận án hướng tới - Đi sâu phân tích những tiền đề hình thành tư tưởng về mối quan hệ giữa

công dân và nhà nước của J.J.Rousseau, đặc biệt là trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*.

Hai là, qua quá trình tổng quan tình hình nghiên cứu, nghiên cứu sinh nhận thấy, chưa có công trình chuyên khảo nào hệ thống hóa, luận giải toàn diện, có chiều sâu về tư tưởng J.J.Rousseau liên quan trực tiếp đến mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, đặc biệt là từ góc nhìn triết học chính trị. Về cơ bản, các nghiên cứu tiếp cận ở những góc nhìn khác nhau, với lát cắt riêng lẻ, về những nội dung có liên quan đến nhà nước, công dân, cũng có những bài viết về quan điểm của J.J.Rousseau đối với vấn đề dân chủ, tự do hay quyền công dân, vấn đề ý chí chung...

Ba là, một số ít công trình nghiên cứu về giá trị và hạn chế lịch sử trong tư tưởng triết học của J.J.Rousseau và ý nghĩa của quan điểm đó đối với sự phát triển ở Việt Nam hiện nay. Từ góc độ giáo dục, nghệ thuật, một vài công trình bước đầu vạch ra những đóng góp cũng như chỉ ra hạn chế trong quan điểm của J.J.Rousseau. Từ góc độ triết học, một số tác giả cũng có sự đánh giá, nhưng xuất phát từ một yếu tố như dân chủ, tự do… Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ về nội dung mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong quan điểm J.J.Rousseau, chỉ ra những giá trị hiện thời, những hạn chế lịch sử, đặc biệt, đánh giá ý nghĩa tham khảo của quan điểm đó đối với thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ nhận thức về khoảng trống nghiên cứu đó, tác giả luận án lựa chọn đề tài: *"Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng của J.J.Rousseau - Ý nghĩa đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay"* nhằm khắc phục khoảng trống nghiên cứu về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước dưới góc độ lý luận J.J.Rousseau. Việc lựa chọn đề tài này không chỉ góp phần bổ sung thêm một hướng nghiên

cứu còn thiếu trong hệ thống tư tưởng chính trị của Việt Nam mà còn là bước tiếp nối có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước đây.

Nhiệm vụ đặt ra trong luận án, đó là:

Thứ nhất, luận án phân tích cơ sở hình thành tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

Thứ hai, luận án tập trung phân tích sâu sắc các quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, từ đó làm rõ nguyên tắc quyết định cho quyền lực nhà nước và quyền tham gia của công dân.

Thứ ba, luận án chỉ ra được những giá trị, hạn chế của tư tưởng J.J.Rousseau và ý nghĩa đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Đề tài được đặt trong bối cảnh đổi mới lý luận chính trị của Đảng ta trong thời kỳ mới, khi các nhà nghiên cứu và chính sách không ngừng tập trung vào việc phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao sự tham gia của nhân dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Đây là yêu cầu cấp thiết nhằm giải quyết các mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh có nhiều thay đổi, bắt đầu từ việc xây dựng chính quyền 2 cấp, sáp nhập mở rộng địa giới hành chính, xây dựng chính quyền số, chính phủ số trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Luận án đóng góp một phần nhỏ vào việc tạo dựng nền tảng lý luận vững chắc, đồng bộ cho các chính sách đổi mới và phát triển trong thời kỳ mới, nhằm hiện thực hóa khát vọng của nhân dân Việt Nam về cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong bối cảnh đất nước có nhiều đổi thay, cả dân tộc đang hoà mình vào công cuộc kiến tạo đưa đất nước phát triển nhanh, vươn mình lớn mạnh cùng thế giới trong kỷ nguyên mới.

Tiểu kết chương 1

Quá trình tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan mối quan hệ giữa công dân và nhà nước trong tư tưởng triết học J.J.Rousseau giúp nghiên cứu sinh có được những nhận thức quan trọng, tạo nền tảng học thuật cần thiết để triển khai nghiên cứu chặt chẽ, có định hướng, nhận diện vấn đề cốt lõi của đề tài về phương diện lịch sử tư tưởng và ý nghĩa đương đại.

Thứ nhất, việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu liên quan giúp nghiên cứu sinh có được bức tranh lý luận đa chiều với nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với tư tưởng J.J.Rousseau. Thông qua đó, nghiên cứu sinh nhận diện rõ hơn những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng đã tác động trực tiếp đến sự hình thành quan điểm J.J.Rousseau về công dân, nhà nước và trật tự chính trị hợp pháp. Đồng thời, các công trình đã làm nổi bật những luận điểm trung tâm của J.J.Rousseau như chủ quyền nhân dân, ý chí chung; ghi nhận những giá trị, chỉ ra hạn chế lịch sử trong tư tưởng của ông, nhất là khi đặt trong tương quan với xã hội hiện đại. Đây nguồn tư liệu quý giá, giúp nghiên cứu sinh có cơ sở vững chắc để kế thừa, chọn lọc và làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu theo hướng tiếp cận triết học, bảo đảm sự thống nhất giữa phân tích tư tưởng, đánh giá lý luận và liên hệ thực tiễn.

Thứ hai, trên cơ sở nguồn tư liệu đã được tổng quan, nghiên cứu sinh có điều kiện khẳng định tính độc lập và tính không trùng lặp của đề tài luận án so với các công trình khoa học đã công bố. Việc tổng quan cũng giúp nghiên cứu sinh nhận diện rõ khoảng trống nghiên cứu, đặc biệt là các luận điểm cần tiếp tục khai thác từ góc độ triết học về bản chất quan hệ công dân và nhà nước trong tư tưởng J.J.Rousseau, ý nghĩa tham chiếu của quan điểm này đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Nhờ đó, luận án xác lập được hướng tiếp cận phù hợp, xác định đúng trọng tâm nghiên cứu và định hình các nhiệm vụ khoa học cần triển khai nhằm đạt mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

Chương 2
CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG CỦA J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

2.1. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI CHÂU ÂU THẾ KỶ XVII - XVIII

2.1.1. Khủng hoảng của chế độ phong kiến và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XVIII

Thế kỷ XVIII, nền kinh tế châu Âu đã xuất hiện những mầm mống của phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn, hiện đại hơn thay thế cho nền kinh tế tự cung tự cấp và các công trường thủ công. Những mầm mống của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại và hệ thống ngân hàng xuất hiện ở nhiều nơi trên lãnh thổ châu Âu. Những dấu hiệu của nền sản xuất xã hội mới với quy mô sản xuất hàng hoá tập trung, số lượng lớn với những cải tiến liên tục về khoa học kỹ thuật làm cho năng suất lao động bùng nổ, ngày càng định hình rõ nét hơn. Ngành công nghiệp phát triển đầu tiên chính là dệt may, tiếp theo là khai thác khoáng sản. Tiêu biểu ở Anh, sự biến đổi không chỉ nằm ở những con số tăng trưởng sản lượng máy móc mà còn thể hiện trong cơ cấu lao động xã hội. Phong trào "rào đất cướp cỏ", "cừu ăn thịt người" phát triển mạnh ở Anh khiến hàng triệu nông dân mất đi tư liệu sản xuất, phải gia nhập đội ngũ công nhân tại các đô thị công nghiệp sầm uất. Thực tế ấy kéo theo những thay đổi lớn về cơ cấu lao động, đồng thời đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá, chuyển dịch cơ cấu lao động. Riêng "ở Anh đã có những công trường tập trung với hàng trăm, hàng ngàn người lao động làm thuê" [69, tr.10]. Quá trình tích luỹ nguyên thuỷ được đẩy mạnh, làm tiền đề cho sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Anh [69, tr.12]. Bên cạnh đó, hoạt động thương mại toàn cầu bắt đầu triển khai thành hệ thống trên thế giới, thực chất là quá trình các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu mở rộng sự bành trướng trên thế giới thông qua sự xâm chiếm thuộc địa sang khu vực châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Cùng với quá trình mở rộng quy mô sản xuất, hạ tầng giao thông vận tải cũng có thay đổi đáng kể. Giao thông là huyết mạch, có tác động lớn đến quy mô, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống phương tiện đường sắt, phương tiện đường thuỷ được tăng cường, đặc biệt là sau phát minh đầu máy hơi nước của James Watt vào những năm 1760 - 1780. Phát minh của James Watt đã thay đổi hoàn toàn sản xuất và thúc đẩy giao thông phát triển mạnh mẽ, được xem là phát minh mở màn cho những cuộc cách mạng công nghiệp về sau.

Trong lĩnh vực nông nghiệp

Nước Pháp có điều kiện tự nhiên, đất đai khá tốt để sản xuất nông nghiệp và quy mô của ngành nống nghiệp lớn, với số lượng nông dân khoảng 22 triệu người (90% dân số). Do công cụ và phương tiện canh tác nông nghiệp chưa được cải tiến nên sản lượng nông nghiệp chưa tạo ra được bước chuyển biến rõ nét. Phương thức canh tác rất lạc hậu với mô hình canh tác cũ, công cụ canh tác thô sơ nên nhìn chung, năng suất thấp, không như nước Anh ở thế kỷ XVIII [69, tr.61].

Những cải tiến khiêm tốn trong kỹ thuật canh tác và việc áp dụng các loại cây trồng mới như ngô, khoai tây đã cho phép các trang trại Pháp cung cấp lương thực cho người dân trong nước. Tuy nhiên, thu nhập thực tế của nông dân lại giảm rõ rệt, đồng thời, họ phải gánh trên vai rất nhiều loại thuế khác nhau, phải cống nạp nông sản cho các lãnh chúa phong kiến. Họ bị bóc lột gần hết những gì làm được khiến thu nhập giảm đến mức tối thiểu. "Những nghĩa vụ mà nông dân phải gánh vác đều được thanh toán bằng tiền" [69, tr.62].

Thế kỷ XVIII, nước Pháp đối mặt với thực tế bất bình đẳng nghiêm trọng. Cuộc sống của đại đa số nông dân gặp nhiều khó khăn, thể trạng kém, bệnh tật và tử vong diễn ra thường xuyên. Dân số Pháp có bước tăng trưởng nhẹ nhưng do đời sống thiếu thốn dẫn đến tỉ lệ tử vong cao, "xảy ra hiện tượng phân hoá xã hội, một tầng lớp nông dân giàu có bắt đầu hình thành. Nhưng hiện tượng đó còn rất hiếm, chưa có vai trò đáng kể trong nền kinh tế -

xã hội Pháp" [69, tr.63]... Nông dân là tầng lớp bị áp bức nặng nề về mọi mặt. Họ thiếu cơ hội cải thiện cuộc sống. Bởi "bọn lãnh chúa phong kiến vẫn ôm khư khư lấy phương thức bóc lột cũ kĩ bằng những đặc quyền phong kiến" [69, tr.63]. Khi nông sản mất giá, các lãnh chúa phong kiến chỉ chú trọng tăng thuế, khôi phục lại một số luật lệ phong kiến để bóc lột nông dân, chiếm ruộng của công xã… làm cho "nông nghiệp ngày càng suy sụp, nông dân bị phá sản phải đi lang thang để kiếm ăn, nạn đói diễn ra liên tiếp" [69, tr.63]. Chính những áp lực cuộc sống đè nặng như vậy nên người nông dân Pháp có sự bất mãn với chế độ chuyên chế, họ sẵn sàng đứng lên tham gia cách mạng khi có điều kiện.

Trong lĩnh vực công nghiệp

Đây là thời kỳ mầm mống hình thành phương thức sản xuất mới với sự xuất hiện của một yếu tố mới, rất quan trọng đó là nền sản xuất công nghiệp. Ở nước Anh, "giữa thế kỷ XVI, số lượng len bán ra ngoài chiếm 80% toàn bộ hàng hoá xuất khẩu của nước Anh", "số lượng than khai thác tăng lên 14 lần, mỗi năm đạt 3 triệu tấn", "khai thác quặng sắt tăng hai lần, kẽm, đồng, chì, muối tăng 6 - 8 lần…" [69, tr.9]. Lúc bấy giờ, "ở Anh đã có những công trường tập trung với hàng trăm, hàng ngàn người lao động làm thuê. Nhưng hình thức phổ biến nhất khi đó vẫn là những công trường thủ công phân tán" [69, tr.10]. Cuộc sống của những người thợ thủ công càng chật vật, khó khăn hơn bởi việc bán nguyên liệu, mua sản phẩm luôn gắn với việc cho vay nặng lãi làm cho họ bị hạ thấp lương, dần dẫn đến phá sản và phải làm thuê cho các công xưởng thủ công.

Còn ở nước Pháp, dù bị kìm hãm, nhưng, công nghiệp Pháp vẫn có sự tăng trưởng nhanh chóng. Máy móc công nghiệp được đưa vào các công trường thủ công, thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển. Đây là tiền đề quan trọng để có được sự tích tụ, tập trung tư bản, đặc biệt là tích tụ về quy mô máy móc công nghiệp được sử dụng trong sản xuất giúp năng suất lao động tăng đáng kể. Nhiều trung tâm dệt, luyện kim ra đời. "Ruăng và Havrơ, nơi tập trung công nghiệp vải sợi;… Trên sông Rôn có thành phố Lyông sản xuất

hàng tơ lụa và nhung nổi tiếng châu Âu. Về phía Đông giáp giới nước Đức có Andat và Lôren, trù phú nguyên liệu với những lò luyện kim lớn" [69, tr.64]. Trong ngành dệt may, doanh nghiệp đã xây dựng các nhà máy mới để quản lý và kiểm soát sản xuất tốt hơn, "chỉ riêng vùng Ruăng đã phải dùng tới 19 vạn thợ kéo sợi làm thủ công trong các gia đình" [69, tr.64]… Tuy nhiên, hầu hết hoạt động sản xuất tiếp tục tập trung vào các xưởng thủ công nhỏ, máy móc chạy bằng điện vẫn còn rất hiếm. Đặc biệt, lúc bây giờ, nhu cầu về các mặt hàng xa xỉ tăng, tay nghề của các kỹ sư và nghệ nhân Pháp điêu luyện, được nhiều người công nhận với những thiết kế vượt trội. Đặc quyền của tầng lớp giàu có trong xã hội ngày càng được củng cố. Người giàu không quan tâm đầu tư vào các mặt hàng lương thực, làm giảm dần sản lượng lương thực và dẫn đến giá cả tăng cao. Điều này trở thành gánh nặng cho bộ phận lớn người dân đang chật vật vì cuộc sống.

Sự hình thành các công trường thủ công, sản xuất tập trung đã góp phần tạo nguồn vốn nhất định cho giai cấp tư sản Pháp mới nổi. Đây là yếu tố quan trọng để họ có cơ sở đứng lên làm cách mạng lật đổ chế độ phong kiến.

Hoạt động thương mại và đầu tư trong sự hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Hoạt động thương mại, đầu tư có vai trò rất lớn trong việc tạo cơ sở về vật chất, tài chính xã hội. Thời kỳ cận đại ở châu Âu, thương mại, đầu tư có sự thay đổi quan trọng. Ở nước Anh, sự hình thành các "trung tâm mậu dịch và tài chính lớn như Xity (Luân Đôn)... Đến thời kỳ cách mạng, sự lưu thông về ngoại thương tăng lên gấp hai lần so với đầu thế kỷ XVII" [69, tr.10]. Bên cạnh đó, sự hình thành phương thức sản xuất mới tư bản chủ nghĩa với các công xưởng thủ công và thúc đẩy quá trình tích luỹ tư bản. Quá trình các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu phát triển thương mại toàn cầu thực chất là mở rộng hệ thống thuộc địa nhằm tối đa hoá lợi nhuận.

Với nước Pháp, hệ thống thuộc địa đầu tiên cơ bản ở Bắc Mỹ, là nguồn của cải to lớn. Tại các hòn đảo, nô lệ sản xuất mía và cà phê, được tinh chế ở Pháp tại Nantes, Rochefort và Bordeaux và thường tái xuất khẩu sang Trung,

Bắc Âu. Việc buôn bán đường đã làm giàu cho các chủ đồn điền, chủ ngân hàng ở Paris, những người đóng vai trò là nhà môi giới nhập khẩu và tái xuất khẩu, cũng như các nhà sản xuất hàng hóa xa xỉ được vận chuyển từ Pháp đến Caribe. Hoạt động thương mại ở thuộc địa của Pháp là quá trình được giám sát chặt chẽ, bị chi phối bởi các quy định và thuế quan bảo hộ theo chủ nghĩa trọng thương. Hàng triệu người Pháp bị ảnh hưởng bởi nhịp độ tăng nhanh của đời sống kinh tế. Dân thành thị và thậm chí những người nông dân thịnh vượng bắt đầu có sở thích về những thứ xa xỉ mới. Thế kỷ XVIII, một xã hội tiêu dùng đã dần hình thành làm cho thương mại nội địa Pháp cũng mở rộng.

Thương mại ngày càng phát triển đã tạo nên bộ phận tư sản giàu có. Họ muốn đầu tư vào sản xuất và mở rộng thị trường hàng hoá, tạo nên bước ngoặt quyết định cho sự ra đời phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Pháp thế kỷ XVIII. Hoạt động thương mại, đầu tư không chỉ tác động mạnh đến sản xuất công nghiệp Pháp mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến ý thức cách mạng của các tầng lớp nhân dân Pháp lúc bấy giờ. Tác động đó được hình thành trên sự đối lập về cuộc sống xa hoa của người giàu với sự bần cùng của nhân dân, lợi nhuận buôn bán khổng lồ đối lập với sưu cao thuế nặng, thói ăn chơi hưởng thụ của người giàu đối lập với nạn đói triền miên… Thực tế đó đẩy mâu thuẫn trong xã hội Pháp lên cao. Điều đáng nói ở giai cấp tư sản mới nổi, đó chính là sự giàu có mới hình thành của họ cũng chính là nguyên nhân tạo nên những bất mãn. Nghe tưởng chừng mâu thuẫn, nhưng logic vấn đề nằm ở chỗ, khi giai cấp tư sản ngày càng giàu lên thì hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ lại bị chế độ phong kiến kìm kẹp bởi thuế khoá, những đặc quyền và độc quyền của quý tộc làm cho cạnh tranh thiếu công bằng… Thực tế đó đã nhen nhóm trong giai cấp tư sản những khát khao quyền lực chính trị tự do và bình đẳng.

Như vậy, sự hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ làm biến đổi về kinh tế - xã hội mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về một hệ thống lý luận mới về công dân và nhà nước, phản ánh lợi ích và vai trò lịch sử của giai cấp tư sản trong trật tự xã hội hiện đại.

2.1.2. Cơ cấu xã hội - giai cấp

Trước cách mạng Pháp 1789, cơ cấu giai cấp - xã hội về cơ bản gồm ba đẳng cấp lớn. *Giai cấp đứng cao nhất* trong xã hội là tầng lớp tăng lữ. Mặc dù chỉ chiếm tỉ lệ rất ít trong xã hội nhưng là người nắm giữ rất nhiều đặc quyền chính trị và kinh tế, đồng thời là những người sở hữu rất nhiều ruộng đất. *Giai cấp thứ hai* là tầng lớp quý tộc. Họ là những người nắm giữ chức vụ cao trong quân đội và triều đình, đồng thời, họ cũng là người sở hữu nhiều ruộng đất. Họ cũng là những người được hưởng nhiều đặc quyền phong kiến: miễn thuế, thu địa tô, lao dịch. *Giai cấp thứ ba* là đông đảo nhất, họ gồm nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau. Giai cấp thứ ba này bao gồm giai cấp tư sản, giai cấp nông dân, bình dân đô thị.

Tầng lớp quý tộc phong kiến thể hiện sự kém cỏi trong điều hành nhà nước, khi họ không đủ khả năng giải quyết các vấn đề của đất nước. Nhà nước đảm bảo sự tồn tại của chính mình hơn là ngăn chặn sự suy thoái trong phân phối và gia tăng lao động phi năng suất. Với quyền hành có sẵn, quý tộc phong kiến chỉ mở rộng đặc quyền và tìm cách duy trì quyền lực chính trị mà thôi. Họ liên tục đấu tranh chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của giai cấp tư sản, đồng thời gây áp lực lên nhà vua nhằm tăng quyền kiểm soát trong quân đội Pháp để đảm bảo địa vị vững chắc, bảo đảm cho những khoản đầu tư mang lại giá trị lớn như luyện kim. Mặc dù giới quý tộc Pháp vẫn duy trì được sức ảnh hưởng lớn, nhưng phải đối mặt với phong trào phản phong kiến ngày càng nhiều.

Trong đẳng cấp thứ ba, giai cấp tư sản đại diện tiêu biểu cho một nền kinh tế hàng hóa - tư bản chủ nghĩa mới đang hoàn thiện đồng thời là lực lượng đại diện cho lợi ích của những người bị áp bức trong chế độ phong kiến. Trong xã hội, họ là những người giàu có nhưng vị thế chính trị lại chưa tương xứng với sự giàu có ấy. Giai cấp tư sản thành thị rất đa dạng. Số lượng và cơ cấu thành phần ngày càng đông hơn, từ những cư dân thành thị giàu có, các quan chức tư pháp như công tố viên, luật sư quốc hội cho đến những quan chức chủ chốt, hưu trí giàu có… Lúc này, giai cấp tư sản cũng có sự phân hóa

nhất định, xuất phát từ chính những mong muốn của họ trong cuộc sống. Một số tư sản giàu có mua các chức vụ cao quý vì muốn được sống như những quý tộc; những người khác lại tiếp cận quý tộc thông qua hôn nhân; có những người nỗ lực phấn đấu trở thành quý tộc nắm các chức vụ cao trong chính phủ; số tư sản còn lại không tiếp cận được với giới quý tộc nên cũng không được hưởng những đặc quyền của tầng lớp cao quý này.

Trong cơ cấu ba đẳng cấp, người nông dân chiếm 85% dân số Pháp, nhưng với cuộc sống phụ thuộc, họ phải nộp nhiều loại thuế khác nhau cho lãnh chúa phong kiến, hoàng gia và Giáo hội. Những người bình dân thành thị họ bao gồm thương nhân, những người lao động tự do nghèo và một lượng lớn những người công nhân sơ khai, dự bị.

Tình trạng bất bình đẳng xảy ra khắp nơi. Những người nghèo nhất thường sống ở các quận xa nhất hoặc bị giam cầm bởi chủ trương của chính quyền là hạn chế ăn xin và tội phạm. Những khó khăn của xã hội Pháp càng được khắc họa rõ nét hơn vào thời kỳ khủng hoảng, khi sản xuất nông nghiệp sụt giảm, giá cả tăng cao. Quyền lực giữa người giàu và người nghèo hoàn toàn khác nhau. Cơ hội tiếp cận nhiều hơn với những người giàu có thực sự. Tiền trở thành cơ sở và biểu tượng của sự bất bình đẳng.

Xã hội Pháp thế kỷ XVIII với nhiều thay đổi, tác động không nhỏ đến tư tưởng của các nhà lý luận lúc bấy giờ, trong đó có J.J.Rousseau. Cơ cấu giai cấp xã hội này đã ảnh hưởng trực tiếp, quyết định lập trường, nội dung và giới hạn trong quan điểm của J.J.Rousseau về công dân và nhà nước.

Một là, cơ cấu giai cấp xã hội này là tiền đề thực tiễn để J.J.Rousseau xây dựng lý thuyết giải phóng người dân khỏi thân phận đẳng cấp, bình đẳng trước pháp luật và quyền lực công cộng. Sự thống trị của chế độ phong kiến đã tước đoạt quyền tự do, bình đẳng của người dân, là nguồn gốc của mọi khổ đau, bất hạnh. Ông có thêm động lực để phân tích, phê phán các vấn đề tồn tại của xã hội Pháp đương thời và khát khao xây dựng mô hình xã hội mới, xây dựng nhà nước lý tưởng với quyền lực tối cao thuộc về nhân dân chứ không phải thuộc về vua chúa.

Hai là, thực trạng cơ cấu giai cấp xã hội ở Pháp, tập trung quyền lực cho đẳng cấp tăng lữ, với quyền lực tập trung vào nhà vua và Giáo hội. Đây chính là tiền đề thực tiễn để J.J.Rousseau phủ định chủ quyền nhà nước của vua, quý tộc hay giáo hội. Đồng thời, đây là nền tảng để ông lập luận rằng nhà nước không phải là chủ thể thống trị xã hội, mà là công cụ do công dân lập ra để thực thi ý chí chung. Đồng thời, ông khẳng định chủ quyền nhân dân, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia.

Ba là, từ thực trạng cơ cấu giai cấp - xã hội của Pháp, J.J.Rousseau đề xuất mô hình nhà nước cộng hòa tư sản. Cơ cấu giai cấp - xã hội này đã tạo ra mâu thuẫn lớn giữa giai cấp tư sản với chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến. Đây là cơ sở thực tiễn để J.J.Rousseau quan niệm rằng luật pháp phải là biểu hiện của ý chí chung, chứ không bảo vệ lợi ích đẳng cấp thống trị.

Bốn là, cơ cấu giai cấp - xã hội của Pháp có thể là nền tảng thực tiễn để J.J.Rousseau nhấn mạnh bình đẳng chính trị và bình đẳng về đạo đức. Đây có thể là cơ sở thực tiễn nhất để ông yêu cầu nhà nước bảo vệ bình đẳng công dân, không bảo vệ đặc quyền kinh tế.

2.1.3. Sự hình thành và phát triển các tư tưởng chính trị thời kỳ Khai sáng

Bối cảnh châu Âu thế kỷ XVII - XVIII là giai đoạn lịch sử mang tính cách mạng rõ nét về mặt tư tưởng với văn hoá, còn được gọi là thời kỳ Khai sáng. Khái niệm "Khai sáng" (Enlightenment - Lumières) được hiểu là một phong trào tư tưởng và văn hóa đề cao lý trí con người, tinh thần khoa học và tự do tư tưởng nhằm chống lại sự thống trị của chế độ phong kiến, giáo hội và những định kiến lỗi thời của thời trung cổ. "Khai sáng" theo nghĩa đó không chỉ đơn thuần là "mở mang tri thức", mà còn là quá trình giải phóng con người khỏi sự mê tín, sự áp đặt của quyền lực chuyên chế và những ràng buộc phi lý của xã hội phong kiến. Các nhà tư tưởng Khai sáng cho rằng con người có khả năng dùng lý trí để nhận thức thế giới, cải tạo xã hội và xây dựng một trật tự chính trị mới dựa trên tự do, bình đẳng và pháp luật.

Sự phát triển của tư tưởng Khai sáng đã tác động không nhỏ đến quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Đây là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của khoa học tự nhiên, đặc biệt là cơ học và toán học mang đến cho con người sự đổi thay, đưa nhận thức con người lên một tầm cao mới. Những phát minh vượt bậc về khoa học của Newton và Galileo đã chứng minh cho nhân loại về quy luật vận hành vũ trụ mang tính khách quan. Điều đó tạo cơ sở khoa học cho những lý luận về mặt xã hội, rằng đời sống con người cũng vận hành theo những quy luật khách quan chứ không phụ thuộc vào thế lực siêu nhiên hay ý chí của một cá nhân sắp đặt, chi phối. Thành tựu khoa học ít nhiều tác động đến quan điểm chính trị trong xã hội châu Âu. Mối quan hệ giữa khoa học và tư tưởng chính trị Khai sáng rõ nét hơn. Thời kỳ này, văn hóa mang tính thực dụng, đồng thời cũng mang ý nghĩa giải phóng con người khỏi màu sắc Kito giáo, cổ vũ con người tìm tòi kiến thức "Nhờ đọc các loại sách phổ thông khoa học mà công chúng cũng thích nghiên cứu" [47, tr.139]. Nền văn hóa đó tôn trọng con người, đề cao lý tính con người. Khoa học duy lý tác động để tách rời niềm tin tôn giáo khỏi tri thức con người, hướng con người đến thuyết vô thần, nhưng lại làm cho con người dễ đánh mất đi chính mình trong hành trình hướng đến tự do, đánh mất đi cái phẩm chất tốt đẹp vốn có của con người. Điều mà J.J.Rousseau quan tâm là con người được giải phóng song phải giữ được bản tính tự nhiên của mình trước các tác động của xã hội.

Tính cách mạng trong tư tưởng Khai sáng là xoá tan bóng tối của thần quyền và chế độ phong kiến, bênh vực quyền lợi cho đẳng cấp thứ ba. Thời kỳ này nổi bật lên với tư tưởng của Voltaire, Diderot, Montesquieu, Hobbes, Locke…

John Locke nổi tiếng với tư tưởng coi trọng quyền tự nhiên trong lịch sử, chuyển pháp quyền tự nhiên sang tự do cá nhân. Ông là người đặt nền móng cho quan điểm con người vốn sinh ra như tờ giấy trắng. Họ có những quyền tự nhiên bất khả xâm phạm, dần dần, yêu cầu của cuộc sống đưa con người đến sự thoả thuận và hình thành quyền lực chính trị. Locke luận giải

rằng, quyền lực chính trị do chính con người tạo ra, không phải từ Chúa. Ông cũng đề xuất cách thức để chống sự độc tài quyền lực, đó là phân chia quyền lực thành các lĩnh vực riêng. *Montesquieu* (1689 - 1755) là nhà tư tưởng vĩ đại người Pháp với tác phẩm tiêu biểu *'Tinh thần pháp luật"*. Trong lý luận về nhà nước, Montesquieu đã phân tích bản chất, nguyên tắc của nhà nước, các hình thức nhà nước và dấu ấn quan điểm về phân quyền. Montesquieu đã tiếp thu và phát triển tư tưởng về thể chế chính trị tự do, chống chuyên chế của các nhà tư tưởng tiền bối, xây dựng học thuyết phân quyền với mục đích tạo dựng những thể chế chính trị đảm bảo cho công dân có được tự do, bình đẳng thực sự. Trên cơ sở đó, ông chủ trương xây dựng hệ thống pháp luật - thước đo tự do của công dân. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh, trên thực tế, những người có quyền lực thường có xu hướng lạm quyền. Vì thế, ông chủ trương phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp hoạt động độc lập và tương tác lẫn nhau để kiềm chế quyền lực. Trong đó, lập pháp là biểu hiện ý chí chung của quốc gia. Lập pháp thuộc về toàn thể nhân dân, được trao cho Hội nghị đại biểu nhân dân. Hành pháp thuộc về trách nhiệm của nhà vua. Cơ quan tư pháp, đứng đầu là các thẩm phán được nhân dân chọn lựa, có nhiệm vụ trừng trị tội phạm, giải quyết sự xung đột giữa các cá nhân.

Có thể thấy, trong văn hóa khai sáng nước Pháp, các nhà tư tưởng hướng đến đề cao lý trí con người, quyền tự nhiên, tự do cá nhân. Điều đó thể hiện qua nhiều lĩnh vực từ kiến trúc, hội họa, văn học… Những gì cao đẹp trong ước mơ, khát vọng của con người được thể hiện phong phú qua tác phẩm. Người Pháp tôn trọng tự do cá nhân. Những gì bị xã hội phong kiến Pháp kìm hãm, nay được bùng nổ, được thoát ra qua các tác phẩm lãng mạn. Nhắc đến Pháp, chúng ta không thể không nhắc đến chủ nghĩa lãng mạn. Cái lãng mạn của người Pháp phản ánh tình yêu của con người trên mọi phương diện. Điều đó giúp họ vượt qua thực tại của xã hội phong kiến đương thời. Họ khao khát có được quyền tự do, quyền hạnh phúc… Các tác phẩm triết học, văn học mang tính nhân văn, hướng đến mục tiêu chống phong kiến, cổ vũ cho cái mới hình thành và phát triển. Nó trở thành động lực để xã hội hướng

đến sự Khai sáng, trên nền tảng của tự do tri thức và duy lý. Trong tác phẩm *"Những ghi nhận về tác phẩm "Suy tư"* của Pascal, Voltaire đã tranh luận với chủ nghĩa bi quan Kito giáo và tiến tới xác lập triết lý về con người trên cơ sở thừa nhận hạnh phúc trần gian. Hay trong *"Luận về những nguyên nhân hưng thịnh và suy vong của người La Mã"*, Montesquieu đã chỉ ra những ảnh hưởng của Kito giáo đến đời sống xã hội, đặc biệt là sự thủ tiêu tự do, đàn áp con người [99, tr.829]. Khai sáng được xem là nguồn gốc của tất cả tư tưởng cấp tiến khác ở Pháp lúc bấy giờ. Các nhà tư tưởng tiêu biểu như Voltaire, Montesquieu, các nhà triết học duy vật… đều chung khuynh hướng chống phong kiến Pháp, hướng đến con người và sở hữu. Sở dĩ Khai sáng được xem là trào lưu ở Pháp, bởi, nó mang ý chí, thể hiện quyền lợi của các tầng lớp khác nhau trong xã hội thuộc đẳng cấp thứ ba. Khai sáng trở thành tiền đề cho cuộc cách mạng tư sản về sau, nhưng, trong số đó có những tư tưởng mang màu sắc của quần chúng bị áp bức, được đông đảo quần chúng ủng hộ. Nhìn chung, các nhà khai sáng cũng như các nhà dân chủ cách mạng đều dựa vào học thuyết pháp quyền tự nhiên.

Sự hình thành và phát triển của các tư tưởng chính trị thời kỳ Khai sáng đã tác động sâu sắc đến quan điểm của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước cũng như việc hình thành tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"* theo nhiều chiều cạnh khác nhau.

Một là, J.J.Rousseau sống trong không khí Khai sáng sôi động, nơi các giá trị tự do bình đẳng và tinh thần duy lý được đề cao mạnh mẽ. Phong trào khai sáng Pháp đã đặt nền tảng tư tưởng rằng mỗi công dân phải có lý trí, tự do và phê phán quyền lực truyền thống; con người là một chủ thể có quyền. Con người là một thực thể có lý trí, có các quyền tự nhiên, tự do cá nhân. Đây là cơ sở để ông nhận ra rằng chủ quyền là thuộc về công dân chứ không thuộc về vua chúa hay giáo hội. Ông tiếp thu những thành tựu của văn hóa mới đặc biệt là cách đặt vấn đề một cách lý tính khoa học khi phân tích đời sống xã hội và chính trị. Vì vậy, trong nhiều luận điểm của mình, J.J.Rousseau luôn hướng tới việc làm rõ bản chất của quyền lực, nguồn gốc của pháp luật và cơ

sở chính đáng của nhà nước bằng lập luận chặt chẽ, có tính hệ thống. Tuy nhiên, điều làm nên nét riêng của J.J.Rousseau là ông không tuyệt đối hóa niềm tin khai sáng vào tiến bộ văn minh mà nhạy bén nhận ra những giới hạn và hệ quả trái chiều của nó đối với con người. Ông cũng không tuyệt đối hoá cá nhân mà đặt tự do cá nhân trong quan hệ với cộng đồng chính trị.

Hai là, từ quan sát thực tiễn xã hội Pháp đương thời, J.J.Rousseau cho rằng, sự phát triển của khoa học nghệ thuật và đời sống đô thị tuy tạo ra điều kiện vật chất thuận lợi hơn nhưng lại đồng thời làm nảy sinh sự phân tầng xã hội và bất bình đẳng. Khi lợi ích cá nhân và đặc quyền của một số nhóm được mở rộng bằng quyền lực, của cải thì tự do, phẩm giá của số đông bị thu hẹp. Theo logic ấy, sự tiến bộ bề ngoài của xã hội không tự động dẫn tới sự hoàn thiện đạo đức, mà trái lại có thể trở thành nguồn gốc của tha hóa khi con người bị cuốn vào cạnh tranh địa vị danh vọng và sở hữu. Chính vì vậy, J.J.Rousseau vừa đề cao lý trí trong phân tích xã hội vừa nhấn mạnh rằng, đời sống xã hội có khả năng biến đổi bản tính con người khiến con người rời xa sự hồn nhiên tự nhiên và đánh mất nền tảng đạo đức nguyên sơ.

Ba là, văn hóa khai sáng nhấn mạnh đến phê phán bất bình đẳng xã hội và đạo đức sa đọa của giới quý tộc tăng lữ, sự bất bình đẳng giữa cuộc sống xa hoa của quý tộc với sự nghèo đói của đẳng cấp thứ ba. Từ vấn đề bất bình đẳng và khủng hoảng tính chính đáng của quyền lực, J.J.Rousseau đặt ra câu hỏi trung tâm về con đường cải tạo đời sống chính trị - xã hội. Ông không chấp nhận việc duy trì trật tự phong kiến chuyên chế dựa trên truyền thống và đặc quyền mà yêu cầu phải tìm một hình thức tổ chức xã hội hợp lý, hợp pháp hơn. Theo J.J.Rousseau, nhà nước chỉ có thể chính đáng khi được thiết lập trên cơ sở một khế ước xã hội, trong đó, con người tự nguyện liên kết với nhau để hình thành cộng đồng chính trị. Mục tiêu của khế ước ấy là tạo ra một trật tự vừa bảo đảm tự do cá nhân vừa duy trì kỷ cương xã hội thông qua sự thống nhất giữa lợi ích riêng và lợi ích chung. Từ đây, J.J.Rousseau đưa ra những khái niệm then chốt như chủ quyền nhân dân và ý chí chung nhằm xác lập nguyên tắc quyền lực tối cao thuộc về nhân dân và pháp luật phải phản

ánh lợi ích chung của toàn thể công dân, nhấn mạnh đạo đức của công dân và hướng tới mô hình nhà nước - cộng đồng chính trị có đạo đức.

Chính tính mới mẻ, tinh thần cấp tiến của các quan niệm ấy đã khiến chế độ quân chủ chuyên chế lo ngại tìm cách loại bỏ tác phẩm của J.J.Rousseau và trục xuất ông. Tuy vậy, về phương diện lịch sử tư tưởng, những luận điểm của J.J.Rousseau đã trở thành nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho các phong trào dân chủ và cách mạng bởi chúng trang bị cho quần chúng một cơ sở lý luận để phủ định quyền lực áp bức và khẳng định các quyền tự nhiên vốn có. Vì thế, J.J.Rousseau thường được đánh giá là nhà tư tưởng Khai sáng cấp tiến nhất với đóng góp nổi bật trong việc đặt nền móng cho tư duy hiện đại về công dân và nhà nước, về chủ quyền nhân dân.

Tư tưởng về khế ước xã hội và nhà nước lý tưởng là bản phác thảo lý tưởng cho hình thái kính tế - xã hội tư bản chủ nghĩa đang hình thành ở châu Âu, đặc biệt là nước Pháp. J.J.Rousseau khẳng định quyền lực tối cao phải thuộc về nhân dân, chứ không thể thuộc về vua chúa, bởi chỉ khi quyền lực được đặt trên ý chí chung và lợi ích chung thì nhà nước mới có thể bảo đảm tự do, bình đẳng và công bằng. Như vậy, hiện thực xã hội Pháp trước cách mạng vừa là tấm gương phản chiếu những mâu thuẫn không thể điều hòa của chế độ cũ, vừa là chất liệu làm bùng lên tư duy phê phán và tinh thần kiến tạo của J.J.Rousseau, giúp ông hình dung và lý giải con đường giải phóng con người bằng việc thiết lập một trật tự chính trị mới dựa trên chủ quyền nhân dân.

2.2. NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU

2.2.1. Ảnh hưởng của triết học Hy Lạp cổ đại

Triết học chính trị cổ đại mang màu sắc rất riêng khi tiếp cận và giải quyết các vấn đề chính trị dưới bình diện đạo đức. Tiêu biểu trong số các triết gia cổ đại, Aristotle nổi bật với lý thuyết về Polis - thành bang, nơi ông khẳng định, bản chất con người là một động vật chính trị. Ông cho rằng, khi con người được sống trong một cộng đồng Polis, họ được hạnh phúc, được hoàn

thiện bản thân, sống có đạo đức. Tất cả đều hướng đến sự công bằng cho cộng đồng, hướng đến cái thiện tối cao. Cộng đồng phải luôn được đảm bảo, duy trì trật tự xã hội. Để làm được điều đó, Polis phải thiết lập được một phương thức tổ chức quyền lực phù hợp.

J.J.Rousseau đề cập đến mô hình Polis ấy với sự ngưỡng mộ khi bàn về thực chất của khế ước xã hội. Ông chỉ ra rằng, từ thời cổ đại, người ta đã kiến tạo được một "con người công cộng được hình thành bằng sự liên kết với tất cả mọi người khác" [44, tr.68]. Cũng trong đoạn luận giải này, J.J.Rousseau đã phê phán, thời của ông, người ta đã hiểu sai nghiêm trọng khái niệm "thành bang" khi đánh đồng "thành thị" với "thành bang". Bởi vậy, họ hiểu công dân chỉ là "thị dân" cư ngụ trong một thành phố chứ không nhận thức được công dân phải là chủ thể nắm giữ quyền lực chính trị. J.J.Rousseau nhận định, "Ở Pháp từ “công dân” nói lên một phẩm cách con người chứ không nói về quyền hạn" [44, tr.68]. Quay trở lại với triết lý của Aristotle, J.J.Rousseau coi Polis là hình mẫu lý tưởng về đạo đức chính trị, nơi con người chỉ có thể hoàn thiện nhân cách khi họ trở thành một phần không thể tách rời của cộng đồng và tham gia vào đời sống chính trị. Thể chế chính trị tốt, chính phủ tốt phải là nơi mà công dân được đảm bảo các quyền, được giáo dục và tạo điều kiện để học tập, hoàn thiện bản thân.

Điều thú vị và đặc sắc khi đọc tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*, đó chính là cảm giác chúng ta được tái hiện lại một thời kỳ cổ đại qua những luận giải về hội nghị toàn dân. J.J.Rousseau bàn đến các trạng thái của hội nghị toàn dân ấy với tâm thế hướng đến khái niệm trung tâm "chủ quyền nhân dân". Bằng sự soi chiếu từ mô hình Cộng hoà La Mã, J.J.Rousseau lý giải tầm quan trọng của sức mạnh toàn dân trong lập pháp, trong các hội nghị bất thường và cố định, từ đó, ông phân tích sự chuyển biến ý thức chính trị của công dân với nhà nước, rằng sẽ đến lúc "công dân không coi việc phục vụ công cộng là việc chính của mình nữa". Điểm đặc biệt của chính trị cộng hoà

cổ đại, đó là "không bao giờ nhân dân phải dùng đại biểu", "việc nào dân chúng phải giải quyết thì dân chúng tự làm lấy hết" [44, tr.179-180]. Ông đặc biệt đề cao tính trực tiếp của chính trị cổ đại và cũng đưa ra những cảnh báo về sự suy thoái ý thức chính trị của công dân khi nhà nước bắt đầu thoái hóa.

Như vậy, bằng việc kế thừa và phát triển các giá trị hợp lý của triết học chính trị cổ đại, J.J.Rousseau đã đi đến những luận điểm đặc sắc, những luận điểm mang tầm vóc cách mạng. Sự ngưỡng mộ dành cho hình thức tổ chức cộng đồng polis, đề cao giá trị đạo đức cá nhân giúp cho J.J.Rousseau định hình triết lý chính trị đề cao những giá trị đạo đức lớn lao - đạo đức công cộng. Qua khế ước xã hội, con người không chỉ được bảo toàn những quyền tự nhiên cơ bản, mà còn đạt tới cấp độ tự do cao hơn - tự do công dân và tự do đạo đức trong cộng đồng mình tham gia tạo lập. Họ trở thành những công dân đúng nghĩa. Họ thực hiện nghĩa vụ chính trị một cách tự nguyện như một hành vi đạo đức, chứ không phải là sự phục tùng ý chí cá nhân của bất kỳ vị quân chủ nào. Quyền lực nhà nước đến từ ý chí chung của cộng đồng và tất cả đều đặt dưới sự thượng tôn pháp luật.

2.2.2. Tư tưởng Khế ước xã hội của Thomas Hobbes

Thomas Hobbes (1588 - 1679) là một triết gia, nhà khoa học và sử gia nổi tiếng người Anh. Trong đó, tác phẩm Leviathan (1651) là một tác phẩm triết học trình bày tương đối đầy đủ quan điểm triết học của ông.

Xuất phát điểm lý luận về khế ước xã hội Thomas Hobbes cũng từ bản chất tự nhiên của con người. Theo ông, quyền tự nhiên là sự tự do mà mỗi người có để sử dụng sức mạnh nhằm bảo tồn bản tính, bảo toàn sự sống chính họ; và do đó, họ làm bất cứ điều gì mà phán đoán và lý trí họ cho rằng, đó là phương tiện thích hợp nhất để đạt được mục tiêu. Như vậy, để đảm bảo tự do, an toàn, con người sẽ được làm mọi thứ có thể để chống lại kẻ thù. Điều đó đồng nghĩa với việc không có sự an toàn tuyệt đối trong xã hội. Trạng thái tự nhiên cũng có thể gây ra những bất hạnh cho con người. Hobbes đã mô tả

trạng thái tự nhiên với những đặc trưng cơ bản như không có chính quyền, không có sự quản lý, không có sự điều chỉnh của luật pháp và dĩ nhiên không có cái chung quyền lực. Trạng thái tự nhiên đề cao cái tự do không giới hạn xuất phát từ tình yêu chính mình và như vậy, nó sẽ tiêu diệt tự do của người khác. Tình yêu chính bản thân, ham muốn, đam mê và lợi ích sẽ thúc đẩy con người hành động, đây cũng chính là điểm mà J.J.Rousseau kế thừa. Song, ở quan điểm của T. Hobbes, việc tự yêu bản thân mình lại gây nên sự hỗn loạn. Bởi lẽ tự nhiên, thể chất và tinh thần mọi người bình đẳng với nhau, nhưng cuộc sống khó khăn sẽ đẩy họ đến tranh đấu, không có điều gì đảm bảo cho an toàn của con người lúc này. Hobbes coi chính phủ chủ yếu là một công cụ đảm bảo an ninh tập thể. Quyền lực chính trị được biện minh bằng một hợp đồng xã hội giả định giữa nhiều người, trong đó trao cho một cá nhân hoặc thực thể có chủ quyền trách nhiệm về sự an toàn và hạnh phúc của tất cả mọi người.

Khi viết Leviathan, ông phân tích thực trạng xã hội nước Anh thời kỳ cách mạng và nội chiến. Tình trạng hoang dã, phi đạo đức và luật pháp hay còn gọi là trạng thái tự nhiên rất khó để chấp nhận. Khi đời sống xã hội chưa có pháp luật điều chỉnh, sự tự do cá nhân xuất phát từ yêu thương chính bản thân quá lớn thì những hành động không kiểm soát chắc chắn sẽ xảy ra và để lại hệ quả khôn lường. Bản năng sinh tồn trỗi dậy sẽ làm cho kẻ yếu thế "có thể có đủ sức loại bỏ kẻ mạnh hơn bằng cách ra tay lén lút hoặc liên minh với những người cùng cảnh ngộ bị đe dọa" [119, tr.42]. Ông nhấn mạnh từ sự bình đẳng tự nhiên ban đầu, khi con người cùng hướng chung một lợi ích thì sẽ diễn ra tranh chấp và khi đó "người với người là chó sói". Con người luôn sống trong trạng thái sợ hãi, lo âu. Quyền mà họ có được thì người khác cũng có. Trong xã hội ấy, kẻ nào mạnh thì thắng, kẻ yếu tất bại. Nếu con người cùng nhau để đạt được lợi ích thì sẽ chẳng có gì cần bàn cãi và trạng thái tự nhiên sẽ được duy trì như thế. Song, tính ác ẩn sâu trong con người có thể trỗi dậy, gây ra hỗn loạn ấy sẽ là yếu tố đòi hỏi xuất hiện trạng thái xã hội mới

phù hợp hơn, hay nói cách khác, trạng thái ấy có khả năng chế ước bản tính độc ác của con người trước lợi ích cá nhân. Sự lo âu, mệt mỏi bởi tranh chấp và xung đột kéo dài thôi thúc họ hướng đến cái mới, chấm dứt thực trạng hỗn loạn ấy. Với họ, trạng thái tự nhiên không an toàn. Họ tìm cách để có tiếng nói chung để đi đến sự thỏa thuận tốt đẹp hơn, đó là hình thành một "khế ước và sự đồng thuận mà nhờ đó các bộ phận của cơ thể chính trị lần đầu tiên được tạo ra, liên kết lại" [119, tr.3]. Ông viết: "Sự chuyển quyền lẫn nhau là cái mà người ta gọi là Khế ước" [119, tr.46]. Quá trình chuyển hóa từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái công dân cần ý chí chung của tất cả mọi người. Điều đó có nghĩa là mỗi cá nhân phải biết giảm bớt cái tôi tự do mạnh mẽ, giảm bớt đi quyền lực của chính mình để trao cho người khác và ngược lại, họ cũng nhận được điều đó từ người khác. Tự do, bình đẳng, an toàn chỉ đạt được khi các cá nhân tự nguyện từ bỏ đi quyền tự nhiên để chuyển giao sức mạnh cho chủ quyền duy nhất trong xã hội. Đó có thể là vua hay một hội đồng nào đó được tạo ra qua khế ước. Họ có quyền lực tuyệt đối trong việc duy trì trật tự xã hội. Lúc này, quyền được thay bằng luật. Luật sẽ duy trì trạng thái ổn định, chấm dứt xung đột và tạo điều kiện cho cá nhân được phát huy khả năng của mình một cách hợp lý. Ở đó, những kẻ ác sẽ bị trừng trị nghiêm minh bởi các quy định của pháp luật, công cụ điều chỉnh các hành vi của con người trong trạng thái xã hội công dân. Như vậy, theo quan điểm của Hobbes, xã hội công dân được hình thành dựa trên lý trí của con người để ngăn chặn tình trạng hỗn loạn có thể tái diễn.

Trong lý thuyết của Thomas Hobbes, trạng thái tự nhiên với tình yêu chính bản thân mình của con người, cổ vũ sự tự do, bình đẳng tự nhiên của con người là điểm mà sau này J.J.Rousseau đã tiếp thu. Song, ở J.J.Rousseau, tình yêu chính mình ấy không phải là yếu tố làm cho "người với người là chó sói" như Hobbes quan niệm, bởi, ông tin rằng giữa người với người còn có lòng trắc ẩn. Vì thế nên, việc hình thành Khế ước xã hội, hình thành trạng thái xã hội công dân trong học thuyết của J.J.Rousseau cũng mang màu sắc khác biệt.

2.2.3. Tư tưởng John Locke về Khế ước xã hội

John Locke (1632 - 1704) là đại biểu của giai cấp tư sản và quý tộc đang lên ở nước Anh sau cách mạng năm 1648. Về phương diện chính trị xã hội, J.Locke là đại biểu của giai cấp tư sản mới lên. Ông bênh vực cho tự do, nhân quyền, đề cao tư hữu tài sản. Trong quan điểm của J.Locke, trạng thái tự nhiên của con người được mô tả bình yên hơn so với trạng thái tự nhiên khắc nghiệt của Hobbes.

Cũng như Hobbes, J.Locke cũng phân tích đời sống con người từ chính trạng thái tự nhiên. Ông nhận định rằng, loài người trong trạng thái tự nhiên là tự do và bình đẳng. Theo ông, trạng thái tự nhiên là thiên đường trên mặt đất. Ở đó, con người sẽ hoàn toàn tự do, bình đẳng và tự chủ. Con người sẽ phải tuân theo các quy luật tự nhiên "cái mang ý chí hòa bình và bảo toàn cho toàn bộ loài người, thì phải được tuân theo" [46, tr.37]. Ở đó, con người sống với nhau trong môi trường hoà bình, biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Con người tuân theo luật tự nhiên và có quyền trừng phạt khi ai đó xâm phạm đến điều đó. Mọi người đều bình đẳng với nhau, có quyền ngang nhau. Song, quyền lực đó trong phạm vi và chừng mực nhất định chứ không phải tuyệt đối hóa hay độc đoán áp đặt lên người khác. Không ai có quyền làm tổn hại đến người khác, đó là quy định của Luật tự nhiên. Bản thân con người khi sinh ra đã được ban cho các quyền tự nhiên như quyền sống, quyền tự do, quyền sở hữu. Việc trao quyền hành pháp cho con người theo luật tự nhiên cũng đặt ra nhiều vấn đề khó giải quyết, bởi, cái tôi cá nhân sẽ tác động rất lớn đến việc trừng phạt hành vi xâm phạm đến lợi ích của họ. Hay nói cách khác, rất khó để đảm bảo công bằng khi giải quyết một vấn đề vi phạm trong trường hợp cá nhân vừa xét xử vừa thi hành án mà thiếu đi quyền lực chung nhất trong cộng đồng. Khi đó, con người phải tìm đến một sự thỏa thuận mới, trao quyền lực cho một bộ phận khác trong xã hội, hình thành chính quyền, chuyển sang trạng thái nhà nước. Ở đó, luật pháp sẽ là công cụ để chính quyền thực thi việc trừng phạt công bằng, bảo vệ các quyền tự nhiên vốn có của con người.

Với J.Locke, ông đề cao vai trò của nhà nước với việc bảo vệ con người. Nhà nước sẽ thay thế trạng thái tự nhiên. Khi con người từ bỏ trạng thái tự nhiên, tạo nên xã hội là để tránh cuộc chiến chống lại con người. Theo J.Locke, con người sinh ra tự do và được ban cho quyền bảo vệ cuộc sống, tự do và tài sản. Vì thế, nhà nước chân chính sẽ bảo đảm điều đó, bảo đảm "quyền sống, quyền tự do, sức khỏe và sở hữu của thần dân, là truy tố và trừng phạt những người xâm phạm vào quyền của người khác" [46, tr.17]. Trong nhà nước, con người liên kết lại với nhau, trao quyền lực cho chính quyền chính là đảm bảo quyền sở hữu của mỗi người trong hoà bình và an toàn. Với J. Locke, con người chuyển giao một phần quyền lực chứ không từ bỏ các quyền tự nhiên vốn có. Sự tồn tại của chính phủ phụ thuộc vào nhân dân và quyền lực của chính phủ có giới hạn. Nếu chính phủ xâm phạm đến quyền tự nhiên của các cá nhân, áp bức nhân dân thì nhân dân có quyền lật đổ và thay vào đó bằng một chính quyền mới. Quan điểm của J.Locke về quyền lực thực tế nằm ở nhân dân, xuất phát từ nhân dân và để phục vụ nhân dân được J.J.Rousseau kế thừa và phát triển.

Như vậy, khi bàn đến trạng thái tự nhiên, xã hội công dân, những yếu tố gắn liền với công dân hay sự chuyển biến trạng thái đời sống con người, Hobbes và J.Locke đã thể hiện lập trường quan điểm khác biệt. Hai ông đều nhấn mạnh tầm quan trọng phải có lực lượng điều khiển hoạt động xã hội, tất yếu hình thành trạng thái xã hội công dân nhưng bản chất, nguồn gốc hình thành lại khác nhau. Nếu theo quan điểm của Hobbes, bạo lực, hỗn loạn là lý do cần phải thiết lập lực lượng chung thì J.Locke lại xuất phát từ trạng thái tự nhiên yên bình, thiện chí nhưng thiếu tính khách quan khi quyền tự nhiên bị xâm phạm. Khế ước hình thành buộc cá nhân phải từ bỏ quyền tự nhiên trong Leviathan thì với J.Locke, cá nhân chỉ chuyển trao một phần quyền thực thi và vẫn bảo vệ quyền tự nhiên của mình. Bởi vậy, mô hình nhà nước của Hobbes và J.Locke ủng hộ không giống nhau, cơ chế duy trì hoạt động cũng khác nhau. Quan điểm của Hobbes, J.Locke có những ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành quan điểm J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và

nhà nước. J.J.Rousseau phân tích, phê phán quan điểm của Hobbes và khẳng định bản chất con người là tốt nhưng vì xã hội mà tha hoá, vậy nên phải có khế ước xã hội để khôi phục những giá trị tốt đẹp ấy. Ông ủng hộ tính hợp pháp của chính phủ dựa trên sự đồng thuận của nhân dân trong quan điểm J.Locke và phát triển quan điểm đó thành học thuyết về ý chí chung - chủ quyền nhân dân, thiết lập mối quan hệ biện chứng giữa công dân và nhà nước với tính nhân văn sâu sắc.

Thomas Hobbes, John Locke, J.J.Rousseau đã có những khảo luận về trạng thái tự nhiên và tìm cách đặt các quyền chính trị vào trong đó. Mô tả trạng thái tự nhiên là phương tiện và phép ẩn dụ để thảo luận về bản chất con người, một phương pháp thiết lập hệ thống phân cấp bản chất tốt đẹp của loài người mà xã hội chính trị muốn hướng tới. Các ông cho rằng, con người không mang bản chất xã hội, ngược lại, xã hội như là một công cụ để cho phép con người đạt được những gì mình mong muốn, mà tự chính bản thân họ không đạt được.

Trong mối quan hệ với Hobbes và Locke, có thể thấy, J.J.Rousseau kế thừa phương pháp sử dụng trạng thái tự nhiên như một công cụ tư tưởng để luận bàn về quyền chính trị. Trong đó mô tả trạng thái tự nhiên là phương tiện và phép ẩn dụ để thảo luận về bản chất con người và những phẩm chất mà xã hội chính trị muốn khuyến khích. Hobbes dùng phép ẩn dụ ấy để nhấn mạnh nhu cầu quyền lực tập trung nhằm chấm dứt chiến tranh. J.Locke dùng nó để nhấn mạnh quyền tự nhiên và quyền sở hữu như cơ sở giới hạn quyền lực nhà nước. J.J.Rousseau dùng nó để nhấn mạnh tự do bình đẳng và nguồn gốc xã hội của bất bình đẳng, từ đó đòi hỏi một hình thức hợp đồng xã hội bảo đảm chủ quyền nhân dân. Ba hướng tiếp cận khác nhau ấy phản ánh ba lựa chọn chuẩn tắc khác nhau về mô hình chính trị. Nhưng điểm gặp gỡ là ở chỗ cả ba đều coi xã hội như một công cụ do con người thiết lập nhằm đạt được những mục tiêu mà cá nhân đơn lẻ không thể đạt được. Con người không mang bản chất xã hội theo nghĩa xã hội là tự nhiên như bản năng, mà xã hội là một

thành quả của quá trình tổ chức, một thiết kế lịch sử, vì vậy có thể bị phê phán, cải tạo, tái lập.

2.2.4. Tư tưởng của Montesquieu

Trong dòng chảy phong trào Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, Baron de Montesquieu (1689–1755) được coi là người đặt nền móng cho lý luận nhà nước pháp quyền và khoa học chính trị hiện đại với tác phẩm kinh điển *"Tinh thần pháp luật"* (1748). Montesquieu không chỉ là bậc tiền bối kiệt xuất mà còn là nguồn cảm hứng lý luận trực tiếp, vừa cung cấp chất liệu khoa học, vừa gợi mở những phản biện sâu sắc để J.J.Rousseau xây dựng nên học thuyết về chủ quyền nhân dân, về mối quan hệ giữa công dân với nhà nước.

Montesquieu coi trọng yếu tố pháp luật, ông nhấn mạnh rằng, luật pháp là những mối quan hệ tất yếu xuất phát từ bản chất sự vật, chứ không phải là sự áp đặt ý chí chủ quan của bất kỳ ai. J.J.Rousseau đã kế thừa và phát triển quan điểm ấy. Ông cho rằng, luật pháp không chỉ phản ánh mối quan hệ xã hội mang tính khách quan mà nó còn là sự biểu hiện của ý chí chung cộng đồng. Theo J.J.Rousseau, khi mọi người thượng tôn pháp luật chính là họ đang tuân theo ý chí của chính mình chứ không phải ai khác, bởi, hệ thống các điều luật do công dân tạo dựng nên. Montesquieu cũng chỉ ra rằng, luật pháp và thể chế chính trị chịu tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội như khí hậu, địa hình, dân số, phong tục… Điều đó hoàn toàn hợp lý và chúng ta cũng thấy được phương pháp tiếp cận từ thực tiễn lịch sử - xã hội này trong *"Bàn về khế ước xã hội"* của J.J.Rousseau. Trong Quyển III, J.J.Rousseau đã dành nhiều chương để phân tích các mô hình chính phủ đặt trong mối liên hệ với các điều kiện tự nhiên - xã hội. Ông cũng nhấn mạnh, "không có một cấu trúc chính phủ nào là tuyệt đối, là duy nhất" [44, tr.126] phù hợp với mọi dân tộc mà chính phủ tốt nhất là khi bộ máy đó phù hợp với các điều kiện mang tính đặc thù của quốc gia đó mà thôi. Trong sự tồn tại, phát triển của bộ máy chính quyền, Montesquieu coi trọng đức hạnh của công dân với sự đề cao lòng yêu nước, tinh thần bình đẳng và gạt bỏ lợi ích cá nhân vì cộng đồng. Về

sau, J.J.Rousseau khẳng định, mối quan hệ giữa nhà nước và công dân chỉ bền vững khi mỗi công dân có đức hạnh, nghĩa là công dân biết đặt ý chí chung lên trên hết, hi sinh lợi ích cá nhân để thực hiện trọn vẹn nghĩa vụ công dân với cộng đồng, với quốc gia.

Kế thừa những giá trị trong tư tưởng Montesquieu, nhưng tư duy của J.J.Rousseau luôn chứa đựng những nét đặc sắc. Đặc biệt, ông phản biện sâu sắc quan điểm của Montesquieu về tam quyền phân lập. Nếu ở Montesquieu, tam quyền phân lập chỉ dừng lại ở sự kiềm chế lẫn nhau giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp, hướng đến sự cân bằng quyền lực giữa vua - quý tộc và tầng lớp thứ ba, chống lại sự chuyên chế, thì trong tư tưởng J.J.Rousseau, ông khẳng định, "chủ quyền tối cao không thể từ bỏ thì cũng không thể phân chia" [44, tr.81]. Chủ quyền là thống nhất, luật pháp thuộc về ý chí chung còn chính phủ chỉ là cơ quan hành pháp có nhiệm vụ chấp hành mệnh lệnh từ quyền lực tối cao, thực thi ý chí chung trong đời sống xã hội. Để đảm bảo quyền lực tối cao của toàn dân, J.J.Rousseau phản đối chế độ đại diện. Theo ông, công dân phải tự mình thực hiện quyền lực đối với nhà nước, chứ không phải là dân chủ, tự do trong các cuộc bầu cử, còn thực tế sau đó thì không. Quyền công dân, quyền dân chủ phải thực thi trong bầu cử, trong lập pháp và công dân có quyền quyết định, thay thế, sa thải công chức nếu họ đi ngược lại với lợi ích cộng đồng, gây tổn hại đến nhà nước. Lập luận dân chủ triệt để của J.J.Rousseau giúp ông tiến xa hơn so với tư tưởng tự do tư sản của Montesquieu.

Trong sự phát triển của triết học chính trị Khai sáng, Montesquieu được xem là người mở đường quan trọng cho những nghiên cứu của J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước. J.J.Rousseau đã nâng tầm học thuyết của mình với tinh thần thượng tôn pháp luật, đề cao tự do, dân chủ và đặc biệt là sự chuyển hoá quan điểm tam quyền phân lập của Montesquieu thành sự thống nhất chủ quyền nhân dân mang nhiều giá trị tham khảo.

2.3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

2.3.1. Cuộc đời và quá trình hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau

J.J.Rousseau (*tên gọi đầy đủ là Jean Jacques Rousseau*) sinh năm 1712 mất năm 1778. Ông được nhân loại biết đến với tư cách nhà triết học khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh. Ông đã có nhiều đóng góp giá trị đối với lịch sử phát triển tư tưởng nhân loại.

J.J.Rousseau là người Pháp, gốc Thụy Sĩ. Ông được sinh ra trong một gia đình trung lưu, với nghề thợ thủ công sửa chữa đồng hồ ở Geneve (Thụy Sĩ) nhưng lại là một nhà tư tưởng lớn của Pháp. Ông của J.J.Rousseau cũng là một người ủng hộ tư tưởng dân chủ Pierre Fatio. Thời điểm đó, Pierre Fatio phản đối hành động của giai cấp thống trị khi họ chế giễu ý tưởng chủ quyền nhân dân và ông bị xử tử. Ở Geneve, các cuộc tranh luận chính trị vẫn diễn ra khắp nơi. Tuổi thơ của J.J.Rousseau sống trong sự yêu thương, nuôi dạy của bố - ông Issac Rousseau vì mẹ ông mất sớm. Năm 1717, gia đình J.J.Rousseau chuyển khỏi khu phố thượng lưu và đến sống trong khu phố của những người thợ thủ công. Cuộc sống với những người thợ thủ công, J.J.Rousseau sớm được tiếp xúc với chính trị giai cấp, khi họ thường là người kích động trong một chiến dịch phản kháng chống lại giai cấp đặc quyền đang điều hành Geneve.

Từ nhỏ, ông đã được cha khuyến khích rất nhiều đối với việc đọc sách. Ông đọc rất nhiều cuốn sách viết về cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật lịch sử, các tiểu thuyết lãng mạn. Chính điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến lối tư duy và tình cảm của J.J.Rousseau. J.J.Rousseau thích nhất là những cuốn sách của Plutarque (50 - 125) viết về các nhân vật lịch sử Hy Lạp và La Mã cổ đại. Ông bị thu hút bởi các nhân vật trong đó và ông diễn lại những hành động cao cả của họ. Nội dung cuốn sách của Plutarque cùng với sự trao đổi giữa J.J.Rousseau và cha đã khơi dậy trong con người ông tinh thần tự do, cộng hòa, một tính cách bất khuất và kiêu căng, một lối sống không cam chịu, không chấp nhận số phận. Ông còn chứng kiến những người dân địa phương

tham gia lực lượng dân quân - hiện thân của tinh thần quần chúng trong cuộc đấu tranh với quân đội của những kẻ cai trị.

Những biến động xã hội lúc này đã làm cha con ông phải xa cách nhau. Những ngày tháng sống với chú ruột, J.J.Rousseau được đi học nội trú, nhưng chính ở đó, ông lại thấy giáo dục là học "tất cả cái rác rưởi vớ vẩn". Ông thôi học. Cuộc sống ở Geneve, nơi những mầm mống dân chủ tư sản xuất hiện ngay trong lòng xã hội phong kiến cũng không níu giữ được J.J.Rousseau. Thực tiễn lúc bấy giờ khiến ông cảm thấy, nơi đây, ông không còn được là chính mình nữa. Khao khát tự do trỗi dậy trong con người J.J.Rousseau, ông rời khỏi Geneve khi mới gần 16 tuổi để bắt đầu hành trình mới.

Có thể thấy, những trải nghiệm khó khăn tuổi ấu thơ đã góp phần tạo nên nét riêng trong quan điểm của J.J.Rousseau. Quê hương Geneve của ông vốn là một thành bang độc lập chứ không phải vương quốc chuyên chế như ở Pháp. Lúc bấy giờ, Geneve được xem là mô hình cộng hoà lý tưởng, bởi ở đó, công dân được tự do, dân chủ, được tham gia lập pháp. Ông luôn tự hào rằng mình là công dân Geneve và luôn tin vào quyền tự do chính trị. Điều đó được ông thể hiện trên những tác phẩm của mình, ông luôn ký tên *"J.J.Rousseau, Citoyen de Geneve"* (Nghiên cứu sinh tạm dịch là *"J.J.Rousseau, Công dân Geneve"*. Phần lớn bản dịch tác phẩm của J.J.Rousseau ở Việt Nam, Geneve thường được phiên ra là Geneva. Geneva là tên gọi mà luận án sử dụng về sau). Cùng với tình yêu và sự giáo dục, định hướng của người cha, ông tin vào đạo đức công dân đối với cộng đồng. Những mất mát tuổi thơ cũng khiến ông khao khát về một chỗ dựa vững chắc - sức mạnh cộng đồng. Ở đó, lợi ích cá nhân và cộng đồng luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, công dân sẵn sàng hi sinh lợi ích cá nhân cho cộng đồng, cộng đồng bảo đảm cho cá nhân với những quyền cơ bản. Đây chính là cơ sở để J.J.Rousseau hướng tới mô hình nhà nước lý tưởng được hình thành từ ý chí chung. Quyền lực hợp pháp được bảo đảm dựa trên ý chí chung và sự tự nguyện chuyển trao quyền tự nhiên của công dân cho cộng đồng.

Để đảm bảo cuộc sống, J.J.Rousseau đã phải làm nhiều việc khác nhau từ gia sư đến thư ký sở địa chính. Thời gian đó, ông sống với Françoise-Louise de Warens - người mà ông thần tượng, cũng là người đã hỗ trợ ông bắt đầu sự nghiệp. Bà cùng những người bạn học thức đã giới thiệu J.J.Rousseau với không gian học thuật, nghiên cứu và ý tưởng. Bắt đầu từ đây, J.J.Rousseau hình thành, phát triển tư duy triết học, văn học, âm nhạc… bằng tất cả sự nghiêm túc và say mê nghiên cứu. Một thời gian ở Pari, ông bắt đầu viết các tác phẩm của mình. Sự sáng tạo lý luận của ông thêm sắc bén khi ông làm thư ký riêng cho De Montaigu - Đại sứ Pháp tại Venice. Đây cũng là khoảng thời gian đánh thức tình yêu của J.J.Rousseau với âm nhạc Ý bởi nó thực sự truyền cảm hứng cho ông. Ông đến với âm nhạc Ý với những định kiến từ Paris, nhưng ông đã cảm nhận được sự tinh tế, sự khác biệt mà định kiến không thể chịu đựng được. Sự tự do, phóng khoáng của J.J.Rousseau đối lập với thái độ trịch thượng, keo kiệt của viên đại sứ. Đây là giai đoạn mà J.J.Rousseau cảm nhận rõ sự phụ thuộc, áp đặt và mất tự do. Ông thấy được những bất công trong xã hội dưới chế độ quân chủ chuyên chế Pháp và tất yếu phải tổ chức được mô hình nhà nước mới để mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không còn bị phụ thuộc bởi ý chí của người khác. Từ cuộc sống chịu nhiều tổn thương, sớm phải rời bỏ quê hương đến nhà lý luận lỗi lạc, J.J.Rousseau cho chúng ta thấy được nghị lực phi thường nơi ông và niềm tin mãnh liệt đối với lý tưởng cộng hoà.

Năm 1744, ông thôi việc và vẫn tiếp tục sự nghiệp sáng tạo lý luận của mình. J.J.Rousseau đã khéo léo truyền bá kiến thức khoa học, nghệ thuật trong các tác phẩm của mình, đồng thời, ông tuyên truyền tư tưởng tự do, bình đẳng, chống giáo hội và chế độ quân chủ chuyên chế đương thời.

Người ta đặc biệt quan tâm đến J.J.Rousseau, khi ông tham gia cuộc thi do Viện hàn lâm khoa học Dijon tổ chức năm 1749. Chủ đề cuộc thi là *"Việc chấn hưng khoa học và nghệ thuật có góp phần làm cho phong tục thuần khiết hay không"*. Trong đó, ông khẳng định nhân loại đang hướng đến sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật, song có nhiều trường hợp lợi dụng để thực

hiện những mục đích bất chính. Những bất công, bất bình đẳng được ông đề cập trong đó. Ông cho rằng, vốn dĩ, tầng lớp thượng lưu quý tộc chỉ biết sống xa hoa trên đầu những người dân lao động, nên khi khoa học, văn học và nghệ thuật càng phát triển thì giới quý tộc càng lún sâu vào trụy lạc và những người lao động ngày càng nghèo khổ. Sự phát triển của xã hội làm cho con người dần xa với tính thiện tự nhiên, thay vào đó là con người sống với cái vỏ đạo đức, văn minh bởi họ không dám sống thật với chính mình. Những lập luận sắc bén trong luận văn đã tạo nên sự nổi tiếng cho J.J.Rousseau. Năm 1750, tác phẩm của ông được công bố và nhận về những phản ứng trái chiều. Giới quý tộc Pháp chê bai, công kích, đông đảo quần chúng nhân dân thì hoan nghênh, cổ vũ.

Ông cũng đã có những tranh luận với Jean - Philippe Rameau về sự vượt trội của âm nhạc Ý so với âm nhạc Pháp. J.J.Rousseau lập luận rằng, âm nhạc Ý vượt trội hơn dựa trên nguyên tắc rằng, giai điệu phải được ưu tiên hơn sự hòa âm. Với J.J.Rousseau, việc đưa ra ý tưởng trong nghệ thuật - sự thể hiện tự do của người sáng tạo quan trọng hơn việc tuân thủ chặt chẽ các quy tắc, thủ tục truyền thống. Các tác phẩm của ông đã được các nhà soạn nhạc như Christoph Willibald Gluck và Wolfgang Amadeus Mozart công nhận. J.J.Rousseau tiếp tục sự quan tâm của mình đến âm nhạc. Ông đã viết lời và nhạc cho vở opera *"Người tiên tri của làng"* được trình diễn cho Vua Louis XV vào năm 1752. Nhà vua rất hài lòng và trao tặng cho ông một khoản trợ cấp trọn đời, nhưng ông đã từ chối vinh dự lớn lao đó và người ta gọi ông là "người đàn ông từ chối trợ cấp của nhà vua". Việc từ chối đề nghị của nhà vua và những người khác đã làm cho ông gặp không ít rắc rối.

Sau khi lấy lại quyền công dân chính thức của Geneva, J.J.Rousseau tiếp tục với ngòi bút chính luận của mình. Năm 1753, J.J.Rousseau viết *"Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người"*. Chính tác phẩm *"Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người"* đã tạo nền tảng triết học cho tư tưởng của J.J.Rousseau về nhà nước và xác định vấn đề mà nhà nước cần phải giải quyết. Khi tác phẩm được công

bố, giới thượng lưu quý tộc Pari công kích mạnh mẽ, khinh miệt gọi ông là "gã dân đen khốn nạn". Điều đáng nói, trong cuộc chiến chính trị ấy, ngay cả người bạn cao niên của J.J.Rousseau là Voltaire (1694 - 1778) - nhà Khai sáng Pháp hàng đầu, là thần tượng của tầng lớp thị dân Pháp đương thời, cũng quay lưng lại với ông. Voltaire đã viết thư phê phán J.J.Rousseau với những lời lẽ khó chịu theo hướng công kích, gọi triết lý của J.J.Rousseau là "triết lý của bọn khố rách áo ôm", là lời lẽ của kẻ chuyên "xui bọn nhà nghèo cướp lại tài sản của nhà giàu". Vẫn lời lẽ sâu sắc, J.J. Rouseau công khai phản bác Voltaire ngay trên báo chí. Ông coi Voltaire là cây kèn trumpet bất kính, thiên tài tinh vi, rằng đó là linh hồn thấp kém. J.J.Rousseau cho rằng, chính sự công kích của Voltaire đã làm mối quan hệ giữa hai người thay đổi, song, J.J.Rousseau khâm phục tài tài năng của Voltaire và yêu mến những dòng văn của ông ấy.

Sau sự kiện đó, J.J.Rousseau sống ẩn dật tại vùng quê hẻo lánh phía Bắc Paris. Sự nghiệp sáng tác của ông vẫn tiếp tục với những tác phẩm mới.

Năm 1778, hầu tước René Louis de Girardin (1735 - 1808), người học trò cuối cùng của J.J.Rousseau, đã mời J.J.Rousseau đến sống trong ngôi nhà nhỏ thuộc khuôn viên lâu đài của Girardin. Girardin luôn ngưỡng mộ các tác phẩm của J.J.Rousseau. Ông nuôi dạy con theo các nguyên tắc của J.J.Rousseau viết trong *"Emile hay bàn về giáo dục"*. Từ những ý tưởng của J.J.Rousseau, Girardin bắt đầu thiết kế một khu vườn mới để minh họa cho những ý tưởng triết học và xã hội của ông về vị trí của con người trong tự nhiên. Khu vườn tại Ermenonville với ngôi nhà tranh nhỏ cũng chính là bối cảnh J.J.Rousseau tạo ra trong tiểu thuyết của mình và cũng là nơi ông trút hơi thở cuối cùng.

J.J.Rousseau đã có những ngày tháng thật nhẹ nhàng, thanh thản trước khi mất. Bản thảo của những tác phẩm tự truyện quan trọng nhất ông để lại Ermenonville. Để hoàn thành tâm nguyện của người thầy, Girardin cùng hai người bạn khác của J.J.Rousseau đã biên soạn bản đầy đủ và xuất bản tại Geneva từ năm 1780 đến năm 1782, đóng góp vào việc truyền bá tư tưởng

của J.J.Rousseau trong Cách mạng Pháp 1789. Tưởng nhớ đến J.J.Rousseau, Girardin đã xây ngôi mộ J.J.Rousseau trong chính khu vườn triết học. Vào ngày 11 tháng 10 năm 1794, hài cốt của ông được đưa đi và chôn cất tại Điện Pantheon ở Paris - nơi chôn cất những danh nhân làm rạng rỡ nước Pháp.

Về mặt thế giới quan, J.J.Rousseau tin vào sự tồn tại của linh hồn bất tử, tin vào đấng sáng tạo. Với ông, Thượng đế cai quản, vận hành mọi sự vật hiện tượng theo quy luật và chính Thượng đế tạo nên các quy luật ấy. Song, điều đặc biệt là ông không dùng giáo lý để chứng minh sự tồn tại của đấng sáng tạo. J.J.Rousseau lập luận rằng con người phải biết chịu trách nhiệm với mọi hành động của bản thân, khi chết đi thì linh hồn bất tử sẽ tiếp tục gánh vác trách nhiệm đó. Cuộc sống tồn tại quá nhiều sự bất công, ông hướng con người đến điều tốt đẹp với hành động có đạo đức và thượng tôn pháp luật.

Thế giới quan của J.J.Rousseau thể hiện khá phức tạp, có sự đan xen giữa tư tưởng khai sáng cấp tiến với tính lãng mạn tự nhiên. J.J.Rousseau khẳng định các giác quan mang lại cho con người những hiểu biết về thế giới, nhưng ông cũng tin rằng ý niệm đạo đức đã có sẵn trong mỗi cá nhân với sự sắp đặt của Thượng đế. Trong đạo đức học, ông coi đức hạnh là "khoa học cao siêu của các tâm hồn đơn sơ", bởi triết học đích thực là "lắng nghe tiếng nói của lương tâm". Ông mang lập trường cấp tiến khi phê phán gay gắt các quan hệ đẳng cấp phong kiến và chế độ chuyên chế, ủng hộ nền dân chủ tư sản và các quyền tự do của công dân, tán thành sự bình đẳng của con người; đồng thời, J.J.Rousseau cũng lên án các lãnh tụ chính trị đề cao khía cạnh kinh tế và hạ thấp vai trò của đạo đức, đức hạnh trong chính trị. Những tư tưởng này của J.J.Rousseau đã trở thành khẩu hiệu và phương châm hành động của giai cấp tư sản Pháp trong cuộc cách mạng (1789 - 1794).

2.3.2. Các tác phẩm tiêu biểu của J.J.Rousseau

J.J.Rousseau còn được biết đến với tư cách nhà chính trị học, nhà nghệ thuật học, nhà văn, nhà giáo dục học. Những tác phẩm của ông đã truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ, tạo động lực to lớn cho các nhà làm cách mạng ở nước Pháp lúc bấy giờ.

Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người

"Nguồn gốc của sự bất bình đẳng giữa người và người là gì? Nó có phù hợp với luật tự nhiên hay không?". Ông vạch rõ nguồn gốc của sự bất bình đẳng trong xã hội là ở chế độ tư hữu tài sản. Ông kịch liệt phản đối chế độ tư hữu tài sản và lên án mạnh mẽ những kẻ quyền thế đã ra sức bênh vực và biện minh cho sự bất bình đẳng đó. Ông viết: "Những kẻ quyền thế luôn tìm mọi cách để bênh vực cho sự bất bình đẳng. Họ giải thích rằng, bất bình đẳng là một quy luật tự nhiên, cũng như bàn tay có ngón ngắn, ngón dài. Nhân dân rên rỉ dưới sự áp bức của họ thì họ lại dẫn Kinh thánh ra để bịt miệng thiên hạ" [97, tr.155].

Ông khẳng định, bất bình đẳng là sản phẩm của xã hội loài người; nó tồn tại và phát triển từ khi xuất hiện chế độ tư hữu tài sản. Do đó, con người cũng có thể xóa bỏ bất bình đẳng. Khi nghiên cứu về nguồn gốc của bất bình đẳng, ông khẳng định, chế độ tư hữu và sự phát triển xã hội đã gây nên bất bình đẳng trong kinh tế và quyền lực. Nhà nước lý tưởng phải được hình thành hợp pháp từ sự đồng thuận của cộng đồng và bảo vệ quyền sở hữu, sự bình đẳng vốn có của công dân. Nhà nước ấy luôn hướng đến lợi ích chung, gạt bỏ đi những lợi ích cá nhân và sự phụ thuộc. Muốn làm được điều đó, công dân phải tự ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng. J.J.Rousseau không chủ trương xoá bỏ tư hữu mà đặt tư hữu trong giới hạn để đảm bảo sự tồn tại của nền Cộng hoà. Từ đây, J.J.Rousseau đã thực sự tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị. Ông xuất bản luận văn này ở Hà Lan.

July hay nàng Heloise mới (1761)

"Julie hay nàng Heloise mới" là cuốn tiểu thuyết tâm lý dưới hình thức những bức thư. Tiểu thuyết tình cảm dài 800 trang của J.J.Rousseau. *"Julie hay nàng Heloise mới"* được xuất bản năm 1761, đã thành công vang dội với những mô tả đầy chất thơ về vẻ đẹp tự nhiên của vùng nông thôn Thụy Sĩ. Tiểu thuyết kể về câu chuyện tình đầy trắc trở của giữa một thiếu nữ quý tộc và thầy giáo nghèo của cô. Tình yêu chớm nở bị gia đình ngăn cấm, buộc Juliet phải hi sinh tình cảm của riêng mình. Cuộc hội ngộ sau bao nhiêu năm

đầy bất ngờ khi người thầy năm ấy được mời về làm gia sư cho con của cô. Họ cùng sống trong một không gian, nhưng Juliet vẫn giữ phẩm giá, trọn đức hạnh của mình cho đến khi mất, cô thừa nhận tình cảm cô dành cho người thầy vẫn vẹn nguyên. Điều đáng chú ý là khi tiểu thuyết được công bố, người ta gợi nhắc về chuyện tình của nàng Heloise thời Trung cổ. Đó là câu chuyện có thật, nhưng tình yêu thời Trung cổ bị chia cắt, còn trong câu chuyện của J.J.Rousseau, nó có kết quả thật đẹp. Tác phẩm ra đời, nó được xem như một hiện tượng trong xã hội lúc bấy giờ. Bởi, đó không chỉ là tiểu thuyết ngôn tình mà trong đó chứa đựng tâm tư, triết lý cuộc sống của J.J.Rousseau. Con người đầy lãng mạn của J.J.Rousseau trỗi dậy trong không gian thơ mộng, gần gũi thiên nhiên, mọi người cùng chung sống trong sự tôn trọng lẫn nhau. Tiểu thuyết là tiếng nói của J.J.Rousseau về quan niệm mới trong tình yêu, ca ngợi những con người dám đấu tranh cho tự do hôn nhân, lên án gay gắt sự kìm kẹp của chế độ phong kiến đương thời.

Emile hay bàn về giáo dục (1762)

Tiểu thuyết *"Julie hay nàng Heloise mới"* (1761), *"Emile hay bàn về giáo dục"* (1762) là 2 tác phẩm của J.J.Rousseau được đông đảo quần chúng nhân dân đồng cảm và ủng hộ bởi những giá trị nhân văn, mới mẻ được chứa đựng trong đó.

Đặc biệt, trong tác phẩm *"Emile hay bàn về giáo dục"*, ông chủ trương dân chủ trong giáo dục, hướng sự nghiệp giáo dục trên cơ sở phát triển tự nhiên của trẻ để tạo ra những công dân kiểu mới. Đây là sự hư cấu của J.J.Rousseau về cuộc đời của một cậu bé tên là Emile với năm giai đoạn phát triển. Ông chủ trương chăm sóc về thể chất, giáo dục trẻ em gắn với việc thực hành, trải nghiệm thực tế trong thiên nhiên để đứa trẻ được cứng cáp, vững vàng trong cuộc sống. Lớn lên, Emile được học các nghề và hiểu về giá trị của lao động. Nhờ có lao động, con người mới có được sự tự lập. Cậu bé ấy được tiếp cận với các giáo lý tôn giáo và dần hình thành các mối quan hệ khác nhau, rồi Emile kết hôn với Sophie. Ở quyển V, khi nói đến hôn nhân, J.J.Rousseau chủ trương bàn về phụ nữ và chính trị. Nếu Emile được giáo dục

toàn diện từ bé thì Sophie lại được định hướng làm người phụ nữ của gia đình. Năm 1762, tác phẩm được xuất bản và được công chúng đón nhận với những điểm mới về giáo dục, song cũng nhận về những luồng ý kiến.

Đặc biệt, trong *"Emile hay bàn về giáo dục"* có một phần viết về "Lời tuyên xưng đức tin của một vị mục sư Savoyard", với mục đích là bảo vệ đức tin tôn giáo, đã gây tiếng vang lớn. Người mà J.J.Rousseau chọn để viết trong phần này là vị mục sư Công giáo có xuất thân từ nông dân, làm người phát ngôn cho việc bảo vệ tôn giáo. Vào thời điểm đó, việc làm của J.J.Rousseau thể hiện một sự đổi mới táo bạo bởi, xuất thân và tín điều của vị mục sư. Vị mục sư trong tác phẩm có tín điều của Socinianism - hệ thống tín ngưỡng Cơ đốc phi Ba Ngôi, được sáng lập, phát triển từ các nhà nhân văn và thần học Phục hưng Ý. Tín điều của Socinianism bác bỏ tội lỗi nguyên thủy, phủ nhận quan điểm về sự toàn tri của Chúa. Điều đó làm cho chính quyền Tin lành và Công giáo cảm thấy bị xúc phạm. Quan điểm của J.J.Rousseau cho rằng, mọi tôn giáo đều có giá trị như nhau miễn là hướng con người đến đức hạnh, không có tôn giáo, triết lý nào đứng trên. Từ phương diện tôn giáo, ông bị chính quyền lên án, cấm sách, đốt sách và ban hành lệnh bắt giữ khiến ông phải trốn sang Thụy Sĩ.

Bàn về khế ước xã hội (1762)

Cũng trong thời gian này, ông ra mắt tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp chính luận của mình – "*Bàn về khế ước xã hội"*. Với chủ trương hình thành, thiết kế một xã hội lý tưởng, tác phẩm góp phần quan trọng trong lịch sử phát triển tư tưởng nhân loại, đặt nền móng cho các cuộc cách mạng dân chủ hiện đại. Tác phẩm được Nhà xuất bản Michel Ray ở Amsterdam (Hà Lan) ấn hành và được đánh giá là có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất của J.J.Rousseau. Cuốn sách có tên tiếng Pháp là *"Du Contrat Social, Principes du droit politique"* (theo tiếng Anh là *The Social Contract*, nghĩa là Về Hợp đồng xã hội, Nguyên tắc của Quyền chính trị). Cuốn sách đưa ra lý thuyết về cách thiết lập thẩm quyền hợp pháp trong một cộng đồng chính trị, tức là cộng đồng tương thích với quyền tự do cá nhân, trước những vấn đề của xã

hội thương mại, mà J.J.Rousseau đã xác định trong *"Diễn ngôn về nguồn gốc và cơ sở của bất bình đẳng giữa con người"*, còn gọi là Diễn ngôn thứ hai (1755) của ông. "*Bàn về khế ước xã hội"* đã truyền cảm hứng cho các cuộc cải cách chính trị, các cuộc cách mạng ở châu Âu, đặc biệt là ở Pháp. Nội dung tác phẩm phản đối ý tưởng cho rằng các nhà vua được thần thánh trao quyền lập pháp - rằng "tôi là nhà nước". J.J.Rousseau khẳng định rằng, chỉ có ý chí chung của người dân mới có quyền lập pháp, vì chỉ theo ý chí chung, người dân mới được cho là tuân theo chính họ và họ có được tự do đúng nghĩa.

Quan điểm xuất phát cho nghiên cứu của J.J.Rousseau trong tác phẩm, chính là, con người đều có quyền tự nhiên, quyền tự do và bình đẳng. Con người dù là ai đi chăng nữa, cũng được hưởng các điều kiện và có cơ hội phát triển như nhau. Một chính phủ công bằng, một nhà nước chân chính chỉ có thể hình thành khi mọi người đến với nhau một cách tự nguyện, hiểu biết, có trách nhiệm, cùng chăm lo cho "cơ thể chính trị" được khỏe mạnh với tư cách "công dân". Đây là tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp chính luận của J.J.Rousseau, trở thành một trong những tác phẩm có ảnh hưởng nhất về triết học, chính trị phương Tây.

Với nỗ lực phân tích của mình trong tác phẩm, J.J.Rousseau muốn tìm xem trong trật tự dân sự có tồn tại một số quy tắc cai trị chính đáng và có tồn tại luật pháp đúng với ý nghĩa chân thực của nó hay không? Theo ông, nhà nước phải là một tổ chức cai trị theo "khế ước xã hội", vì thế nó phải phục tùng ý chí của toàn dân. Bên cạnh đó, ông cũng có những nghiên cứu, phân tích về các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Chính vì những quan điểm về dân chủ, về nhà nước pháp quyền, về quyền công dân… được đề cập trong sự đối trọng với chế độ phong kiến Pháp lúc bấy giờ, nên sau khi tác phẩm được xuất bản, ông đã phải chịu cuộc sống lưu vong, còn cuốn sách bị cấm lưu hành.

Tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"* được ông chia làm 4 quyển: Quyển thứ nhất: gồm 9 chương, trình bày những ý niệm chung về quá trình hình thành xã hội từ trạng thái tự nhiên chuyển sang trạng thái xã hội công dân và những ý niệm chung về việc thành lập "Khế ước xã hội". Quyển thứ hai: gồm

12 chương, chủ yếu bàn về vấn đề lập pháp, trong đó 2 chương đầu bàn về ý chí chung của toàn dân, về chủ quyền tối cao và cơ quan quyền lực tối cao của một nước. Quyển thứ ba: gồm 18 chương, chủ yếu bàn về vấn đề hành pháp và cơ quan hành pháp. Quyển thứ tư: gồm 9 chương, chủ yếu bàn về vấn đề tư pháp và cơ quan tư pháp.

Tư tưởng chủ đạo của J.J.Rousseau trong *"Bàn về khế ước xã hội"* cũng như trong các tác phẩm khác là lý tưởng tự do, bình đẳng, là đề cao bảo vệ tự do, dân chủ. J.J.Rousseau đã khẳng định: "Người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích" [44, tr.52]. Mọi cộng đồng quốc gia đều cần đến một khế ước xã hội và vấn đề cơ bản của khế ước xã hội đó là khi các thành viên tham gia vào khế ước chung ấy, họ vẫn có được tự do như trước. J.J.Rousseau phát triển tầm nhìn của mình bằng khả năng tranh luận xuất sắc và tính nhất quán triệt để. Ông khẳng định, "Trật tự xã hội là một thứ quyền thiêng liêng làm nền tảng cho mọi thứ quyền khác. Nhưng trật tự xã hội không phải tự nhiên mà có, nó được xác lập trên cơ sở những công ước" [44, tr.52]. Trật tự đó sẽ giúp con người thoát khỏi thời kỳ mông muội, họ sẽ nhận được những giá trị mới về tự do, bình đẳng đích thực, được làm chủ xã hội, làm chủ chính mình. Từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội công dân là bước phát triển tất yếu, tạo nên sự thay đổi lớn lao của loài người. Ông đi từ mô hình xã hội thu nhỏ - gia đình - xã hội lâu đời nhất và hợp với tự nhiên nhất đến mô hình thỏa thuận tự nguyện trong xã hội, để

> Tìm ra một hình thức liên kết với nhau để dùng sức mạnh chung mà bảo vệ mọi thành viên. Mỗi thành viên trong khi khép mình vào tập thể, dùng sức mạnh tập thể, vẫn được tự do đầy đủ như trước, vẫn chỉ tuân theo chính bản thân mình". Đó là vấn đề cơ bản mà khế ước (contrat) đưa ra cách giải quyết [44, tr.66-67].

Xuất phát từ bản chất của khế ước xã hội là sự đồng ý tự nguyện và họ được bảo toàn các quyền tự nhiên trong xã hội công dân, được cộng đồng bảo vệ và tôn trọng. Như vậy, cái mà con người nhận được nhiều hơn những gì họ trao cho cộng đồng. Là thành viên của quốc gia, người dân vừa là

người có chủ quyền tối cao thực thi quyền lực trong nhà nước, vừa là người tuân theo ý chí của nhà nước. Để đảm bảo hoạt động của nhà nước trên cơ sở ý chí chung, J.J.Rousseau cũng phân tích tầm quan trọng của quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Với *"Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau đã công khai tuyên bố lập trường chính trị cấp tiến của ông - đấu tranh cho tự do, bình đẳng và dân chủ, cho nền cộng hòa và chống lại chính thể quân chủ chuyên chế. Hàng trăm năm trôi qua, những giá trị của tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*, tư tưởng nêu cao sự tự do, bình đẳng vẫn để lại dấu ấn sâu sắc đối với các thế hệ. J.J.Rousseau được nhân dân Pháp, các học giả, các nhà cách mạng Pháp tôn vinh như là một trong những nhà tư tưởng lớn mở đường cho cuộc Đại cách mạng Pháp 1789 - 1794. *"Bàn về khế ước xã hội"* của J.J.Rousseau là bản dự thảo hết sức độc đáo của hiến pháp nhà nước hoàn toàn mới.

Rousseau - người phán xét Jean Jacques (1776)

Vốn là người tự do, phóng khoáng, không cam chịu, dám đấu tranh nên trong những năm tháng cuối cuộc đời, ông dành trọn thời gian viết tập *"Đối thoại"* với tiêu đề *"Rousseau - người phán xét Jean Jacques"* và ký sự *"Những điều mơ mộng của một người lãng du cô đơn"*. Ông hoàn thành cuốn sách *"Rousseau - người phán xét Jean Jacques"* vào năm 1776 như một sự nỗ lực khác của ông để trả lời những lời chỉ trích. Cuốn sách dưới dạng 3 cuộc đối thoại giữa hai nhân vật - một "người Pháp" và "Rousseau", những người tranh luận về ưu và nhược điểm của nhân vật thứ ba - một tác giả tên là Jean Jacques.

Tác phẩm như lời bộc bạch đầy kịch tính dưới dạng đối thoại về cuộc đời J.J.Rousseau khi ông rơi vào bối cảnh chịu áp lực về tư tưởng trong cuộc đấu tranh với những nhà tư tưởng khác. J.J.Rousseau viết tác phẩm với mong muốn tự minh oan cho mình. Cái tôi lãng mạn đầy nhân văn của ông song hành cùng những dòng cảm xúc trong các tác phẩm. Có thể có những lập luận đanh thép thể hiện quan điểm nhưng nhân vật Jean Jacques chịu tác động của bối cảnh lịch sử, của hoàn cảnh sống chứ về bản chất con người ông đầy yêu

thương, cảm thông. Ông luôn đề cao tính tự nhiên của mọi vật. Có thể những tác phẩm được công bố khiến giới lý luận lúc bấy giờ quay lưng, trong đó có những người ông từng ngưỡng mộ hay những người bạn trong nhóm Bách khoa của ông, nhưng sự độc đáo, riêng có trong tư duy của Jean Jacques chính là sự nỗ lực để giữ cái tự nhiên giữa vòng vây đen tối của xã hội phong kiến. Ông muốn bộc bạch điều đó qua nhân vật Jean Jacques. Đây được xem là tác phẩm khó đọc và ông mong công chúng hiểu rõ con người, tư tưởng của mình, cũng như nhìn thấu tâm địa của những kẻ độc ác làm hại ông. Ông cần phải bảo vệ danh tiếng của mình trước sự vu khống.

Tác phẩm giúp chúng ta hiểu hơn về nội tâm đầy giằng xé của J.J.Rousseau. Sau tất cả những đấu tranh kiên cường, ông chọn cho mình cuộc sống ẩn dật ở vùng quê thanh bình. Điểm nổi bật của tác phẩm chính là sự phân tích nội tâm thành mảng miếng độc lập để nhìn bản thân khách quan hơn, đầy đủ hơn và biểu đạt cho mọi người hiểu J.J.Rousseau hơn.

Những điều mơ mộng của một người lãng du cô đơn (1782)

Đây là tác phẩm dấu ấn của J.J.Rousseau, bởi đó là sáng tác cuối cùng ghi lại những năm tháng cuối đời của ông. Tên gọi của tác phẩm vẫn mang đậm màu sắc của J.J.Rousseau lãng mạn nhưng bị trói buộc, cô đơn trong xã hội phong kiến đầy đen tối.

Ông bộc bạch nỗi lòng, những trăn trở của mình và suy nghĩ đến viễn cảnh tương lai trong ký sự *"Những điều mơ mộng của một người lãng du cô đơn"*. Cuốn sách được chia thành mười chương có tên là "Walks" (tiếng Pháp gốc là "Promenades"). Nội dung cuốn sách là sự kết hợp giữa tự truyện, mô tả về mọi thứ mà J.J.Rousseau nhìn thấy khi đi dạo ở ngoại ô Paris; giải thích và mở rộng các lập luận trước đây của J.J.Rousseau trong các lĩnh vực ông nghiên cứu; nhận thức những tác động của sự đàn áp vào cuối cuộc đời. Lúc bấy giờ, ông chấp nhận thực tại nơi vùng quê hẻo lánh và tìm thấy chính mình ở đó. Không chiến đấu mạnh mẽ như những tác phẩm trước, ông dạo bước và tạo nên những câu chuyện nhẹ nhàng. Mỗi bước dạo chơi làm cho J.J.Rousseau thấy thảnh thơi, thoải mái. Ông thấy hạnh phúc,

bởi ông đang được sống với chính bản ngã. J.J.Rousseau tìm thấy niềm vui khi khám phá cỏ cây, thêm yêu cuộc sống và khám phá quy luật khách quan trong tự nhiên.

Nếu trong các chương ký sự trước, J.J.Rousseau hoà mình vào thiên nhiên để tránh xa thực tại, thì ở chương thứ 10, J.J.Rousseau thể hiện sự hoài niệm về quá khứ. Sau tất cả, ông vẫn nhớ về bà Warens - người phụ nữ gắn bó trong khoảng thời gian không dài nhưng đầy kỷ niệm, mang đến cho ông những ấn tượng sâu sắc. Bà mang đến hạnh phúc cho J.J.Rousseau để ông được là chính mình và hình thành những tình cảm tốt đẹp khi ông bắt đầu cuộc sống xa gia đình. Trong những năm cuối đời, bên cạnh ông vẫn có người vợ yêu thương, chăm sóc. Đến năm 1778, khi tập kí sự đang ở chương thứ 10 thì ông trút hơi thở cuối cùng. Đến năm 1782, cuốn sách *"Những điều mơ mộng của một người lãng du cô đơn"* được xuất bản. Tác phẩm được mô tả là cuốn sách đẹp nhất của J.J.Rousseau. Người ta cho rằng, mỗi cuộc dạo chơi trong đó đều mang âm điệu độc đáo. Ông tạo ra nốt nhạc lãng mạn mới bằng cách gợi ý rằng sự tĩnh lặng tâm hồn có thể tìm thấy ở thiên nhiên thứ gì đó phản ứng với tâm trạng của mình [117, tr.481].

2.3.3. Quá trình hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước

Quá trình hình thành tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước là một tiến trình vận động của tư duy logic, phát triển liên tục từ việc tiếp thu bối cảnh thực tiễn, đánh giá, phản biện các tiền đề lý luận đương thời cho đến việc xác lập phương pháp luận biện chứng trong những nghiên cứu về sự phát triển xã hội. Tiến trình này được thể hiện rõ nét qua các nấc thang nhận thức cốt lõi như sau:

Thứ nhất, sự tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội đầy rối ren tại Pháp thế kỷ XVIII đối với sự hình thành tinh thần tự do và ý thức cộng hòa ở J.J.Rousseau.

J.J.Rousseau trưởng thành trong xã hội phong kiến Pháp thế kỷ XVIII. Ông chứng kiến sự bất công, phi lý của chế độ chuyên chế cùng các quan hệ

đẳng cấp khắc nghiệt, J.J.Rousseau sớm nảy sinh tinh thần phản kháng và khao khát tự do mãnh liệt. Khác với nhiều nhà lý luận đương thời chỉ chú trọng đến khía cạnh phát triển kinh tế mà quên đi yếu tố đạo đức trong chính trị, J.J.Rousseau nhận thấy sự tha hóa đạo đức, tình trạng mất tự do của con người chính là sản phẩm của một thể chế áp bức. Nhận thức này đã thôi thúc J.J.Rousseau sử dụng triết học, văn học và nghệ thuật như những công cụ tuyên truyền tư tưởng tự do, bình đẳng, chống lại giáo hội và chế độ quân chủ chuyên chế. Thực tiễn biến động của xã hội Pháp lúc bấy giờ không chỉ tôi luyện J.J.Rousseau trở thành một con người không cam chịu số phận, mà quan trọng hơn, nó cung cấp chất liệu thực tiễn để J.J.Rousseau từng bước định hình nên quan niệm về một mô hình nhà nước cộng hòa - nơi tự do và quyền của công dân được đặt ở vị trí trung tâm.

Thứ hai, bước chuyển biến trong nhận thức luận từ quan niệm tự nhiên đến việc khẳng định nhân dân là chủ thể tạo lập lịch sử và quyền lực.

J.J.Rousseau vẫn thừa nhận sự tồn tại của Đấng sáng tạo trong trật tự tự nhiên và ban cho con người bản tính lương thiện ban đầu, song, ông đã có một bước nhảy vọt về tư duy lý luận khi coi lịch sử nhân loại là sản phẩm từ hoạt động thực tiễn của chính con người chứ không phải sự can thiệp của các lực lượng siêu nhiên. Sự chuyển biến tư duy này đã giúp J.J.Rousseau lý giải gốc rễ của quyền lực chính trị, rằng, quyền lực nhà nước không mang tính thần quyền hay thuộc về riêng vị quân chủ, mà bắt nguồn từ chính sự chuyển trao quyền tự nhiên của các cá nhân vào cộng đồng. Từ việc nhận thức con người là chủ thể tạo dựng xã hội, J.J.Rousseau đi đến việc đặt nhân dân vào vị trí tối thượng, nhân dân là chủ thể nắm giữ chủ quyền. Tiến trình tư duy này là tiền đề quyết định để J.J.Rousseau sáng tạo nên các luận điểm về việc công dân tự thỏa thuận hình thành hệ thống pháp luật, tạo lập bộ máy nhà nước để ủy quyền thực thi quyền lực, xây dựng khái niệm "ý chí chung" như một cơ chế bảo đảm tự do chân chính cho con người khi chấp hành luật pháp do chính mình tạo ra.

Thứ ba, sự hình thành tư tưởng qua quá trình phản biện sâu sắc đối với các tiền đề lý luận của Thomas Hobbes và John Locke.

Trong tác phẩm *"Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người"* (1754), J.J.Rousseau đã mở ra một hướng tiếp cận đặc sắc khi phản biện mang tính phương pháp luận đối với mô tả về trạng thái tự nhiên của Hobbes và Locke. Ông chỉ ra rằng, Hobbes và Locke đã vô tình gán những đặc tính xã hội đã phát triển (như lòng tham, bạo lực hay thói quen tích lũy) cho con người tự nhiên, làm méo mó bản tính nguyên thủy của con người. Đối lập với Hobbes - người coi trạng thái tự nhiên là cuộc chiến tranh phổ quát bắt nguồn từ sự cạnh tranh và sợ hãi, J.J.Rousseau khẳng định, con người tự nhiên sống trong hòa bình tương đối nhờ lòng trắc ẩn và sự đồng cảm tự nhiên. Đồng thời, phản biện lại Locke - người biện minh cho sự tích tụ tài sản tư hữu như một quyền tự nhiên, J.J.Rousseau nghi ngờ tính tự nhiên của việc tích tụ và chỉ ra rằng, sở hữu tư nhân chính là căn nguyên làm nảy sinh những so sánh, địa vị và bất bình đẳng xã hội. Từ việc phê phán các hệ thống chính trị đương thời vốn chỉ làm sâu sắc thêm bất bình đẳng và biến chính phủ thành công cụ áp chế, J.J.Rousseau nhận thức rõ mâu thuẫn hiển nhiên giữa tự do và bình đẳng. Đây chính là động lực lý luận trực tiếp thúc đẩy J.J.Rousseau tìm kiếm một mô hình thể chế mới nhằm giải quyết triệt để mâu thuẫn này trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*.

Thứ tư, sự hoàn thiện phương pháp luận logic và biện chứng trong việc lý giải sự vận động của mối quan hệ giữa công dân và nhà nước.

J.J.Rousseau không nhìn nhận mối quan hệ giữa công dân và nhà nước như một thể chế đóng băng, mà xem đó là kết quả và động lực của một logic vận động xã hội liên tục. Ông vận dụng phương pháp luận biện chứng để giải thích tiến trình lịch sử: sự tiến bộ của văn minh (nông nghiệp, luyện kim) đồng thời là bước lùi của đạo đức và tự do cá nhân - một tiền đề quan trọng cho phép biện chứng Mác-xít sau này. J.J.Rousseau đã vạch rõ cơ chế lịch sử khi con người chuyển từ đời sống biệt lập sang các tập thể đầu tiên (gia đình, làng xóm), kéo theo sự xuất hiện của sở hữu tư nhân, tâm lý so sánh, địa vị và

bạo lực. Ông phát hiện ra nghịch lý rằng, ngôn ngữ, đạo đức, luật pháp và các nhà nước đầu tiên ra đời vừa để duy trì trật tự, nhưng đồng thời cũng bị kẻ mạnh lợi dụng để hợp thức hóa bất bình đẳng, khiến nhiều chính quyền trong lịch sử về căn bản không hợp thức. Để vượt qua nghịch lý lịch sử đó, J.J.Rousseau đã tái định nghĩa nguồn gốc chính đáng của quyền lực, rằng: một trật tự chính trị chỉ chính đáng khi quyền lực tối cao thuộc về nhân dân và vận hành theo ý chí chung. Trên nền tảng này, việc tuân thủ pháp luật không phải là sự phục tùng kẻ khác mà là sự tuân thủ chính ý chí của mình với tư cách là thành viên của chủ thể tập thể. Nhà nước từ đây không còn là thực thể đứng trên xã hội để cai trị, mà là hình thức tổ chức quyền lực do công dân ủy nhiệm để bảo vệ tự do và bình đẳng trong xã hội cho tất cả mọi người.

Tóm lại, quá trình hình thành tư tưởng của J.J.Rousseau là một tuyến lập luận nhất quán và sâu sắc. Xuất phát từ việc phân biệt giữa trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội để phá vỡ các luận điệu biện minh cho quyền lực chuyên chế, J.J.Rousseau đã lý giải bất bình đẳng như một sản phẩm lịch sử - xã hội gắn liền với sở hữu tư nhân và sự tha hóa quyền lực. Trên cơ sở phê phán nguồn gốc của bất bình đẳng, J.J.Rousseau tiến tới kiến tạo một mô hình chính trị cách mạng, mô hình nhà nước cộng hoà, giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa tự do cá nhân và ràng buộc xã hội bằng nguyên tắc chủ quyền nhân dân và ý chí chung tối thượng. Dù các giả thuyết về trạng thái tự nhiên hay cơ chế thực thi ý chí chung của J.J.Rousseau vẫn cần được nhìn nhận cẩn trọng trong bối cảnh hiện đại, song tiến trình phát triển tư duy của ông đã để lại một di sản lý luận vô giá, đặt nền móng vững chắc cho các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, xã hội công dân và tiêu chuẩn hợp thức hóa quyền lực trong lịch sử triết học chính trị nhân loại.

Tiểu kết chương 2

Quá trình hình thành tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước chịu tác động từ bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa - tư tưởng nước Pháp thế kỷ XVII - XVIII với diễn biến phức tạp trên nhiều phương diện.

Về mặt thực tiễn, đây là thời kỳ nảy sinh những mầm mống của chủ nghĩa tư bản Pháp và đặt ra yêu cầu phải xóa bỏ chế độ phong kiến đang kìm hãm sự phát triển của nó. Tác phẩm ra đời trong bối cảnh kinh tế - xã hội nước Pháp có nhiều biến động. Thế kỷ XVII - XVIII, cơ bản ở các nước châu Âu đang tồn tại hình thức nhà nước quân chủ, nước Pháp cũng không ngoại lệ. Nhưng, làn sóng chỉ trích chính quyền Pháp ngày càng mạnh mẽ vào thế kỷ XVIII. Bộ máy nhà nước quan liêu, cồng kềnh không giải quyết được những tồn tại của chế độ phong kiến Pháp. Trong lòng chế độ phong kiến Pháp, những mầm mống của xã hội tư bản dần hình thành. Giai cấp tư sản mới nổi đòi có tiếng nói; các nhà chính trị, nhà tư tưởng, triết gia đòi cải cách chính trị…

Về mặt lý luận, hệ thống quan điểm triết học của J.J.Rousseau là sự kế thừa có chọn lọc những giá trị nhân văn của các bậc tiền bối, từ các nhà khai sáng thời Phục hưng đến các nhà Khai sáng Pháp thế hệ thứ nhất. Quan điểm của Voltaire, Thomas Hobber, John Locke hướng về con người, giải phóng con người, đề cao lý tính, hướng đến những giá trị tự do, bình đẳng trên cơ sở sự thỏa thuận của những cá nhân thông qua khế ước xã hội, yêu cầu thiết lập một nhà nước chân chính đảm bảo được những quyền cơ bản, quyền tự nhiên vốn có của con người. J.J.Rousseau đã có sự tiếp thu, kế thừa những giá trị nhân văn trong quan điểm của các nhà lý luận tiền bối, đồng thời ông cũng có chính kiến của riêng mình.

Với những phân tích sắc sảo, lập luận sắc bén của mình, tư tưởng của J.J.Rousseau như sự tấn công trực diện vào nhà nước chuyên chế lúc bấy giờ. J.J.Rousseau dường như đã tiên phong trong việc hình thành khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" trong cách mạng tư sản Pháp. Những giá trị nhân văn sâu sắc trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"* nói riêng và trong sự nghiệp nghiên cứu lý luận nói chung của J.J.Rousseau đã để lại dấu ấn mạnh mẽ trong lịch sử phát triển của tư tưởng nhân loại.

Chương 3
NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ, HẠN CHẾ CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

3.1. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

3.1.1. Quan niệm của J.J.Rousseau về công dân

J.J.Rousseau là nhà triết học Khai sáng rất quan tâm đến những vấn đề xã hội. Trong quan niệm J.J.Rousseau, ông tin vào sự tồn tại của Đấng sáng tạo với việc sắp đặt trật tự trong tự nhiên và ban cho con người bản tính tốt đẹp, lương thiện. Song, điểm tiến bộ của ông so với nhiều nhà Khai sáng khác, ông xem lịch sử nhân loại là kết quả hoạt động của con người, chứ không phải là sự sắp đặt của các đấng tối cao. Con người đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành, phát triển xã hội. J.J.Rousseau đã có những phân tích về sự chuyển biến từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội, để con người tự nhiên trở thành những công dân. Qua đó, J.J. Rousseau đã phần nào làm rõ khái niệm công dân đặt trong mối quan hệ với nhà nước và khái niệm chủ quyền nhân dân.

Với J.J. Rousseau, công dân được hiểu là những người gắn liền với mô hình nhà nước cộng hoà lý tưởng. Công dân là những thành viên có vai trò quan trọng trong nhà nước, tham gia quá trình lập pháp, thực hiện quyền làm chủ đất nước, đồng thời họ có trách nhiệm với cộng đồng, có nghĩa vụ tuân theo các điều luật đã được thông qua. Cá nhân trong cộng đồng vừa là công dân vừa là thần dân, vừa là người lập pháp vừa phải tuân theo luật pháp mà họ tạo ra để có được tự do đúng nghĩa, đây là điểm thể hiện sự độc đáo, cấp tiến trong tư tưởng của J.J. Rousseau về công dân lúc bấy giờ.

3.1.1.1. Công dân là chủ thể quyền lực

Thứ nhất, công dân vừa là thành viên của cơ quan quyền lực tối cao vừa là thần dân của nhà nước.

J.J.Rousseau khẳng định, từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội là bước phát triển tất yếu, tạo nên sự thay đổi lớn lao của loài người. "Trật tự xã hội là một thứ quyền thiêng liêng làm nền tảng cho mọi thứ quyền khác. Nhưng trật tự xã hội không phải tự nhiên mà có, nó được xác lập trên cơ sở những công ước" [44, tr.52]. Đấng sáng tạo tạo ra mọi thứ một cách tự nhiên, con người cũng như vậy. Nhưng, cùng với sự phát triển và những yêu cầu đặt ra của cuộc sống, con người lựa chọn mô hình tổ chức xã hội. Họ phải chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ bảo vệ sự lựa chọn đó. Con người tìm ra hình thức khi liên kết lại với nhau với mục đích tạo nên sức mạnh chung của cộng đồng và bảo vệ cho các cá nhân. Sức mạnh chung ấy được tạo nên từ ý chí của từng cá nhân khi họ tự nguyện chuyển trao quyền tự nhiên của mình cho cộng đồng và đi đến một khế ước chung. Khế ước thiết lập, các quyền tự nhiên của cá nhân sẽ được cộng đồng bảo vệ với các điều luật cụ thể. Luật pháp được tạo nên bởi ý kiến của công dân và được cơ quan quyền lực tối cao thông qua. Cơ quan lập pháp có trách nhiệm lựa chọn, xây dựng, hoàn thiện điều luật trên cơ sở ý chí chung. Ý chí chung được quyết định bởi đa số phiếu bầu của công dân trong cộng đồng, đảm bảo chủ quyền nhân dân.

Trong nhà nước cộng hoà lý tưởng của J.J.Rousseau, quan niệm thần dân gắn liền với công dân trong một con người. Tuy nhiên, thần dân và công dân có vị trí, vai trò khác nhau trong tổ chức xã hội.

Như phân tích ở trên, công dân là người tham gia tạo ra hệ thống pháp luật với quyền lực tối cao, thì thần dân là đối tượng phải tuân thủ các điều luật ấy. Trong cộng đồng, khi khế ước được thiết lập với ý chí chung, các thành viên có nghĩa vụ phải tuân thủ quy định, luật lệ đã được tập thể thông qua. Điều đó đảm bảo sự công bằng với mọi đối tượng, không có ngoại lệ. J.J.Rousseau nhấn mạnh: "Tự do là từ bản chất con người mà có. Luật đầu tiên của tự do là mỗi người phải được chăm lo sự tồn tại của mình. Những điều quan tâm đầu tiên là quan tâm đến bản thân… tự mình định đoạt các phương tiện sinh tồn của mình, và do đó tự mình làm chủ lấy mình" [44, tr.53]. Với tư cách thần dân, họ sẽ có tự do, có quyền làm những việc mà pháp luật cho phép và được bảo vệ. "Với khế ước xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và cái quyền hạn chế được làm những điều

muốn làm mà làm được; nhưng mặt khác con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái gì mà anh ta có" [44, tr.73-74]. Điều đó khẳng định, con người khi tham gia vào khế ước, trao quyền tự nhiên cho cộng đồng thì sẽ được nhận lại nhiều hơn thế và "không có gì đáp ứng sự ràng buộc của thần dân vào quyền lực tối cao, nếu quyền lực tối cao không tìm ra những biện pháp để bảo đảm lòng trung thành của họ" [44, tr.71-72]. Đây cũng là điểm cấp tiến trong tư tưởng J.J.Rousseau khi bàn về thần dân của nhà nước cộng hoà so với thần dân của nhà nước quân chủ chuyên chế - nơi mà họ phải phục tùng tuyệt đối ý chí của nhà vua.

Thứ hai, công dân hành động theo ý chí chung, hướng đến lợi ích chung.

Theo J.J.Rousseau, với sự sắp đặt tự nhiên của Đấng sáng tạo, con người vốn sinh ra đã có tự do. Trong tự nhiên, con người có quyền làm tất cả những gì mình mong muốn, nghĩa là họ có tự do tuyệt đối. Nhưng, sự cạnh tranh sinh tồn khốc liệt trong môi trường tự nhiên làm cho con người xích lại gần nhau hơn, cái tôi tự do ấy sẽ phải thay đổi. Con người liên kết lại với nhau thành một cộng đồng lớn hơn để cùng đạt được mục đích. J.J.Rousseau khẳng định, "Phương pháp duy nhất để con người tự bảo vệ là họ phải kết hợp lại với nhau thành một lực lượng chung, được điều khiển bằng một động cơ chung, khiến cho mọi người đều hành động một cách hài hòa" [44, tr.66]. J.J.Rousseau cho rằng, từ trạng thái tự nhiên chuyển sang trạng thái xã hội công dân chính là con người đã thực hiện sự chuyển biến lớn lao và "Đó là thời điểm dứt anh ta ra khỏi giới động vật ngu muội để vĩnh viễn trở thành loài thông minh, thành một con người…" [44, tr.73]. Ý chí chung của cộng đồng được tạo lập.

Theo J.J.Rousseau, ý chí chung là thuật ngữ được dùng để chỉ sự thống nhất về quan điểm của cả cộng đồng hướng đến lợi ích chung. Ý chí chung được tạo nên từ ý chí của các cá nhân, đại điện cho lợi ích tập thể. Vì vậy, ý chí chung là cơ sở để ban hành luật và áp dụng cho tất cả mọi người. "Ý chí chung bao giờ cũng thắng và luôn luôn hướng tới lợi ích chung nhưng không phải mọi điều luận giải của dân chúng đều là đúng đắn…" [44, tr.84]. Vậy, làm thế nào để đi đến ý chí chung? J.J.Rousseau làm rõ cách thức hợp lý nhất để xác định ý chí chung, đó

là tổng hợp các ý kiến cá nhân, tiến hành loại bỏ những cái khác biệt thì sẽ còn lại ý chí chung cộng đồng. J.J.Rousseau lập luận rằng, "…có sự khác nhau giữa ý chí của mỗi người và ý chí chung. Ý chí chung chỉ tính đến lợi ích chung, ý chí của mỗi người lại nhìn vào lợi ích riêng và chỉ là tổng số những ý chí riêng lẻ. Nếu trừ đi những ý chí riêng lẻ xung khắc nhau quá quắt thì số dư sẽ là ý chí chung" [44, tr.84]. Sau khi thống nhất thông qua, tất cả công dân sẽ phải tuân thủ theo những luật lệ được đặt ra trên cơ sở ý chí chung. Nếu cá nhân nào không tuân thủ thì sẽ phải cưỡng chế. Việc cưỡng chế này là để cá nhân đó hiểu và hành động đúng với ý chí chung để họ được tự do. Điều kiện cơ bản để ý chí chung không bị chi phối, ảnh hưởng, đó là "trong một Nhà nước không nên có phe nhóm riêng, để cho mỗi công dân được quan niệm theo ý họ… để đảm bảo ý chí chung được soi sáng và dân chúng không bị nhầm lẫn" [44, tr.85].

3.1.1.2. Công dân có quyền bình đẳng

Theo J.J.Rousseau, bình đẳng là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành khế ước xã hội, là nguyên lý nền tảng của đời sống công dân. Trong xã hội công dân, bình đẳng không phải là tuyệt đối về tài sản, mà là bình đẳng về địa vị pháp lý và quyền tham gia vào đời sống chính trị.

Luận về quyền bình đẳng, J.J.Rousseau cũng như Thomas Hobbes, John Locke đều coi trọng và khẳng định, con người khi sinh ra vốn dĩ bình đẳng, không có sự phân chia về thứ bậc, đẳng cấp xã hội, không ai có thể đứng trên người khác để chi phối, quyết định hành động thay người khác. J.J.Rousseau nhấn mạnh, dù là thủ lĩnh hay dân chúng đều sinh ra bình đẳng và tự do. Trong trạng thái tự nhiên ban đầu, con người sống dựa vào thiên nhiên một cách tự do, tự tại, không biết đến quyền lực xã hội… Họ bình đẳng với nhau về mọi mặt. Họ tự do sở hữu mọi thứ mình muốn nhằm thỏa mãn nhu cầu cuộc sống theo nguyên tắc nhất định. Về quyền lợi và những điều kiện trong cuộc sống, họ cũng bình đẳng với nhau. Sự bất bình đẳng chưa thực sự rõ nét, có chăng chỉ là sự chênh lệch về thể chất, trí tuệ, nhưng đó chưa phải là yếu tố khiến người này phải phục tùng kẻ khác. Vậy nên, trong trạng thái ấy, con người tồn tại với tính cách là những cá nhân riêng lẻ, tự do và bình đẳng. Nhưng, điều đó cũng không có thể tồn tại mãi mãi bởi cuộc sống

con người vẫn phải đối mặt với vô vàn tác động của tự nhiên, đấu tranh sinh tồn. Trong sự hỗn loạn ấy, kẻ nào mạnh thì có quyền. Muốn cho quyền tự do, bình đẳng được giữ vững, lâu dài, con người phải liên kết lại với nhau để chuyển sang trạng thái mới.

J.J.Rousseau hướng con người tự nhiên đi đến trạng thái xã hội công dân với việc ký kết khế ước xã hội. Trong khế ước xã hội ấy, mỗi cá nhân từ bỏ đi quyền riêng tự nhiên của chính mình để cùng góp chung vào quyền chung và tất cả các thành viên đều như vậy, không có ai ngoại lệ, tất cả đều bình đẳng như nhau; cho nên, không ai muốn người khác phải chịu thiệt thòi khi tham gia vào khế ước xã hội. J.J.Rousseau nhấn mạnh rằng, "khi mỗi người đã từ bỏ quyền riêng không ngần ngại, thì sự liên kết sẽ thật hoàn hảo, không một thành viên nào phải kêu ca gì" [44, tr.67]. Mọi người đều có quyền tự do, có quyền sở hữu như nhau. Con người được cộng đồng bảo vệ, được nhận các giá trị, lương thực… bình đẳng như nhau. Chỉ khi nào khế ước chung bị vi phạm thì các cá nhân lại quay trở về với các quyền tự nhiên vốn có của họ. Chương IX, Quyển 1, J.J.Rousseau nhấn mạnh một luận điểm mang ý nghĩa nền móng cho cả hệ thống xã hội, đó là:

> Công ước cơ bản (pacte fondamental) không phá bỏ sự bình đẳng tự nhiên, nó xây dựng sự bình đẳng tinh thần và hợp pháp để thay thế cái mà thiên nhiên đã làm cho con người không bình đẳng về thế lực. Trên phương diện khế ước và pháp quyền, con người tuy không đồng đều nhau về thân thể và trí tuệ vẫn được hoàn toàn bình đẳng ngang nhau [44, tr.78].

Chuyển sang trạng thái xã hội mới, mọi người bình đẳng với nhau về quyền lực. Bởi lẽ, mọi công dân đều tự nguyện trao quyền tự nhiên cho cộng đồng để hình thành sức mạnh chung, ý chí chung và họ có quyền tham gia như nhau. Điều đó thể hiện đầu tiên ở việc hình thành điều luật của một nhà nước, mọi công dân đều được tham gia bỏ phiếu tán thành hoặc bãi bỏ điều luật. Luật áp dụng với tất cả mọi người là như nhau, không có trường hợp ngoại lệ. J.J.Rousseau nhấn mạnh, "nhớ rằng công ước xã hội quy định sự

bình đẳng giữa các công dân; mọi người đều phải cam kết những điều kiện như nhau và được hưởng quyền ngang nhau" [44, tr.89]. Trước pháp luật, mọi công dân đều bình đẳng. Ông cũng làm rõ những tác động có thể ảnh hưởng đến sự bình đẳng trong xã hội. Xã hội phát triển nhưng điều kiện sống của các công dân có sự chênh lệch sẽ đặt con người trước nguy cơ bất bình đẳng. Chênh lệch giàu nghèo có thể tác động đến ý chí của công dân và ảnh hưởng đến ý chí chung. Người giàu có thể mua chuộc hoặc ép buộc người nghèo khi tham gia bỏ phiếu để thoả mãn ý chí của riêng họ. Nếu như vậy, người nghèo sẽ bị mất đi tự do. Tất nhiên, trong sự vận động, phát triển của xã hội, chúng ta không thể nào xoá nhoà ranh giới giàu nghèo, cào bằng mức sống như nhau giữa các thành viên, không thể có bình đẳng tuyệt đối về sở hữu tài sản mà chỉ là đảm bảo ở mức cân bằng nhất định. Ông khẳng định: "… về bình đẳng thì không nên hiểu là mọi mức độ quyền lực về tài sản đều phải tuyệt đối ngang nhau… tài sản thì không nên để một công dân nào giàu đến mức có thể mua một công dân khác; và không một công dân nào nghèo đến nỗi phải tự bán mình" [44, tr.115].

3.1.1.3. Công dân có quyền tự do

Con người tự nhiên là con người tự do. J.J.Rousseau đã có phát hiện thiên tài và làm nền tảng rất chắc chắn cho học thuyết của ông cũng như những học thuyết triết học chính trị phương Tây sau này. Đó là yêu cầu phải đảm bảo giữ con người tự do trong trạng thái tự nhiên khi con người có sự chuyển biến từ con người tự nhiên thành con người xã hội, thành công dân của một nhà nước. Đây chính là nền tảng của quan điểm tự do công dân sau này trong các học thuyết triết học chính trị phương Tây.

Tự do như một đặc tính tự nhiên của con người

"Bàn về khế ước xã hội" không tập trung vào việc phân tích "tự do", nhưng xuyên suốt tác phẩm, tư tưởng về tự do thường xuất hiện khi ông luận giải các vấn đề khác.

J.J.Rousseau bàn đến tự do trong cả trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội công dân. Ông coi tự do là một trong những quyền tự nhiên của con

người. Ngay từ đầu tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau đã khẳng định: "Người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích" [44, tr.52]. Với luận điểm này, quyền tự do gắn liền với con người ngay từ khi họ sinh ra. Tự do là từ bản chất của con người. Trong trạng thái tự nhiên, con người được tự do tuyệt đối với chính năng lực của họ mà không ai được quyền can thiệp. Việc tự do không giới hạn ấy có thể đặt con người trước những nguy hiểm khi cùng cạnh tranh một mục tiêu. Họ có thể xâm phạm, gây tổn hại đến tự do của người khác như nhận định của Thomas Hobbes. Yêu cầu đặt ra là phải làm sao để tự do được duy trì trong khi xã hội loài người ngày càng phát triển và đang chuyển sang trạng thái xã hội công dân. Như vậy, trong quan điểm của J.J.Rousseau, ban đầu, con người có tự do tự nhiên mang tính bản năng.

Phân tích từ mô hình xã hội thu nhỏ - gia đình, J.J.Rousseau nói rằng: "Nếu một người có thể tự từ bỏ mình, thì anh ta cũng không thể từ bỏ con cái. Chúng sinh ra vốn là người, và là người tự do. Tự do thuộc về chúng, không ai có quyền hưởng tự do hơn chúng" [44, tr.59]. Điều đó có nghĩa là con người, ngay từ khi sinh ra, họ đã có quyền tự do tự nhiên mà không ai được quyền xâm phạm, kể cả cha mẹ. Tự do tự nhiên, theo J.J.Rousseau, đó là con người được hành động theo ý muốn, bản năng cá nhân mà không chịu sự ràng buộc nào. Anh ta chỉ gặp giới hạn của tự do, đó là sức mạnh cơ bắp mà thôi. Tất nhiên, tự do tự nhiên ấy chỉ đặt trong phạm vi nhỏ, con người với không gian sống dường như thu nhỏ để đảm bảo tự do của người khác.

Từ mô hình xã hội tự nhiên lâu đời nhất là gia đình, con người làm quen với mô hình mới, rộng hơn, đó là xã hội. Ở đó, người thủ lĩnh không có tình thương, sự chăm sóc cho dân chúng như cha với con trong mô hình gia đình, thay vào đó là sự điều khiển của thủ lĩnh đối với mọi hoạt động. Khi sự sinh tồn bị đe dọa, con người liên kết lại với nhau thành một lực và được điều khiển bằng mục tiêu, ý chí chung. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, ông quan tâm đến khái niệm "từ bỏ" với nghĩa là cho hoặc bán. Ông lập luận rằng "một con người chịu làm nô lệ chẳng tự đem mình mà cho không. Anh ta bán mình

để được sinh tồn" [44, tr.58]. Có nghĩa, người ta chỉ là nô lệ khi và chỉ khi họ trao cái quyền tự do của mình cho người khác sở hữu, giữa họ có thỏa thuận với nhau bằng những công ước khi mà người sở hữu đồng ý đảm bảo quyền sinh tồn và người bị sở hữu chấp nhận từ bỏ tự do để lấy được quyền sinh tồn ấy. Ông kịch liệt phê phán hành động đó. Khi xã hội càng phát triển, con người phải phát huy khả năng của mình trong cộng đồng. Không thể vì mục đích sinh tồn mà từ bỏ đi quyền tự nhiên vốn có của mình, đó là tự do. Việc anh "từ bỏ tự do của mình thì chính là từ bỏ phẩm chất của con người, từ bỏ quyền làm người và cả nghĩa vụ làm người… Làm cho ý chí con người mất hết tự do tức là tước bỏ đạo lý trong hành động của con người" [44, tr.59 - 60]. Như vậy, ký kết giữa người từ bỏ tự do và người sở hữu tự do của người khác "thật là mâu thuẫn và vô nghĩa nếu ta ghi vào công ước một bên là quyền hành tuyệt đối và bên kia là sự phục tùng vô hạn độ" [44, tr.60].

Tự do như giá trị nền tảng của đời sống chính trị

Tiếp tục những phân tích của mình về quyền tự do, bình đẳng, J.J.Rousseau khẳng định rằng, chỉ khi con người là một phần của cộng đồng chính trị được tổ chức trên cơ sở khế ước và luật pháp, thì họ mới thực sự tự do, bình đẳng và có phẩm giá. Tự do mà J.J.Rousseau đề cập không phải là sự tùy tiện cá nhân, mà là tự do có lý tính, gắn với trách nhiệm công dân và luật pháp cộng đồng. Khi cá nhân từ bỏ tự do đồng nghĩa với việc họ từ bỏ đi phẩm chất làm người. Tự do là một trong những nguyên lý nền tảng của đời sống công dân, là giá trị tối cao gắn với tính chính danh của các thể chế chính trị.

J.J.Rousseau đặt vấn đề: "Nhưng sức mạnh và tự do của mỗi người là công cụ đầu tiên để cho họ sinh tồn; nếu họ đem nó góp vào của chung thì bản thân họ có bị hủy bỏ không?" [44, tr.66]. Khi bước sang trạng thái xã hội, con người cần có một bản công ước xã hội. Công ước xã hội đó khác với thỏa thuận giữa chủ nô và nô lệ. Ông tháo gỡ băn khoăn của mọi người bằng cách giải thích rằng,

> Tìm ra một hình thức liên kết với nhau để dùng sức mạnh chung mà bảo vệ mọi thành viên. Mỗi thành viên trong khi khép mình vào tập

thể, dùng sức mạnh tập thể, vẫn được tự do đầy đủ như trước, vẫn chỉ tuân theo chính bản thân mình. Đó là vấn đề cơ bản mà khế ước đưa ra cách giải quyết [44, tr.66-67].

Cái ông muốn đề cập là bản công ước xã hội mà ở đó quyền tự do nói riêng, quyền tự nhiên nói chung của con người được đảm bảo. Xã hội được quản lý, vận hành trên cơ sở những người tham gia đều được hưởng quyền lợi, nhân dân là tối cao. J.J.Rousseau khẳng định: "Phương pháp duy nhất để con người tự bảo vệ là họ phải kết hợp lại với nhau tạo thành một lực lượng chung, được điều khiển bằng một động cơ chung, khiến cho mọi người đều hành động một cách hài hòa" [44, tr.66]. Từ tự do tự nhiên ban đầu, con người chuyển sang trạng thái xã hội công dân với quyền tự do công dân được ý chí chung và luật pháp bảo vệ. Tự do bản năng nay được đặt trong khuôn khổ quy định. "Với khế ước xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và cái quyền nhỏ nhoi được làm những điều muốn làm và chỉ làm được với sức lực hạn chế của một mình; nhưng mặt khác con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái gì mà anh ta có được" [44, tr.73-74]. Ở trạng thái xã hội công dân, là công dân tham gia vào khế ước xã hội, con người được sống tốt hơn. Họ không phải đối mặt với trạng thái tự do tự nhiên đến mức cô đơn trước sức mạnh của thiên nhiên. Bình yên trong cuộc sống của họ được đảm bảo hơn; họ không còn phải lo sợ khi đối mặt với những kẻ lớn mạnh hơn cũng chẳng phải làm hại đến người khác để bảo vệ cho lợi ích của mình. Họ được an toàn hơn khi có quyền tự do công dân.

Quan điểm của J.J.Rousseau về quyền tự do của công dân gắn liền với hai trạng thái trong đời sống con người. J.J.Rousseau nhấn mạnh, bước chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội công dân là tất yếu. Đó là một xã hội ở trình độ cao hơn so với trạng thái tự nhiên ban đầu của loài người. Mỗi người tham gia vào khế ước đều tự nguyện mang tự do tự nhiên trao cho cộng đồng, cùng nhau tạo nên ý chí chung để điều khiển hoạt động của xã hội. Điều đó chứng tỏ rằng, tự do là giá trị nền tảng của đời sống chính trị. Đời sống chính trị không triệt tiêu sự tự do của con người, ngược lại, đời

sống chính trị làm cho tự do được đảm bảo. Đỉnh cao của một chế độ chính trị là công dân có được tự do đúng nghĩa, họ tuân thủ điều luật do chính họ tạo dựng mà không chịu sự chi phối của cá nhân nào. Với sự điều chỉnh của pháp luật, không có ai ngoại lệ. Và, tất nhiên, khi đời sống chính trị không đảm bảo được tự do cho công dân, điều khoản cộng đồng bị vi phạm thì khế ước sẽ trở nên vô hiệu, nhân dân có quyền giành lại quyền tự do tự nhiên của mình.

3.1.1.4. Quan niệm của J.J.Rousseau về nghĩa vụ công dân

J.J.Rousseau cho rằng, con người tự nhiên vốn dĩ họ sống tách biệt, cô lập không liên quan đến xã hội. Sự chuyển biến từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội công dân là bước chuyển lớn lao của con người. J.J.Rousseau phân tích xu hướng cuộc sống tự nhiên của con người vận hành như thế nào. Những yêu cầu đặt ra từ môi trường sống tự nhiên đối với sự sinh tồn của con người làm cho họ phải tìm ra giải pháp mới. Khi ấy, mối quan hệ giữa con người với xã hội thực sự được hình thành. Con người cùng nhau tạo lập cộng đồng, hình thành xã hội để bảo vệ nhau. Lúc này, mối quan hệ tự nhiên tốt đẹp giữa người với người phải nhường chỗ cho mối quan hệ mới được thiết lập và được pháp luật của cộng đồng bảo vệ. Với tư cách là công dân, họ có nghĩa vụ, trách nhiệm đối với nhà nước do họ tạo lập.

Trong hệ thống triết học chính trị của J.J.Rousseau, công dân không chỉ đơn thuần là một chủ thể pháp lý thụ hưởng các quyền tự do và bình đẳng, mà trước hết là một chủ thể đạo đức mang nghĩa vụ và trách nhiệm sinh tồn đối với nhà nước và cộng đồng chính trị mà mình thuộc về. Bước chuyển từ "trạng thái tự nhiên" sang "trạng thái công dân" không phải là một sự đánh đổi lợi ích đơn thuần, mà là một sự chuyển hóa bản chất nhận thức luận, nghĩa là, con người từ bỏ lối sống bản năng, vị kỷ để vươn tới đời sống lý trí và đạo đức. Khi gia nhập thể chế chính trị, cá nhân không thể tiếp tục đòi hỏi những đặc quyền cá nhân vô hạn, mà phải tự nguyện chấp nhận những ràng buộc nghĩa vụ nhằm duy trì sự tồn tại của cơ thể chính trị. J.J.Rousseau nhấn mạnh rằng, nghĩa vụ công dân chỉ mang tính chính đáng khi những yêu cầu từ cơ

quan quyền lực tối cao hướng trọn vẹn đến lợi ích chung, chứ không phải phục vụ cho đặc quyền của bất kỳ cá nhân hay lợi ích nhóm nào.

Điểm đặc sắc và uyên bác trong lập luận của J.J.Rousseau nằm ở chỗ, ông coi nghĩa vụ công dân là hệ quả tất yếu mang tính cấu trúc của khế ước xã hội. Thông qua khế ước, mỗi cá nhân thực hiện sự chuyển giao triệt để bản thân cùng mọi quyền lợi của mình cho cộng đồng. Chính sự đồng trao này tạo ra một nền tảng bình đẳng tuyệt đối, bởi, không ai bị đặt vào vị trí chịu thiệt thòi hay nằm ngoài nghĩa vụ ngay từ điểm xuất phát. Tuy nhiên, J.J.Rousseau nhìn nhận sâu sắc rằng, trong mỗi công dân luôn tồn tại một cuộc xung đột nội tâm dai dẳng giữa ý chí riêng (đại diện cho ham muốn cá nhân) và ý chí chung (đại diện cho lợi ích tối cao của cộng đồng). Từ góc nhìn này, nghĩa vụ công dân không phải là sự phục tùng mang tính áp đặt từ bạo lực bên ngoài, mà là quá trình tự rèn luyện của chính họ. Nghĩa vụ chính là công cụ giáo dục đạo đức, giúp con người tự vượt lên, gạt bỏ những thôi thúc hẹp hòi để đạt đến tư cách thành viên chân chính của cộng đồng.

Ở đây, J.J.Rousseau đã thiết lập mối liên hệ nội tại mang tính triết học giữa quyền lợi, nghĩa vụ và tự do. Công dân có quyền vì họ cấu thành nên cộng đồng, và họ có nghĩa vụ chính vì cộng đồng ấy là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của họ. Do đó, tuân thủ pháp luật và nghĩa vụ nhà nước hoàn toàn không phải là sự nô dịch trước một quyền lực xa lạ hay một vị quân chủ thần quyền, mà là sự tuân theo những quy tắc do chính tập thể công dân đồng sáng tạo. Khế ước xã hội không phải là bản hợp đồng cai trị giữa kẻ thống trị và người bị trị, mà là một công ước hữu cơ giữa toàn thể và từng phần tử. Khi công dân thực hiện nghĩa vụ đối với ý chí chung, họ không cúi đầu trước ý chí cá nhân nào khác, mà thực chất đang tuân theo ý chí hợp lý của chính mình. Đây chính là nền tảng của tự do đạo đức, tự do không còn là sự vô chính phủ của bản năng, mà là khả năng con người tự làm chủ bản thân thông qua việc tự giác phục tùng đạo luật do chính mình ban hành.

Từ logic biện chứng đó, J.J.Rousseau giải thích rằng, sự cống hiến của công dân cho nhà nước thực chất là sự nỗ lực vì sự an toàn của chính bản thân

họ. Nhà nước không phải là một thực thể siêu nhiên đứng trên xã hội, mà là cấu trúc bảo đảm cho sự tự do và tài sản của công dân. Khi công dân sẵn sàng cống hiến sức lực, tài sản hay thậm chí sinh mệnh cho quốc gia trong tình huống lâm nguy, họ không đánh mất quyền sống một cách vô nghĩa, mà là đang bảo vệ môi trường chính trị - nơi duy nhất quyền sống của họ được tôn trọng và bảo vệ một cách bình đẳng. Nghĩa vụ công dân vì thế mang tính tương hỗ hai chiều, vừa là trách nhiệm đóng góp, vừa là điều kiện tồn tại không thể tách rời để các quyền cá nhân được hiện thực hóa.

Trách nhiệm công dân còn thể hiện ở cấp độ cao nhất trong sự tham gia trực tiếp vào tiến trình lập pháp, nơi biểu hiện của chủ quyền nhân dân. Với tư tưởng đề cao chủ quyền nhân dân, J.J.Rousseau khẳng định nhân dân tuân theo luật thì phải chính là người làm ra luật. Quyền lực lập pháp này mang tính tuyệt đối, không thể chuyển nhượng và không thể đại diện, bởi việc ủy quyền lập pháp đồng nghĩa với việc từ bỏ chủ quyền và tự do. Tuy nhiên, J.J.Rousseau đặt ra một chuẩn mực đạo đức chính trị hết sức khắc nghiệt: khi tham gia vào tiến trình lập pháp, công dân phải đặt lợi ích chung lên trên hết. Nếu công dân mang theo lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm vào nghị trường để chi phối việc làm luật, luật pháp sẽ tha hóa thành công cụ áp chế. Nghĩa vụ công dân vì thế đòi hỏi một năng lực tự nhận thức vượt trội với khả năng gác lại cái riêng nhỏ hẹp để kiến tạo cái chung cao cả.

Như vậy, trong quan niệm của J.J.Rousseau, nghĩa vụ và trách nhiệm công dân là nội dung cấu thành bản chất của xã hội chính trị. Nghĩa vụ và quyền công dân là hai mặt không thể tách rời của một thể thống nhất; quyền lợi sẽ nhanh chóng suy thoái thành sự hỗn loạn nếu thiếu đi nghĩa vụ bảo tồn nó. Bằng việc đặt trách nhiệm công dân vào vị trí trung tâm của triết học chính trị, J.J.Rousseau không chỉ chỉ ra con đường giải phóng con người khỏi sự tha hóa của chế độ chuyên chế, mà còn để lại một thông điệp mang tính thời đại, rằng một thể chế cộng hòa tự do chỉ có thể tồn tại bền vững khi nó được xây dựng trên nền tảng của những công dân có lý trí, có đạo đức và tự giác gắn bó với vận mệnh của cộng đồng.

3.1.2. Quan niệm của J.J.Rousseau về nhà nước

3.1.2.1. Nhà nước hình thành từ khế ước xã hội

Trong *"Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau đưa ra luận điểm mang ý nghĩa nền móng cho cả hệ thống xã hội, đó là:

> Công ước cơ bản (pacte fondamental) không phá bỏ sự bình đẳng tự nhiên, nó xây dựng sự bình đẳng tinh thần và hợp pháp để thay thế cái mà thiên nhiên đã làm cho con người không bình đẳng về thế lực. Trên phương diện khế ước và pháp quyền, con người tuy không đồng đều nhau về thân thể và trí tuệ vẫn được hoàn toàn bình đẳng ngang nhau. [44, tr.78]

Ông cho rằng,

> Hành vi liên kết sẽ tạo nên một cơ thể tinh thần chung… Con người công cộng được hình thành bằng sự liên kết với tất cả mọi người khác… ngày nay chúng ta gọi nó là *"nước cộng hòa"* hoặc *"cơ thể chính trị"*. Mỗi thành viên ở thế thụ động thì gọi con người công cộng đó là *"Nhà nước"*, ở thế chủ động thì gọi nó là *"quyền lực tối cao"*. [44, tr.68]

Quyền lực tối cao hay cơ thể chính trị ấy, chính là nhà nước.

Như vậy, theo J.J.Rousseau, nhà nước là một tổ chức được tạo lập trên cơ sở ý chí chung - khế ước xã hội, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nhằm đảm bảo quyền tự do và bình đẳng của công dân.

J.J.Rousseau cho rằng, khế ước xã hội là yếu tố đóng vai trò nền tảng. Nhà nước không hình thành từ ý chí của thần thánh hay sự áp đặt của giai cấp thống trị, mà là kết quả của khế ước xã hội - một sự thỏa thuận tự nguyện giữa các cá nhân trong cộng đồng. Thông qua khế ước này, mỗi cá nhân từ bỏ quyền tự do tuyệt đối trong trạng thái tự nhiên để nhận lại quyền tự do công dân trong khuôn khổ pháp luật, được bảo vệ bởi ý chí tập thể. Trạng thái xã hội công dân được hình thành trên cơ sở các cá nhân liên kết lại với nhau. Toàn thể thành viên trong cộng đồng ấy sẽ có quyền uy tối cao. Sự

đồng thuận hình thành ý chí chung cộng đồng trong bản khế ước là tiền đề hình thành nhà nước, đưa xã hội loài người phát triển lên giai đoạn mới cao hơn. "Mỗi người chúng ta đặt mình và quyền lực của mình dưới sự điều khiển chung của ý chí chung, và chúng ta tiếp nhận mọi thành viên như một bộ phận không thể tách rời của toàn thể" [44, tr.68]. Thực chất của khế ước xã hội là như vậy. Khế ước xã hội là cơ sở để con người từ cá nhân tự nhiên trở thành công dân, từ đó thiết lập nên nhà nước với tư cách là người đại diện cho ý chí chung.

Về sự ra đời của nhà nước, trong Leviathan, Thomas Hobbes cho rằng, nhà nước ra đời thông qua khế ước xã hội được xem là giải pháp cần thiết, duy nhất để hạn chế sự lạm dụng quyền tự do cá nhân đến mức thái quá, để con người thoát khỏi trạng thái tự nhiên. Nhà nước xuất hiện như chỗ dựa giúp con người vượt qua những hiểm nguy, sợ hãi trong cuộc sống, đảm bảo trật tự xã hội được duy trì. Nhà nước được ví như con thuỷ quái khổng lồ có sức mạnh tuyệt đối và đòi hỏi con người phải tuân thủ. Nếu công dân chống lại nhà nước thì xã hội sẽ phải quay trở lại với trạng thái tự nhiên hỗn loạn. Khác với Thomas Hobbes, John Locke chủ trương thiết lập khế ước xã hội để hạn chế những khuyết điểm của trạng thái tự nhiên, đó là sự phân xử công bằng và trật tự mang tính cưỡng chế thi hành. Để làm được điều đó, nhà nước xuất hiện nhằm mục đích thiết lập các điều luật được điều khiển bởi ý chí cộng đồng thay thế, củng cố, thể chế hóa các quyền tự nhiên.

Những lập luận của J.J.Rousseau xoay quanh khái niệm "cơ thể chính trị", "nhà nước" hay "quyền lực tối cao" phần nào làm rõ bản chất của mô hình nhà nước hợp pháp, hợp lý tính mà ông chủ trương thiết lập, đó chính là chủ quyền nhân dân. Nhà nước ấy không phải công cụ mang bản chất, ý chí của một người, một nhóm người mà phải phản ánh được ý chí chung của cộng đồng, thể hiện quyền lực tối cao thuộc về nhân dân. J.J.Rousseau nhấn mạnh tính không thể từ bỏ, chuyển nhượng và không thể phân chia của chủ quyền tối cao.

Trong trạng thái xã hội công dân, hay nói chính xác là khi con người tham gia khế ước xã hội, họ vẫn được là chính họ, vẫn được thể hiện ý chí cá nhân của mình với cộng đồng và được cộng đồng bảo vệ. Cộng đồng ấy cùng sống, cùng lao động sản xuất, sẵn sàng tiếp nhận mọi thành viên như bộ phận không thể tách rời, cộng đồng ấy sẽ ngày càng được mở rộng. Các mối quan hệ nhiều hơn, rộng hơn, quy mô xã hội sẽ thay đổi, khi ấy, con người cần phải tạo lập được một tổ chức để quản lý, cai trị mọi mặt của đời sống xã hội, đảm bảo cho trật tự được duy trì. Bản chất của nhà nước thể hiện quyền lực tối cao thuộc về nhân dân, hình thành trên cơ sở khế ước xã hội, hành động vì lợi ích chung. "Ý chí chung chỉ có thể điều khiển các lực lượng nhà nước theo mục đích của cơ chế nhằm phục vụ lợi ích chung" [44, tr.79]. Bởi lẽ, "quyền lực tối cao được thiết lập từ những cá thể thành viên hợp lại tạo ra nó, cho nên nó không có và không thể có lợi ích nào trái ngược với các thành viên" [44, tr.71].

3.1.2.2. Nhà nước phục vụ lợi ích chung

Khế ước xã hội hình thành từ sự tự nguyện của cá nhân trong việc chuyển trao những quyền tự do tự nhiên mình có cho cộng đồng để hình thành ý chí chung, hướng về lợi ích chung. Vậy nên, quyền lực nhà nước chính là quyền lực cộng đồng. Nhân dân chính là chủ thể của quyền lực tối cao ấy. Ý chí chung của cộng đồng chính là ý chí của công dân, được thực hiện thông qua một lực lượng mà họ chọn làm đại diện - nhà nước. Nhà nước phục vụ ý chí chung, là công cụ của chủ quyền nhân dân đảm bảo nhằm quyền tự do và bình đẳng cho công dân của mình.

Nhà nước quản lý, thực thi ý chí chung dựa trên sự giao phó của quyền lực tối cao. Bởi, quyền lực tối cao chỉ tồn tại nhờ tính thiêng liêng của khế ước mà các công dân ký kết. Quyền lực ấy sẽ chỉ thực thi những gì thuộc về ý chí chung cộng đồng, bởi, nếu làm trái, nếu có một vi phạm nhỏ điều khoản của khế ước thì nó sẽ bị xóa bỏ.

Trong triết học của J.J.Rousseau, nhà nước tồn tại một cách chính đáng khi hướng đến lợi ích chung cộng đồng. Bản chất của khế ước xã hội không

phải là sự khuất phục trước một cá nhân hay một tầng lớp nắm quyền, mà đó là sự hợp nhất trên tinh thần tự nguyện của các cá nhân vào cơ thể chính trị chung. Bởi lẽ, khi cá nhân từ bỏ tự do tự nhiên để tham gia vào khế ước, họ không trao quyền lực cho bất kỳ ai ngoài tập thể mà họ tạo dựng nên. Do đó, khi cơ quan quyền lực được hình thành, nó phải hướng đến phục vụ lợi ích chung - thước đo cho mọi quyết sách. Hay nói cách khác, mọi quyết sách của nhà nước phải hướng tới cái chung chứ không có đặc quyền nào được bảo vệ. Nếu nhà nước chỉ phục vụ lợi ích riêng của những người cầm quyền, nó đã tự phá vỡ bản khế ước và mất đi tính chính danh. Nhà nước vi phạm các điều khoản thì công dân có quyền huỷ bỏ khế ước, nhà nước hoàn toàn mất đi tính chính danh và công dân có quyền bãi miễn, hủy bỏ chính quyền cũ để thiết lập một trật tự chính trị mới phù hợp với ý chí của mình. Trong quan điểm J.J.Rousseau, nhà nước phải đảm bảo sự phát triển của cộng đồng gắn với với việc duy trì quyền bình đẳng và phẩm giá của công dân.

Nhà nước đảm bảo quyền tự do, bình đẳng cho công dân trên cơ sở của pháp luật. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình lập pháp. Nhân dân với tư cách là công dân, là lực lượng nắm chủ quyền trong mối quan hệ với quốc gia, họ là cơ quan quyền lực tối cao. Cơ quan ấy hoạt động trên cơ sở ý chí chung để ban hành luật pháp. Luật pháp ra đời nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đời sống. Vì vậy, luật phải áp dụng cho tất cả, không ai đứng trên pháp luật, đứng ngoài pháp luật. Hay nói cách khác, trước pháp luật, mọi công dân đều bình đẳng.

J.J.Rousseau cũng nhấn mạnh rằng, bên cạnh nhiệm vụ lập pháp, nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thực thi pháp luật - hành pháp. Nhà nước được xem là "cơ thể chính trị" trung gian nhận "mệnh lệnh" từ cơ quan quyền lực tối cao và truyền đến dân chúng. Nhà nước được trao các quyền theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm soát của cơ quan quyền lực tối cao. Vai trò của nhà nước được phát huy trong việc điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội, thực hiện nhiệm vụ đảm bảo lợi ích chung. Nhà nước có quyền đòi hỏi công dân thực hiện một số công việc

nhưng không được quá sức hoặc gây tổn hại đến cộng đồng. Vì những hành động của chủ quyền tối cao ấy sẽ tác động trực tiếp đến công dân nên phải luôn đảm bảo không có điều gì trái với quy luật tự nhiên cũng như ý chí xã hội. Nếu nhà nước đi ngược lại với lợi ích của nhân dân thì không còn phù hợp và tất yếu sẽ bị thay thế bằng hình thức mới phù hợp hơn. Nhà nước được lập nên nhằm mục đích duy trì trật tự xã hội, đời sống cá nhân được an toàn, tự do. Khi ý chí cá nhân đã gạt bỏ đi lợi ích của chính mình, họ phải được nhận lại những gì tương xứng với điều đó. Nhờ vậy, sự tồn tại của khế ước xã hội và nhà nước mới thực sự ý nghĩa.

Tư tưởng cấp tiến của J.J.Rousseau hướng đến nhà nước cộng hoà gắn liền với chủ quyền nhân dân không thể phân chia. Mục đích của thoả thuận ký kết khế ước xã hội đó chính là mong muốn mọi công dân đều đảm bảo cho các quyền cơ bản, được tự do và bình đẳng dưới sự che chở của sức mạnh tập thể. Nhà nước được thiết lập từ bản khế ước ấy phải phục vụ lợi ích cộng đồng. Ở đó, công dân được tự do, bình đẳng, chỉ tuân theo chính bản thân mình. Quyền tự do chân chính của công dân lúc này không phải là sự vô chính phủ, mà là việc họ tự giác thực thi những đạo luật do chính mình góp phần đặt ra. Sức mạnh tập thể, quyền lực tối cao sẽ bảo đảm cho họ điều đó. Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước bắt nguồn từ chính mối quan hệ cá nhân với cộng đồng, cá nhân với xã hội. Ban đầu, các cá nhân cùng tham gia vào cộng đồng, trao quyền tự nhiên của mình cho cộng đồng. Điều đó làm con người mất đi cái tự do tự nhiên, đổi lại, con người có quyền tự do công dân, quyền sở hữu cái mà họ có. Tự do không giới hạn trong tự nhiên có thể khiến con người phải đối mặt với sự khốc liệt sinh tồn, nhưng trong nhà nước cộng hoà, tự do công dân được luật pháp quy định và bảo vệ. Quyền tự do của công dân chính là việc họ thực thi những điều luật mà chính họ đã đặt ra mà thôi. Khế ước xã hội sẽ không làm mất đi sự bình đẳng tự nhiên của con người, ngược lại, nó biến sự bất bình đẳng tự nhiên về thể lực và trí tuệ của con người trong tự nhiên thành quyền bình đẳng hợp pháp và hợp lý tính được khế ước quy định, bảo vệ. Nhà nước hoạt động theo pháp luật và mọi công

dân cũng bình đẳng trước pháp luật. Trước pháp luật, mọi công dân đều có vị thế ngang nhau; tất cả đều có quyền bày tỏ ý kiến, trực tiếp tham gia vào tiến trình lập pháp và bỏ phiếu quyết định vận mệnh chung. J.J.Rousseau còn tiến xa hơn khi nhấn mạnh sự bình đẳng về chính trị phải được nâng đỡ bởi một sự tương đối bình đẳng về đời sống kinh tế - nơi không một công dân nào quá giàu để có thể mua người khác và không một ai quá nghèo đến mức phải bán mình. Chính sự bình đẳng toàn diện đó là điều kiện tiên quyết để bảo toàn sự tự do về ý chí, giữ cho công dân không bị thao túng bởi quyền lực đồng tiền hay sự áp chế của kẻ mạnh, bảo đảm cho nhà nước luôn vận hành đúng với sứ mệnh phụng sự cộng đồng.

3.1.2.3. Nhà nước không đứng trên nhân dân

Với J.J.Rousseau, ông xem nhà nước như một thực thể đạo đức, được thiết lập từ các thành viên. Sự thống nhất của các thành viên trong cơ thể chính trị ấy tạo nên mối liên kết chặt chẽ, và dĩ nhiên không cá nhân nào muốn làm tổn hại đến cơ thể ấy, "chủ quyền tối cao là sự thực hiện ý chí chung nên không thể tự nó từ bỏ nó được. Cơ quan quyền lực tối cao là một con người tập thể, nên chỉ tự mình nó đại biểu được cho nó mà thôi. Quyền hành thì có thể chuyển trao được lắm, nhưng ý chí thì không" [44, tr.79]. Quyền lực tối cao cũng không thể phân chia. Ông nhấn mạnh, về nguyên tắc,

> Chủ quyền tối cao không thể từ bỏ thì cũng không thể phân chia được, bởi vì ý chí là chung hoặc không phải là chung; nó có thể là của toàn thể dân chúng hoặc là của một bộ phận. Trường hợp thứ nhất, ý chí chung được công bố là một điều khoản của chủ quyền tối cao, nó trở thành luật. Trường hợp thứ hai, ý chí cá nhân nếu công bố lên thì chỉ là mệnh lệnh pháp quan, cùng lắm chỉ là một nghị định mà thôi [44, tr.81].

Trên thực tế, quyền lực tối cao đó có sự phân chia về đối tượng, như J.J.Rousseau phân tích, đó là sự phân chia thành lực lượng và ý chí để hình thành các quyền như lập pháp, hành pháp… Chúng ta hiểu rằng, đó là sự chia tách về mặt chức năng, nhiệm vụ trong cơ thể chính trị ấy, chứ

về mặt bản chất chủ quyền nhân dân tối thượng vẫn được đảm bảo và không thể phân chia. Như vậy, về thực tế, nhà nước sẽ hình thành cơ quan chính phủ - bộ phận trung gian thực thi các điều luật do chủ quyền tối cao thông qua và trao nhiệm vụ cho các công chức nhà nước. Chính phủ là cơ quan thực hành ý chí chung. Họ phải đặt dưới sự kiểm soát của nhân dân và có thể bị thay thế, bãi miễn chức vụ nếu không hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

Theo J.J.Rousseau, nhà nước không phải là một thực thể đứng trên hay tách biệt khỏi nhân dân, mà chính là sự liên kết chính trị tự nguyện và chủ động của các công dân. Nếu các nhà triết học cùng thời coi nhà nước là công cụ để cai trị, thì J.J.Rousseau lại khẳng định, nhà nước là một cơ thể chính trị được hình thành từ sự nhất trí tuyệt đối của các thành viên trong cộng đồng. Nhà nước hình thành từ khế ước xã hội và được đảm bảo tính chính danh. "Con người công cộng được hình thành bằng sự liên kết với tất cả mọi người khác. Ngày xưa con người công cộng ấy được gọi là thành bang ngày nay chúng ta gọi nó là *"nước cộng hoà"* hoặc *"cơ thể chính trị"* [44, tr.68]. Trong sự liên kết này, mỗi cá nhân không còn là những cá thể đơn độc mà trở thành một bộ phận không thể chia cắt của toàn thể, cùng hướng tới ý chí chung, lợi ích chung. Nét độc đáo trong quan điểm của J.J.Rousseau, chính là nhấn mạnh rằng, trong mỗi cá nhân luôn tồn tại hai con người. Cá nhân vừa là người cai trị có nhiệm vụ tạo lập luật pháp vừa là người bị cai trị, phải tuân thủ các điều luật mà mình tham gia tạo dựng, "họ lấy một tên chung là *"dân chúng"*; mỗi người riêng lẻ thì gọi là *"công dân"* trong khi họ tham gia vào quyền lực tối cao; hoặc gọi là *"thần dân"* trong khi họ phục tùng luật pháp nhà nước" [44, tr.69]. Chính sự gắn kết này biến quyền lực nhà nước thành sức mạnh của tập thể, nơi mà việc tuân thủ pháp luật thực chất là tuân thủ chính ý chí của mình, từ đó bảo đảm rằng, nhà nước sinh ra không phải để tước đoạt tự do, mà để thực hiện quyền tự do công dân trong sự bình đẳng tuyệt đối. Với J.J.Rousseau, nhà nước chính là một cộng đồng đạo đức và

pháp lý, một thực thể sống động mà ở đó, sự tự trị của mỗi công dân là gốc rễ đảm bảo tính chính danh chính trị.

3.1.2.4. Chính phủ chỉ là cơ quan chấp hành

Chính phủ không phải là chủ thể nắm giữ chủ quyền, mà thuần túy là cơ quan chấp hành ủy nhiệm của nhân dân.

Trong cấu trúc triết học chính trị của J.J.Rousseau, việc phân định ranh giới giữa chủ quyền và chính phủ mang ý nghĩa quyết định đối với việc bảo vệ tự do công dân. J.J.Rousseau đưa ra một luận điểm cách mạng rằng, nhân dân với tư cách là tập thể thực thi ý chí chung, là chủ thể duy nhất nắm giữ chủ quyền tối cao và họ có quyền lập pháp. Trong mối quan hệ đó, chính phủ không phải là một bên ký kết khế ước xã hội, cũng không phải là người cai trị mang quyền lực độc lập, mà chỉ đóng vai trò trung gian nối liền chủ thể tối cao với các công dân. J.J.Rousseau coi chủ thể tối cao như ý chí đưa đến những quyết định hành động còn chính phủ như sức mạnh để thực thi hành động trong thực tiễn. Vì vậy, về mặt bản chất, chính phủ chỉ là cơ quan phụ trách công tác hành pháp, cơ quan trung gian được giao nhiệm vụ thi hành luật pháp và duy trì quyền tự do công dân cũng như trật tự chính trị xã hội.

Bằng những phân tích, lập luận làm rõ về quyền lực tuyệt đối, J.J.Rousseau đã bác bỏ hoàn toàn quan điểm cho rằng, mối quan hệ giữa công dân và chính phủ là thoả ước mang tính phục tùng. Ông khẳng định, không có bất kỳ một bản khế ước nào giữa nhân dân và những người cầm quyền. Cơ quan chính phủ được hình thành dựa trên sự uỷ nhiệm của quyền lực tối cao - chủ quyền nhân dân. Đó đơn thuần chỉ là hành vi hành chính, "Chính phủ nhận mệnh lệnh của cơ quan quyền lực tối cao, truyền tới dân chúng" [44, tr.123]. Bởi vậy, những người đứng đầu chính phủ không phải là ông chủ của nhân dân, họ chỉ là những người công chức được nhân dân trao quyền tạm thời. Do đó, nhân dân có toàn quyền thiết lập, thay đổi, hạn chế, thậm chí thu hồi, bãi miễn bộ máy chính phủ bất kỳ lúc nào nếu cơ quan này đi ngược lại ý chí chung cộng đồng hoặc có nguy cơ tha hóa thành một lực lượng áp chế nhân dân.

J.J.Rousseau cũng đặc biệt cảnh báo về nguy cơ có thể dẫn đến sự tha hóa tự nhiên của cơ quan chấp hành. Ông chỉ ra rằng, mỗi chính phủ đều có xu hướng nội tại là củng cố quyền lực riêng, dần dần tách khỏi ý chí chung để biến ý chí đặc thù của bộ máy thành luật lệ, "các thứ chính phủ trên đời, một khi nắm được quyền lực công cộng, đều tìm cách lạm dụng, thoán đoạt quyền lực tối cao của toàn dân" [44, tr.188]. Trong trường hợp chính phủ tước đoạt quyền lập pháp của nhân dân hoặc chính phủ đứng trên pháp luật, thì khế ước xã hội lập tức bị xoá bỏ, lúc này không chỉ dừng lại ở trạng thái chính phủ lạm quyền mà biến thành chế độ bạo ngược. Để ngăn chặn thảm họa này, J.J.Rousseau cũng đã đề xuất cơ chế giám sát thường xuyên của chủ thể tối cao đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, của cơ quan chính phủ. Đặc biệt, J.J.Rousseau đề xuất, thông qua các cuộc Hội nghị nhân dân định kỳ, nhân dân có thể trực tiếp bỏ phiếu cho hai câu hỏi mang tính sinh tử đối với nền cộng hòa: Một là, chủ thể tối cao có tiếp tục duy trì hình thức chính phủ hiện hành hay không? Hai là, nhân dân có tiếp tục giao việc quản lý cho những người hiện đang đảm nhiệm hay không? Ông chỉ rõ, "Những cuộc hội nghị định kỳ mà tôi nói trên chính là để ngăn chặn, đẩy lùi tai hoạ cướp quyền như thế… Mở hội nghị toàn dân như thế là nhằm mục đích bảo vệ quy ước xã hội" [44, tr.189]. Quan điểm xem chính phủ chỉ là cơ quan chấp hành của J.J.Rousseau không chỉ đập tan luận điệu biện minh cho chế độ quân chủ chuyên chế, mà còn đặt nền móng lý luận kinh điển cho nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước và cơ chế bãi miễn trong thể chế cộng hòa hiện đại.

3.1.3. Chủ quyền nhân dân và ý chí chung

3.1.3.1. Khái niệm ý chí chung

Ý chí chung được xem là khái niệm cốt lõi trong triết học chính trị của J.J.Rousseau. Quan niệm về ý chí chung được ông trình bày chi tiết trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"* đã góp phần giải quyết bài toán hóc búa nhất của triết học chính trị, đó là, làm thế nào để con người sống trong xã hội, tuân thủ luật pháp mà vẫn giữ được sự tự do tự nhiên.

Ý chí chung của cộng đồng hướng theo lợi ích chung, loại bỏ những quyền lợi đối kháng nhau. Hay nói cách khác, ý chí chung chính là tập hợp những ý chí trùng khớp nhau của các ý chí cá nhân.

Mục đích của khế ước xã hội đó là tạo lập ý chí chung của cộng đồng và sức mạnh của nó. Theo quan điểm của J.J.Rousseau, nếu trong xã hội không tồn tại điểm chung về ý chí, về lợi ích thì xã hội đó sẽ không thể tồn tại. Ý chí chung điều khiển các hoạt động của nhà nước. Mọi hoạt động của nhà nước luôn phải hướng đến việc đảm bảo lợi ích cao nhất của cộng đồng, của tất cả các thành viên, dựa trên lợi ích chung. Như vậy, khế ước xã hội đảm bảo công dân được tự do nhưng không ai được đặt tự do của mình cao hơn người khác, không ai có quyền thống trị người khác. Cá nhân tham gia vào khế ước để nhận được sự bảo đảm quyền lực cá nhân bằng các quy định, điều luật và điều đó đã được cộng đồng thông qua.

J.J.Rousseau nhấn mạnh rằng, "Ý chí chung muốn thật sự là ý chí chung, thì phải là ý chí chung từ trong đối tượng và trong bản chất của nó; phải từ tất cả và ứng dụng cho tất cả. Ý chí chung sẽ mất đi sự đúng đắn tự nhiên khi nó thiên về một đối tượng riêng lẻ nhất định" [44, tr.87-88]. Xét về bản chất, ý chí chung là khái niệm hướng tới đạo đức và sự thống nhất trong quyền lực chính trị. Ý chí chung là tiếng nói cộng đồng hướng tới lợi ích chung của tất cả. Ý chí chung là tiếng nói của lý trí vì J.J.Rousseau tin rằng, mỗi cá nhân luôn tồn tại những ham muốn nhất định. Ham muốn cá nhân sẽ xung đột với lý trí của một công dân trong chính con người họ. Ông phân tích rằng, những ham muốn cá nhân sẽ dẫn đến những hành vi mang tính bản năng, ngược lại, khi con người biết hành động hướng đến ý chí chung cộng đồng thì cái tôi lý trí đã cao hơn, giúp họ sáng suốt hơn. Con người biết đặt mình cùng với cộng đồng để không đi ngược với lợi ích chung ấy, làm cho họ tốt đẹp hơn, văn minh hơn. "Ý chí chung bao giờ cũng thắng và luôn hướng tới lợi ích chung" [44, tr.84]. Vấn đề ông đề cập đến, đó là những tác động làm cho nhân dân không thấy hết được tính đúng đắn trong ý chí chung ấy vì "thường thường người ta vẫn lừa dối dân" [44, tr.84] làm cho họ có

những quyết định sai lầm. Ý chí chung là chuẩn mực đạo đức cao nhất mà cộng đồng tạo nên, mọi người đều hướng tới. Điều đó được đảm bảo khi tất cả người dân được thông tin đầy đủ, dù có xảy ra tranh luận bởi những khác biệt nhỏ, nhưng kết quả vẫn tốt đẹp. Vậy nên, theo J.J.Rousseau, nếu có quyết định nào gây ảnh hưởng đến cộng đồng thì đó chỉ là sự biến tướng mang tính lợi ích nhóm, chứ không phải sự sai lầm của ý chí chung.

Ý chí chung không phải là ý chí của tất cả.

J.J.Rousseau nhấn mạnh rằng, "Muốn cho một ý chí trở thành ý chí chung, không nhất thiết lúc nào cũng phải tuyệt đối trăm người như một" [44, tr.81]. Nhưng, ý chí chung phải được hình thành trên cơ sở đảm bảo mọi ý chí cá nhân đều được quan tâm đến. Tiếng nói của mọi cá nhân đều được cộng đồng coi trọng. Như vậy, ý chí chung mới đúng về bản chất và tồn tại được. Ý chí chung luôn luôn hướng tới lợi ích chung. Bản chất cốt lõi của ý chí chung là tập trung những gì tốt đẹp nhất cho cộng đồng. Ý chí chung không phải là tổng số những ý chí riêng lẻ, không phải là ý chí của tất cả mọi người. Ý chí chung là ý chí của cộng đồng sau khi đã loại trừ những ý chí riêng lẻ trái ngược nhau. Còn, ý chí của tất cả là tổng số ý chí mang tính cơ học khi tổng hợp toàn bộ ý chí cá nhân, trong đó bao hàm cả ý chí cá nhân hướng cộng đồng và ý chí cá nhân mang tính tư lợi. Ý chí của tất cả chỉ là phép cộng đơn thuần của các ý chí cá nhân, thường là những mong muốn vị kỷ và mang tính cục bộ của từng nhóm người. Đây là yếu tố dẫn đến những quyết định mang tính lợi ích nhóm, gây nên bất bình đẳng trong xã hội.

Nói tóm lại, ý chí của tất cả chỉ mang tính số lượng, còn ý chí chung mang tính chất lượng, là nhân tố đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Vai trò của ý chí chung trong đời sống chính trị

Ý chí chung là tối thượng, là chuẩn mực đạo đức cao nhất của đời sống chính trị. Ý chí chung là mối liên kết tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động của các công dân, tạo nên sự bền vững của cộng đồng, của quốc gia dân tộc.

Chương 7 - Quyển thứ nhất nói về *Quyền lực tối cao*, ông viết "quyền lực tối cao được thiết lập từ những cá thể thành viên hợp lại tạo ra nó, cho nên nó không có và không thể có lợi ích nào trái ngược với các thành viên" [44, tr.71]. Quyền lực tối cao nhờ có tính chất như vậy mới tồn tại được, nên "luôn luôn tự nó phải là tất cả những gì tạo ra nó" [44, tr.71]. Chương 1 và chương 2, quyển thứ 2, ông khẳng định, "Chủ quyền tối cao là không thể từ bỏ" và "không thể phân chia". Trên cơ sở đảm bảo quyền lực tối cao thực hiện ý chí chung, tất cả các quá trình xã hội phải vận hành theo ý chí chung. Nhân dân có quyền tham gia vào quá trình lập pháp của nhà nước. Nhà nước sẽ thiết lập các điều luật nhằm đảm bảo công bằng cho tất cả mọi công dân của mình, nghĩa là không để cho công dân bị ảnh hưởng bởi tác động của ý chí cá nhân khi bàn về luật. Nếu nhà nước để quá trình lập pháp bị ảnh hưởng thì nhà nước sẽ đứng trước nguy cơ sụp đổ vì khi đó nhà nước không còn mang ý chí chung.

"Cơ thể chính trị" hình thành từ sự liên kết các thành viên, phải mang màu sắc của ý chí chung, thực hiện quyền lực tối cao để phục vụ lợi ích chung, đảm bảo cho cơ thể chính trị, xã hội phát triển, hài hòa lợi ích cá nhân. Ông nói "ý chí chung chỉ có thể điều khiển các lực lượng Nhà nước theo mục đích của cơ chế nhằm phục vụ lợi ích chung" [44, tr.79]. Điểm mấu chốt trong quan điểm của J.J.Rousseau về cơ thể chính trị, đó chính là nguồn gốc hình thành từ sự liên kết các thành viên hình thành sức mạnh chung, ý chí chung. Vậy nên, nhà nước - cơ thể chính trị trung gian có vai trò đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ ý chí chung, phản ánh được nguyện vọng của mọi công dân. Ý chí chung hình thành từ sự trùng khớp các ý chí cá nhân. Nhưng, sự đồng thuận, nhất trí của ý chí cá nhân với ý chí chung không thể lâu dài và thường xuyên, bởi lẽ, ý chí cá nhân sẽ có sự thay đổi theo thời gian. Con người với suy nghĩ riêng, cảm xúc, nhu cầu riêng và họ sẽ luôn bị cái tôi chi phối, tác động. Hay nói cách khác, "ý chí cá nhân, do bản chất của nó, hướng về ưu tiên bản thân, còn ý chí chung lại hướng tới sự đồng đều bình đẳng"

[44, tr.80]. Thế nên, quyền lực tối cao thông qua lực lượng nhà nước thực hiện ý chí chung cũng mang tính lịch sử. J.J.Rousseau viết:

> Quyền lực tối cao có thể nói: Bây giờ ta muốn cái mà người kia đang muốn, chứ không thể nói: Ta cũng sẽ muốn cái mà người kia ngày mai sẽ muốn. Bởi vì, nói rằng ý chí chung tự trói buộc mình vào tương lai thì thật là mơ hồ. Vả lại, chẳng cần phải tùy thuộc vào một ý chí nào để đồng tình với một điều không trái với điều mình mong muốn. Nếu dân chúng hứa hẹn một cách giản đơn là sẽ phục tùng vô điều kiện thì dân chúng không còn tính cách là dân chúng nữa; lúc đó sẽ chỉ có ông chủ chứ không còn quyền lực tối cao nữa, toàn bộ cơ thể chính trị sẽ phải tan rã [44, tr.80].

Cơ quan quyền lực tối cao ấy chỉ có thể thực hiện ý chí chung tại thời điểm hiện tại, chứ không phải ở tương lai. Mọi đạo luật được hình thành phải đảm bảo ý chí chung, thể hiện ý chí, nguyện vọng của toàn thể cộng đồng. Khi đó, luật pháp mới có tính chính đáng.

Mặt khác, theo tinh thần ý chí chung, cơ quan quyền lực tối cao cũng có quyền hạn chế, thu hồi quyền hành của các thành viên trong chính phủ theo quy định của pháp luật. Sức mạnh của chính phủ chính là sự quy tụ sức mạnh công cộng. Việc thực thi pháp luật muốn đạt được hiệu quả, đáp ứng được mục đích chung quốc gia thì chính phủ phải được chuyển trao các quyền hạn nhất định như quyền định đoạt, xử lý, được thành lập các bộ phận riêng với nhiệm vụ riêng. Hiệu quả hoạt động của chính phủ cũng phụ thuộc rất nhiều vào chế độ riêng mà họ được nhận cũng như trách nhiệm nặng nề mà họ phải gánh vác.

3.1.3.2. Chủ quyền thuộc về nhân dân

Trong *"Bàn về khế ước xã hội"* nói riêng và hệ thống lý luận J.J.Rousseau nói chung, khái niệm chủ quyền nhân dân được ông đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau. Đây được xem là đóng góp lớn của J.J.Rousseau trong kho tàng tư tưởng nhân loại. Bởi lẽ, J.J.Rousseau khẳng định quyền lực tối cao thuộc về toàn dân, quyền lực ấy không phải của một cá nhân hay một

nhóm lợi ích nào. Nhân dân có quyền làm chủ mọi hoạt động của cơ thể chính trị trung gian - nhà nước, làm chủ đời sống xã hội, có quyền định đoạt những vấn đề quan trọng của cộng đồng.

Chủ quyền thuộc về toàn dân. Chủ quyền nhân dân là kết quả của khế ước xã hội. Chủ quyền nhân dân không phải là sự sắp đặt của Đấng tạo hoá. Đó là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, phù hợp với sự phát triển xã hội, khi các cá nhân thống nhất lợi ích với nhau, tạo thành cơ thể chính trị thống nhất. Các cá nhân đồng thuận, ký kết thoả ước chung chính là khi khế ước xã hội được tạo dựng, "phương pháp duy nhất để con người tự bảo vệ là họ phải kết hợp lại với nhau thành một lực lượng chung, khiến cho mọi người đều hành động một cách hài hoà" [44, tr.66]. Từ đây, tất cả các quy định cũng như sự vận hành của xã hội đều phải dựa trên khế ước. Bản khế ước chính là điều kiện đảm bảo cho sự tồn tại của ý chí chung và chủ quyền nhân dân. Nếu ý chí chung bị xâm phạm thì khế ước sẽ bị phá vỡ và xã hội sẽ phải thiết lập những quy định mới với sự ra đời của bản khế ước mới.

Chủ quyền nhân dân chính là sự biểu hiện của ý chí chung cộng đồng. Bởi lẽ, "mỗi thành viên từ bỏ quyền riêng của mình để góp hết vào quyền chung, ai ai cũng như vậy cả, không ngoại trừ một người nào" [44, tr.67]. Khi được hình thành, chủ quyền nhân dân tuyệt đối không thể chuyển nhượng và không thể phân chia. J.J.Rousseau khẳng định rằng, "mỗi người tự hiến dâng cho mọi người chứ không cho riêng ai, thì sẽ không một thành viên nào giành được đặc quyền" [44, tr.67], cứ như vậy, con người công cộng được hình thành. "Chủ quyền tối cao là sự thực hiện ý chí chung nên không thể tự nó từ bỏ nó được. Cơ quan quyền lực tối cao là một con người tập thể, nên chỉ tự mình nó đại biểu được cho nó mà thôi. Quyền hành thì có thể chuyển trao được lắm, nhưng ý chí thì không" [44, tr.79]. Vì, ý chí chung hướng tới sự bình đẳng giữa các cá nhân. Xã hội ra đời và tồn tại được khi các lợi ích riêng được hài hoà. Mọi sự cai quản phải dựa trên lợi ích chung để tiến hành trong thực tiễn. Điều mà J.J.Rousseau muốn nhấn mạnh chính là ý chí của dân chúng trong những vấn đề chung. Ông lập luận rằng, chẳng có sự hài hoà ý

chí cá nhân với ý chí chung mãi mãi. Bởi lẽ, "Nếu dân chúng hứa hẹn một cách giản đơn là sẽ phục tùng vô điều kiện thì dân chúng không còn tính cách là dân chúng nữa" [44, tr.80], khi ấy, quyền lực tối cao, chủ quyền nhân dân sẽ bị phá vỡ, cơ thể chính trị trung gian tan rã. Trong những phân tích của J.J.Rousseau, ông làm rõ cơ chế hình thành ý chí chung và chủ quyền nhân dân, đó là tất cả tiếng nói của nhân dân đều được quan tâm. Quyền lực tối cao ấy không thể từ bỏ thì cũng không thể phân chia. J.J.Rousseau khẳng định rằng, thực tế, người ta có chia tách quyền lực tối cao trong các đối tượng cụ thể. Nhưng, đó là "Những bộ phận quyền hành được chia tách ra đều phụ thuộc vào quyền lực tối cao, đều giả định phải có ý chí tối cao, mỗi bộ phận đều chỉ nhằm thực hiện ý chí tối cao đó" [44, tr.82].

3.1.3.3. Chủ quyền tối cao là không thể từ bỏ và không thể phân chia

J.J.Rousseau khẳng định, "Chủ quyền tối cao là sự thực hiện ý chí chung nên không thể tự nó từ bỏ nó được" [44, tr.79]. Ý chí chung là điểm gặp nhau của các ý chí cá nhân, hướng đến cùng mục đích. Khế ước xã hội hình thành trên cơ sở ý chí chung ấy và nhà nước là lực lượng đảm bảo cho quyền lực tối cao thực thi nhiệm vụ duy trì trật tự xã hội. Cơ quan quyền lực tối cao là một con người tập thể nên tự nó đại biểu được cho nó mà thôi. Bởi như J.J.Rousseau quan niệm, "Quyền hành thì có thể chuyển trao được lắm, nhưng ý chí thì không" [44, tr.79]. Ông lập luận rằng, xã hội được hình thành từ các cá nhân với những lợi ích riêng, những lợi ích riêng đó sẽ có lúc mâu thuẫn với nhau, chỉ khi các lợi ích riêng được hài hòa thì xã hội mới tồn tại và phát triển được. Giữa vô vàn những cái riêng cũng sẽ có những cái chung tạo nên mối liên hệ xã hội. Bởi vậy, lực lượng được trao quyền lực, hay nói cách khác là nhà nước, phải dựa trên các lợi ích chung để duy trì trật tự, cai quản xã hội. Chúng ta phải xác định rằng chỉ khi "dân chúng hứa hẹn một cách giản đơn là sẽ phục tùng vô điều kiện thì dân chúng không còn tính cách là dân chúng nữa; lúc đó sẽ chỉ có ông chủ chứ không còn quyền lực tối cao nữa, và toàn bộ cơ thể chính trị sẽ phải tan rã" [44, tr.80]. Vì thế nên, trong phạm vi xác định của khế ước xã hội, “chủ quyền tối cao” hay “quyền lực tối cao” là

“không thể từ bỏ”. Lập luận của J.J.Rousseau mang tính nền tảng cho mô hình nhà nước hợp pháp, cũng là điều tiên quyết để đảm bảo mối quan hệ bền chặt giữa công dân và nhà nước.

Trong Chương 2, quyển thứ hai, J.J.Rousseau tiếp tục nhấn mạnh: "Chủ quyền tối cao không thể từ bỏ thì cũng không thể phân chia được" [44, tr.81]. Vì ý chí chung luôn hướng tới lợi ích chung để tất cả mọi người có cuộc sống tốt đẹp hơn nên nó trở thành cơ quan quyền lực tối cao. Mọi công dân đều tự nguyện đồng thuận với ý chí chung cộng đồng. Nguyên tắc của quyền lực là mỗi người ràng buộc với tất cả vì tất cả ràng buộc với mỗi người. Điều đó đảm bảo cho quyền lực không bị lạm dụng bởi ý chí cá nhân, không phải là sự áp đặt quân chủ chuyên chế, rằng vua chính là nhà nước. Quyền lực đó không vượt ra ngoài những điều khoản công ước; mọi người có thể thoải mái sử dụng quyền tự do của mình và được hưởng các lợi ích từ khế ước xã hội mang đến cho họ. Họ được trao quyền tự do công dân với sự bảo đảm của xã hội và điều đó được áp dụng bình đẳng với tất cả mọi người, đến mức quyền lực tối cao không thể trao trách nhiệm cho người này lớn hơn người khác vì như thế sẽ là hành động thiên vị, không xứng đáng với quyền lực tối cao. Ông chỉ rõ quyền lực tối cao chuyển giao cho một cơ cấu chung, một lực lượng đủ mạnh đứng ra để điều tiết các mối quan hệ và hành vi của con người, đó chính là nhà nước. Khế ước xã hội chính là căn cứ để hình thành nên nhà nước và quyền lực nhà nước. Vì khế ước xã hội được hình thành từ sự tự nguyện chuyển giao quyền tự nhiên của các cá nhân nên quyền lực nhà nước cũng là quyền lực chung của cả cộng đồng. Hay nói cách khác, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Nhân dân tự quyết định số phận của mình bằng "ý chí chung", thông qua những đại diện ưu tú và hợp pháp nhằm phục vụ lợi ích chung. Bởi vậy, quyền lực tối cao không thể phân chia, đó là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Cơ quan quyền lực tối cao thực hiện sức mạnh của mình thông qua các điều luật, bởi, đó là hành vi hợp thức của ý chí chung. Vậy nên, quyền lực tối cao chỉ có thể tác động được khi các cuộc họp dân chúng diễn ra. Khi dân

chúng được sống ở một quốc gia phát triển, tự do, mọi công dân sẽ tự ý thức được trách nhiệm của mình. Công dân sẽ tự mình làm mọi việc và tự mình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Ông khẳng định: "Quốc gia càng được tổ chức tốt, người công dân càng quan tâm đến việc chung hơn là việc riêng của họ" [44, tr.178]. Việc tổ chức tốt thể hiện ở bộ máy nhà nước điều hành các hoạt động xã hội rõ ràng, nhịp nhàng giữa các cơ quan thực hành. Khi quốc gia thực hiện tốt chức năng của mình, người dân sẽ có được niềm tin và hi vọng. Họ thấy được trách nhiệm của bản thân là phải cống hiến cho nhà nước. Mối quan hệ biện chứng giữa công dân và nhà nước cần có được những yếu tố làm cho nó ngày càng bền chặt hơn. Nhà nước cần tạo mọi điều kiện cho công dân được phát huy quyền làm chủ thực sự. Bởi, sức mạnh cộng đồng đóng vai trò tiên quyết đối với sự ổn định, phát triển xã hội. Điểm nhất quán trong tư tưởng của J.J.Rousseau, đó chính là, chủ quyền tối cao của công dân nằm ngay trong ý chí toàn dân, không ai làm thay được. Những người đại diện cho nhân dân không thể thay mặt họ để kết luận các vấn đề quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ công dân. Trong nền cộng hòa cổ xưa, nhân dân không dùng đại biểu. Việc nào dân chúng phải giải quyết thì họ sẽ tự làm và chủ quyền tối cao thực sự là của nhân dân. Vì, họ nhận thức được, ở một quốc gia, nếu công dân không làm chủ, ý chí công dân bị lung lay, lòng yêu nước không được vẹn nguyên như ban đầu thì khi đó, bản chất nhà nước đã thay đổi, không còn đại diện cho ý chí chung cộng đồng.

3.1.3.4. Chủ quyền nhân dân không thể đại diện hoàn toàn cho ý chí chung

Trong cấu trúc triết học chính trị của J.J.Rousseau, lý thuyết về chủ quyền nhân dân và ý chí chung giữ vị trí hạt nhân, đặt nền móng lý luận cho mô hình nền cộng hòa dân chủ trực tiếp. Một trong những luận điểm cách mạng, triệt để và mang tính cảnh báo thời đại nhất của J.J.Rousseau trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"* chính là sự khẳng định, chủ quyền nhân dân mang tính chất tuyệt đối, không thể bị chia cắt, không thể chuyển nhượng và

về bản chất, không thể được đại diện hoàn toàn bởi bất kỳ một cá nhân hay cơ quan trung gian nào.

Đối với J.J.Rousseau, khế ước xã hội ra đời nhằm giải quyết nghịch lý cơ bản của đời sống chính trị, đó là làm thế nào để con người khi hợp thành một tập thể song vẫn giữ được tự do tự nhiên ban đầu? Ông phân tích và đưa ra một giải pháp, đó là, mỗi cá nhân tự nguyện chuyển trao toàn bộ quyền tự nhiên của mình cho cộng đồng, hình thành cơ thể chính trị chung mà chính họ là thành viên. Quyền lực tối cao hình thành từ sự hợp nhất này chính là chủ quyền, việc thực thi chủ quyền đó không gì khác hơn là sự vận hành của ý chí chung. Ý chí chung không phải là một phép cộng cơ học của các ham muốn cá nhân ích kỷ, mà là chuẩn mực hợp lý tính hướng trọn vẹn đến lợi ích công cộng và sự bình đẳng tối thượng cho tất cả mọi người. Do đó, chủ quyền thực chất là ý chí chung đang hoạt động. J.J.Rousseau rút ra một logic triết học nghiêm ngặt, ý chí là thứ thuộc về bản thể - người ta có thể chuyển giao sức mạnh hay hành động cho người khác, nhưng tuyệt đối không thể chuyển trao ý chí, tức sự lựa chọn và quyết định tối cao của mình. Ông phân tích, "Chủ quyền tối cao của toàn dân là không thể dùng người đại diện được, do đó nó cũng không thể bị xoá bỏ; nó nằm ngay trong ý chí của toàn dân, là ý chí chung không ai nói thay được" [44, tr.179]. Nếu trường hợp, nhân dân hứa phục tùng một người đại diện hay một tập thể đại diện, thì có nghĩa là họ đã tự xóa bỏ tư cách là chủ thể tối cao của mình. Khi đó, xã hội sẽ xuất hiện nhân tố nắm quyền quyết định mới, chủ thể tối cao không còn tồn tại, điều đó đồng nghĩa với việc giải thể khế ước xã hội đã thiết lập trước đó.

Chính từ logic đó, J.J.Rousseau đã dành những lời phê phán nảy lửa nhất đối với chế độ nghị viện đại diện đang bắt đầu phát triển mạnh mẽ tại nước Anh vào thế kỷ XVIII và được nhiều nhà tư tưởng Khai sáng đương thời ủng hộ, đề cao. Ông đưa ra một nhận định kinh điển, rằng "Nhân dân Anh tưởng mình là tự do; thật ra họ lầm to. Họ chỉ tự do trong khi đi bầu cử các đại biểu nghị viện mà thôi; bầu xong đại biểu họ lại trở về nô lệ, không còn là cái thá gì nữa" [44, tr.179]. Ông chỉ ra rằng, sự xuất hiện của chế độ đại diện

thực chất là dấu hiệu của sự suy thoái văn hóa chính trị, khi lòng yêu nước bị phai mờ, ham muốn ích kỷ cá nhân lên ngôi và tiền bạc thay thế cho nghĩa vụ công dân. Nguy hiểm hơn, những người đại biểu dù được bầu ra với sự ủy nhiệm tốt đẹp đến đâu thì về bản chất vẫn mang ý chí riêng cá nhân anh ta mà thôi, hoặc có khi là ý chí, lợi ích nhóm. Ý chí riêng luôn có xu hướng tự nhiên là củng cố đặc quyền, mở rộng quyền lực và dần tách khỏi lợi ích của toàn thể nhân dân. Khi các đại biểu ban hành luật pháp, những đạo luật đó phản ánh ý chí của chính họ chứ không còn là ý chí chung nữa. J.J.Rousseau khẳng định một nguyên tắc mang tính nền tảng cho tính chính danh, đó là bất kỳ đạo luật nào mà chính nhân dân không trực tiếp phê chuẩn thì đều vô hiệu, bởi đó hoàn toàn không phải là luật pháp đúng nghĩa. Theo J.J.Rousseau, luật pháp phải là sự ghi chép lại ý chí chung, nhân dân là người tạo dựng và tuân theo luật pháp, cũng chính là tuân theo ý chí của bản thân mình.

Dù rằng, J.J.Rousseau kiên quyết bác bỏ dân chủ đại diện, nhưng không vì thế mà ông phủ nhận tính chuyên môn hoá trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong thực tiễn cuộc sống, giữa các quyền cần có sự phân định rõ ràng. J.J.Rousseau tách biệt quyền lập pháp và quyền hành pháp. Ở phạm vi lập pháp, nhân dân đóng vai trò quan trọng. Họ là chủ thể tạo lập hệ thống luật với tinh thần chủ quyền thuộc về nhân dân và tuyệt đối không thể đại diện. Nhân dân là lực lượng làm chủ vận mệnh quốc gia, vì vậy, họ phải được trực tiếp tham gia các cuộc luận bàn và bỏ phiếu thông qua các điều luật của đất nước. Nhưng, với lĩnh vực hành pháp thì quyền lực có thể uỷ quyền, đại diện để thực thi trong thực tiễn. Chính phủ hay các công chức hành pháp không phải là chủ nhân hay người nắm giữ chủ quyền, mà thuần túy là những ủy nhiệm viên được nhân dân thuê mượn, giao phó thực thi các nhiệm vụ cụ thể trên cơ sở luật pháp. Nhân dân có toàn quyền giám sát, điều khiển, hạn chế hoặc bãi miễn bộ máy hành pháp bất kỳ lúc nào nếu cơ quan này có dấu hiệu lạm quyền, đi ngược lại với lợi ích chung.

Quan điểm về tính không thể đại diện của chủ quyền nhân dân đã giáng một đòn quyết định vào tư tưởng chuyên chế phong kiến, trả chủ quyền về

cho toàn thể nhân dân. Quan điểm ấy đã cung cấp thứ vũ khí lý luận sắc bén cho cách mạng Pháp cũng như các phong trào dân chủ về sau. Mặc dù mô hình dân chủ trực tiếp tuyệt đối của J.J.Rousseau gặp rào cản về quy mô địa lý, dân số trong các quốc gia hiện đại, song những cảnh báo của ông về sự tha hóa của giới chính trị, sự chi phối của lợi ích phe nhóm và thái độ thờ ơ đối với các vấn đề chính trị - xã hội của cử tri vẫn mang tính thời sự.

3.1.4. Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước

3.1.4.1. Nhà nước do công dân lập nên

J.J.Rousseau đã tạo nên một bước ngoặt cách mạng lớn lao trong lịch sử triết học chính trị bác bỏ hoàn toàn thuyết Thần quyền và thuyết Bạo lực. Ông chỉ rõ, nhà nước không phải là sản phẩm của Đấng sáng tạo, không phải do Thần quyền ban phát, cũng không phải là kết quả của sự cưỡng đoạt bằng bạo lực, mà nhà nước là một thể chế nhân tạo, hoàn toàn do công dân tự nguyện lập nên. Nền tảng của luận điểm này bắt nguồn từ học thuyết khế ước xã hội. Trong trạng thái tự nhiên, khi những trở lực sinh tồn vượt quá khả năng tự bảo vệ của từng cá nhân riêng lẻ, con người đứng trước nguy cơ bị diệt vong nếu không tìm ra một hình thức liên kết mới. Vấn đề đặt ra là làm sao để các cá nhân tạo ra nên sức mạnh chung đủ để bảo vệ tính mạng, tài sản của mỗi thành viên, nhưng vẫn bảo đảm mỗi cá nhân khi hợp sức với tập thể thì chỉ tuân theo chính mình và vẫn tự do như trước, rằng hợp sức mà không biến mình thành nô lệ cho kẻ khác? J.J.Rousseau đưa ra giải pháp mang tính triệt để là mỗi cá nhân tự nguyện chuyển trao toàn bộ quyền tự nhiên của mình cho cộng đồng, đặt dưới sự điều khiển tối cao của ý chí chung. Hành vi liên kết tự nguyện này đã tạo ra cơ thể chính trị trung gian duy nhất - Nhà nước do chính tập thể công dân sáng tạo nên và làm chủ. Qua khế ước, con người mất đi tự do tự nhiên khá mong manh để nhận lại quyền tự do công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Việc công dân tuân thủ nhà nước và pháp luật thực chất là tuân theo ý chí chung do chính mình góp phần tạo dựng.

Việc khẳng định nhà nước do công dân lập nên cho thấy, quyền lực nhà nước về bản chất chính là quyền lực của cộng đồng, nhân dân là chủ thể duy nhất nắm giữ chủ quyền tối cao. Điều đó chứa đựng giá trị lớn lao khi bác bỏ triệt để quan niệm về "Khế ước phục tùng". J.J.Rousseau khác với Hobbes và Locke. Hobbes coi dân chúng trao trọn quyền cho đấng Quân chủ, còn Locke lại coi chính phủ là một bên đối tác ký kết thì J.J.Rousseau khẳng định, khế ước là do các cá nhân công dân tham gia ký kết với nhau. Bởi vậy nên, khi tham gia vào khế ước, các cá nhân không hề trao quyền lực cho bất kỳ một cá nhân hay tầng lớp đặc quyền nào, mà trao cho một tập thể do chính họ cấu thành. Do đó, người dân không phải là "thần dân" bị áp chế dưới một đấng quân chủ. Họ là những công dân tự do, những người vừa lập nên nhà nước, vừa trực tiếp tham gia vào việc quyết định vận mệnh của nhà nước đó. Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước thực chất là sự hiện thực hóa mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Cá nhân mất đi thứ tự do tự nhiên để nhận lại tự do công dân và quyền sở hữu được luật pháp quy định, bảo vệ. Công dân tuân theo nhà nước và pháp luật, thực chất là tuân theo ý chí chung do chính mình góp phần tạo nên, họ vẫn có được tự do đúng nghĩa.

Tư tưởng nhà nước do công dân lập nên của J.J.Rousseau còn thiết lập một nguyên tắc khắt khe về tính chính danh của bộ máy quản lý – quyền lực công. Vì nhà nước do công dân thành lập thông qua một thỏa thuận bình đẳng, nên chính phủ hay các công chức không phải là chủ nhân của xã hội, cũng không phải là đối tác ký kết hợp đồng cai trị. J.J.Rousseau bác bỏ hoàn toàn quan niệm về một khế ước mang tính phục tùng. Ông khẳng định, chính phủ thuần túy là một cơ quan chấp hành, nhận mệnh lệnh tạm thời của chủ thể tối cao là nhân dân. Do đó, nếu nhà nước hay chính phủ đi ngược lại ý chí chung, tha hóa phục vụ lợi ích phe nhóm, thì nhà nước sẽ hoàn toàn mất đi tính chính đáng, và công dân có toàn quyền bãi miễn, hủy bỏ chính quyền lạm quyền để thiết lập một thể chế mới. Quan điểm tiến bộ này của J.J.Rousseau không chỉ giáng một đòn quyết định vào chế độ phong kiến chuyên chế đương thời, mà còn trở thành tiền đề lý luận kinh điển cho nguyên tắc chủ

quyền thuộc về Nhân dân, nguyên tắc ủy quyền công vụ và cơ chế kiểm soát, bãi miễn quyền lực trong các thể chế cộng hòa pháp quyền hiện đại, bao gồm cả mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3.1.4.2. Công dân tuân thủ hệ thống pháp luật

Quan điểm của J.J.Rousseau khi bàn về trách nhiệm công dân được đặt trên nền tảng phương pháp luận hoàn toàn mới. Quan điểm ấy đặt nền móng cho tư tưởng dân chủ trực tiếp, trong đó công dân không chỉ là đối tượng phục tùng luật pháp mà còn là chủ thể xây dựng luật, tham gia vào các quyết định chính trị - xã hội một cách chủ động.

Thứ nhất, tính chính đáng của pháp luật bắt nguồn từ tư cách chủ thể lập pháp của công dân. Pháp luật không phải là sắc lệnh áp đặt độc đoán từ trên ban xuống, mà là sự ghi chép lại ý chí chung do chính tập thể công dân trực tiếp sáng tạo và thông qua. Với tư cách làm chủ, trách nhiệm đầu tiên của công dân là tham gia vào tiến trình lập pháp với tinh thần độc lập, công tâm, không bị thao túng bởi lợi ích phe nhóm hay sự hối lộ của các thế lực. J.J.Rousseau chỉ ra rằng, pháp luật chỉ thực sự có giá trị thực tiễn khi mang hơi thở của cuộc sống và phản ánh lợi ích công cộng. Sự thờ ơ, bàng quan hay tham gia mang tính hình thức của công dân đối với tiến trình lập pháp chính là mầm mống làm xói mòn tính chính danh của bộ máy nhà nước, tạo điều kiện cho sự tha hóa quyền lực. Do đó, tham gia xây dựng một hệ thống pháp luật nghiêm minh với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích chung chính là mệnh lệnh chính trị cao cả của người nắm chủ quyền.

Thứ hai, J.J.Rousseau cũng làm rõ trách nhiệm của công dân khi họ ở vị trí là thần dân của nhà nước. Là lực lượng nắm chủ quyền, công dân có trách nhiệm tham gia lập pháp; là thần dân của nhà nước, họ là đối tượng chấp hành, phải tuân thủ pháp luật mà họ đã thông qua. Trong triết học chính trị của J.J.Rousseau, việc công dân tuân thủ hệ thống pháp luật không phải là sự khuất phục thụ động trước quyền lực cưỡng chế, mà là sự hiện thực hóa trách nhiệm và tự do chân chính của con người trong nền cộng hòa. J.J.Rousseau đã giải quyết triệt để mối quan hệ giữa tính chính đáng của luật pháp và nghĩa vụ

tuân thủ thông qua việc chỉ ra tư cách kép của người dân. Nhân dân vừa là chủ thể lập pháp, vừa là đối tượng chấp hành luật pháp. Trước hết, tính chính đáng của nghĩa vụ tuân thủ pháp luật bắt nguồn từ chính quá trình tham gia lập pháp của công dân. Đối với J.J.Rousseau, chủ quyền thuộc về toàn dân và chính phủ chỉ là một thiết chế nhận ủy nhiệm quyền lực tạm thời. Mặt khác, J.J.Rousseau luận giải sắc bén về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật khi cá nhân đặt mình ở vị trí "thần dân". Khi đã cùng nhau thỏa thuận lập nên khế ước xã hội, sự tôn trọng pháp luật của công dân thực chất là việc họ tuân theo những quy tắc do chính mình đặt ra - tuân theo ý chí của bản thân và cộng đồng để đổi lấy thứ "tự do công dân" được pháp luật bảo vệ.

J.J.Rousseau cảnh báo và phê phán gay gắt hiện tượng tâm lý ích kỷ, khi cá nhân muốn "hưởng quyền công dân mà không muốn làm nghĩa vụ thần dân" [44, tr.72], tức muốn nhận sự bảo hộ của xã hội nhưng không muốn đóng góp hay chịu sự ràng buộc của luật lệ. Ngày nay, ta gọi đó là hành vi hưởng thụ miễn phí các thành quả an ninh, trật tự và phúc lợi do xã hội nhưng lại né tránh trách nhiệm, nghĩa vụ cá nhân. Ông khẳng định, khế ước xã hội sẽ trở thành "công thức suông" nếu thiếu đi sức mạnh cưỡng chế đối với những kẻ đi ngược lại với ý chí chung, lợi ích chung. Từ đây, J.J.Rousseau đưa ra mệnh đề triết học mang tính bước ngoặt, rằng, bắt buộc cá nhân tuân thủ pháp luật chính là buộc con người phải tự do. Chế tài cưỡng chế của pháp luật không nhằm áp chế con người, mà là sự can thiệp cần thiết để ngăn chặn sự xuất hiện của những "ý chí riêng ích kỷ" tước đoạt quyền lợi của người khác, bởi chỉ khi mọi cá nhân đều cam kết không xâm phạm quyền lợi của người khác dưới sự thượng tôn pháp luật, tự do và bình đẳng của từng thành viên trong xã hội mới được bảo đảm một cách trọn vẹn và ý nghĩa nhất.

Tóm lại, luận điểm của J.J.Rousseau về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật đã vượt qua quan niệm duy pháp lý thuần túy để đạt đến tầm vóc của tư tưởng triết học về đạo đức công vụ. Dân chủ là tiền đề sáng tạo hệ thống pháp luật, còn pháp luật nghiêm minh là hành lang bảo vệ dân chủ. Đó chính là nguyên tắc biện chứng mang đến giá trị gợi mở đặc biệt sâu sắc đối với quá trình giáo

dục ý thức thượng tôn pháp luật, xây dựng văn hóa pháp quyền và gắn kết quyền hạn với trách nhiệm công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3.1.4.3. Nhà nước bảo vệ tự do công dân

Trong triết học chính trị của J.J.Rousseau, nhà nước mang sứ mệnh lớn lao là bảo vệ và hiện thực hóa tự do của công dân. Khi tham gia vào khế ước xã hội, các cá nhân không hề bị tước đoạt hay chịu tổn thất về quyền lợi; ngược lại, họ thực hiện một sự trao đổi tự nguyện và có lợi, đó là họ từ bỏ thứ "tự do tự nhiên" vốn chứa đựng rủi ro trong trạng thái hoang dã để nhận lấy tự do công dân được bảo đảm bằng sức mạnh của cộng đồng và pháp luật.

Thứ nhất, tính chính đáng của quyền lực nhà nước bắt nguồn từ sự thống nhất lợi ích giữa nhà nước và công dân.

Khi tham gia vào khế ước xã hội, các cá nhân tự nguyện chuyển trao những quyền tự do tự nhiên cho cộng đồng để hình thành nên ý chí chung. Nhà nước với tư cách là cơ thể chính trị trung gian được khởi tạo từ khế ước chung không phải là một lực lượng cai trị đứng trên nhân dân, mà là công cụ của chủ quyền nhân dân nhằm bảo đảm quyền tự do và bình đẳng cho tất cả thành viên. Bản chất của quyền lực nhà nước chính là quyền lực cộng đồng; do đó, giữa nhà nước và công dân không tồn tại mối quan hệ áp chế mà là sự gắn kết hữu cơ hai chiều. Vì nhà nước được hợp thành từ chính các cá thể riêng lẻ nên về mặt logic, lợi ích của nhà nước không thể trái ngược với lợi ích của nhân dân. J.J.Rousseau khẳng định, một nhà nước chính đáng sẽ không bao giờ làm phương hại đến công dân của mình, bởi tổn hại bất kỳ thành viên nào cũng chính là tự làm tổn hại đến sự tồn tại của chính cơ thể chính trị đó. Vậy nên, từ góc độ này, J.J.Rousseau chỉ ra rằng, cơ quan chủ quyền tối cao được hợp thành từ công dân nên về mặt bản chất không thể có lợi ích nào trái ngược với lợi ích của nhân dân.

Thứ hai, pháp luật và bộ máy hành pháp là "tấm lá chắn" tối thượng bảo vệ tự do công dân. Sự bảo vệ tự do công dân của nhà nước được triển khai thông qua cơ chế vận hành của hệ thống pháp luật và sự phân định triệt

để giữa lập pháp và hành pháp. Nhân dân với tư cách là công dân, là lực lượng nắm chủ quyền trong mối quan hệ với quốc gia, họ là cơ quan quyền lực tối cao. Nhân dân trực tiếp ban hành pháp luật dựa trên ý chí chung. Pháp luật ra đời không phải để hạn chế hay tước đoạt tự do, mà chính là hành lang pháp lý duy nhất để bảo vệ tự do. Luật pháp ra đời nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đời sống, là tấm lá chắn tối thượng bảo vệ tự do.Vì vậy, luật phải áp dụng cho tất cả, không ai đứng trên pháp luật, đứng ngoài pháp luật. Hay nói cách khác, trước pháp luật, mọi công dân đều bình đẳng tuyệt đối.

Thứ ba, sự cưỡng chế pháp lý của nhà nước thực chất là cơ chế bảo vệ tự do chung. Bên cạnh vai trò lập pháp của toàn dân, nhà nước với tư cách là bộ máy hành chính trung gian tiếp nhận ủy nhiệm để điều hành xã hội và duy trì trật tự pháp lý. Trong quá trình vận hành, nhà nước có quyền đòi hỏi công dân thực hiện các nghĩa vụ công cộng, nhưng những đòi hỏi đó không bao giờ được vượt quá ranh giới của sự hợp lý hay gây tổn hại đến nhân phẩm và đời sống nhân dân. Nếu có một cá nhân đi ngược lại với ý chí chung của cộng đồng thì nhà nước sẽ dùng quyền lực được trao cho mình để thực hiện cưỡng chế đối với cá nhân không tuân thủ. Sự cưỡng chế ấy không phải là sự tước đoạt tự do cá nhân, mà chính là tự do cá nhân được đặt trong mối liên hệ hữu cơ với tự do của tất cả mọi người. Khi ý chí cá nhân đi ngược lại với ý chí của cộng đồng thì đã làm ảnh hưởng đến tự do của những người khác. Vậy nên, nhà nước cần thực thi quyền uy của mình để cho cá nhân tuân thủ khi thực hiện quyền tự do không làm tổn hại quyền tự do của người khác. Công dân có được tự do, bình đẳng một cách hợp pháp, hợp lý trên cơ sở tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các công dân khác. Luật pháp ra đời với mục đích đảm bảo cho những quyền lợi chính đáng của con người, công dân trực tiếp làm ra luật, thay đổi luật và chính họ là đối tượng mà luật pháp bảo vệ.

J.J.Rousseau cũng nhấn mạnh rằng, bên cạnh nhiệm vụ lập pháp, nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thực thi pháp luật - hành pháp. Nhà nước được xem là cơ thể chính trị trung gian nhận mệnh lệnh từ cơ

quan quyền lực tối cao và truyền đến dân chúng, để quản lý xã hội, duy trì trật tự pháp lý. Nhà nước được trao các quyền theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm soát của cơ quan quyền lực tối cao. Vai trò của nhà nước được phát huy trong việc điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội, thực hiện nhiệm vụ đảm bảo lợi ích chung. Nhà nước có quyền đòi hỏi công dân thực hiện một số công việc nhưng không được quá sức hoặc gây tổn hại đến cộng đồng. Vì những hành động của chủ quyền tối cao ấy sẽ tác động trực tiếp đến công dân nên phải luôn đảm bảo không có điều gì trái với quy luật tự nhiên cũng như ý chí xã hội. Việc nhà nước áp dụng quyền lực cưỡng chế đối với những cá nhân vi phạm pháp luật thực chất không phải là sự xâm phạm tự do cá nhân, mà là hành động bảo vệ tự do chung của toàn thể cộng đồng. Sự cưỡng chế của nhà nước lúc này nhằm buộc cá nhân phải tự do, tức đặt tự do cá nhân vào trong mối liên hệ hài hòa với tự do của tất cả mọi người, ngăn chặn sự tha hóa trở lại trạng thái vô chính phủ hoang dã.

Như vậy, nhà nước chỉ thực sự hoàn thành chức năng bảo vệ tự do khi vận hành hoàn toàn dựa trên sự giao phó và kiểm soát của chủ thể tối cao là nhân dân. Mọi hoạt động của bộ máy hành pháp phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy luật tự nhiên và ý chí xã hội, không được quyền đưa ra những đòi hỏi quá sức hay gây tổn hại đến đời sống nhân dân. Bởi, khi cá nhân đã đóng góp tự do tự nhiên cho cộng đồng, họ phải nhận lại sự an toàn, bình đẳng và phẩm giá công dân chuẩn mực. Nếu bộ máy nhà nước tha hóa, lạm quyền, đi ngược lại ý chí chung và xâm phạm tự do của nhân dân, thì nhà nước đó đã tự hủy bỏ khế ước xã hội và tất yếu sẽ bị nhân dân bãi miễn, thay thế. Mối quan hệ biện chứng giữa quyền uy pháp lý của nhà nước và quyền tự do chính đáng của công dân chính là giá trị nhân văn sâu sắc của thuyết khế ước xã hội J.J.Rousseau, là đóng góp di sản bền vững cho lý luận về Nhà nước pháp quyền hiện đại.

3.1.4.4. Công dân thực hiện giám sát quyền lực nhà nước

Tư tưởng về dân chủ và kiểm soát quyền lực nhà nước có lịch sử phát triển lâu đời trong tiến trình tư tưởng nhân loại. Ngay từ thời Cổ đại, các nhà

triết học đã luận bàn về dân chủ nhằm xác định quyền hạn và trách nhiệm của người dân đối với nhà nước. Đến khoảng thế kỷ XVI - XVII, những tư tưởng về tự do, bình đẳng trong một xã hội mới được các nhà triết học quan tâm như Thomas More (1478 - 1535) và Tommado Campanella (1568 - 1639) nhằm bảo vệ quyền lợi của quần chúng nhân dân bị áp bức. Hạn chế của các nhà lý luận không tưởng chính là chưa chỉ ra được những điều kiện cần thiết để có được xã hội mơ ước đó. Thế kỷ XVII - XVIII, vấn đề quyền con người, tự do và bình đẳng trở thành trung tâm trong học thuyết của John Locke (1632 - 1704), Voltaire (1694 - 1778), Montesquieu (1689 - 1755)… Xuất phát điểm trong hệ tư tưởng của John Locke đó là con người có các quyền tự nhiên như tự do, sở hữu và đến khi hình thành khế ước xã hội, các quyền đó được chính quyền bảo vệ. Khi chính quyền đi ngược lại với lợi ích của nhân dân, không bảo vệ được cho người dân thì nhân dân có quyền hành động với tư cách quyền lực tối cao và tự mình tiếp tục công việc lập pháp hoặc họ dựng lên một hình thức chính quyền mới, hoặc vẫn theo hình thức cũ đó nhưng đặt niềm tin vào những con người mới.

Sự thống nhất trong quan điểm triết học Thomas Hobber, John Locke và J.J.Rousseau chính là việc hình thành khế ước xã hội, bàn về quyền tự nhiên của con người trong trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội công dân. J.J.Rousseau đã tạo nên một bước ngoặt cách mạng trong việc luận giải về công dân, chủ quyền nhân dân và tư tưởng dân chủ. Về bản chất, dân chủ là sự xác lập những quyền cơ bản của công dân. Quan điểm về dân chủ của ông được thể hiện nhất quán trong cả 4 quyển của tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*. Đây được xem là tư tưởng mang tính cách mạng trong *"Bàn về khế ước xã hội"*. Trong phân tích của J.J.Rousseau, quyển thứ nhất xác định quyền tự nhiên và tất yếu phải hình thành khế ước xã hội để bảo vệ cho các quyền tự nhiên của con người; quyển thứ hai, thứ ba làm rõ các yếu tố tồn tại sau khi ký kết khế ước. Sang quyển thứ tư, J.J.Rousseau tập trung làm rõ cơ chế thực thi quyền lực nhân dân thông qua trưng cầu ý kiến, bầu cử và Đại hội toàn

dân. Với ông, dân chủ chính là phương thức và công cụ để hiện thực hóa chủ quyền tối cao của nhân dân.

Nghiên cứu về dân chủ trong tư tưởng của J.J.Rousseau bắt nguồn từ việc khẳng định tính tối cao của các quyền tự nhiên. Quyền tự nhiên này cho phép con người được làm những gì họ có thể trong khả năng của chính mình mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ quy định, đạo luật nào. Mọi người sinh ra đều bình đẳng với nhau. "Tự do là từ bản chất con người mà có. Luật đầu tiên của tự do là mỗi người phải được chăm lo sự tồn tại của mình… tự mình làm chủ lấy mình" [44, tr.53]. Trong đời sống, không ai có quyền đứng trên người khác, cai trị người khác "Thủ lĩnh cũng như dân chúng đều sinh ra bình đẳng, tự do, và họ chỉ từ bỏ quyền tự do của họ khi phải lo toan lợi ích của bản thân họ mà thôi" [44, tr.53-54]. Khi bàn đến bình đẳng, Aristole cho rằng, vốn dĩ con người không có sự bình đẳng mà trong xã hội sẽ tồn tại những người sinh ra làm nô lệ và có những người sinh ra là để làm thủ lĩnh. J.J.Rousseau bác bỏ quan điểm đó. Ông cho rằng, "sở dĩ có người nô lệ bẩm sinh là vì trước đó đã có những người làm nô lệ không bẩm sinh" [44, tr.55]. Ông lý giải, con người sinh ra đều bình đẳng, nhưng vì nhiều lí do mà một số cá nhân từ bỏ đi quyền tự do của chính mình và trở thành nô lệ của kẻ khác, có thể là xuất phát từ chính nhu cầu sinh tồn. Sự mất bình đẳng hay tình trạng nô dịch không phải do tự nhiên an bài, mà là sản phẩm của các quan hệ lịch sử và xã hội.

Chủ trương của J.J.Rousseau chính là đưa xã hội phát triển sang một trạng thái mới, được duy trì trật tự bằng ý chí chung cộng đồng. Ở đó, quyền tự nhiên của con người sẽ được bảo đảm. Lúc bấy giờ, các cá nhân có quyền lên tiếng vì lợi ích của mình và cùng với các cá nhân khác hướng đến ý chí chung. Không ai khác, chính công dân sẽ làm chủ cơ thể chính trị của mình. Các cá nhân sẽ chọn ra lực lượng đại diện cho ý chí, lợi ích của họ và trừng phạt những ai đi ngược lại điều đó. J.J.Rousseau cho rằng, một nhà nước đúng với bản chất của nó phải bảo vệ các quyền của con người, tạo điều kiện cho mọi công dân đều được thực hiện quyền làm chủ đất nước. Công dân được bày tỏ ý kiến, được tham gia luận bàn việc nước. Lý tưởng mà ông hướng đến

là xây dựng mô hình nhà nước với chủ quyền thuộc về nhân dân. Với mô hình ấy, nhân dân sẽ làm chủ trên tất cả các hoạt động của đời sống xã hội, từ việc lập pháp đến việc giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước và có quyền bãi miễn cán bộ công chức nhà nước nếu họ không đảm bảo yêu cầu công việc hoặc xâm phạm đến lợi ích của công dân. Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước, cá nhân và xã hội được thể hiện rõ nét qua việc thực thi dân chủ. Cá nhân làm chủ chính mình, tôn trọng quyền, lợi ích của cá nhân khác. Họ cống hiến, đóng góp sức mình cho cộng đồng và nhận về lợi ích tương xứng. Ở đó, không ai có quyền đứng trên người khác và hưởng đặc quyền riêng. Toàn thể thành viên trong cộng đồng sẽ tạo thành cơ thể chính trị với quyền hành tối thượng - chủ quyền tối cao. Khi cá nhân tham gia vào cộng đồng, họ có được dân chủ thực sự, được làm chủ chính mình trên cơ sở ý chí chung. Họ được công nhận các quyền cơ bản và được bảo vệ bởi cộng đồng. Xã hội càng phát triển, các mối quan hệ được mở rộng, yêu cầu hình thành tổ chức quản lý xã hội là tất yếu. Lúc bấy giờ, quyền làm chủ của các cá nhân được biểu đạt thông qua một đại diện nào đó, thể hiện tiếng nói của cá nhân đó với cộng đồng. Trong cộng đồng hình thành nhóm cá nhân được trao quyền lực, đại diện cho cộng đồng thực hiện nhiệm vụ mà các thành viên khác chuyển trao, duy trì trật tự xã hội trên cơ sở khế ước.

Trong lý luận của J.J.Rousseau luôn hướng đến mô hình nhà nước đảm bảo quyền dân chủ, "chủ quyền tối thượng" thuộc về nhân dân. Song, ông cũng cũng đặt ra các trường hợp. Trường hợp các ý kiến có sự hài hòa, thống nhất với nhau thì khi đó ý chí chung sẽ quyết định; nhưng, với trường hợp các ý kiến mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi thì sao? J.J.Rousseau đưa ra cách thức giải quyết bằng lá phiếu. Nếu việc ký kết khế ước đòi hỏi tất cả cá nhân đồng ý tham gia và đi đến thống nhất, thì những quyết định mới không thuộc phạm vi khế ước sẽ phải tiến hành bầu cử để lấy ý kiến số đông. Ý chí của phần lớn công dân sẽ đóng vai trò quyết định. Liệu rằng như vậy, cá nhân có bị mất quyền dân chủ hay không? Để làm rõ những băn khoăn của mọi người, J.J.Rousseau lập luận rằng: "Ý chí trước sau như một của mọi thành viên quốc

gia là ý chí chung, chỉ nhờ vào ý chí chung đó mà người ta trở thành công dân và được tự do" [44, tr.197]. Ông cũng nhấn mạnh, "Khi người ta đưa một đạo luật ra hội đồng thông qua, thì không phải là để các thành viên hội đồng chấp nhận hay bác bỏ, mà là để xem đạo luật ấy có phù hợp với ý chí chung hay không" [44, tr.197-198]. Ý thức, trách nhiệm của cá nhân thể hiện tinh thần trách nhiệm của họ đối với cộng đồng và chính họ thông qua lá phiếu.

Đặc biệt, khi phân tích về cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực, J.J.Rousseau đã tham chiếu kinh nghiệm từ Cộng hòa La Mã cổ đại. Lúc bấy giờ, nền cộng hòa La Mã thường xuyên tổ chức cuộc họp. Ở đó, dân chúng thực hiện quyền lực tối cao của mình và một phần thực hiện quyền lực của chính phủ. Ông khẳng định, để ngăn ngừa sự tha hóa và lạm quyền tự nhiên của bộ máy hành pháp, cần có cơ chế tổ chức Hội nghị toàn dân định kỳ. Khi các cuộc hội nghị này diễn ra, toàn bộ thẩm quyền của chính phủ tạm thời bị đình chỉ, quyền lực quay trở về trực tiếp trong tay nhân dân. Các cuộc hội nghị toàn dân chính là "sợi dây cương" pháp lý và chính trị hữu hiệu nhất để điều chỉnh hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm cho quyền lực công luôn vận hành đúng quỹ đạo phụng sự ý chí chung và bảo vệ quyền làm chủ thực sự của công dân.

3.1.4.5. Pháp luật là sự thể hiện ý chí chung

Tiếp nối quan điểm về mối quan hệ công dân và nhà nước, J.J.Rousseau tập trung làm rõ công cụ tối thượng để hiện thực hóa và bảo vệ chủ quyền nhân dân, bảo toàn cơ thể chính trị, đó là hệ thống pháp luật với bản chất là sự thể hiện của ý chí chung. Trong triết học chính trị của ông, pháp luật không phải là sản phẩm áp đặt từ trên xuống của nhà cầm quyền, cũng không phải là công cụ cai trị mang tính cưỡng chế thuần túy, mà là sự thể chế hóa trực tiếp ý chí chung, thể chế hóa trực tiếp quyền lực chủ quyền của nhân dân nhằm hướng tới lợi ích công cộng.

Thứ nhất, J.J.Rousseau phân định triệt để giữa ý chí chung và các cấp độ ý chí khác trong đời sống chính trị. J.J.Rousseau cho rằng, ý chí của toàn thể nhân dân được công bố với tư cách là một điều khoản của chủ quyền tối

cao, nó mới trở thành luật; ngược lại, ý chí của một nhóm hay một bộ phận dân chúng khi ban hành chỉ áp dụng cho một đối tượng cụ thể thì quyết định ấy chỉ mang tính chất của một lệnh hành chính hoặc cao hơn là một nghị định.

Đặc biệt, J.J.Rousseau phân biệt rõ ràng giữa ý chí chung và ý chí của tất cả. Trong khi, ý chí của tất cả chỉ là tổng số đại số của các ý chí riêng lẻ vốn dễ bị chi phối bởi lòng tham và sự tranh chấp lợi ích cục bộ, thì ý chí chung là phần tinh túy giao thoa, loại bỏ những khác biệt cá nhân để hướng về sự công bằng và sự tồn vong của toàn thể cộng đồng. Trong trạng thái tự nhiên, sự thiếu vắng các chuẩn mực chung khiến công lý bị tước đoạt bởi bạo lực của kẻ mạnh và tư lợi cá nhân thống trị. Để bảo toàn xã hội, sự ra đời của pháp luật là một tất yếu khách quan nhằm gắn liền quyền hạn với nghĩa vụ và làm cho công lý về với đúng đối tượng của nó. Điều mà J.J.Rousseau luôn theo đuổi là xây dựng một nhà nước có chủ quyền tối cao thuộc về nhân dân chứ không phải thuộc về bất kỳ ai hay lực lượng nào. Luật pháp ấy cũng phải thể hiện được ý chí, lợi ích chung của cộng đồng và cưỡng chế đối với những ai đi ngược lại lợi ích đó. Nếu đảm bảo được điều đó thì mối quan hệ biện chứng giữa công dân và nhà nước sẽ càng bền chặt hơn, cơ thể chính trị ấy sẽ khỏe mạnh, phát triển.

Vậy, điều luật được hình thành như thế nào thì hợp lý? Theo J.J.Rousseau, pháp luật chính là hình thái diễn đạt chuẩn mực nhất của ý chí chung. Pháp luật là công cụ thể chế hóa ý chí chung, do đó phải được toàn thể công dân đồng thuận ban hành và tuân thủ. J.J.Rousseau khẳng định rằng, không tồn tại ý chí chung trên một đối tượng. Nếu là cá nhân thì sẽ có sự phân chia, một bên là cá nhân, bên kia là toàn thể không có cá nhân đó. Nhưng theo ông, nêu cái toàn thể mà bớt đi một cá nhân thì nó không còn là toàn thể nữa. Như thế, tương quan hai bên sẽ không đồng đều và ý chí một bên không đại diện cho tất cả được. Kết luận vấn đề, J.J.Rousseau gọi luật là:

> Khi toàn dân quy định một điều gì cho toàn dân thì họ chỉ xem xét đến toàn thể; nếu hình thành mối quan hệ thì phải là quan hệ giữa toàn thể trên một cách nhìn này với toàn thể trên một cách nhìn

> khác; cái toàn thể không hề bị chia tách ra. Như vậy chất liệu để xây dựng là chất liệu chung, cũng như ý chí xây dựng là ý chí chung [44, tr.95-96].

Thứ hai, pháp luật là sức sống và trái tim vận động của cơ thể chính trị. Quan niệm về luật pháp có ý nghĩa quan trọng trong học thuyết của J.J.Rousseau. Luật pháp là yếu tố cốt lõi. Luật pháp là sự công bố của ý chí chung, hướng đến lợi ích chung. Vì thế, nhà nước - với tư cách là cơ quan đại diện cộng đồng - phải phục tùng luật pháp, không thể đứng trên pháp luật. Trong cơ thể chính trị trung gian, lập pháp đóng vai trò quan trọng, nó được xem như trái tim với nhịp đập không ngừng nghỉ. Khi nhân dân đóng góp ý kiến, xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật là họ còn khát khao xây dựng, phát triển đất nước; khi hệ thống pháp luật không được vận hành đúng nghĩa, hoạt động lập pháp không còn giá trị thì dường như quốc gia ấy đang dần lụi tàn. Ngay mở đầu Chương 6, Quyển II, J.J.Rousseau viết:

> Với công ước xã hội, chúng ta làm cho cơ thể chính trị tồn tại và có một đời sống. Ta lại phải lấy việc lập pháp để làm cho cơ thể chính trị có vận động và có ý chí; vì điều khoản đầu tiên làm cho cơ thể chính trị hình thành và cố kết chưa phải là điều khoản làm cho nó được bảo toàn [44, tr.94].

Thứ ba, J.J.Rousseau rút ra hai thuộc tính căn bản của pháp luật: tính khái quát đối tượng và tính chủ thể lập pháp. Luật bao giờ cũng là tổng quát chung cho mọi người, được hình thành nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển xã hội khi tất cả mọi người đều được đối xử như nhau. Những điều khoản, quy định, chế tài trong luật không xác định cho một cá nhân nào. Pháp luật bao giờ cũng xét xã hội ở thể thống nhất toàn thể. J.J.Rousseau thiết lập một mệnh đề mang tính kinh điển, rằng, "Dân chúng tuân theo luật phải là người làm ra luật" [44, tr.97]. Quyền này chỉ thuộc về dân chúng - những người tham gia vào khế ước xã hội. Nguyên tắc ấy làm cho luật pháp có tính công bằng và tự do được bảo đảm tuyệt đối, vì, không ai lại đi bất công với chính mình. Ông chủ trương cần phải hướng dẫn cho cá nhân cũng như dân

chúng để cùng đạt được mục đích của luật pháp. Cá nhân biết hài hòa nguyện vọng với lý trí, dân chúng thì thấy được mong muốn của mình làm cho lý trí - nguyện vọng của cơ thể chính trị hòa hợp với nhau.

Thứ tư, pháp luật là điểm tựa chuyển hoá tự do, đặt nền móng cho nhà nước pháp quyền hiện đại. Với J.J.Rousseau, pháp luật được xem là yếu tố có tính quyết định để có xã hội tốt đẹp. Luật pháp là yếu tố đảm bảo sự công bằng và tự do cho tất cả mọi người. Pháp luật chính là điểm tựa duy nhất để chuyển hóa tự do tự nhiên thành tự do công dân, tự do đạo đức được bảo hộ vững chắc. J.J.Rousseau khẳng định, pháp luật do nhân dân tạo ra để ràng buộc cả công dân lẫn bộ máy nhà nước. Nhà nước với tư cách là cơ quan hành pháp trung gian bắt buộc phải phục tùng pháp luật và không thể đứng trên hay đứng ngoài pháp luật. Bằng việc khẳng định pháp luật là sự thể hiện của ý chí chung, do nhân dân sáng tạo nên để hướng tới lợi ích công cộng, J.J.Rousseau đã đặt nền móng lý luận kinh điển cho tư tưởng Nhà nước pháp quyền dân chủ. Luận điểm này khẳng định, quyền lực nhà nước chỉ có tính chính danh khi bắt nguồn từ ý chí chung của nhân dân và thượng tôn pháp luật chính là phương thức duy nhất để bảo đảm tự do, bình đẳng và sự phát triển bền vững của xã hội loài người.

3.2. GIÁ TRỊ, HẠN CHẾ CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

3.2.1. Giá trị của tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước

3.2.1.1. J.J.Rousseau đã đặt nền tảng lý luận vững chắc cho tư tưởng dân chủ hiện đại

Tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"* của J.J.Rousseau đã khai mở một mô hình chính trị cách mạng, đặt nền móng lý luận vững chắc cho tư tưởng dân chủ hiện đại với nguyên tắc trung tâm là chủ quyền tối cao thuộc về nhân dân và công dân là trung tâm của đời sống chính trị. Tính chất tiến bộ và tinh thần đề cao dân chủ trong tư tưởng của J.J.Rousseau được thể hiện sâu sắc

qua các phương diện lý luận, đạo đức - văn hóa chính trị và sự chuyển hóa thực tiễn lịch sử sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận, J.J.Rousseau đã xác lập nguyên tắc chủ quyền nhân dân là cơ sở bất biến của nền dân chủ. Trong lý luận của ông, công dân được đặt vào vị trí trung tâm quyền lực. Khác biệt hoàn toàn với mô hình phong kiến chuyên chế đương thời, nơi nhân dân bị biến thành "thần dân" thụ động, hoàn toàn phục thuộc vào ý chí tối thượng của nhà vua, J.J.Rousseau đặt con người ở vị trí trung tâm, chủ động trong mọi công việc của nhà nước. Vị trí quan trọng của nhân dân không thể thay thế bởi bất kỳ lực lượng nào. Thông qua khế ước xã hội, nhân dân tự nguyện hợp nhất ý chí cá nhân để đúc kết thành ý chí chung, từ đó họ tạo lập nên cơ thể chính trị trung gian. Chủ quyền mà nhân dân có được là do chính ý chí tự do của họ tạo nên chứ không nhận từ bất kỳ sự ban phát nào. Chủ quyền ấy mang tính tối thượng, tuyệt đối, vĩnh viễn, không thể chia cắt hay đại diện. Công dân nắm giữ quyền lực tuyệt đối trên mọi lĩnh vực: từ chủ thể sáng tạo luật pháp đến việc giám sát, bãi miễn và thay thế bộ máy hành pháp nếu chính phủ đi ngược lại lợi ích chung, vi phạm khế ước.

Thứ hai, về mặt đạo đức và văn hóa chính trị, J.J.Rousseau đã nâng mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng lên tầm kích chuẩn mực đạo đức, kiến tạo hình mẫu công dân tự do và kỷ luật. J.J.Rousseau nhận thấy đời sống chính trị là cuộc đấu tranh thường trực giữa lợi ích cá nhân và chuẩn mực chung. Để cộng đồng không rơi vào sự chia rẽ, ông nhấn mạnh nghĩa vụ của công dân là phải biết tự hạn chế những ham muốn ích kỷ để phục tùng quy tắc chung do chính mình tham gia thiết lập. Với J.J.Rousseau, tự do không phải là sự buông thả vô phủ, muốn làm gì thì làm, mà đó là khả năng tự ràng buộc theo pháp luật, nghĩa là tự do có đạo đức, tự do công dân. Đặc biệt, ông đề cao vai trò của giáo dục, tập quán và văn hóa chính trị trong việc biến nghĩa vụ thành thói quen đạo đức. Khi công dân có năng lực tự quản và tinh thần đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết, trật tự xã hội sẽ được duy trì bền vững bằng sự đồng thuận tự nguyện thay vì cưỡng chế bạo lực.

Thứ ba, về mặt thể chế, J.J.Rousseau khẳng định sự gắn kết hữu cơ giữa ý chí chung, pháp luật và mô hình dân chủ trực tiếp. Trong phân tích của mình, J.J.Rousseau đi từ mô hình xã hội tự nhiên nhất là gia đình đến tiến trình hình thành xã hội công dân để khẳng định, mọi thể chế chính trị chính đáng đều phải lấy con người làm trung tâm. Trên cơ sở ấy, pháp luật không phải là sản phẩm áp đặt của nhà cầm quyền, mà là sự thể chế hóa ý chí chung của toàn dân; do đó, chính phủ phải phục vụ nhân dân chứ không thể đòi hỏi nhân dân hy sinh vì chính phủ. Ông cũng dự liệu và đưa ra những giải pháp nhằm ngăn ngừa sự tha hóa của quyền lực đại diện. J.J.Rousseau kiên quyết cổ vũ tinh thần dân chủ trực tiếp thông qua các Hội nghị toàn dân định kỳ - nơi tiếng nói của nhân dân giữ vai trò quyết định tối cao.

Thứ tư, về mặt thực tiễn lịch sử, tư tưởng dân chủ của J.J.Rousseau để lại một hệ giá trị vừa giải phóng vừa kỷ luật, trở thành ngọn cờ lý luận soi đường cho Đại Cách mạng Pháp năm 1789. Khát vọng tự giải phóng của quần chúng nhân dân Paris khi đứng lên chống lại chế độ phong kiến chính là sự hiện thực hóa tinh thần làm chủ mà J.J.Rousseau khởi xướng. Dù giai cấp đại tư sản Pháp từng tìm cách kìm hãm sức mạnh nhân dân thông qua Hiến pháp lập hiến 1791 (với các quy định phân biệt đối xử về quyền bầu cử), dòng chảy dân chủ triệt để theo tinh thần J.J.Rousseau vẫn bùng nổ và đạt đến đỉnh cao vào năm 1793 dưới sự lãnh đạo của phái Jacobins và Maximilien Robespierre. Bản Hiến pháp dân chủ năm 1793 đã thể chế hóa các giá trị về chủ quyền nhân dân, quyền tự do bất khả xâm phạm và nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật của J.J.Rousseau. Dù bị gián đoạn do hoàn cảnh chiến tranh, dấu ấn từ tư tưởng của J.J.Rousseau vẫn chứng minh sức sống bền bỉ của một di sản lý luận vĩ đại, cung cấp ngôn ngữ chuẩn mực để đánh giá tính chính danh của mọi quyền lực nhà nước hiện đại trên tinh thần đề cao dân chủ, chủ quyền nhân dân tối thượng.

3.2.1.2. Nhấn mạnh vai trò của pháp luật

J.J.Rousseau lập luận, nghĩa vụ công dân không phải là sự cúi đầu trước quyền lực ngoại tại, mà là biểu hiện của sự tự ràng buộc có lý tính, bởi

xâm phạm người khác cũng chính là làm tổn thương cơ thể chính trị mà mình là một bộ phận. Từ quan điểm ấy, J.J.Rousseau khẳng định, nhà nước hợp lý tính phải được vận hành bằng luật pháp phổ quát và công bằng, mọi người cùng bị ràng buộc như nhau và được bảo vệ như nhau. Lý luận của J.J.Rousseau đã xác lập vai trò nền tảng, tuyệt đối của pháp luật, đặt nền móng ban đầu cho tư duy về Nhà nước pháp quyền dân chủ và xã hội công dân hiện đại.

Thứ nhất, J.J.Rousseau đã xác lập tính chính danh của pháp luật từ nền tảng chủ quyền nhân dân. J.J.Rousseau khẳng định, nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của công dân không phải là sự phục tùng quyền lực áp đặt từ bên ngoài, mà là sự tự ràng buộc có lý tính. Với nguyên tắc kinh điển, "dân chúng tuân theo luật phải là người làm ra luật" [44, tr.97], ông chỉ ra rằng, pháp luật không còn là mệnh lệnh đơn phương của kẻ cai trị, mà là sự thể chế hóa ý chí chung. Nếu luật pháp không xuất phát từ nhân dân, nó sẽ lập tức mất đi tính chính danh. Do chủ quyền nhân dân là tối thượng, không thể chuyển nhượng hay phân chia, nên công dân không bao giờ được trao trọn quyền lập pháp cho kẻ khác để tự biến mình từ "chủ thể" thành "đối tượng" bị áp chế. Họ phải là người trực tiếp tham gia tạo lập nên hệ thống pháp luật.

Thứ hai, sự thống nhất giữa tự do và kỷ luật trong trật tự pháp lý phổ quát. Trong sự mô tả của J.J.Rousseau, mỗi cá nhân mang hai tư cách, họ mang tư cách công dân khi tham gia trực tiếp vào tiến trình lập pháp, vừa là thần dân phải chấp hành sự điều chỉnh của luật pháp. Tuy nhiên, việc tuân thủ ở đây là công dân tuân theo những quy tắc do chính mình cùng cộng đồng thiết lập. Từ đó, J.J.Rousseau gợi mở một nguyên tắc mang tính bước ngoặt, rằng sự tự do và kỷ luật không phải đối lập mà thống nhất hữu cơ với nhau. Luật pháp vừa đề ra những giới hạn về mặt hành vi để ngăn chặn sự tha hóa tự nhiên, vừa là tấm lá chắn tối thượng bảo vệ tự do và sự bình đẳng của mọi thành viên trước xã hội.

Thứ ba, J.J.Rousseau đưa ra những cảnh báo về nguy cơ tha hóa quyền lực và đặt ra yêu cầu về nền tảng văn hóa chính trị đạo đức. Tầm vóc vượt

thời đại của J.J.Rousseau còn nằm ở chỗ ông không chỉ xây dựng kỹ thuật lập pháp thuần túy, mà còn cảnh báo về nguy cơ biến dạng của dân chủ khi ý chí chung bị thao túng bởi lợi ích cá nhân hay lợi ích nhóm. Luật pháp là hình thức quy phạm hóa ý chí chung, nhằm bảo đảm lợi ích chung và hạn chế sự tùy tiện của quyền lực. Để pháp luật không biến thành công cụ của bất công, ông đặt ra yêu cầu đạo đức nghiêm ngặt đối với công dân, đó là phải biết kiềm chế ham muốn riêng và đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết. Cùng với xác lập vai trò nền tảng của luật pháp, việc nhấn mạnh năng lực chính trị của công dân trong quá trình lập pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Luật pháp vốn là công cụ điều chỉnh hành vi, chế ngự tham vọng, nên nếu lập pháp bị thao túng bởi ý chí cá nhân hay nhóm lợi ích thì luật sẽ đánh mất tính nghiêm minh và trở thành công cụ của bất công. Sâu xa hơn, ông khẳng định một nhà nước pháp quyền thực sự không thể chỉ dựa vào khẩu hiệu hay bộ máy cưỡng chế, mà phải được nuôi dưỡng trên nền tảng một văn hóa chính trị lành mạnh. Ở đó, người công dân có đủ năng lực suy xét mọi vấn đề, có tinh thần tự quản và ý thức được việc thượng tôn pháp luật để bảo vệ cộng đồng tự do. Từ đó, J.J.Rousseau đặt ra yêu cầu xây dựng thiết chế và văn hóa chính trị bảo đảm cho nhân dân thực sự làm chủ, chứ không chỉ được gọi tên như một khẩu hiệu.

3.2.1.3. Đề cao quyền công dân và nguyên tắc bình đẳng xã hội

Có thể nói, một trong những đóng góp lớn lao của triết học J.J.Rousseau nói chung và tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước nói riêng, đó chính là đặt quyền công dân vào vị trí trung tâm và coi việc bảo đảm quyền tự do, bình đẳng giữa các công dân là mục tiêu tối cao của mọi thể chế chính trị chính đáng. Quan điểm ấy hàm chứa nhiều giá trị nhân văn sâu sắc và tính cách mạng triệt để.

J.J.Rousseau làm rõ tính tất yếu của quá trình chuyển hóa tự do tự nhiên thành quyền công dân hợp pháp trên nền tảng bình đẳng. Trong bối cảnh xã hội phong kiến xem nhân dân là những thần dân thụ động, bị tước đoạt quyền sống và chịu sự chi phối tuyệt đối của chế độ đẳng cấp, J.J.Rousseau đã tạo ra một cuộc cách mạng tư tưởng khi khẳng định, con

người sinh ra tự do và bình đẳng. Nhìn lại lịch sử xã hội, ông nhận thức sâu sắc rằng từ trạng thái tự nhiên sang xã hội sơ khai, sự lạm quyền và tư hữu bóp méo đã phân hóa con người thành giàu - nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng làm đời sống xã hội ngột ngạt. Việc tìm ra cách thức giải quyết tình trạng đó là yêu cầu cấp thiết. J.J.Rousseau đề cao tinh thần đồng lòng ký kết khế ước - sự thoả thuận của tất cả mọi người để hướng đến hình thành lợi ích chung, ý chí chung và là cơ sở đảm bảo cho tất cả mọi người được thụ hưởng quyền lợi như nhau. Con người được tự do và bình đẳng trước luật pháp, không ai được đứng trên, đứng ngoài pháp luật. Ở trạng thái xã hội mới, con người không bị mất đi tự do mà đó là sự chuyển hoá từ tự do tự nhiên thành quyền công dân được bảo hộ hợp pháp. Bình đẳng và tự do luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, bình đẳng là điều kiện tiên quyết của tự do, bởi, "không có bình đẳng thì không thể có tự do được" [44, tr.115].

J.J.Rousseau đã nâng tầm vị thế của cá nhân khi khẳng định công dân là chủ thể tạo ra nhà nước. Ông xác lập tư cách chủ thể chính trị toàn diện và cơ chế bảo đảm bình đẳng trong xã hội mới. Quyền công dân không chỉ dừng lại ở các quyền dân sự cơ bản, mà cốt lõi là quyền chính trị, quyền được trực tiếp tham gia thảo luận, biểu quyết đúc kết ý chí chung và quyết định hệ thống luật pháp. Để bảo đảm nguyên tắc này, sự bình đẳng được xác định ngày từ khi thiết lập khế ước chung, "mỗi thành viên từ bỏ quyền riêng của mình để góp hết vào quyền chung, ai ai cũng như vậy cả, không ngoại trừ một người nào; cho nên sẽ không ai muốn cho người khác phải thiệt thòi khi tham gia công ước xã hội" [44, tr.67]. Với những cơ chế rõ ràng, trong xã hội "không một thành viên nào giành được đặc quyền" bởi "mỗi người tự hiến dâng cho mọi người chứ không cho riêng ai" và "mọi người thu về một giá trị tương đương với cái mình đã cống hiến" [44, tr.67]. Công dân có quyền giám sát tối cao, kiểm soát và bãi miễn bộ máy hành pháp nếu họ vi phạm cam kết chung.

J.J.Rousseau cũng đề cập đến các yếu tố kinh tế - xã hội thực tế để thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân. Tính nhân văn và sự uyên bác của J.J.Rousseau còn thể hiện ở chỗ, ông không nhìn nhận quyền công dân hay

sự bình đẳng một cách siêu hình, thuần túy lý thuyết. Đề cập đến khía cạnh sở hữu, J.J.Rousseau chỉ rõ "không nên hiểu là mọi mức độ quyền lực về tài sản đều phải tuyệt đối ngang nhau… không nên để một công dân nào giàu đến mức có thể mua một công dân khác; và không một công dân nào nghèo đến nỗi phải tự bán mình" [44, tr.115]. Tính nhân văn rõ nét thể hiện trong tư tưởng J.J.Rousseau, khi ông đặt công dân trong mối quan hệ với nhà nước với nguyên tắc bình đẳng được đề cao. Bình đẳng cho tất cả mọi người, không phân biệt tài sản, địa vị xã hội. Ai cũng có quyền tham gia vào việc chung của nhà nước, của cộng đồng.

Điểm độc đáo trong lý luận của J.J.Rousseau đó là ông đã gắn liền quyền công dân với tự do đạo đức và văn hóa chính trị. Trong lý luận của mình, J.J.Rousseau không tách rời quyền lợi với trách nhiệm công dân. Với ông, quyền tự do không phải là sự buông thả ích kỷ hay tước đoạt quyền của người khác, mà là khả năng tự ràng buộc có lý tính theo pháp luật do chính công dân góp phần tạo ra. Tự do đi liền với tự kỷ luật và ý thức nghĩa vụ đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân, từ đó kiến tạo nên hình mẫu con người công dân vừa biết bảo vệ quyền lợi bản thân, vừa hướng đến giá trị chung, biết gìn giữ sự phát triển bền vững của xã hội. Tư tưởng đề cao quyền công dân và sự bình đẳng triệt để của J.J.Rousseau đã đập tan nền tảng tư tưởng phong kiến đặc quyền, trở thành linh hồn cho tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp, đồng thời đặt nền móng vững chắc cho các lý thuyết về công bằng xã hội trong các mô hình dân chủ hiện đại.

3.2.1.4. Đề xuất tư tưởng kiểm soát quyền lực nhà nước

Tư tưởng của J.J.Rousseau mang giá trị phê phán mạnh mẽ và tính thời đại sâu sắc khi quyết liệt chống lại sự chuyên quyền, sự tha hóa của bộ máy cai trị, đồng thời đặt nền móng lý luận cho việc kiểm soát quyền lực nhà nước bằng chủ quyền nhân dân.

Bằng lập luận chặt chẽ, J.J.Rousseau đã vạch trần bản chất bất chính của quyền lực dựa trên bạo lực và sự thống trị độc đoán. Trong bối cảnh chế độ phong kiến chuyên chế đương thời coi quyền lực của nhà vua là thần

quyền mang tính tối thượng và tuyệt đối, J.J.Rousseau đã giáng một đòn mạnh mẽ vào nền tảng chính danh của trật tự phong kiến. Ông đập tan luận điểm cho rằng "kẻ mạnh có quyền cai trị" khi khẳng định, bạo lực chỉ tạo ra sự phục tùng do sợ hãi chứ không tạo ra nghĩa vụ đạo đức; do đó, quyền lực thực sự chỉ chính danh khi nó xuất phát từ sự đồng thuận tự nguyện của nhân dân qua bản khế ước xã hội. Bằng việc phân định rõ ràng giữa chủ quyền và chính phủ, J.J.Rousseau đã tước bỏ hoàn toàn tính chất thần thánh, vĩnh cửu của bộ máy cầm quyền độc đoán. Ông cũng chỉ ra nguy cơ tha hóa tự nhiên của cơ quan chính phủ - bộ máy hành pháp và cơ chế đề kháng sự chuyên quyền. J.J.Rousseau nhìn nhận quyền lực nhà nước với một thái độ minh triết và cảnh giác. Ông chỉ ra rằng, cơ quan hành pháp luôn có xu hướng tự nhiên là tìm cách thâu tóm quyền lực, mở rộng lợi ích nhóm và thay thế ý chí chung bằng ý chí cá nhân của kẻ cầm quyền. Từ đó, ông đặt ra vấn đề là cần phải ngăn chặn nguy cơ chuyên quyền, độc đoán. J.J.Rousseau đề xuất một cơ chế kiểm soát triệt để, đó là, chính phủ không phải là quan hệ hợp đồng bình đẳng giữa kẻ cai trị và người bị trị, mà họ chỉ là những công chức nhận được sự uỷ quyền từ quyền lực tối cao - ý chí chung trong việc thực thi pháp luật. Nhân dân với tư cách là chủ thể duy nhất của chủ quyền tối cao có toàn quyền giám sát, giới hạn, điều chỉnh, và thậm chí bãi miễn bộ máy hành pháp nếu chính phủ vi phạm cam kết khế ước, đi ngược lại lợi ích chung, xâm phạm đến quyền tự do của công dân.

J.J.Rousseau chủ trương dân chủ hoá quá trình lập pháp và đặt pháp luật ở vị trí tối thượng. Điều đó nhằm kiềm chế sự tùy tiện của hành pháp, triệt tiêu sự chuyên quyền. Duy nhất nhân dân mới có quyền lập pháp, cơ quan hành pháp chỉ thực thi mệnh lệnh của luật pháp do nhân dân ban hành chứ không được đứng trên hay thay thế cơ quan lập pháp. Với những khẳng định đanh thép ấy, J.J.Rousseau đã chặn đứng sự độc đoán của các cá nhân hay nhóm cầm quyền, đảm bảo cho bộ máy nhà nước vận hành như một công cụ phục vụ cộng đồng. Tư tưởng chống chuyên quyền của J.J.Rousseau không

chỉ là vũ sắc bén trang bị cho các lực lượng tiến bộ, trang bị cho các tầng lớp nhân dân về mặt lý luận trong cuộc chiến chống phong kiến, giúp họ hiểu rằng chống chuyên chế không chỉ là phản kháng cảm tính, mà là hành động phục hồi quyền tự nhiên và tái thiết tính chính danh của quyền lực; góp phần làm sụp đổ bộ máy chuyên quyền, độc đoán tồn tại suốt chiều dài lịch sử châu Âu. Tư tưởng ấy còn gợi mở những nguyên tắc nền tảng cho lý thuyết chính trị hiện đại. Những cảnh báo của J.J.Rousseau về nguy cơ tha hóa của bộ máy chính quyền và sự khẳng định quyền lực nhà nước phải bị giới hạn bởi quyền lực nhân dân đã trở thành nguyên tắc kinh điển trong việc xây dựng các thể chế nhà nước pháp quyền dân chủ, ngăn chặn nguy cơ độc tài, lạm quyền và bảo đảm bản chất của dân, do dân, vì dân của mọi chính quyền chính đáng. Các giá trị như tự do, ý chí chung, chủ quyền nhân dân trong lý luận của J.J.Rousseau đã góp phần bồi đắp cảm hứng chính trị cho Robespierre và nhiều nhà lãnh đạo dân chủ thời kỳ đó về khát vọng xây dựng nhà nước cộng hòa, trao quyền lực vào tay nhân dân.

3.2.2. Hạn chế lịch sử trong tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước

Bên cạnh những giá trị tiến bộ, tư tưởng của J.J.Rousseau cũng chứa đựng những hạn chế mang tính lịch sử. Những hạn chế ấy xuất phát từ điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và trình độ nhận thức của thời đại mà ông đang sống. Một số quan điểm của J.J.Rousseau còn mang tính lý tưởng hóa, chưa tính đến đầy đủ tính phức tạp của đời sống chính trị - xã hội hiện đại, đặc biệt là trong việc thực hiện dân chủ trực tiếp hay tuyệt đối hóa ý chí chung. Do chịu sự quy định bởi hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước Pháp thế kỷ XVIII, một số luận điểm của ông khó có thể vận dụng nguyên vẹn vào điều kiện thực tiễn ngày nay. Tuy nhiên, chính trong sự đan xen giữa giá trị tiến bộ và giới hạn lịch sử ấy, tư tưởng của J.J.Rousseau vẫn thể hiện ý nghĩa đặc biệt như một di sản tư tưởng lớn của nhân loại, cần được tiếp cận một cách khách quan, lịch sử và biện chứng.

3.2.2.1. Hạn chế về lập trường giai cấp tư sản

Bối cảnh châu Âu thế kỷ XVIII - thời kỳ tiền công nghiệp và đỉnh cao của phong trào Khai sáng đã tác động đến tư tưởng của các nhà lý luận lúc bấy giờ, trong đó có J.J.Rousseau. Mặc dù tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước mang tính cách mạng, song cũng chịu những giới hạn lịch sử nhất định. Hạn chế bao trùm và mang tính bản chất nhất trong tư tưởng của J.J.Rousseau chính là việc ông đứng trên lập trường của giai cấp tư sản (cụ thể là tầng lớp tiểu tư sản) để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội, khiến cho mô hình dân chủ của ông không thể đạt tới sự giải phóng con người một cách triệt để.

J.J.Rousseau đã tuyệt đối hóa và bảo vệ chế độ tư hữu - gốc rễ của sự bất bình đẳng. Trong quan điểm của mình, J.J.Rousseau phê phán gay gắt nhất những hệ lụy của chế độ tư hữu đối với sự tha hóa đạo đức và sự phân hóa giàu - nghèo nhưng ông lại không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu. Trái lại, J.J.Rousseau vẫn xem quyền sở hữu tài sản là "quyền thiêng liêng nhất của mọi công dân". Ông cho rằng, nguyên nhân của bất công không nằm ở bản thân chế độ tư hữu, mà nằm ở mức độ sở hữu bất bình đẳng. Từ lập trường của tầng lớp tiểu tư sản, những người có tài sản nhỏ và luôn lo sợ bị tư bản lớn chèn ép nuốt chửng, J.J.Rousseau chỉ dừng lại ở giải pháp mang tính duy tâm là điều hòa sở hữu, tức là tìm cách giới hạn khoảng cách giàu nghèo để "không nên để một công dân nào giàu đến mức có thể mua một công dân khác; và không một công dân nào nghèo đến nỗi phải tự bán mình" [44, tr.115]. Do không can thiệp vào gốc rễ của quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất nên mô hình của ông không thể triệt tiêu được cơ chế bóc lột và bất bình đẳng giai cấp trong thực tế cuộc sống.

Những phân tích của J.J.Rousseau thể hiện sự bất lực khi giải quyết mâu thuẫn giai cấp trên thực tế. J.J.Rousseau giả định rằng, tất cả mọi người, không phân biệt người giàu hay người nghèo đều tự nguyện từ bỏ lợi ích riêng để hướng tới ý chí chung, hình thành khế ước xã hội. Đây là một ảo tưởng chính trị xuất phát từ thế giới quan tư sản. Bởi lẽ, trong xã hội có phân

hóa giai cấp, lợi ích giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị hoàn toàn trái ngược nhau nên thực tế sẽ chẳng có sự cân bằng lợi ích theo kiểu cùng hướng đến cái chung cộng đồng. Vậy nên, thực chất ý chí chung mà J.J.Rousseau hình dung, đề cập đến chỉ là sự thỏa hiệp tạm thời hoặc ý chí chung ấy bị thao túng bởi giai cấp thống trị nắm giữ ưu thế về kinh tế. Việc xem nhà nước là sản phẩm của sự đồng thuận trung lập giữa mọi tầng lớp đã che giấu bản chất giai cấp của nhà nước, biến mô hình dân chủ của ông thành một lý thuyết chỉ mang tính hình thức. Bởi vậy nên, lý thuyết của J.J.Rousseau gặp phải những giới hạn lịch sử khi xét đến khía cạnh giải phóng con người.

Chính vì đứng trên lập trường giai cấp tư sản để phân tích, luận giải vấn đề nên J.J.Rousseau mới chỉ dừng lý thuyết ở khía cạnh pháp lý và chính trị. J.J.Rousseau cho rằng, trong xã hội, mọi công dân có quyền bình đẳng trước pháp luật, được pháp luật bảo vệ và họ có quyền bầu cử, có quyền nói lên tiếng nói của mình trong cộng đồng, về thực chất, ông chưa đạt tới sự giải phóng tận gốc rễ vấn đề, đó chính là giải phóng về mặt kinh tế, xã hội. Trong lý thuyết của J.J.Rousseau, mọi công dân đề bình đẳng và có quyền lực tối cao, nhưng trên thực tiễn cuộc sống, họ vẫn chịu sự chi phối, quyết định của các quy luật kinh tế vận hành trong chủ nghĩa tư bản và vẫn bị bóc lột nặng nề. Mặt khác, giới hạn từ quan điểm mang tính giai cấp của J.J.Rousseau còn thể hiện ở việc ông coi trọng quyền lợi chung của tất cả công dân, nhưng dường như trong quan điểm của ông, phụ nữ và các tầng lớp lao động thấp kém chưa được đề cao, chưa được nhìn nhận nhiều chiều nên một số quyền lợi của bộ phận nhân dân chưa được đảm bảo. Điều này cũng xuất phát từ việc J.J.Rousseau coi những người phụ nữ và tầng lớp thấp kém của xã hội chưa đủ năng lực trong tư duy các vấn đề chính trị nên họ chỉ là bộ phận phụ thuộc mà thôi.

3.2.2.2. Giới hạn của mô hình dân chủ trực tiếp và tính bất khả thi trong thực tiễn quốc gia quy mô lớn

J.J.Rousseau đề cao dân chủ trực tiếp, coi đó là hình thức duy nhất để bảo đảm ý chí chung tối thượng, bởi lẽ, "chủ quyền tối cao của toàn dân

là không thể dùng người đại diện được" [44, tr.179]. Tư tưởng tiến bộ ấy, ngay từ khi xuất hiện đã kéo theo những giới hạn khi đặt trong bối cảnh thực tiễn chính trị làm cho nó mang màu sắc không tưởng, bất khả thi khi đặt trong bối cảnh quốc gia có quy mô lãnh thổ và dân số lớn.

Thứ nhất, sự bất khả thi về cách thức thực hiện, địa lý và dân số ở quốc gia quy mô lớn.

J.J.Rousseau nhấn mạnh, "mọi điều luật được chuẩn y, mọi pháp quan được bầu cử đều do Đại hội toàn dân cả… không một công dân nào bị loại ra ngoài cuộc đầu phiếu… dân chúng La Mã là chủ nhân thật sự theo luật và trên thực tế" [44, tr.210-211]. Ở các Đại hội toàn dân, công dân có quyền thông qua các đạo luật và bầu chọn thủ lĩnh. J.J.Rousseau thừa nhận, dân chủ trực tiếp đòi hỏi những điều kiện địa lý và nhân khẩu vô cùng khắt khe và đại hội chi phái thực sự là Đại hội toàn dân La Mã, phù hợp với một chính phủ nhân dân. Khi thực hiện phổ thông đầu phiếu, người La Mã dùng "phương pháp giản tiện nhất… mỗi công dân nói to lên ý kiến của mình, người kiểm phiếu lần lượt ghi lại. Đa số ý kiến… quyết định tiếng nói chung trong một chi phái. Đa số ý kiến của các chi phái quyết định kết quả bầu chọn của toàn dân" [44, tr.215-216]. Tuy có những điểm tiến bộ trong tư tưởng dân chủ trực tiếp, song, phạm vi áp dụng cho cách này bị giới hạn. Mô hình ấy chỉ hoàn hảo trong một quốc gia có quy mô nhỏ, cấu trúc xã hội tương đối đơn giản như các thành bang cổ đại Sparte, Athens hay các bang nhỏ của Thụy Sĩ như Geneva. Khi quốc gia mở rộng, dân số tăng và lợi ích phân hóa, dân chủ trực tiếp trở nên khó thực hiện. Với một quốc gia rộng lớn, dân số đông đúc hàng triệu người, việc tập hợp toàn thể công dân tại một địa điểm để thảo luận và bỏ phiếu trực tiếp là điều hoàn toàn bất khả thi về mặt tổ chức. Việc J.J.Rousseau phủ nhận lực lượng đại diện khiến ông không giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa ý chí chung và ý chí đại diện, cũng như thiếu vắng quy trình, thẩm quyền thể chế cụ thể để bãi miễn công chức, khiến luận điểm mang tính cảm tính và thiếu khả năng vận hành ở cấp độ quốc gia lớn.

Thứ hai, sự bất ổn và những nguy cơ tiềm ẩn trong dân chủ trực tiếp.

Ở một quốc gia lớn với cấu trúc xã hội phức tạp và lợi ích bị phân hóa sâu sắc, việc vận hành dân chủ trực tiếp rất dễ biến các cuộc họp toàn dân thành bãi trường hỗn loạn. J.J.Rousseau đặt vấn đề về sự "nhất trí giả tạo" [44, tr.196] thường được các nguyên lão sử dụng thời đế chế, khi công dân là nô bộc thì ý chí của họ sẽ phụ thuộc thủ lĩnh. Theo ông, chỉ có công ước là "đạo luật duy nhất đòi hỏi phải được sự đồng ý của tất cả mọi người" [44, tr.196]. Mặt khác, các cuộc họp toàn dân rất dễ đứng trước nguy cơ hỗn loạn bởi các nhóm chống đối, do đó, khi người chủ trì Đại hội toàn dân cảm thấy điềm báo không lành thì họ sẽ không triệu tập cuộc họp nữa. Thậm chí, ngay giữa cuộc họp toàn dân vẫn có thể xảy ra các trường hợp không mong muốn, như sự kích động của dân chúng hoặc sự thao túng tâm lý của một nhà hùng biện biến chất nào đó. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp toàn dân, "tiếng nói của số đông bao giờ cũng lấn át số ít" bởi "công dân chấp thuận tất cả các luật, ngay cả các đạo luật được thông qua mà không có ý kiến của mình" [44,tr.197]. Quy định đó đã triệt tiêu tính phản biện trong các vấn đề chính trị - xã hội. Việc tuyệt đối hóa ý chí chung, coi mọi ý kiến khác biệt là đi ngược lại cộng đồng và buộc phải phục tùng số đông vô hình trung biến dân chủ trực tiếp thành nguy cơ "chuyên chế của số đông", đe dọa trực tiếp đến tự do của cá nhân và các nhóm thiểu số trong quốc gia lớn.

Thứ ba, yêu cầu cao đối với công dân khi tham gia các hoạt động chính trị và độ phức tạp của hệ thống pháp luật hiện đại.

Để thực hiện được mục đích chính trị, đặc biệt khi thực hiện dân chủ trực tiếp, J.J.Rousseau đề cao đạo đức công dân. Theo ông, để ý kiến của công dân trở nên hợp lý thì "lương tri còn ngự trị trong toàn thể công dân" [44, tr.216]. J.J.Rousseau hướng đến nền dân chủ trực tiếp được vận hành trên cơ sở mọi công dân đều có phẩm chất đạo đức tốt đẹp, biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Đây là giả định thiếu tính thực tế, bởi mỗi

cá nhân luôn tồn tại những ham muốn ích kỷ, sẽ chẳng có gì đảm bảo rằng ý chí của họ luôn luôn hướng về cộng đồng. Vậy nên, tư tưởng của J.J.Rousseau trong việc đề cao đạo đức công dân dường như thiếu tính thực tế. Mặt khác, để công dân có thể tham gia vào các công việc chung của nhà nước, họ phải được trang bị những kiến thức cần thiết, được tiếp cận đầy đủ với nguồn thông tin. Song, góc độ đề cập của J.J.Rousseau nằm trong giới hạn của không gian pháp luật lúc bấy giờ với hệ thống điều luật chưa nhiều, đơn giản, rõ ràng và mọi công dân đều có thể hiểu được. Nhưng, quan điểm ấy hoàn toàn lạc hậu so với sự phát triển mạnh mẽ của thực tiễn chính trị - xã hội. Ngay thời điểm thế kỷ XVIII, hệ thống pháp luật đã mở rộng, phong phú hơn, bao phủ lên tất cả các quá trình xã hội. Việc đòi hỏi mọi công dân vốn có trình độ và điều kiến tiếp cận thông tin khác nhau phải nghiên cứu, nắm vững toàn bộ các dự thảo luật phức tạp để trực tiếp biểu quyết thông qua là điều quá sức. Sự quá tải này nếu cưỡng ép thực hiện sẽ dẫn đến những quyết định sai lầm, cảm tính, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của quốc gia.

Có thể thấy, mô hình dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau tiến bộ, song đó chỉ là thiên đường lý tưởng về mặt lý thuyết, phù hợp cho các cộng đồng có quy mô nhỏ đặt trong bối cảnh lịch sử - xã hội nhất định. Việc tuyệt đối hoá mô hình dân chủ trực tiếp và lên án chế độ đại diện đã khiến cho quan điểm của J.J.Rousseau rơi vào mâu thuẫn giữa sự khát khao quyền lực tối cao thuộc về nhân dân với thể chế bất khả thi trong thực tiễn quản trị quốc gia hiện đại quy mô lớn.

3.2.2.3. Quan điểm về ý chí chung còn nhiều hạn chế

Thứ nhất, khái niệm ý chí chung còn trừu tượng, siêu hình.

Trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau sử dụng dày đặc các thuật ngữ ý chí ý chí chung và ý chí cá nhân để kiến tạo toàn bộ cấu trúc lập luận về cộng đồng chính trị Nhà nước và pháp luật. Ông cho rằng, cộng đồng chỉ có thể hình thành hợp pháp khi các cá nhân tự nguyện gặp nhau ở ý

chí chung, từ đó đặt mình và quyền lực của mình dưới sự điều khiển tối cao của ý chí chung và tiếp nhận mỗi người như một bộ phận không thể tách rời của toàn thể. Theo logic của ông, việc tuân theo khế ước không phải là phục tùng một ý chí xa lạ mà là tuân theo chính ý chí của mình. J.J.Rousseau cho rằng, ý chí chung là cơ sở để hình thành nhà nước và hệ thống pháp luật do nhân dân thông qua, qua đó thiết lập mối quan hệ công dân nhà nước trên nền tảng đồng thuận và lợi ích chung. Ở phương diện giá trị, cách tiếp cận này giúp J.J.Rousseau vượt qua mô hình quyền lực dựa trên bạo lực hay đặc quyền, chuyển trọng tâm sang cơ sở hợp pháp của quyền lực và khẳng định chủ quyền thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, chính việc coi ý chí chung như một chuẩn mực tuyệt đối mang tính duy tâm đã khiến khái niệm này trở nên vô cùng trừu tượng. J.J.Rousseau nỗ lực xây dựng ý chí chung như một sự hội tụ cao đẹp, thuần khiết, nhưng ông lại không thể đưa ra được một tiêu chí định lượng cụ thể hay phương pháp luận thực chứng nào để xác định tính thực chất của ý chí chung trong đời sống chính trị thực tế.

Thứ hai, sự xa rời thực tiễn và xu hướng cưỡng chế duy ý chí.

Khi đặt cơ chế hình thành ý chí chung trong tương quan với vận động hiện thực xã hội, tư tưởng của J.J.Rousseau bộc lộ những giới hạn đáng chú ý. Một xã hội không thể vận hành bền vững chỉ bằng kỳ vọng rằng, các ý chí cá nhân sẽ tự nhiên hội tụ và tự điều chỉnh theo lợi ích chung như một sự cào bằng. J.J.Rousseau cũng thừa nhận thực tế rằng, mỗi cá nhân có thể có ý chí riêng không giống hoặc trái với ý chí chung. Nhận định ấy phản ánh đúng tính phức tạp của đời sống xã hội, nơi lợi ích riêng và lợi ích chung không phải lúc nào cũng trùng khớp. Vấn đề phát sinh nằm ở chỗ, giải pháp mà ông đưa ra nhằm xử lý sự bất tương hợp giữa ý chí cá nhân và ý chí chung lại có xu hướng cực đoan về phía quyền lực cộng đồng, buộc cá nhân phải tự do, nếu đi ngược với ý chí chung sẽ bị cưỡng chế. Nếu sự cưỡng chế được hợp thức hoá dưới danh nghĩa ý chí chung thì sẽ làm giảm đi sự tự nguyện vốn là nền tảng đạo lý mà J.J.Rousseau muốn bảo vệ trong khế ước. Giả định rằng,

sự hội tụ ở ý chí chung diễn ra khi xã hội phát triển cao, các điều kiện vật chất dồi dào, trình độ dân trí và văn hóa chính trị đủ chín thì mô hình của J.J.Rousseau có thể mang dáng dấp một lý tưởng khả dĩ. Nhưng, bối cảnh của ông lại là nước Pháp thế kỷ XVIII đang khủng hoảng kinh tế - xã hội và mâu thuẫn giai tầng gay gắt thì khoảng cách giữa hình dung chuẩn tắc của ông với thực tiễn kinh tế chính trị trở nên rõ rệt, bởi kinh tế và chính trị luôn gắn bó chặt chẽ với nhau và xung đột lợi ích thường quyết định hình thức thỏa hiệp cũng như giới hạn của thỏa hiệp.

Thứ ba, J.J.Rousseau có xu hướng tuyệt đối hoá ý chí chung, triệt tiêu tính phản biện và áp đặt số đông lên thiểu số.

J.J.Rousseau chủ trương đồng nhất đúng - sai của quyết định chính trị với ý chí của số đông, xem số đông như bảo chứng tự nhiên cho lợi ích chung. Tuy nhiên, thực tế không phải lúc nào số đông cũng đúng, không phải lúc nào số ít đều phi lý. J.J.Rousseau nhấn mạnh công dân chuyển trao quyền tự nhiên cho cộng đồng và nhận về quyền công dân tương ứng được cộng đồng bảo vệ, nhưng ông lại không làm rõ một cơ chế bảo vệ cho ý chí cá nhân trong trường hợp ý chí cá nhân rơi vào vị thế thiểu số hoặc đối lập. Ông khẳng định, công dân có quyền bày tỏ ý kiến và thực hành dân chủ, song cuối cùng không được cưỡng lại ý chí chung, bởi theo ông, ý chí cá nhân khác với ý chí chung thì ý chí đó sai lầm. Lập luận ấy có thể trở thành yếu tố làm suy yếu năng lực phản biện và sáng kiến cá nhân, khiến ý chí cá nhân bị thu hẹp dần hoặc bị loại bỏ. Sự thiếu vắng cơ chế bảo vệ này khiến tính chất trừu tượng của ý chí chung dễ bị biến tướng thành một sự đồng thuận mang tính cưỡng bức, đe dọa trực tiếp đến tự do cá nhân.

Thứ tư, sự thiếu vắng thiết chế minh bạch và nguy cơ tha hoá, thao túng ý chí chung.

Trung tâm trong lý luận chính trị của J.J.Rousseau là khái niệm ý chí chung, được hình thành bằng cách gạt bỏ những ý chí riêng lẻ xung khắc để giữ lại phần đồng thuận hướng về lợi ích chung của cộng đồng. Tuy nhiên,

vấn đề lý luận đặt ra là làm thế nào để xác định tính thực chất của ý chí chung trong điều kiện ý chí cá nhân không thể nhất trí lâu dài và thường xuyên với ý chí chung, bởi ý chí cá nhân luôn hướng về ưu tiên bản thân, còn ý chí chung lại hướng tới sự đồng đều bình đẳng. Luận điểm này cho thấy, chính J.J.Rousseau đã ý thức được sự mong manh của đồng thuận chính trị, song, ông chưa chỉ ra được phương thức và thiết chế để phân biệt giữa lợi ích chung thực chất với sự ngẫu nhiên trùng khớp của các lợi ích riêng. Chính sự trừu tượng và thiếu vắng cơ chế kiểm soát minh bạch này đã tạo ra một kẽ hở nguy hiểm, đó là các nhóm lợi ích cục bộ hoàn toàn có thể nhân danh ý chí chung để thao túng quyền lực, hợp thức hóa lợi ích nhóm dưới danh nghĩa cộng đồng. Đây là điểm hạn chế quan trọng, bởi một lý thuyết chính trị muốn đứng vững trong thực tiễn phải đi kèm những thiết chế bảo đảm tính minh bạch, khả phản biện và cơ chế kiểm soát để ngăn chặn sự lạm dụng danh nghĩa tập thể. Nếu không, khái niệm trung tâm ý chí chung sẽ đứng trước nguy cơ bị tha hóa trong thực tiễn.

3.2.2.4. Tư tưởng J.J.Rousseau chưa giải quyết đầy đủ cơ chế kiểm soát quyền lực

Những yếu tố mang tính không tưởng trong mô hình nhà nước lý tưởng của J.J.Rousseau cho thấy sức mạnh tư tưởng khai phóng, song cũng bộc lộ xu hướng lý tưởng hóa một trật tự chính trị dựa trên sự đồng thuận mang màu sắc đạo đức. Trật tự ấy thiếu hẳn cơ chế vận hành cụ thể, khả năng kiểm chứng và tự điều chỉnh trong thực tiễn.

Thứ nhất, sự thiếu vắng cơ chế vận hành có khả năng kiểm soát và giải quyết xung đột lợi ích.

Khi bàn về sự ra đời của nhà nước, J.J.Rousseau cũng đặt trọng tâm vào sự thỏa thuận khế ước như một kết quả của ý muốn chủ quan từ phía các cá nhân nhằm hướng tới lợi ích chung. Ông coi nhà nước và pháp luật là những thiết chế tất yếu của trạng thái xã hội công dân, đồng thời tin rằng chỉ cần xác lập được bản khế ước xã hội thì trật tự hợp pháp sẽ tự động được

vận hành và các giá trị tự do, bình đẳng sẽ đương nhiên được bảo đảm. Tinh thần nhân văn nhất quán của J.J.Rousseau thể hiện rõ khi ông đặt con người làm trung tâm và chống lại quyền lực dựa trên bạo lực. Tuy nhiên, phương pháp luận của ông lại nghiêng quá nhiều về các yêu cầu đạo đức và kỳ vọng tâm lý, thay vì xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực chuyên biệt. Nhà nước được hình thành từ khế ước, thể hiện ý chí chung, nhưng sự vững mạnh của nhà nước không thể tách rời sự phát triển tự do của mỗi cá nhân. Cá nhân và cộng đồng, công dân và nhà nước là mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Nhà nước thể hiện ý chí chung, nhưng quyền lực nếu không bị giới hạn bởi các thiết chế đối ứng thì tất yếu sẽ dẫn đến nguy cơ áp đặt. Do thiếu vắng các công cụ thể chế để bảo vệ quyền cá nhân, bảo vệ nhóm thiểu số và minh bạch hóa việc xác định lợi ích chung, J.J.Rousseau mới chỉ nhấn mạnh điểm đến của đời sống chính trị hợp pháp nhưng chưa chỉ ra đầy đủ con đường hiện thực để đi tới điểm đến ấy trong bối cảnh quan hệ kinh tế - xã hội còn tồn tại sự bất đối xứng về quyền lực và xung đột lợi ích kinh tế - xã hội.

Thứ hai, cơ chế điều chỉnh mối quan hệ công dân và nhà nước trong quan điểm của J.J.Rousseau thiếu tính khả thi.

Nhìn tổng thể, quan điểm J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, song đồng thời mang dấu ấn lý tưởng hóa khi đặt trên những giả định đạo đức rất khó duy trì thường xuyên trong thực tiễn đời sống chính trị. Ông kỳ vọng rằng, công dân nếu có ý chí riêng khác với ý chí chung thì phải tự điều chỉnh để tuân thủ ý chí chung và nhờ đó đạt được tự do, còn nếu chính phủ không phù hợp thì công dân sẽ bãi miễn và thay thế. Tuy nhiên, cả hai quá trình này đều hoàn toàn thiếu vắng các điều kiện thể chế, thủ tục pháp lý và quy trình vận hành cụ thể. J.J.Rousseau cho rằng, quan hệ công dân và nhà nước sẽ tốt đẹp khi ý chí chung được bảo đảm, lợi ích chung được hướng đến và cá nhân không tư lợi, nhưng đây lại là giả định đạo đức rất khó duy trì thường xuyên trong đời sống

chính trị, nơi lợi ích đa dạng và xung đột là hiện tượng phổ biến. J.J.Rousseau chưa trả lời được các câu hỏi mang tính kỹ thuật thể chế, rằng: Ai là người đứng ra tổ chức việc bãi miễn? Cơ quan nào đứng ra tài phán khi có sự lạm quyền? Ranh giới pháp lý nào để ngăn chặn chính phủ thâu tóm quyền lực trước khi nhân dân kịp bãi miễn?

Thứ ba, xu hướng lấn át của lý tưởng đạo đức đối với yêu cầu thể chế hóa quyền lực.

Hạn chế này một mặt gắn liền với bối cảnh lịch sử thế kỷ XVIII, khi J.J.Rousseau dồn toàn bộ tâm trí vào việc phê phán sự thối nát của chế độ phong kiến chuyên chế, mặt khác phản ánh khuynh hướng tuyệt đối hóa nguyên tắc đạo đức đến mức làm suy giảm tính khả thi của mô hình chính trị. Trong thực tiễn, lợi ích xã hội luôn đa dạng và xung đột, đó là hiện tượng phổ biến. Việc kỳ vọng vào một bộ máy cầm quyền tự giác không tư lợi mà không có cơ chế giám sát độc lập, không có sự phân chia và kiểm soát quyền lực rõ ràng là một ảo tưởng triết học. Vì vậy, bên cạnh việc trân trọng tinh thần khai phóng và lý tưởng tự do bình đẳng mà J.J.Rousseau khởi xướng, việc nhận diện khoảng trống thể chế trong lý luận của ông là đòi hỏi cấp thiết. Đây chính là gợi mở quan trọng để triết học chính trị hiện đại bổ sung các cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo vệ quyền của nhóm thiểu số và phân định minh bạch giữa lợi ích chung chân chính với sự ngụy trang của lợi ích nhóm dưới danh nghĩa tập thể.

3.2.2.5. Tư tưởng của J.J.Rousseau chưa tính đến sự đa dạng lợi ích trong xã hội hiện đại

Một hạn chế mang tính căn bản khác trong lý luận chính trị của J.J.Rousseau là việc ông đề cao tính thống nhất tuyệt đối của cộng đồng, dẫn đến việc bỏ qua hoặc phủ nhận tính tất yếu của sự đa dạng lợi ích và sự tồn tại của các nhóm xã hội trong một thể chế chính trị hiện đại. Điều đó làm cho tư tưởng của J.J.Rousseau bộc lộ sự xa rời thực tiễn vận hành của đời sống kinh tế - xã hội trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, sự phủ nhận phân hóa lợi ích trong xã hội.

J.J.Rousseau thể hiện thái độ hết sức gay gắt đối với sự xuất hiện của các đảng phái, nhóm lợi ích hay các tiểu cộng đồng trong lòng nhà nước, vì ông cho rằng sự xuất hiện các phe nhóm này sẽ làm xé lẻ ý chí chung và thay thế lợi ích toàn thể bằng lợi ích cục bộ. Tuy nhiên, thực tế trong sự vận hành của xã hội hiện đại, sự phân công lao động sâu sắc, sự đa dạng về sở hữu và sự phân hóa giai tầng là những quy luật phát triển khách quan. Mỗi giai tầng đều có những nhu cầu và lợi ích chính đáng riêng. Việc J.J.Rousseau đòi hỏi một sự nhất trí tuyệt đối và coi sự khác biệt lợi ích như một mối đe dọa hay sự tha hóa đạo đức đã khiến lý thuyết của ông mang tính giáo điều, thiếu khả năng dung hợp và thích ứng với cơ cấu xã hội đa tầng hiện đại.

Thứ hai, sự thiếu vắng các cơ chế thương lượng, giải quyết các xung đột lợi ích.

Xuất phát từ quan điểm đề cao tính tối thượng của ý chí chung, là khối thống nhất không thể chia cắt, J.J.Rousseau đã không xây dựng các thiết chế để giải quyết khi có xung đột lợi ích xảy ra. Trong các thể chế dân chủ hiện đại, bản chất của chính trị không phải là triệt tiêu các lợi ích riêng để đạt đến một ý chí thuần khiết ảo tưởng, mà điều quan trọng là phải thiết lập một sân chơi pháp lý công bằng nơi các nhóm lợi ích đa dạng có thể tranh biện, thương lượng và đi đến sự đồng thuận cao nhất dựa trên sự dung hòa lợi ích. Với quan điểm phủ nhận vai trò của đại diện chính trị và các tổ chức trung gian, J.J.Rousseau đã tước bỏ chính những công cụ mềm dẻo giúp xã hội hiện đại giải tỏa các xung đột gắt gao và duy trì sự ổn định bền vững.

Thứ ba, nguy cơ triệt tiêu tính phản biện và tạo sự đồng thuận lợi ích mang tính cưỡng bức.

Việc đặt sự thống nhất cộng đồng lên trên tính đa dạng lợi ích trong xã hội đã đẩy logic tư duy của J.J.Rousseau đến một hệ quả nguy hiểm, đó là, ông cho rằng, mọi ý kiến khác biệt hoặc đối lập với số đông là đi ngược lại lợi ích chung và cần phải tự điều chỉnh cho phù hợp hoặc bắt buộc đi theo số

đông. Tuy nhiên, xét trong xã hội hiện đại, sự phản biện từ các nhóm thiểu số và sự đa nguyên tư tưởng chính là động lực triệt tiêu sự hủ hóa, cung cấp thêm góc tiếp cận vấn đề xã hội, từ đó có thể giúp chính quyền sửa chữa sai lầm và thúc đẩy sự tiến bộ. Bởi vậy nên, khi J.J.Rousseau yêu cầu cá nhân phải tự điều chỉnh tư tưởng để hoàn toàn trùng khớp với ý chí chung, ông đã hợp thức hóa một cơ chế ép buộc đồng thuận trong xã hội. Điều này không chỉ làm triệt tiêu tư duy phản biện độc lập của mỗi công dân mà còn tạo tiền đề, kẽ hở chính trị cho các phe nhóm lợi ích lợi dụng danh nghĩa sự nhất trí của tập thể để dập tắt các tiếng nói tiến bộ trong xã hội và kéo theo rất nhiều hệ luỵ lâu dài.

Có thể nói, mô hình xã hội đơn nhất của J.J.Rousseau chỉ phù hợp với trí tưởng tượng về một cộng đồng nông nghiệp nhỏ bé, đơn giản và thuần nhất như trong thời kỳ cổ đại. Việc chưa tính đến sự đa dạng lợi ích và sự thiếu hụt các cơ chế thương lượng, thỏa hiệp để nhằm dung hoà các lợi ích xã hội đã khiến cho lý luận của J.J.Rousseau bộc lộ những khoảng trống lớn trước thực tiễn đầy phức tạp của các quốc gia hiện đại, nơi sự ổn định chỉ có thể đạt được bằng cách tôn trọng, hòa giải và thể chế hóa sự đa dạng lợi ích chứ không phải bằng cách triệt tiêu nó.

Tiểu kết chương 3

Những nội dung về quyền công dân, sự hình thành nhà nước, mối quan hệ giữa công dân và nhà nước; yếu tố đảm bảo cho mối quan hệ công dân và nhà nước được J.J.Rousseau phân tích khá hệ thống trong *"Bàn về khế ước xã hội"*. Ông nhấn mạnh, việc hình thành chủ quyền nhân dân là tất yếu khi con người chuyển từ trạng thái tự nhiên sang xã hội công dân. Cá nhân tham gia vào quyền lực tối cao, họ trở thành "công dân". Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhà nước hình thành. Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước là mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ với nhau để cơ thể xã hội phát triển khỏe mạnh.

Nhìn tổng thể, tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước chứa đựng những giá trị khai phóng và tầm vóc lịch sử. J.J.Rousseau đã đặt nền móng vững chắc cho các nguyên lý cốt lõi của thể chế dân chủ hiện đại với nguyên tắc chủ quyền tối cao thuộc về nhân dân, thượng tôn pháp luật và mối quan hệ bình đẳng, đồng thuận giữa nhà nước với công dân; đề cao tính chủ thể, trách nhiệm chính trị của công dân; đề cao dân chủ và hạn chế sự thao túng quyền lực của các nhóm đặc quyền.

Tuy nhiên, lý luận J.J.Rousseau cũng bộc lộ những hạn chế nhất định: sự trừu tượng của khái niệm ý chí chung; tuyệt đối hóa mô hình dân chủ trực tiếp và phủ nhận tính chính danh của chế độ đại diện khiến tư tưởng của ông mang màu sắc không tưởng và bất khả thi khi áp dụng vào quốc gia hiện đại quy mô lãnh thổ và dân số lớn; thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực làm giảm tính khả thi thực tiễn của mô hình; chưa tính đến tính đa dạng lợi ích của xã hội hiện đại.

Tóm lại, tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước là sự kết tinh kỳ diệu giữa lý tưởng dân chủ, tinh thần nhân văn và ý chí phản kháng mạnh mẽ chế độ chuyên chế phong kiến. Dù tồn tại khoảng trống thể chế, tính không tưởng, xa rời thực tiễn hiện đại, song lý luận J.J.Rousseau vẫn là một di sản triết học chính trị quý báu, đóng góp quan trọng vào dòng chảy phát triển của tư tưởng tự do, dân chủ và pháp quyền của nhân loại và có thể cho chúng ta những gợi mở tham khảo trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Chương 4
Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là một quá trình vừa mang tính kế thừa, vừa đòi hỏi sự phát triển mới về nhận thức lý luận và tổ chức thực tiễn. Nếu Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII xác định việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị [2, tr.6], thì Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã tiếp tục phát triển nhận thức đó trong điều kiện mới, đặt xây dựng Nhà nước pháp quyền trong tổng thể yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đồng thời gắn với xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Điểm đáng chú ý trong tư duy của Đại hội XIV là Nhà nước pháp quyền không được nhìn nhận đơn thuần dưới góc độ tổ chức bộ máy nhà nước hoặc hoàn thiện hệ thống pháp luật, mà được đặt trong mối quan hệ tổng thể giữa Nhân dân - quyền lực nhà nước - pháp luật - quản trị quốc gia - quyền con người, quyền công dân - kiểm soát quyền lực và phát triển đất nước. Theo đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền lực nhà nước phải được tổ chức và vận hành có hiệu lực, hiệu quả nhưng đồng thời phải được kiểm soát; pháp luật phải đầy đủ, đồng bộ, khả thi và được thực hiện nghiêm minh; mọi hoạt động của Nhà nước phải hướng tới bảo đảm công lý, quyền con người, quyền công dân và nâng cao hạnh phúc, sự hài lòng của Nhân dân.

Từ đó, có thể xác định một số yêu cầu cơ bản đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, đó là, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước; bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đây không phải là những yêu cầu tồn tại độc lập mà có tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Trong đó, quyền lực thuộc về Nhân dân là cơ sở chính trị - xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ; pháp luật là công cụ thể chế hóa và bảo đảm thực hiện quyền làm chủ; kiểm soát quyền lực là cơ chế ngăn ngừa sự tha hóa, lạm dụng quyền lực; còn bảo đảm quyền con người, quyền công dân là một trong những mục tiêu và thước đo quan trọng của Nhà nước pháp quyền.

4.1.1. Sự bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân

Bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân là yêu cầu có tính nền tảng, xuyên suốt đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về phương diện lý luận, đây là vấn đề cốt lõi về chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Nhà nước không phải là một thiết chế đứng trên hay tách rời xã hội, mà là bộ máy quyền lực công được Nhân dân ủy quyền để thực thi quản trị xã hội vì lợi ích chung. Do đó, tính chính danh của quyền lực nhà nước bắt nguồn từ Nhân dân và phải được kiểm nghiệm bằng khả năng thể chế hóa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân trong thực tiễn.

Quan điểm này đã được Hiến pháp năm 2013 thể chế hóa tại Điều 2: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân" [86, tr.9]. Hiến pháp đồng thời xác định nguyên tắc vận hành: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đây là cơ sở hiến định quan trọng để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa chủ quyền Nhân dân với mô hình tổ chức bộ

máy nhà nước, bảo đảm sự thống nhất quyền lực gắn liền với yêu cầu kiểm soát quyền lực nghiêm ngặt.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nâng tầm nhận thức lý luận khi yêu cầu phải "phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc" [20, tr.120]; đồng thời kiên định sâu sắc quan điểm "Dân là gốc", xác định Nhân dân là "chủ thể, là trung tâm" của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, Đại hội XIV nhấn mạnh: "Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu" [20, tr.121]. Như vậy, yêu cầu quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân phải được thực thi một cách thực chất, vượt trên định khung nguyên tắc trong Hiến pháp. Vấn đề quyết định là phải thiết lập được các cơ chế vận hành hiệu quả để Nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp thực thi quyền lực của mình. Quyền lực của Nhân dân phải được chuyển hóa thành các quyền cụ thể trong đời sống kinh tế - xã hội; được thể chế hóa thành các quy trình tham gia quản lý nhà nước; được bảo đảm bằng pháp luật và được bảo vệ hữu hiệu thông qua các công cụ kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội, khiếu nại, tố cáo cùng các phương thức hợp pháp khác.

Ở đây, cần nhận thức sâu sắc mối quan hệ giữa hai mệnh đề: "Nhân dân là chủ thể của quyền lực" và "Nhà nước là chủ thể thực thi quyền lực công". Việc được ủy quyền không đồng nghĩa với việc Nhà nước có thể thực thi quyền lực một cách tùy tiện. Mọi hành vi quyền lực công đều phải đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và hướng tới lợi ích cộng đồng. Phạm vi quyền lực nhà nước càng lớn thì yêu cầu về trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch và cơ chế kiểm soát quyền lực càng phải nghiêm ngặt. Đại hội XIV đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế: "Quyền làm chủ của Nhân dân chưa được thể chế hóa đầy đủ, có lúc, có nơi còn bị vi phạm" [20, tr.69]; đồng thời hiệu lực, hiệu quả kiểm soát

quyền lực nhà nước chưa đạt kỳ vọng. Việc thẳng thắn nhìn nhận các hạn chế này khẳng định một luận điểm lý luận quan trọng, bảo đảm quyền lực thuộc về Nhân dân không phải là trạng thái tĩnh đã hoàn thành, mà là một quá trình liên tục hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi. Trong điều kiện phát triển mới của đất nước, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân cần được cụ thể hóa đồng bộ trên bốn phương diện trọng tâm sau:

Một là, bảo đảm Nhân dân có khả năng tham gia vào quá trình hình thành và thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Bên cạnh quyền bầu cử, ứng cử, Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền của công dân trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận, kiến nghị với cơ quan công quyền. Nhà nước có trách nhiệm thiết lập các kênh thông tin đa dạng, ứng dụng công nghệ số để công khai, minh bạch quy trình tiếp nhận, xử lý và phản hồi giải trình trước các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân.

Hai là, thể chế hóa quyền lực của Nhân dân thành hệ thống pháp luật có tính khả thi cao. Bản chất dân chủ chỉ có thể đạt được khi quyền của Nhân dân không dừng lại ở các nguyên tắc chung mà được định hình bằng các quy trình pháp lý cụ thể. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do đó phải gắn liền với đổi mới căn bản công tác lập pháp và thi hành pháp luật. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị đã đặt ra yêu cầu đột phá về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, hướng tới một hệ thống pháp luật chất lượng, đồng bộ, thống nhất, lấy người dân làm trung tâm và thực sự đi vào đời sống.

Ba là, nâng cao năng lực kiểm soát và giám sát của Nhân dân đối với quyền lực nhà nước. Quyền làm chủ của Nhân dân chỉ thực sự trọn vẹn khi việc trao quyền đi đôi với cơ chế giám sát sử dụng quyền lực. Dân chủ phải vận hành cùng công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Cần tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; khắc phục triệt để tình

trạng giám sát mang tính hình thức, nâng cao hiệu quả thực chất theo đúng định hướng của Đại hội XIV.

Bốn là, bảo đảm quyền lực nhà nước được sử dụng duy nhất vì lợi ích của Nhân dân. Đây là phương diện phản ánh bản chất vì Nhân dân của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thước đo giá trị của bộ máy nhà nước không nằm ở số lượng văn bản ban hành hay quy mô bộ máy, mà đo lường bằng những giá trị thụ hưởng thực tế của người dân, đó là, quyền con người được bảo vệ, thủ tục hành chính công bằng, thuận tiện, đời sống vật chất và tinh thần được nâng nâng cao, niềm tin của Nhân dân đối với chế độ được củng cố.

Tóm lại, bối cảnh xây dựng đất nước hiện nay đòi hỏi sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy quản lý hành chính thuần túy sang tư duy quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo và phục vụ. Quyền lực công phải được vận hành như một công cụ tạo lập môi trường phát triển, bảo vệ công lý và giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích. Đúng như Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đã nhấn mạnh, việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân chính là con đường căn cơ để hiện thực hóa triệt để nguyên tắc "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân" [86, tr.9].

4.1.2. Vấn đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Nếu quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân là vấn đề xác định chủ thể tối cao của quyền lực, thì dân chủ xã hội chủ nghĩa chính là phương thức thể chế hóa cách thức Nhân dân thực thi quyền lực. Do đó, quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không thể tách rời việc xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Hai yếu tố này tồn tại trong mối quan hệ biện chứng hữu cơ, dân chủ tạo nền tảng chính trị - xã hội cho pháp quyền, còn pháp quyền là cơ chế thể chế hóa, bảo đảm cho dân chủ được thực hành trong khuôn khổ trật tự, kỷ cương và trách nhiệm.

Về phương diện lý luận, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vận hành trong chỉnh thể mô hình tổng quát: Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý -

Nhân dân làm chủ. Đây là ba phương diện hợp thành một cơ chế vận hành quyền lực chính trị thống nhất. Trong đó, Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chiến lược và công tác cán bộ; Nhà nước thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật và tổ chức quản trị xã hội; Nhân dân vừa là gốc, là chủ thể trung tâm trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành, thực thi và kiểm soát quyền lực nhà nước. Nâng tầm nhận thức đó, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh vai trò chủ thể của Nhân dân và đặt yêu cầu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa lên vị trí hàng đầu. Quan điểm "Dân là gốc" được kết hợp chặt chẽ với việc khơi dậy sức mạnh của Nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo đảm quyền làm chủ thực chất. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đã cụ thể hóa cơ chế thực hành dân chủ theo phương châm toàn diện: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", coi đây là thước đo quan trọng hàng đầu trong việc tăng cường dân chủ ở cấp cơ sở.

Như vậy, điểm đột phá trong tư duy hiện đại về dân chủ nằm ở chỗ, dân chủ trong Nhà nước pháp quyền không chỉ diễn ra định kỳ qua các kỳ bầu cử hay các sự kiện chính trị tập trung, mà phải trở thành phương thức quản trị thường nhật của nhà nước. Nhân dân được quyền tiếp cận thông tin về các chính sách, được tham gia đóng góp ý kiến ngay từ khâu soạn thảo, trực tiếp giám sát quá trình triển khai, được lắng nghe giải trình và quan trọng nhất là được thụ hưởng công bằng các thành quả từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Yêu cầu cấp thiết hiện nay là phải tiếp tục hoàn thiện thể chế để chuyển hóa dân chủ từ nguyên tắc chính trị thành năng lực thực hành xã hội, từ "quyền được ghi nhận" thành "quyền có khả năng thực hiện". Muốn vậy, cần nâng cao chất lượng công khai, minh bạch; mở rộng đối thoại giữa chính quyền với Nhân dân; nâng cao trách nhiệm giải trình; tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi các kiến nghị của Nhân dân thực chất, kịp thời.

Đặc biệt, dân chủ xã hội chủ nghĩa phải luôn đặt trong mối quan hệ thống nhất không tách rời với kỷ luật, kỷ cương và tinh thần thượng tôn pháp luật. Dân chủ không đồng nghĩa với tự do vô chính phủ; phát huy quyền làm chủ không thể tách rời trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; việc bảo vệ quyền lợi cá nhân không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể khác và lợi ích chung của quốc gia - dân tộc. Vì vậy, pháp luật vừa là công cụ bảo vệ quyền dân chủ của Nhân dân, vừa là ranh giới pháp lý bắt buộc để các quyền tự do, dân chủ được thực hiện một cách lành mạnh, có trách nhiệm. Ngược lại, pháp luật muốn có tính chính danh và sức sống bền vững trong xã hội thì phải xây dựng trên nền tảng tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, phản ánh đúng hơi thở thực tiễn và nguyện vọng chính đáng của xã hội. Đây chính là điểm giao thoa sâu sắc giữa dân chủ và pháp quyền, dân chủ kiến tạo nền tảng xã hội cho pháp luật, pháp quyền tạo khuôn khổ thể chế để dân chủ được thực thi ổn định, bền vững.

Bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu bứt phá đất nước, việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa còn gắn liền với việc nâng cao năng lực tham gia của Nhân dân vào quản trị quốc gia. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà phải được nhìn nhận là nguồn lực, chủ thể sáng tạo và đồng chủ thể của quá trình quản trị. Sự chuyển dịch tư duy này đánh dấu bước tiến quan trọng trong lý luận về Nhà nước pháp quyền, đó là, chuyển mạnh từ mô hình nhà nước quản lý thuần túy sang mô hình nhà nước quản trị và kiến tạo. Nhà nước kiến tạo thể chế, tổ chức thực thi và tạo môi trường bình đẳng để xã hội, doanh nghiệp cùng Nhân dân chủ động tham gia giải quyết các vấn đề phát triển của đất nước. Chung quy lại, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hiện nay phải hướng tới ba mục tiêu thống nhất: Mở rộng và thực chất hóa quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm thực hành dân chủ nghiêm túc trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; Nâng cao năng lực tham gia, giám sát và đồng hành của Nhân dân trong quản trị quốc gia hiện đại. Đây chính là cơ sở để Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa vừa bảo đảm tính pháp quyền, vừa giữ vững bản chất dân chủ và tính nhân dân của mình.

4.1.3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật

Hoàn thiện hệ thống pháp luật là một trong những yêu cầu có tính nền tảng của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nếu quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân là cơ sở chính trị - xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thì pháp luật là hình thức thể chế hóa quyền lực, là công cụ tổ chức và vận hành Nhà nước, đồng thời là cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, chất lượng của Nhà nước pháp quyền trước hết được phản ánh ở chất lượng của hệ thống pháp luật và khả năng đưa pháp luật vào đời sống.

Về phương diện lý luận, hoàn thiện pháp luật không đồng nghĩa với việc gia tăng thuần túy số lượng văn bản quy phạm pháp luật. Một hệ thống pháp luật dù quy mô lớn nhưng thiếu đồng bộ, minh bạch và tính dự báo thì chưa thể kiến tạo nên nền tảng pháp quyền. Nghị quyết số 27-NQ/TW đòi hỏi phải xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định và dễ tiếp cận. Đáng chú ý, nhận thức của Đảng đã có bước phát triển đột phá khi Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 xác định công tác xây dựng và thi hành pháp luật là "đột phá của đột phá" trong hoàn thiện thể chế. Cùng với đó, Kết luận số 09-KL/TW (10/03/2026) và Kết luận số 17-KL/TW (02/04/2026) của Bộ Chính trị tiếp tục cụ thể hóa định hướng hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật, cắt giảm tối đa các văn bản hướng dẫn chi tiết không cần thiết, nhằm nâng cao tính tiên liệu và khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân và doanh nghiệp. Sự phát triển lý luận này cho thấy xây dựng và thi hành pháp luật không phải hai công đoạn tách rời mà là một chỉnh thể thống nhất. Nhìn từ góc độ triết học, đây là mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Pháp luật chỉ thực sự có giá trị khi được chuyển hóa thành trật tự xã hội và kết quả phát triển; ngược lại, thực tiễn chính là thước đo kiểm nghiệm để điều chỉnh pháp luật, tránh khoảng cách giữa quy định

trên văn bản và đời sống thực tế. Từ các định hướng chiến lược trên, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay cần tập trung giải quyết các yêu cầu cốt lõi:

Một là, pháp luật phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ. Trong Nhà nước pháp quyền, Hiến pháp giữ vị trí tối cao trong hệ thống pháp luật. Mọi văn bản quy phạm pháp luật và mọi quyết định thực hiện quyền lực nhà nước đều phải được đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đây không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật pháp lý mà còn là yêu cầu về trật tự quyền lực, cơ quan nhà nước chỉ được hành động trong phạm vi thẩm quyền được Hiến pháp và pháp luật xác lập.

Hai là, phải gắn chặt xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Đây là một trong những chuyển biến quan trọng trong tư duy pháp quyền hiện nay. Không thể đánh giá chất lượng pháp luật chỉ bằng số lượng văn bản được ban hành; phải đánh giá bằng kết quả mà pháp luật tạo ra trong đời sống. Nói cách khác, thước đo cuối cùng của pháp luật là hiệu quả điều chỉnh các quan hệ xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con người.

Ba là, tăng cường sự tham gia thực chất của Nhân dân trong xây dựng pháp luật. Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải phản ánh ý chí, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Vì vậy, việc lấy ý kiến Nhân dân phải trở thành một phương thức để nâng cao chất lượng chính sách, phát hiện sớm những bất cập và tăng tính đồng thuận xã hội đối với hệ thống pháp luật.

Bốn là, bảo đảm tính ổn định, minh bạch và khả năng dự báo của pháp luật. Trong môi trường phát triển hiện đại, người dân và doanh nghiệp cần biết tương đối chắc chắn những nguyên tắc pháp lý sẽ được áp dụng đối với hoạt động của mình. Sự thay đổi quá nhanh, thiếu tính dự báo hoặc thiếu thống nhất giữa các quy định có thể làm gia tăng chi phí xã hội, làm suy giảm niềm tin pháp lý và cản trở phát triển.

Như vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay phải hướng tới xây dựng hệ thống

pháp luật chất lượng cao để kiến tạo phát triển, bảo đảm công lý nghiêm minh, bảo vệ quyền và phục vụ Nhân dân, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại.

4.1.4. Tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước

Kiểm soát quyền lực nhà nước là thuộc tính nội tại và là yêu cầu tất yếu khách quan của Nhà nước pháp quyền. Về phương diện triết học chính trị, quyền lực nhà nước là một dạng quyền lực xã hội đặc biệt, được Nhân dân ủy quyền để thực thi lợi ích công, nhưng bản chất luôn tiềm ẩn nguy cơ bị lạm dụng hoặc tha hóa. Vấn đề cốt lõi của tổ chức quyền lực hiện đại là giải quyết mâu thuẫn biện chứng, đó là, bộ máy nhà nước phải đủ quyền lực để quản trị, kiến tạo phát triển, nhưng quyền lực đó phải được ràng buộc đủ chặt để không trở thành quyền lực tùy tiện; phải đủ mạnh để hành động nhưng cũng phải được kiểm soát để không bị tha hoá. Tư tưởng này được thể hiện rất rõ trong quá trình phát triển nhận thức của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đại hội XIV tiếp tục chỉ ra một cách thẳng thắn rằng sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có mặt chưa rõ ràng, thiếu chặt chẽ; hiệu lực, hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước chưa cao.

Việc Đại hội XIV nhìn nhận trực diện hạn chế này có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận. Nó cho thấy kiểm soát quyền lực không phải là một nhiệm vụ chỉ đặt ra khi có sai phạm, mà phải được thiết kế ngay từ cấu trúc tổ chức và phương thức vận hành quyền lực. Theo đó, kiểm soát quyền lực phải được thực hiện đồng thời bằng nhiều cơ chế: kiểm soát trong nội bộ hệ thống nhà nước; kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; kiểm tra, giám sát của Đảng; giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; giám sát của Nhân dân; kiểm tra của cơ quan cấp trên; kiểm

soát thông qua pháp luật, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Kiểm soát quyền lực không làm suy yếu nhà nước, mà ngược lại, gia tăng tính chính danh và tối ưu hóa hiệu quả quản trị.

Xét từ góc độ triết học, đây là việc xác định rõ mối quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm. Quyền lực càng lớn thì trách nhiệm càng cao. Việc không định hình rõ thẩm quyền, trách nhiệm và giới hạn quyền lực của từng cơ quan, chức danh hay cấp chính quyền sẽ dẫn đến nguy cơ: hoặc cán bộ né tránh, sợ trách nhiệm; hoặc quyết định vượt thẩm quyền, dẫn đến việc lạm quyền. Đặc biệt, trong quá trình tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình mới, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết. Phân cấp, phân quyền phải gắn với xác định rõ trách nhiệm và cơ chế kiểm soát. Một chủ thể được giao quyền nhưng không đủ nguồn lực để thực hiện thì quyền lực trở thành hình thức; ngược lại, được giao quyền rộng nhưng thiếu cơ chế kiểm soát sẽ làm tăng nguy cơ lạm dụng quyền lực.

Kiểm soát quyền lực phải được thực hiện ngay từ khâu xây dựng chính sách, pháp luật. Đúng như tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW và Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị, pháp luật vừa là sản phẩm của quyền lực, vừa là công cụ giới hạn quyền lực. Nếu quy trình lập pháp bị chi phối bởi "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ", văn bản ban hành dù hợp pháp về hình thức nhưng sẽ xâm phạm lợi ích công. Điều đó cho thấy kiểm soát quyền lực không chỉ là bắt đầu từ người thực thi pháp luật mà còn gắn với quá trình tạo ra các quy tắc pháp luật đến tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả, xử lý trách nhiệm. Pháp luật vừa là sản phẩm của quyền lực nhà nước, vừa là công cụ để giới hạn và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Một yếu tố đóng vai trò quan trọng quyết định kiểm soát quyền lực chính là văn hóa pháp quyền và đạo đức công vụ. Kiểm soát quyền lực bằng thể chế là điều kiện cần, nhưng không thể thay thế hoàn toàn yếu tố con người. Người thực thi quyền lực phải có ý thức rằng quyền lực được giao không phải là tài sản cá nhân mà là trách nhiệm công được Nhân dân ủy quyền. Cán bộ, công chức phải chuyển từ tâm thế "người có quyền" sang

"người có trách nhiệm". Đây chính là gốc rễ để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, vốn là biểu hiện rõ nhất của sự tha hóa quyền lực công thành lợi ích cá nhân. Mục tiêu là thiết lập cơ chế đồng bộ ngay từ bước đầu tiên để giảm khả năng và động cơ tha hoá.

Như vậy, tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước hiện nay không phải là làm cho bộ máy trở nên thận trọng, chậm chạp và sợ trách nhiệm, mà phải hướng tới một nền quản trị có quyền lực đủ mạnh để hành động, nhưng được ràng buộc đủ chặt chẽ để không tùy tiện; quyết đoán nhưng có trách nhiệm; hiệu quả nhưng minh bạch; kỷ cương nhưng gần dân. Tư tưởng này cũng phù hợp với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền được nhấn mạnh trong quá trình chuẩn bị Văn kiện Đại hội XIV, xây dựng một Nhà nước mạnh nhưng không lạm quyền, có kỷ cương nhưng không xa dân, hành động quyết liệt nhưng nhân văn và có đối thoại. Vì vậy, kiểm soát quyền lực phải được xem là cơ chế tự bảo vệ, là một điều kiện bảo đảm sự tồn tại, vận hành đúng đắn của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.1.5. Bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân

Bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân là mục tiêu tối thượng, nội dung cốt lõi và là thước đo giá trị cao nhất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nếu quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức thực hành, pháp luật là khuôn khổ vận hành, thì việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân phản ánh trực tiếp bản chất nhân văn và mục đích tồn tại của bộ máy quyền lực nhà nước.

Hiến pháp năm 2013 đã đặt nền móng hiến định: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật" [86, tr.16]. Tiếp nối tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nâng tầm nhận thức lý luận khi xác định "Dân là gốc", lấy sự hài lòng, hạnh phúc của Nhân dân và mức độ thụ hưởng quyền thực tế làm thước đo chất lượng quản trị quốc gia. Đây là bước phát triển quan trọng, đưa vấn đề quyền con người từ phạm vi bảo đảm

pháp lý sang gắn trực tiếp với chất lượng quản trị quốc gia và chất lượng phát triển. Đổi mới tư duy này thể hiện qua các định hướng cốt lõi:

Một là, quyền con người, quyền công dân phải được đặt ở vị trí trung tâm trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Về phương diện triết học chính trị, quyền lực nhà nước và quyền con người có mối quan hệ biện chứng. Quyền lực nhà nước là điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền, duy trì trật tự và bảo đảm công lý; nhưng nếu không được kiểm soát, chính quyền lực đó có thể trở thành yếu tố xâm phạm quyền. Vì vậy, yêu cầu của Nhà nước pháp quyền không phải là đối lập quyền lực nhà nước với quyền con người, mà là tổ chức và kiểm soát quyền lực để vì con người và vì lợi ích chung. Nhà nước phải tạo lập môi trường, thiết chế và nguồn lực để người dân thụ hưởng quyền thực tế, rút ngắn tối đa khoảng cách giữa quy định pháp lý và đời sống xã hội.

Hai là, bảo đảm quyền con người phải gắn với thượng tôn Hiến pháp, pháp luật và công lý. Quyền con người chỉ được bảo vệ hiệu quả khi hệ thống tư pháp độc lập, công minh và dễ tiếp cận. Theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW, pháp luật phải vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; việc hạn chế quyền chỉ được thực hiện trong những trường hợp cần thiết, có căn cứ pháp luật, vì mục tiêu chính đáng và bảo đảm tính hợp lý, tương xứng. Đồng thời, đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng tranh tụng, bảo đảm quyền bào chữa, quyền được xét xử công bằng, xem đây là "lá chắn" cuối cùng bảo vệ công lý và quyền con người trước mọi sự tùy tiện.

Ba là, bảo đảm quyền con người phải gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Quyền lực do Nhân dân ủy quyền bắt buộc phải đi đôi với trách nhiệm giải trình. Mọi quyết định hành chính, tư pháp tác động đến quyền và lợi ích của công dân đều phải minh bạch, có căn cứ pháp lý và chịu sự giám sát. Phân cấp, phân quyền phải gắn chặt với cơ chế tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực chất, nhằm triệt tiêu nguy cơ lạm quyền, nhũng nhiễu, tha hóa quyền lực làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Kiểm soát quyền lực không làm suy yếu quyền lực nhà nước mà nhằm bảo đảm quyền lực được thực thi đúng, hiệu quả và vì lợi ích công, qua đó phòng ngừa sự lạm quyền, tha hóa quyền lực và bảo vệ tốt hơn quyền của Nhân dân.

Bốn là, bảo đảm quyền con người phải hài hòa với quyền, nghĩa vụ công dân và lợi ích quốc gia - dân tộc. Quyền con người không tồn tại tách rời nghĩa vụ xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiên quyết khắc phục hai khuynh hướng lệch lạc, đó là, một mặt, lấy lý do "lợi ích chung" để tuỳ tiện hạn chế quyền chính đáng của cá nhân; mặt khác, tuyệt đối hóa tự do cá nhân mà coi nhẹ nghĩa vụ công dân, trật tự pháp luật và lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc. Tôn trọng quyền đi liền với đề cao trách nhiệm công dân chính là biểu hiện của một xã hội pháp quyền văn minh.

Năm là, bảo đảm quyền con người phải thích ứng với những yêu cầu mới của quản trị quốc gia hiện đại. Sự bùng nổ của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn đòi hỏi Nhà nước pháp quyền hiện đại phải nhanh chóng thích ứng. Bối cảnh hiện nay đang tạo ra những phương thức mới để mở rộng khả năng tiếp cận quyền và dịch vụ công của người dân, nhưng cũng đặt ra những vấn đề mới về dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, minh bạch thuật toán và trách nhiệm của cơ quan công quyền trong sử dụng công nghệ. Do đó, Nhà nước phải xây dựng khung thể chế bảo vệ vững chắc các quyền mới phát sinh trên không gian mạng, như quyền riêng tư dữ liệu cá nhân, an toàn dữ liệu sinh trắc học, quyền chống lại sự phân biệt đối xử bởi thuật toán AI và quyền tiếp cận hạ tầng số bình đẳng. Bảo đảm công nghệ phục vụ nhân tính và phát triển con người là yêu cầu cấp thiết của nền quản trị quốc gia hiện đại.

Tóm lại, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân không chỉ là nghĩa vụ pháp lý, mà là bản chất tự nhiên, là sức sống nội tại của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khi quyền con người được tôn trọng và hiện thực hóa, Nhân dân mới thực sự tự tin phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, đồng hành cùng Nhà nước đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, văn minh và hạnh phúc.

4.2. GIÁ TRỊ THAM KHẢO CỦA TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với việc xác định mối quan hệ giữa công dân và nhà nước là vấn đề quan trọng mang tính tất yếu, mấu chốt để quyết định sự thành công. Tinh thần Đại hội XIV nhấn mạnh nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân dựa trên sự kế thừa, tiếp thu tinh hoa trong hệ thống quan điểm về nhà nước pháp quyền trên thế giới, những giá trị trong hệ thống tư tưởng của các nhà lý luận, các nhà nghiên cứu tiền bối để có sự chọn lọc, vận dụng sáng tạo phù hợp, tạo đột phá phát triển. Nghiên cứu quan điểm của J.J.Rousseau, chúng ta có thể thấy được những giá trị tham khảo đối với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên nhiều khía cạnh khác nhau.

4.2.1. Khẳng định vai trò chủ thể của nhân dân

4.2.1.1. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước

Thứ nhất, trách nhiệm công dân cũng thể hiện ở việc phát huy quyền làm chủ thông qua tham gia quản trị xã hội, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường sống và giám sát quyền lực theo các cơ chế dân chủ phù hợp. Trong đời sống chính trị hiện đại, tinh thần dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân giám sát là một cách thức quan trọng để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời, tạo cơ chế kiểm soát nhằm bảo đảm minh bạch, công bằng và liêm chính trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Nếu trong J.J.Rousseau, luật pháp phải phản ánh ý chí chung và phục vụ lợi ích chung, thì trong thực tiễn hôm nay, điều đó đòi hỏi công dân phải chủ động tham gia góp ý chính sách, phản hồi xã hội, thực hiện quyền giám sát đối với cán bộ công chức, kịp thời phê bình, đấu tranh với những biểu hiện vi phạm, nhũng nhiễu để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân và cộng đồng. Trách nhiệm ấy không chỉ là thái độ, mà phải được thể hiện bằng hành vi cụ thể và bền bỉ, bởi quyền làm chủ chỉ trở thành hiện thực khi công dân biết sử dụng quyền của mình một cách văn minh, hợp pháp và hướng thiện. Từ góc nhìn này, tư

tưởng J.J.Rousseau về trách nhiệm công dân vẫn giữ giá trị gợi mở, bởi nó nhấn mạnh rằng, nhà nước chính danh không thể tách rời công dân có trách nhiệm và tự do bình đẳng chỉ có thể được bảo vệ khi công dân vừa biết đòi hỏi quyền, vừa biết thực hành nghĩa vụ đối với cộng đồng chính trị mà mình là một phần trong đó.

Thứ hai, tư tưởng nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước nên mọi hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều được thực hiện trên cơ sở Hiến pháp, tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp, dùng pháp luật để quản lý xã hội, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở phát huy tính tích cực xã hội của công dân. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng khẳng định: "Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quán triệt sâu sắc quan điểm "Dân là gốc", Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [21, tr.382]. Việc phát huy tính tích cực xã hội của công dân phải được thể hiện trên nhiều phương diện, từ thể chế, cơ chế, đến thực tiễn đời sống. Nhân dân phải thực sự là người làm chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Họ được tham gia vào tất cả các khâu của quá trình kinh tế - chính trị - xã hội để đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân.… đảm bảo "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" [19, tr.248]. Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. "Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân" [18, tr.38-39].

4.2.1.2. Giá trị tham khảo về phát huy và mở rộng dân chủ ở Việt Nam hiện nay

Trong lịch sử tư tưởng chính trị Khai sáng, J.J.Rousseau nổi lên như một nhà tư tưởng kiệt xuất với khát vọng dân chủ triệt để. Tuy tác phẩm "*Bàn*

về khế ước xã hội" mang những hạn chế lịch sử nhất định, nhưng hạt nhân hợp lý trong lý thuyết của ông về chủ quyền nhân dân và dân chủ trực tiếp vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và mang đến những gợi mở tham khảo sâu sắc cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện thể chế và mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Thứ nhất, tư tưởng của J.J.Rousseau đem lại giá trị quan trọng trong việc nhận thức đúng đắn và đặt chủ quyền nhân dân vào vị trí trung tâm của nền dân chủ. J.J.Rousseau khẳng định chủ quyền tối cao thuộc về toàn thể nhân dân và không thể bị chia cắt hay chuyển nhượng. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng đơn thuần, họ phải là chủ thể sáng tạo ra quyền lực nhà nước. Quan điểm này hoàn toàn tương đồng với bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Điều đó nhắc nhở chúng ta luôn quán triệt sâu sắc bài học "Dân là gốc", coi sức mạnh và sự chính danh của Đảng và Nhà nước bắt nguồn từ sự đồng thuận và niềm tin của nhân dân. Do đó, trong thực tiễn cần tiếp tục thể chế hóa tinh thần "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" thành các quy định pháp lý cụ thể. Việc mở rộng dân chủ phải bắt đầu từ việc tôn trọng và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và địa phương, tránh tình trạng dân chủ hình thức.

Thứ hai, bảo đảm sự công bằng kinh tế - xã hội làm nền tảng cho việc thực hành dân chủ. Trong lý thuyết của J.J.Rousseau, bình đẳng và tự do gắn liền với nhau. J.J.Rousseau nhấn mạnh, không có bình đẳng thì không thể có tự do, chính sự phân hoá giàu nghèo làm cho những lá phiếu dân chủ sẽ không còn nguyên giá trị, dân chủ đứng trước nguy cơ bị bóp nghẹt và biến quyền lực chính trị thành công cụ của kẻ có tiền. Thực tế trong xã hội, nếu người dân ở thế yếu, còn phải lo toan với vấn đề mưu sinh thì sự quan tâm đến vấn đề dân chủ khá hạn chế. Chính sự bảo đảm về mặt kinh tế và địa vị xã hội mới là yếu tố căn bản để dân chủ được thực thi trong cuộc sống. Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta luôn gắn kết chặt chẽ giữa mở rộng dân chủ

với phát triển kinh tế, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội; làm tốt công tác an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo bền vững, chăm lo cho các đối tượng yếu thế và vùng sâu vùng xa đảm bảo mọi công dân đều có đủ điều kiện vật chất lẫn tinh thần tham gia vào đời sống chính trị.

Thứ ba, tăng cường công khai, minh bạch và tạo không gian mở cho sự phản biện xã hội. J.J.Rousseau chủ trương, mọi người dân đều phải được nắm bắt thông tin, ông lên án gay gắt sự thao túng, che đậy thông tin phe nhóm. Bởi vậy, ông chủ trương người dân có quyền nói lên tiếng nói của mình tại các Đại hội toàn dân. Chính sự công khai, minh bạch nguồn thông tin chính là yếu tố quan trọng, cốt lõi trong phòng chống nạn tham nhũng, quan liêu và sự thao túng quyền lực. Bên cạnh đó, người dân cũng phải được rõ quy trình hoạt động của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các bộ phận thường xuyên tiếp xúc với dân như trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư công… Việc minh bạch hoá thông tin trong các hoạt động của cơ quan nhà nước giúp người dân được thể hiện rõ nét hơn vai trò làm chủ của mình. Cùng với việc minh bạch, công khai thông tin và quy trình hoạt động, sự kết hợp của các cơ quan, tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối người dân với bộ máy nhà nước góp phần lắng nghe, tiếp thu các ý kiến đóng góp của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách, để mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước và Nhân dân được bền chặt hơn.

4.2.2. Giá trị tham khảo từ tư tưởng J.J.Rousseau đối với việc xây dựng pháp luật vì lợi ích chung

4.2.2.1. Hệ thống pháp luật phản ánh lợi ích của nhân dân Việt Nam

Với J.J.Rousseau, pháp luật không đơn thuần là những quy tắc cưỡng chế mang tính kỹ thuật của bộ máy cầm quyền nhằm áp đặt lên quần chúng nhân dân, mà mục tiêu là bảo đảm tự do, bình đẳng và lợi ích tối cao của toàn thể nhân dân trên tinh thần của ý chí chung tối thượng. Sự chuyển biến từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội công dân đưa đến những thay đổi cho con người, chuyển họ từ tự do tự nhiên sang tự do được bảo đảm bởi cộng đồng, bởi pháp luật. Trong quan điểm của J.J.Rousseau, một đạo luật chỉ

có tính chính danh khi nó hướng tới lợi ích chung, do toàn thể nhân dân với tư cách là chủ thể chủ quyền thông qua. Hệ thống pháp luật ấy phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng, trình độ phát triển và mang đậm màu sắc của cộng đồng đó. Những tư tưởng sâu sắc của J.J.Rousseau trong *"Bàn về khế ước xã hội"* gợi mở những giá trị tham khảo quý báu cho Việt Nam trong quá trình xây dựng hệ thống pháp luật thực sự phản ánh nguyện vọng và bảo vệ lợi ích của nhân dân, hướng tới mục tiêu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân".

Thứ nhất, gợi mở yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả, trong đó, lấy thực tiễn đời sống và lợi ích của nhân dân làm thước đo giá trị cao nhất. Chương 8, Quyển II tác phẩm "*Bàn về khế ước xã hội",* J.J.Rousseau nhấn mạnh, "Nhà lập hiến thông minh không bắt tay ngay vào việc soạn luật; trước đó ông xem xét dân chúng là người tiếp nhận luật có thích ứng được với luật không" [44, tr.105. Pháp luật không thể là những sản phẩm mang tính chủ quan, xa rời thực tiễn, áp đặt từ trên xuống. Môi trường pháp luật chỉ thực sự được đảm bảo khi các quy phạm pháp lý được xây dựng dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc tâm tư, nguyện vọng và xuất phát từ việc bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, từ đó mới tạo tiền đề cho tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước diễn ra thuận lợi, hiệu quả, củng cố niềm tin vững chắc của nhân dân vào thể chế. Yêu cầu của hệ thống luật là phải bảo đảm tính cập nhật, phù hợp với thực tiễn phát triển nhanh chóng của đất nước. Nội dung của pháp luật phải mang tính nhân văn sâu sắc, phải hướng đến mục tiêu vì con người, vì sự tiến bộ của xã hội, phản ánh phù hợp với các quy luật phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Hệ thống pháp luật cần có tính hiện đại, có tính bao quát để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ điều chỉnh hành vi trong xã hội. Các điều luật cũng như các văn bản luật cần có sự rõ ràng, tường minh để mọi tầng lớp nhân dân đều có thể tiếp cận, ghi nhớ và thực hiện. Pháp luật chỉ thực sự có đời sống bền vững khi mỗi điều khoản ban hành ra đều xuất phát từ việc

phụng sự nhân dân, giải quyết những bài toán thiết thực của nhân dân và mở đường cho nhân dân phát triển.

Thứ hai, hiện nay, chúng ta đang tích cực xây dựng nền kinh tế thị trường, phát triển nền kinh tế thị trường năng động, kích thích sản xuất tạo ra những bước phát triển vượt bậc; song vẫn luôn tồn tại những hạn chế, khuyết tật có nguy cơ xâm phạm đến quyền lợi của các tầng lớp yếu thế trong xã hội. Bối cảnh đó đòi hỏi, tất yếu phải có hệ thống điều luật để có thể hạn chế và triệt tiêu bớt những khuyết tật của kinh tế thị trường theo đúng tinh thần "pháp luật vì nhân dân". Chỉ khi nào chúng ta xây dựng được một hệ thống pháp luật hoàn thiện, dựa trên sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tuyệt đối cho ý chí, quyền lợi và hạnh phúc của nhân dân, thì khi đó pháp luật mới có thể giữ vị trí tối thượng trong đời sống và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới có thể được hình thành bền vững trong thực tế.

Thứ ba, nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân đảm bảo người dân thực sự trở thành chủ thể thụ hưởng và bảo vệ lợi ích của chính mình. Theo J.J.Rousseau, pháp luật hoàn hảo khi công dân thấu hiểu và tự giác tuân thủ. Ý chí chung chỉ có thể được hiện thực hóa khi người dân hiểu luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và tự giác thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng. Trên thực tế, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở nước ta đã triển khai nhưng chưa thực sự hiệu quả, có thể đó chỉ là phát qua loa truyền thông, qua các cuộc họp đoàn thể, tổ chức hay các văn bản chuyển đến. Cách làm thụ động nghe và nhớ ấy đã không tạo được ấn tượng hay sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức pháp lý của nhân dân. Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành nhiều biện pháp quyết liệt để góp phần trang bị, nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân. Thông qua các kênh truyền thông đa dạng, phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức chính trị - xã hội, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đặc biệt là công tác lấy ý kiến của người dân vào các dự thảo luật đã được tiến hành thường xuyên, sâu rộng, lồng ghép linh hoạt trong nhiều hoạt động đời sống. Điều đó giúp nhân dân nắm được quy trình làm

luật, được bày tỏ tâm tư nguyện vọng và ý thức pháp luật tốt hơn, tạo động lực, niềm tin cho nhân dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thứ tư, kiên quyết chống lại sự thao túng của yếu tố tư lợi trong quá trình xây dựng pháp luật. J.J.Rousseau đã từng cảnh báo nguy cơ các phe phái sử dụng quyền lực để biến luật pháp thành công cụ phục vụ cho tư lợi của một nhóm ít người. Điều đó sẽ làm sai lệch giá trị của ý chí chung, dần biến nó phục vụ cho ý chí cục bộ. Vận dụng bài học này vào thực tiễn Việt Nam hiện nay, việc lập pháp phải luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân sâu sắc, tất cả hướng đến lợi ích chung. Trong quá trình soạn thảo, thẩm định và thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, cần thiết lập các cơ chế kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn các biểu hiện vụ lợi. Việc xây dựng hệ thống luật đồng bộ, minh bạch, xuất phát từ nhân dân và vì nhân dân, gắn liền với việc nâng cao văn hóa pháp lý cho toàn dân sẽ là động lực đòn bẩy thúc đẩy Việt Nam tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh và thượng tôn pháp luật.

4.2.2.2. Nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp ở Việt Nam

Hoạt động lập pháp là sự hiện thực hóa ý chí chung, hướng đến lợi ích chung. J.J.Rousseau chủ trương, luật pháp phải mang tính dự báo sâu sắc, tính hệ thống, tính nhân văn và phải đặt trên thực tiễn của quốc gia, dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh đổi mới tư duy lập pháp, coi việc nâng cao chất lượng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là khâu đột phá chiến lược để phát triển đất nước.

Thứ nhất, gợi mở quan trọng về việc đổi mới tư duy lập pháp. Hoạt động lập pháp phải lấy thực tiễn đời sống xã hội và năng lực tiếp nhận của nhân dân làm thước đo chất lượng pháp luật. Hiệu quả từ công tác làm luật của chúng ta không đo bằng số lượng văn bản được ban hành, cũng không được đánh giá bằng những thuật ngữ hàn lâm, cầu kỳ của thuật ngữ pháp lý, mà quan trọng tính tường minh, hiệu lực, hiệu quả thực tiễn. Hiện nay, tốc độ phát triển của đất nước nhanh, mạnh với rất nhiều mối quan hệ phức tạp, nhiều tình huống pháp luật mới, đòi hỏi tính thực tiễn sâu sắc và phải hiện đại

hoá, có sức bao quát lớn. Tránh trường hợp, một số điều luật vừa ra đời đã phải sửa đổi, gây lãng phí nguồn lực xã hội và làm suy giảm niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật.

Thứ hai, bảo đảm tính toàn diện, tính dự báo và tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. J.J.Rousseau nhấn mạnh rằng, luật pháp phải phản ánh những quy luật phát triển khách quan và có tầm nhìn dài hạn cho sự ổn định của quốc gia. Nâng cao chất lượng lập pháp đặt ra yêu cầu cấp thiết, khả năng tạo dựng một hành lang pháp lý minh bạch, ổn định, có tính dự báo cao nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư và giải phóng sức sản xuất. Yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp theo hướng ngắn gọn, súc tích, hạn chế tối đa việc phải chờ các văn bản hướng dẫn thi hành mới có thể áp dụng luật, qua đó bảo đảm tính hiệu lực tức thì và tính thống nhất tuyệt đối của hệ thống pháp luật.

Thứ ba, bảo đảm tính công tâm, khách quan và phòng, chống lợi ích nhóm, đổi mới phương thức quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng đội ngũ lập pháp. Để nâng cao chất lượng lập pháp, Đảng và Nhà nước ta đã và đang chỉ đạo quyết liệt việc kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực ngay trong công tác xây dựng pháp luật. Công tác xây dựng pháp luật đòi hỏi quy trình soạn thảo luật phải thực sự độc lập, minh bạch, có sự phân công và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan. Mặt khác, để nâng cao chất lượng lập pháp cần mở rộng và thực hiện có hiệu quả việc tham vấn chuyên gia và khảo sát ý kiến của nhân dân. Nếu như trong *"Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau nhấn mạnh vai trò quan trọng của nhân dân trong công tác lập pháp, "Dân chúng tuân theo luật phải là người làm ra luật" [44, tr.97] vì theo ông, "Chỉ những người họp thành xã hội mới có quyền xử lý các điều kiện xã hội" [44, tr.97]. Hiện nay, công tác lập pháp của nước ta rất coi trọng việc ý kiến của nhân dân đối với các dự thảo luật. Tuy nhiên, chất lượng của hoạt động này nhìn chung còn mang tính thủ tục, hình thức, hiệu quả chưa cao. Để nâng cao chất lượng lập pháp, cần đổi mới cách thức lấy ý kiến theo hướng công khai, dễ tiếp cận, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, có phản hồi và giải trình minh bạch. Với nhiều góc nhìn khác nhau như vậy, các dự thảo

luật sẽ khách quan, phản ánh toàn diện hơn. Đặc biệt, đội ngũ lập pháp là những người mang sứ mệnh cao cả, bởi vậy, đòi hỏi ở họ không chỉ trình độ mà còn ở bản lĩnh, đạo đức, phẩm chất cao đẹp. Ở Việt Nam, đội ngũ đại biểu Quốc hội phải thực sự là những người tâm huyết, bản lĩnh. Công tác xây dựng luật pháp đòi hỏi số lượng đại biểu chuyên trách phải được tăng cường nhiều hơn, chất lượng cao hơn thể hiện qua ý thức, trách nhiệm trước mỗi dự thảo luật khi được thông qua.

Có thể thấy, chất lượng của luật pháp phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Việc phát huy ý thức, tinh thần tập thể, phản ánh trung thực nguyện vọng của nhân dân, không bị ảnh hưởng bởi các lợi ích cục bộ, đảm bảo sự bình đẳng, công bằng trước pháp luật cho tất cả mọi người sẽ mang đến hệ thống luật có chất lượng và sức sống bền bỉ.

4.2.3. Đề cao trách nhiệm công dân

4.2.3.1. Nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân ở Việt Nam

Thứ nhất, cùng với hiểu biết pháp lý, công dân phải tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân. Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là điều kiện căn bản để bảo đảm trật tự, an ninh và sự vận hành bình thường của xã hội. Trong tinh thần J.J.Rousseau, nhà nước là cơ thể chính trị hình thành khi cộng đồng được mở rộng, tồn tại trên cơ sở ý chí chung, vì thế, mọi cá nhân phải tôn trọng công ước và luật lệ do cộng đồng đặt ra. Khi cá nhân hành xử phương hại đến cộng đồng, tức là phá vỡ sự tương thích giữa ý chí cá nhân và ý chí chung, họ không chỉ vi phạm luật pháp mà còn làm suy yếu nền tảng gắn kết của cộng đồng chính trị. Ở bình diện hiện đại, tuân thủ pháp luật còn bao hàm trách nhiệm đóng thuế, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và thực hành các chuẩn mực đạo đức công dân trong không gian công cộng và không gian số. Việc tuân thủ không nên được hiểu như sự cưỡng bức, mà như một sự tự ràng buộc có lý tính để bảo vệ quyền của chính mình và của người khác, bởi quyền chỉ có thể bền vững khi được đặt trong trật tự chung được xã hội thừa nhận.

Thứ hai, nâng cao ý thức tự giác pháp lý của nhân dân, chuyển từ trạng thái bị cưỡng chế sang tự giác chấp hành. Thực tiễn cho thấy, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ở một số nơi hiệu quả chưa cao. Chủ yếu tập trung vào các chế tài xử phạt là chính và mặc nhiên người dân tiếp cận luật theo hướng "phải chấp hành" kiểu áp đặt. Điều đó đặt người dân vào thế thụ động, đối phó với các điều luật. Họ có thể chấp hành khi thấy xuất hiện các lực lượng chức năng và ngược lại. Mấu chốt của vấn đề nằm ở chỗ, phải làm sao cho nhân dân tự ý thức chấp hành pháp luật. Muốn vậy, cần làm cho nhân dân hiểu tuân thủ pháp luật là bảo vệ chính mình. Pháp luật không phải là bộ khung ràng buộc làm mất tự do của công dân mà chính pháp luật là hành lang bảo vệ tự do, bình đẳng và quyền lợi chính đáng của nhân dân. Điều đó giúp nhân dân tự chuyển biến suy nghĩ và hành động, họ tự giác chấp hành pháp luật, xem đó như thói quen tốt đẹp trong cuộc sống và lan toả điều đó với cộng đồng xung quanh.

Thứ ba, đổi mới toàn diện nội dung, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng tương tác và thực tiễn. Thực tế cho thấy, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần được tiến hành thường xuyên và đa dạng hoá hình thức truyền đạt. Thay vì các văn bản trao tay, các bản tin phát trên loa truyền thông hay các bài giảng lý thuyết một chiều trong các lớp học, lớp tập huấn… ít gây ấn tượng, công tác giáo dục pháp luật có thể đổi mới, đa dạng hoá các hình thức như xây dựng tình huống pháp luật, trải nghiệm thông qua các đoạn kịch ngắn, video ngắn để trao đổi, thảo luận, biến quá trình truyền thụ thụ đồng sang tích cực hoá vai trò của người học, để họ tự lĩnh hội kiến thức pháp luật. Bên cạnh đó, các đơn vị phụ trách tuyên truyền pháp luật có thể kết hợp với các văn phòng luật trong việc tư vấn, hỗ trợ pháp lý kết hợp khai thác công nghệ số để xây dựng các nội dung pháp luật ngắn gọn, sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ.

Thứ tư, gắn thực hành dân chủ, nâng cao năng lực chủ thể của người dân trong chấp hành pháp luật. Với J.J.Rousseau, nhân dân là lực lượng tối cao trong xây dựng pháp luật và cũng chính họ là đối tượng chịu sự điều

chỉnh của pháp luật. Khi họ ý thức được trách nhiệm của bản thân với cộng đồng thông qua việc tạo dựng luật pháp thì ý thức của họ đối với việc chấp hành điều luật cũng sẽ có những thay đổi. Tiếng nói của người dân đóng vai trò rất quan trọng với cộng đồng, với nhà nước. Chính vì vậy, J.J.Rousseau luôn chủ trương đề cao dân chủ trực tiếp để nhân dân thực sự thực hiện quyền làm chủ của mình trong các vấn đề xã hội. Ở Việt Nam đã và đang triển khai hiệu quả Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đây là phương thức hiệu quả nhất để nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân. Phương châm của Đảng và Nhà nước ta là "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Thực hiện hiệu quả phương châm đó, ý thức trách nhiệm, năng lực pháp lý của nhân dân sẽ được nâng lên.

Thứ năm, phát huy tinh thần nêu gương của đội ngũ cán bộ, công chức trong xây dựng, lan toả ý thức pháp luật cho nhân dân. Hành vi của những công chức có tác động rất lớn đến ý thức chấp hành của dân chúng. Nếu trong xã hội, cán bộ công chức có những hành vi thiếu chuẩn mực, coi thường pháp luật thì rất khó để nhân dân có niềm tin vào hệ thống cơ quan nhà nước và hệ thống pháp luật. Vậy nên, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần đẩy mạnh khâu lựa chọn, đào tạo đội ngũ để những công chức được chọn thực sự ưu tú. Bên cạnh đó, làm tốt công tác phòng chống tham nhũng, hách dịch, cựa quyền, đảm bảo tiêu chí "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", xử lý triệt để các hành vi vì phạm. Đây cũng chính là những tình huống, những bài học pháp luật hiệu quả nhất, thuyết phục nhất đánh vào niềm tin của nhân dân, từ đó góp phần giáo dục ý thức pháp luật trong dân.

4.3.2.2. Nâng cao trách nhiệm xã hội của công dân ở Việt Nam

Trong *"Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau đã nhấn mạnh bước chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội công dân, đánh dấu bước ngoặt lớn lao đưa con người đến với thời đại văn minh. Ở trạng thái xã hội công dân, họ được cộng đồng, nhà nước bảo vệ bằng hệ thống luật pháp và có tự do, bình đẳng. Trong xã hội Việt Nam hiện nay, công dân được tạo mọi

điều kiện thuận lợi phát triển toàn diện để thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xứng đáng là chủ nhân của đất nước.

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa tự do công dân và trách nhiệm với cộng đồng. J.J.Rousseau cho rằng, công dân là chủ thể có quyền lực tối cao, có nhận thức sâu sắc về trách nhiệm đối với xã hội, biết đặt lợi ích chung lên trên hết. Ở đây, cá nhân đạt đến tự do đạo đức, thực sự làm chủ bản thân, gạt bỏ đi những ham muốn vị kỷ để hướng đến những giá trị lớn lao hơn.

Tham khảo quan điểm ấy vào thực tiễn đất nước hiện nay, chúng ta thấy có nhiều nét tương đồng khi nói đến trách nhiệm công dân. Thực tế, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, một bộ phận nhân dân có lối sống cá nhân ích kỷ thực dụng, thờ ở trước những vấn đề chung. Điều cần làm lúc này, đó là đẩy mạnh giáo dục ý thức công dân, để họ thấy được, hiểu được vai trò, trách nhiệm của chính mình với cộng đồng. Cá nhân và cộng đồng luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Nền tảng cộng đồng ổn định sẽ tạo điều kiện cho cá nhân trong mọi hoạt động được thuận lợi hơn, được tự do phát triển. Ngược lại, công dân có trách nhiệm để xây dựng, phát triển xã hội. Cá nhân phải tự ý thức được rằng, mỗi hành vi của cá nhân đều mang đến những tác động nhất định đến môi trường chung, lợi ích chung.

Thứ hai, tư tưởng J.J.Rousseau gợi mở hướng đi trong việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân thông qua các hoạt động tự quản và tham gia vào đời sống chính trị - xã hội cơ sở. Trách nhiệm xã hội phải được nuôi dưỡng, thể hiện thông qua những hoạt động cụ thể trong thực tiễn, bằng việc nhân dân đóng góp ý kiến, bày tỏ nguyện vọng. Khi họ được thông tin, được trao đổi, bàn luận, được quyết định, được giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, giám sát các hoạt động cộng đồng thì ý thức trách nhiệm của công dân sẽ có những chuyển biến tích cực. Bởi lẽ, họ sẽ thấy được vai trò quan trọng của mình là làm chủ xã hội, họ là một phần không thể thiếu của cộng đồng và họ tự nguyện đóng góp trí tuệ, công sức vào công việc chung của địa phương và đất nước.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục kiến thức pháp luật với giáo dục đạo đức công dân và lòng yêu nước. Bài học này chỉ ra rằng, để nâng cao trách nhiệm xã hội ở Việt Nam hiện nay, công tác giáo dục không thể chỉ dừng lại ở việc truyền thụ lý thuyết kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, mà phải chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức công dân và lý tưởng sống, kết hợp nhuần nhuyễn giữa mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ. Điều đó cần được triển khai đồng bộ trong các bậc học, bắt đầu từ bậc học mầm non. Để người học lĩnh hội, ghi nhớ và in sâu kiến thức, công tác giáo dục phải đa dạng hoá, phong phú các phương pháp truyền thụ, đảm bảo cho các kiến thức không bị rơi vào tình trạng nhàm chán, lý thuyết suông. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục có thể kết hợp với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Mặt trận Tổ quốc… trong công tác giáo dục ý thức trách nhiệm cho công dân thông qua các phong trao thi đua. Việc người học được trực tiếp tham gia vào các phong trào sẽ có tác động rất lớn đến tính trách nhiệm trong mỗi cá nhân đối với xã hội.

Thứ tư, đảm bảo công bằng, minh bạch các chính sách xã hội. Trong tư tưởng J.J.Rousseau, ông luôn đề cao sự bình đẳng giữa các cá nhân trong xã hội. Với khế ước xã hội, không ai được đứng trên người khác, đứng ngoài pháp luật, mà tất cả đều chịu sự điều chỉnh của luật pháp. Nếu những điều đó bị vi phạm thì bản khế ước bị xoá bỏ. Trên tinh thần chủ quyền nhân dân tối thượng, nhà nước Việt Nam của dân, do dân, vì dân đề cao tính công bằng và hiệu quả của các chính sách an sinh xã hội. Điều đó góp phần xoá đói, giảm nghèo, tạo sự phân phối công bằng về nguồn lực, đảm bảo nhân dân được thụ hưởng những giá trị tốt đẹp để họ có thêm niềm tin vào các chủ trương chính sách, tin vào bộ máy chính quyền và từ đó, họ tự giác, tự nguyện cống hiến, bảo vệ cho cộng đồng ấy. Bên cạnh đó, cần thực hiện nghiêm minh sự điều chỉnh của pháp luật thông qua các chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm làm tổn hại đến lợi ích chung cộng đồng và lợi ích của các cá nhân khác, qua đó nâng cao ý thức chấp hành kỷ cương xã hội trong nhân dân.

Thứ năm, vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, công chức. Theo J.J.Rousseau, cán bộ công chức là những người được tiếp nhận mệnh lệnh từ cơ quan quyền lực tối cao. Hành vi của họ có sức ảnh hưởng, tác động lớn đến xã hội, đến nhân dân. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, cán bộ công chức, đảng viên phải là những người đi đầu với ý thức trách nhiệm cao nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh về trách nhiệm, rằng "Bất kỳ ai, ở địa vị nào, làm công tác gì, gặp hoàn cảnh nào, đều phải có tinh thần trách nhiệm" [64, tr.249]. Sự tận tụy, liêm chính, tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng phụng sự nhân dân của đội ngũ cán bộ không chỉ giúp bộ máy nhà nước vận hành hiệu quả mà còn có sức lan tỏa mạnh mẽ, củng cố niềm tin và khơi dậy tinh thần trách nhiệm trong mỗi người dân.

4.2.3.3. Trách nhiệm công dân trong xây dựng văn hóa chính trị ở Việt Nam hiện nay

Trong lịch sử phát triển tư tưởng nhân loại, J.J.Rousseau đã tạo nên bước ngoặt lý luận sâu sắc khi đặt trách nhiệm công dân gắn với văn hóa chính trị. Văn hoá chính trị thể hiện qua từng hành vi của mỗi người trong thực tiễn. Nhân dân phải nhận thức sâu sắc nghĩa vụ với ý chí chung, với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Xét trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy trách nhiệm công dân trong xây dựng văn hóa chính trị sẽ trở thành nguồn lực quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ nhất, định hình chuẩn mực văn hóa chính trị, trong đó, lấy sự tự giác thực hiện trách nhiệm làm thước đo giá trị công dân. Đời sống chính trị lành mạnh là khi mỗi cá nhân tự ý thức được chuẩn mực văn hoá, đạo đức, có tinh thần trách nhiệm và vì lợi ích cộng đồng, xem đó là nhiệm vụ tự thân của mỗi người và khi làm được điều đó, họ thấy tự hào vì những gì mình cống hiến cho cộng đồng. Trong đời sống xã hội hiện đại, không ít người thờ ơ, không quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội, không nắm bắt các thông tin… Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến văn hoá chính trị quốc gia. Bối cảnh đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải thực hiện đồng bộ các giải pháp góp phần

đẩy mạnh khâu tuyên truyền, giáo dục đến từng người dân, làm cho họ nhận thức được mối quan hệ giữa quyền lợi cá nhân với lợi ích cộng đồng. Cộng đồng tạo điều kiện và môi trường cho cá nhân phát triển toàn diện. Về phía công dân, họ phải thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của bản thân với cộng đồng, nâng lên thành một chuẩn mực văn hóa công dân.

Thứ hai, phát huy dân chủ thực chất trong đời sống xã hội. Như trên đã phân tích, trách nhiệm công dân phải được hiện thực hoá thông qua quá trình tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị. Là người chủ xã hội, công dân có quyền bày tỏ ý kiến, có quyền quyết định các vấn đề xã hội, thậm chí, nhân dân có quyền bãi miễn cán bộ công chức trong trường hợp họ đi ngược lại với lợi ích cộng đồng. Việc thực hiện đúng phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" chính là trao gửi niềm tin cho nhân dân, làm cho họ thấy được vai trò chủ thể quyền lực của mình đối với đất nước. Khi họ được ghé vai gánh vác một phần để đưa đất nước phát triển thì ý thức trách nhiệm của nhân dân sẽ có sự chuyển biến, dần hình thành thói quen trách nhiệm trong các vấn đề chính trị - xã hội.

Thứ ba, vai trò của đội ngũ cán bộ công chức. J.J.Rousseau cho rằng, hành vi, thái độ ứng xử của cán bộ công chức tác động rất lớn đến ý thức trách nhiệm của công dân trong xây dựng văn hoá chính trị. Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình diễn ra nhiều thay đổi lớn lao, đặc biệt là về vấn đề đội ngũ. Đội ngũ công chức hiện đang giữ các chức trách nhiệm vụ trong cơ quan nhà nước về cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về mặt chuyên môn, đạo đức trách nhiệm. Tuy nhiên, trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính, lượng công việc nhiều hơn, đối tượng phục vụ rộng hơn đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao hơn của đội ngũ công chức. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của đội ngũ này cũng được diễn ra thường xuyên hơn với nhiều kênh giám sát. Chính sự liêm chính, tận tụy, thực hiện nói đi đôi với làm, tinh thần dũng cảm nhận trách nhiệm và hết lòng hết sức phụng sự nhân dân của đội ngũ cán sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho nhân dân, lan toả những giá trị tốt đẹp, chống lại những biểu hiện tiêu cực, lệch lạc; cùng nhân dân xây dựng văn hoá

chính trị lành mạnh và phát triển, góp phần tạo nên nguồn sức mạnh nội sinh to lớn thúc đẩy Việt Nam tiến nhanh, vững chắc trên con đường xây dựng xã hội "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

4.2.4. Giá trị tham khảo của tư tưởng J.J.Rousseau đối với việc kiểm soát quyền lực nhà nước

Trên nền tảng nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, việc nghiên cứu tư tưởng J.J.Rousseau về ý chí chung và sự phòng ngừa tha hóa quyền lực đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay. J.J.Rousseau đã cảnh báo rằng, bộ máy hành pháp luôn có xu hướng tự nhiên là vượt khỏi giới hạn để đè bẹp chủ quyền của nhân dân nếu không bị kiểm soát nghiêm ngặt. Nhận thức rõ nguy cơ đó, tại Đại hội XIV, Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo nhất quán: "Tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, 'tự diễn biến', 'tự chuyển hóa' trong nội bộ" [21, tr.375]. Kiểm soát quyền lực không thuần túy là một giải pháp kỹ thuật - quản lý, mà là yêu cầu thể chế mang tính sống còn để giữ cho quyền lực luôn được ràng buộc bởi Hiến pháp và pháp luật, vận hành đúng mục tiêu vì Nhân dân. Kiểm soát quyền lực nhà nước phải được vận hành thực chất, đồng bộ.

Thứ nhất, thực hiện công khai, minh bạch như điều kiện tiên quyết để vô hiệu hóa sự lũng đoạn quyền lực. J.J.Rousseau nhấn mạnh, tất cả phải được minh bạch, người dân phải được tiếp cận với các nguồn thông tin liên quan đến cộng đồng, đến chính họ để có những quyết định đúng đắn. Ở Việt Nam, chủ trương "dân biết, dân bàn" đòi hỏi mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước phải được công khai theo quy định của pháp luật. Công dân phải được thông tin về thủ tục, về các quyết định, trình tự xử lý công việc, về các dự án… Việc công khai giúp nhân dân và xã hội tiếp cận thông tin chính thống một cách bình đẳng, xóa bỏ đặc quyền thông tin của bộ máy công quyền. Đây là yếu tố quan trọng giúp nhân dân có cơ sở để thực hiện vai trò

giám sát đối với cơ quan quyền lực nhà nước và được dân chủ đúng nghĩa. Nếu công khai là đưa thông tin đến mọi công dân, thì minh bạch là bảo đảm cho những thông tin đó được thể hiện một cách tường minh, chính xác, dễ hiểu, tránh trường hợp các thế lực lợi dụng, bóp méo làm sai lệch thông tin để chống phá con đường phát triển của đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đã và đang giải quyết tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, phân định rõ ràng về thẩm quyền của các cơ quan nhà nước và các cấp quản lý. Bên cạnh đó, thực hiện minh bạch, công khai các tiêu chí đánh giá, chỉ tiêu xếp loại cán bộ, công chức, quy định thời gian cụ thể; các quy trình, thủ tục hành chính cũng được thông tin đến toàn thể nhân dân, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến đảm bảo thông suốt các hoạt động. Sự công khai, minh bạch mọi thông tin sẽ là một trong những yếu tố quan trọng góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Thứ hai, thiết lập và thực thi trách nhiệm giải trình đối với những cán bộ công chức nắm giữ quyền lực công. Với danh nghĩa là cơ quan tiếp nhận, thực thi mệnh lệnh, chính phủ phải giải quyết tốt các công việc chung, mang lại lợi ích chung cho cộng đồng, đồng thời, chính phủ phải chịu mọi trách nhiệm trước nhân dân, thực hiện nghiêm chỉnh giải trình đối với việc sử dụng quyền lực như thế nào. Đây cũng chính là cơ sở để công dân với quyền lực tối cao có thể đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy quyền lực nhà nước, từ đó có sự biểu quyết về việc duy trì hay bãi miễn chính phủ. Soi chiếu quan điểm J.J.Rousseau vào điều kiện Việt Nam hiện nay, dưới sự giám sát chặt chẽ của nhân dân, cơ quan nhà nước, cán bộ công chức phải luôn đặt trách nhiệm chung lên hàng đầu. Cần đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ; quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Để thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình, cần đồng bộ các giải pháp, thể chế gắn với chế tài rõ ràng. Trước những vấn đề xảy ra trong phạm vi đơn vị quản lý, đặc biệt coi trọng trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, bởi tính

gương mẫu và năng lực điều hành của người đứng đầu có ảnh hưởng trực tiếp đến kỷ luật, kỷ cương, tinh thần phục vụ nhân dân và chất lượng thực thi chính sách. Người đứng đầu phải có trách nhiệm giải trình rõ ràng với nhân dân, Quốc hội và các cơ quan liên quan, đặc biệt trong những vụ việc gây nhiều tranh cãi cần làm rõ các nội dung tránh gây bức xúc trong dư luận, làm suy giảm niềm tin trong nhân dân với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong giám sát quyền lực nhà nước. Với J.J.Rousseau, chủ quyền nhân dân là tối thượng. Vì vậy, không ai khác, chính nhân dân là người phải nắm rõ mọi hoạt động của cơ quan mà họ đã trao nhiệm vụ thực thi trong thực tiễn. Quyền được thông tin, được bàn bạc, giám sát chính là yếu tố góp phần ngăn chặn các hành vi tha hoá quyền lực. Ở Việt Nam hiện nay, muốn làm tốt vai trò giám sát, nhân dân phải được trang bị đầy đủ kiến thức, nắm rõ mọi hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ công chức, nhận diện được các hoạt động chống phá, tư tưởng sai lệch. Bên cạnh đó, phát huy tốt vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, Mặt trận Tổ quốc trong việc lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhân dân, tăng tính phản biện xã hội. Sự phát triển của công nghệ số mở ra nhiều kênh thông tin đa dạng để công dân có thể bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và đánh giá năng lực của cán bộ, công chức. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò giám sát của nhân dân phải gắn liền với sự thấu hiểu và đồng hành cùng bộ máy nhà nước. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, khối lượng công việc gia tăng đột biến, phạm vi quản lý mở rộng đòi hỏi cán bộ, công chức phải có thời gian thích nghi và đổi mới phương pháp làm việc. Nhân dân giám sát chặt chẽ nhưng cũng cần phối hợp, chia sẻ, tạo điều kiện cho bộ máy chính quyền mới nhanh chóng ổn định và vận hành hiệu quả. Nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay không chỉ là thiết lập các thể chế kiểm soát chặt chẽ, mà còn là kích hoạt tính tích cực, tự chủ và tinh thần trách nhiệm của công dân. Khi nhân dân hiểu, tin tưởng cán bộ, tin vào hệ thống pháp luật và nhận thức rõ vai trò làm chủ, họ sẽ tự giác trở thành

lực lượng giám sát hiệu quả nhất. Điều đó góp phần quan trọng để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với bộ máy quyền lực công liêm chính, kiến tạo, hiệu lực, hiệu quả, luôn đi đúng hướng, đảm bảo lợi ích chung cho nhà nước, cho xã hội và cho nhân dân.

4.2.5. Phát huy dân chủ trong quản trị quốc gia

Thứ nhất, điều làm nên giá trị trong hệ thống tư tưởng của J.J.Rousseau trước hết nằm ở tính nhân văn và tiến bộ, được kết tinh trong quan niệm chủ quyền nhân dân, trong việc chuyển hóa quyền tự nhiên thành quyền công dân, và mục tiêu bảo đảm tự do, bình đẳng như những giá trị nền tảng của một trật tự chính trị chính danh. Trong "*Bàn về khế ước xã hội"*, J.J.Rousseau không chỉ phác thảo mô hình nhà nước mới mà còn nhấn mạnh rằng, nhà nước ấy chỉ có thể tồn tại vững chắc khi công dân ý thức và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, với chính quyền do chính họ tạo dựng. Ngay ở phần mở đầu Quyển thứ nhất, tinh thần trách nhiệm công dân đã được J.J.Rousseau khẳng định với tư cách một thái độ chính trị và một nghĩa vụ đạo đức: "Sinh ra là công dân của một nhà nước tự do, thành viên của một cộng đồng có chủ quyền, dù cho tiếng nói của tôi chỉ ảnh hưởng yếu ớt tới công việc chung, tôi cũng có quyền được chọn lựa đối với công việc chung" [44, tr.51]. Từ thực tiễn rối ren của xã hội phong kiến Pháp đương thời, ông xác lập một trật tự mới với quan điểm, quyền lực chỉ hợp pháp khi dựa trên sự đồng thuận và phục vụ lợi ích chung. Theo J.J.Rousseau, nhân dân phải thực sự là chủ thể kiến tạo khế ước, xác lập ý chí chung, hình thành cơ quan quyền lực và tạo dựng luật pháp như công cụ bảo đảm kỷ luật và quyền lợi của cộng đồng. Tư tưởng này có sự tương đồng sâu sắc và gợi mở trực tiếp cho việc khẳng định vị trí trung tâm của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, nơi nhân dân không chỉ là gốc rễ của quyền lực mà còn trực tiếp tham gia vào đời sống chính trị thông qua phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng".

Thứ hai, trách nhiệm công dân không phải là sự phục tùng quyền lực thụ động, mà là sự tự ràng buộc có lý tính vào công ước chung để bảo vệ tự

do, bình đẳng và an toàn của chính mình. Trách nhiệm của công dân gắn với việc tạo dựng và bảo vệ luật pháp trên cơ sở ý chí chung. J.J.Rousseau khẳng định, sự vững mạnh của nhà nước có được từ chính sự đồng thuận ủng hộ của nhân dân. Điều đó đòi hỏi, công dân phải được bảo đảm quyền dân biết thông qua sự chủ động tiếp cận thông tin chính thống để nâng cao hiểu biết, nắm rõ các quy định pháp luật, các hoạt động xã hội. Từ đó, nhân dân được bàn bạc, luận bàn để đưa ra các ý kiến đóng góp, xây dựng nhà nước; đồng thời phát huy vai trò dân kiểm tra, dân giám sát để ngăn chặn sự tùy tiện, lấn át của lợi ích cục bộ. Khi trách nhiệm công dân được thực thi toàn diện trên tất cả các khâu đó, sự thống nhất giữa lợi ích chung và lợi ích cá nhân mới được xác lập, bảo đảm cho người dân trở thành chủ thể thực sự và được thụ hưởng thành quả của sự phát triển trong trật tự pháp lý công bằng và tiến bộ.

Thứ ba, đặt J.J.Rousseau trong sự đối chiếu với tinh thần nhân dân lịch sử trong truyền thống mác-xít, có thể thấy một điểm gặp gỡ đắt giá là việc đề cao vai trò chủ thể của quần chúng nhân dân trong biến đổi xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định, tư tưởng cốt lõi rằng, xã hội không thể tự giải phóng nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân riêng biệt. Trách nhiệm lịch sử trong những thời điểm bước ngoặt thuộc về quần chúng nhân dân. V.I.Lênin nhấn mạnh, "Cách mạng là sự phá vỡ thượng tầng kiến trúc cũ" [48, tr.379] để mở đường cho trật tự mới, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển. Các nhà mác xít cũng chỉ ra rằng quần chúng không phải lúc nào cũng là lực lượng tích cực sáng tạo, nhưng trong những thời điểm quyết định họ có thể làm nên kỳ tích, khi thực tiễn tồn tại xã hội tác động làm cho ý thức công dân thay đổi. Sức mạnh tập thể của quần chúng nhân dân sẽ bùng nổ khi họ tự nhận ra lợi ích và trách nhiệm của mình, "Chúng tôi không muốn sống trong cảnh đói, chúng tôi thà chết cho cách mạng còn hơn" [49, tr.624]. Nếu J.J.Rousseau nhấn mạnh nền tảng đồng thuận đạo đức và công ước tự nguyện của các công dân có hiểu biết, thì truyền thống mác-xít nhấn mạnh động lực hiện thực của mâu thuẫn xã hội và vai trò cách mạng của quần chúng lao động. Cả hai tư tưởng đều gặp nhau ở điểm coi nhân dân là lực lượng quyết định vận mệnh chính trị. Sự kết

hợp giữa tư tưởng chủ quyền nhân dân của J.J.Rousseau với lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chính là cơ sở khoa học để Đảng và Nhà nước ta hoàn thiện thể chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, bảo đảm để nhân dân thực sự nắm quyền lực và thụ hưởng mọi giá trị của độc lập, tự do, phát triển.

4.3. NHỮNG VẤN ĐỀ VẬN DỤNG CÓ CHỌN LỌC TƯ TƯỞNG J.J.ROUSSEAU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG DÂN VÀ NHÀ NƯỚC

4.3.1. Vận dụng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng

Quan điểm biện chứng khẳng định, nhà nước là sản phẩm của sự phát triển lịch sử xã hội. Đó là khi xã hội bước sang giai đoạn mới với sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự ra đời chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và hình thành các giai cấp. Các giai cấp tồn tại trong sự đối kháng với những mâu thuẫn không thể điều hòa được, làm ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển xã hội. Thực tiễn đặt ra yêu cầu về việc hình thành cơ quan quyền lực đặc biệt - nhà nước để giải quyết những vấn đề chung của xã hội, đảm bảo sự ổn định và phát triển. Dù nhà nước mang tính chính trị, thể hiện quyền lực của giai cấp thống trị, hình thành các quy tắc, quy định để quản lý, điều tiết mọi hoạt động của đời sống xã hội, song, nhà nước cũng phải hoàn thành chức năng xã hội mới có thể đảm bảo tính chính danh và bền vững. Một nhà nước sẽ ổn định và phát triển khi nhân dân đồng lòng ủng hộ chủ trương, chính sách của giai cấp cầm quyền. Ph.Ăngghen khẳng định: "Các giai cấp thống trị ở thời phát triển đi lên của mình, đã thực hiện những chức năng xã hội hoàn toàn xác định và chính nhờ điều đó họ mới trở thành giai cấp thống trị" [60, tr.700]. Bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, môi trường pháp luật đảm bảo thì đất nước phát triển, dân cư đông đúc, bởi ở đó, nhân dân được tự do, được hạnh phúc. Nhìn từ góc độ lịch sử tư tưởng chính trị, quan điểm này của chủ nghĩa Mác - Lênin có sự gặp gỡ và nâng tầm định hướng đối với hạt nhân tiến bộ trong tư tưởng J.J.Rousseau về khế ước xã hội. J.J.Rousseau cho rằng, nhà nước được tạo ra không phải để áp bức hay nô dịch, mà là kết

quả của sự ủy quyền tự nguyện từ công dân nhằm bảo vệ tự do, bình đẳng và lợi ích chung. Sự kết hợp giữa lý luận Mác - Lênin và tư tưởng J.J.Rousseau gợi mở bài học sâu sắc, một nhà nước chỉ thực sự mạnh và có tính chính danh khi nó là công bộc của nhân dân, có sự thống nhất giữa tính giai cấp với việc phục vụ các lợi ích công cộng như giáo dục, y tế, môi trường, an sinh, an ninh trật tự xã hội và an ninh.

Thấm nhuần sâu sắc lý luận mác-xít và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa triết học chính trị nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng tầm mối quan hệ giữa công dân và nhà nước thành tư tưởng:

> Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân [63, tr.232].

Người đặc biệt nhấn mạnh bản chất "công bộc" của bộ máy công quyền, kiên quyết chống lại tư tưởng "quan cách mạng" lạm quyền, lấn át chủ quyền nhân dân. Tinh thần ấy hoàn toàn tương đồng với sự lên án gay gắt của J.J.Rousseau đối với nguy cơ tha hóa, lộng quyền của bộ máy hành pháp. Trên nền tảng ấy, qua các thời kỳ phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã nhìn thẳng vào những sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhận diện rõ những vướng mắc trong tổ chức và hoạt động. Sự cồng kềnh bộ máy, sự can thiệp quá sâu vào các quá trình phát triển xã hội… đã tạo tâm lý trì trệ, thiếu năng động, sáng tạo trong nhân dân. Trải qua 40 năm đổi mới, xây dựng đất nước, nhà nước ta đã tiến hành đổi mới căn bản về thiết chế tổ chức, về cơ chế hoạt động của nhà nước để thực hiện chức năng xã hội hiệu quả hơn. Đảng ta nhận định: "Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội" [18, tr.98] đúng với tư cách là chủ thể hoạch định và thực thi chính sách xã

hội. Nguyên tắc cơ bản khi đổi mới bộ máy nhà nước và hoạt động của các cơ quan nhà nước chính là phát triển kinh tế phải gắn với văn hóa - xã hội, chức năng xã hội gắn với chức năng giai cấp. Việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, tạo điều kiện vật chất đảm bảo cho cuộc sống của nhân dân phải luôn gắn với định hướng xã hội chủ nghĩa để nhân dân có được đời sống văn hóa lành mạnh, tích cực, được tạo điều kiện phát triển toàn diện. Vai trò nhà nước rõ nét hơn khi thúc đẩy kinh tế phát triển, đảm bảo cho mọi cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật và được tạo mọi điều kiện để phát triển toàn diện.

Trong mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa công dân và nhà nước được thể chế hóa thành một trật tự pháp lý minh bạch, trong đó quyền dân chủ, quyền sống, quyền lao động, học tập, hưởng thụ phúc lợi của công dân được bảo đảm bằng hiến pháp và pháp luật, quy định rõ ràng; đồng thời, dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự và trách nhiệm. Nhà nước sử dụng các nguồn lực của mình, đóng vai trò điều tiết để "Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội" [21, tr.380]. Nhà nước có vai trò quyết định tới việc nâng cao phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề về việc làm, sức khoẻ, bảo hiểm y tế, lương hưu, trợ cấp khó khăn… đảm bảo mọi người dân đều được hưởng quyền lợi và điều kiện phát triển như nhau. Đại hội XIV xác định, "Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân;… phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội…" [21, tr.380]. Vận dụng sáng tạo tư tưởng J.J.Rousseau về việc nhà nước phải đại diện cho ý chí chung để nâng cao chất lượng cuộc sống cho toàn thể cộng đồng, Nhà nước ta giữ vai trò quyết định trong việc nâng cao phúc lợi công cộng, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, bảo hiểm y tế, lương hưu, trợ cấp cho các đối tượng yếu thế, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển.

Đặc biệt, bước vào giai đoạn phát triển mới, giai đoạn đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy và tái cấu trúc không gian phát triển, mối quan hệ giữa công dân và nhà nước càng đứng trước những yêu cầu và thử thách mang tính đột phá. Đây sẽ là giai đoạn thử thách cho bộ máy chính quyền mới. Việc mở rộng địa giới hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương tinh gọn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền triệt để giữa trung ương và địa phương đòi hỏi sự thích nghi nhanh chóng của bộ máy nhà nước, nâng cao năng lực quản trị, cắt giảm thủ tục hành chính, chuyển mạnh từ tư duy "quản lý" sang tư duy "kiến tạo và phục vụ". Thực hiện phân cấp phân quyền sao cho hợp lý, công chức nhà nước thực sự tinh thông về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức công vụ để vận hành bộ máy thuận lợi, hiệu quả nhất, tạo không gian tự do phát triển và sáng tạo cho người dân cũng như doanh nghiệp… để sớm đưa các hoạt động kinh tế - xã hội vào khuôn khổ. Bên cạnh đó, các dịch vụ công cần được đảm bảo theo hướng phục vụ nhân dân. Chủ trương khi xây dựng chính quyền địa phương hai cấp đó là nhân dân được thụ hưởng các giá trị, được tạo điều kiện phát triển toàn diện. Do đó, một số dịch vụ công có thể chuyển trao cho các tổ chức xã hội quản lý và vận hành cũng chính là cách thức thực hiện khế ước xã hội hiện đại với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng: nhà nước hoạch định, kiểm tra, giám sát; xã hội và nhân dân được trực tiếp tự quản, thụ hưởng giá trị. Bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn "sắp xếp giang sơn" đặt ra không ít vấn đề về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Việc hiện thực hóa mô hình chính quyền phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo hiệu quả hoạt động chính là sự vận dụng sáng tạo, phát triển tư tưởng J.J.Rousseau trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm quyền lực nhà nước luôn bắt nguồn từ nhân dân, thuộc về nhân dân và phục vụ lợi ích tối cao của nhân dân.

4.3.2. Không đồng nhất mô hình dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau với mô hình dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trong sự hình thành, phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, việc tham khảo những giá trị triết học chính trị phương Tây, đặc biệt là di sản tư tưởng J.J.Rousseau đòi hỏi tính khoa học, khách quan và sự kiên định lập trường Mác-xít. Việc tiếp thu này hoàn toàn không phải là sự sao chép rập khuôn, không đồng nhất mô hình dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau với mô hình dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, phân định rõ giới hạn lịch sử của mô hình dân chủ trực tiếp thuần túy. Thực chất, dù mang nhiều giá trị tích cực, nhân văn, song mô hình của J.J.Rousseau mang tính lý tưởng hóa, tuyệt đối hóa hình thức dân chủ trực tiếp thuần túy vốn chỉ phù hợp với các đô thị, các quốc gia quy mô nhỏ trước đây, đồng thời phủ nhận vai trò của dân chủ đại diện, thiếu tính thực tiễn đối với một quốc gia hiện đại. Đề cao dân chủ trực tiếp, J.J.Rousseau đòi hỏi toàn thể công dân phải trực tiếp tham gia vào mọi quyết định lập pháp mà không thông qua bất kỳ cơ quan đại diện nào. Quan điểm ấy nếu ứng dụng vào một quốc gia, dân tộc hiện đại với quy mô lãnh thổ rộng lớn, dân số đông, cấu trúc kinh tế - xã hội phức tạp và nhịp sống số hóa sẽ không phù hợp, bởi, việc phủ nhận vai trò của dân chủ đại diện là sự thiếu hụt nghiêm trọng về mặt thực tiễn thể chế, dễ đẩy xã hội vào trạng thái bất ổn hoặc dân túy vô chính phủ.

Thứ hai, mô hình dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang tính vượt trội và tiến bộ. Trái ngược với lý thuyết của J.J.Rousseau, mô hình dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một thể chế tiến bộ, vận hành dựa trên sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do đó, việc tiếp thu tư tưởng J.J.Rousseau thực chất là sự chọn lọc tinh thần cốt lõi về tính chính danh của quyền lực, về trách nhiệm phục vụ của nhà nước với nhân dân và yêu cầu thượng tôn pháp luật để kiểm soát quyền lực, đảm bảo nhà nước của dân, do dân và vì dân. Dân chủ trực tiếp ở Việt Nam không vận hành tự phát, mà

được thể chế hóa thông qua các cơ chế cụ thể như Trưng cầu ý dân, Quy chế dân chủ ở cơ sở và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Thứ ba, hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực và đổi mới bộ máy nhà nước hiện đại. Trọng tâm đổi mới bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay tập trung vào việc tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm sự vận hành hiệu lực, hiệu quả của bộ máy công quyền. Cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ nét yêu cầu này khi chỉ đạo: "Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền" [19, tr.174-175]. Trong mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc kiểm soát quyền lực không dựa trên sự hỗn loạn hay tự phát của dân chủ trực tiếp, mà được thể chế hóa minh bạch thông qua hệ thống pháp luật, vận hành thực chất theo cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước và sự giám sát tối cao của nhân dân.

Thứ tư, làm tốt công tác cán bộ và năng lực quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới. Kế thừa tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, Đại hội XIII và đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ then chốt để củng cố tính chính danh và năng lực quản trị của bộ máy nhà nước là: "Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống" [21, tr.388]. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam quyết tâm: "Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thật tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước" [21, tr.388].

Như vậy, điểm khác biệt căn bản và cũng chính là điểm vượt trội của dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với mô hình dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau, là: thay vì phủ nhận sự tồn tại của cơ quan bộ máy đại diện, chúng ta tập trung xây dựng, tối ưu hóa bộ máy đó bằng một hệ thống pháp luật chặt chẽ, cơ chế giải trình minh bạch và một đội ngũ cán bộ "vừa hồng vừa chuyên", đủ năng lực, phẩm chất liêm chính, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Việt Nam đang thực hiện hóa một mô hình dân chủ thực chất, hiệu lực và bền vững trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

4.3.3. Kết hợp hài hoà giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện

Việc nghiên cứu tư tưởng J.J.Rousseau gợi mở những giá trị thể chế quan trọng trong việc kết hợp hài hòa giữa dân chủ đại diện và nâng tầm các hình thức dân chủ trực tiếp trong nền chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, nhận diện những giá trị gợi mở từ sự phê phán của J.J.Rousseau đối với hình thức dân chủ đại diện. J.J.Rousseau kiên quyết đề cao dân chủ trực tiếp, coi đó là phương thức thuần khiết nhất để thể hiện ý chí chung và giữ cho chủ quyền nhân dân không bị tha hóa. Trong *"Bàn về khế ước xã hội",* J.J.Rousseau từng đưa ra lời cảnh báo kinh điển về nguy cơ của chế độ đại diện thuần túy, rằng, nhân dân nếu chỉ trao trọn quyền lực cho các đại biểu mà thiếu đi sự tham gia, giám sát thường xuyên thì quyền lực công rất dễ bị thâu tóm bởi lợi ích cục bộ. Dù mô hình dân chủ trực tiếp tuyệt đối của ông mang tính lý tưởng hóa và bất khả thi đối với các quốc gia hiện đại quy mô lớn, nhưng tinh thần coi trọng tiếng nói trực tiếp của người dân lại là một gợi mở thể chế vô cùng đắt giá. Trong nền chính trị hiện đại, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ chế vận hành bắt buộc để quản trị quốc gia; tuy nhiên, cơ chế này nếu thiếu đi sự kết nối thường xuyên sẽ dễ tạo ra khoảng cách hay sự xơ cứng giữa đại biểu và cử tri. Việc tham khảo tư tưởng J.J.Rousseau giúp chúng ta nhận ra

tầm quan trọng của việc củng cố và làm phong phú các kênh dân chủ trực tiếp nhằm bổ sung, hoàn thiện và khắc phục những khoảng trống của dân chủ đại diện.

Thứ hai, sự thể chế hóa dân chủ trực tiếp qua hệ thống pháp luật và phương châm "Dân là gốc". Sự kết hợp hài hòa này được thể chế hóa sinh động thông qua việc thực hiện hiệu quả và thực chất Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tạo lập môi trường pháp lý vững chắc để người dân trực tiếp bàn bạc, quyết định và kiểm tra những công việc gắn liền với đời sống cộng đồng dân cư như thu chi ngân sách xã, phường, quy hoạch hạ tầng dân sinh hay tham gia góp ý vào các dự thảo luật của đất nước, bảo đảm phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" được đi vào thực tiễn. Cùng với đó, nhà nước cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri, cơ chế lấy ý kiến nhân dân và thực hiện trưng cầu ý dân đối với các quyết định chính sách kinh tế - xã hội quan trọng trước khi ban hành.

Thứ ba, phát triển "dân chủ số", xem đó là bước đột phá hiện thực hóa ý chí nhân dân trong kỷ nguyên mới. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chương trình Chuyển đổi số quốc gia, việc tận dụng hạ tầng công nghệ số để xây dựng "chính quyền số" và phát triển các hình thức "dân chủ số" chính là bước phát triển đột phá để hiện thực hóa tinh thần J.J.Rousseau trong điều kiện mới. Việc mở rộng các cổng thông tin trực tuyến, nền tảng số quốc gia như Cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng VNeID, các nền tảng số của Quốc hội và chính quyền các cấp giúp nhân dân trực tiếp gửi phản ánh, kiến nghị, tham gia khảo sát sự hài lòng và thực hiện phản biện xã hội một cách nhanh chóng, công khai, minh bạch. Chính việc phát triển "dân chủ số" đã xoá bỏ khoảng cách địa lý, giảm bớt gánh nặng kinh phí hành chính và tạo điều kiện để mọi công dân đều được tiếp cận và trực tiếp tham gia vào quá trình quản trị quốc gia.

Tóm lại, sự tích hợp nhuần nhuyễn giữa dân chủ đại diện vững mạnh và dân chủ trực tiếp rộng mở chính là phương thức cơ bản để bảo đảm quyền lực nhà nước luôn thuộc về nhân dân, tạo dựng sự đồng thuận xã hội sâu sắc, khơi dậy tiềm năng sáng tạo và phát huy tối đa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên phát triển bứt phá của đất nước.

4.3.4. Xây dựng cơ chế bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân với tăng cường kỷ cương, pháp luật và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Một trong những giá trị cốt lõi khi nghiên cứu và chắt lọc tư tưởng J.J.Rousseau vào quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là việc tiếp thu tinh thần về tính chính danh của quyền lực, trách nhiệm của nhà nước và yêu cầu dùng luật pháp để ràng buộc, kiểm soát quyền lực nhà nước. J.J.Rousseau khẳng định rằng, một trật tự xã hội chính đáng phải dựa trên bản khế ước, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, nơi luật pháp vừa là công cụ bảo đảm tự do, vừa là khuôn khổ kỷ luật bắt buộc mọi thành viên phải tuân thủ. Quan điểm tiến bộ này có sự đồng điệu với tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối xuyên suốt của Đảng ta về bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt Nhân dân ở vị trí trung tâm của mọi sự nghiệp cách mạng. Ngay từ những ngày đầu thành lập chính quyền, Người đã khẳng định: "Nước ta là một nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ" [63, tr.515]; "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ" [64, tr.449]. Người nhấn mạnh sức mạnh vô địch của Nhân dân: "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân" [65, tr.453]. Nhân dân chính là người xây dựng, người đổi mới, là chủ thể đích thực của mọi quyền hành và lực lượng.

Trong bối cảnh đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và phát triển bứt phá đất nước hiện nay, Đảng ta tiếp tục khẳng định yêu cầu: "Thắt chặt mối

quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân" [21, tr.374-375]. Với quan điểm nhất quán lấy Nhân dân là trung tâm của sự phát triển, coi "hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu" [21, tr.382]. Do đó, "Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân" [21, tr.382] làm sứ mệnh tối thượng.

Tuy nhiên, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không đồng nghĩa với dân chủ cực đoan, tự do vô chính phủ. Tuyệt đối không sao chép rập khuôn mô hình dân chủ trực tiếp thuần túy của J.J.Rousseau, bởi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đòi hỏi sự gắn kết hữu cơ, không tách rời giữa phát huy quyền làm chủ của Nhân dân với việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật xã hội và bảo đảm sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam theo Hiến pháp và pháp luật. Theo đó, dân chủ phải được thể chế hóa và thực hành trong khuôn khổ pháp luật; quyền lợi luôn đi đôi với nghĩa vụ, tự do gắn liền với trách nhiệm công dân. Việc tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân đòi hỏi phải kiên quyết khắc phục tình trạng vô kỷ luật, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc hoặc phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa. Người dân phải thực sự hiểu về dân chủ, cán bộ phải tôn trọng quyền làm chủ của người dân. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải đảm bảo tính tích cực, chủ động của công dân khi tham gia công việc nhà nước.

Để cơ chế này vận hành thực chất, vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng là nhân tố quyết định. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thông qua việc định hướng đường lối, thể chế hóa chủ trương thành chính sách, đặc biệt là thông qua sự nêu gương của đội ngũ cán bộ, công chức. Đại hội XIII yêu cầu "xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức

năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền" [19, tr.174-175]. Việc kiểm soát quyền lực được thể chế hóa bằng pháp luật và vận hành thực chất; đội ngũ cán bộ đủ năng lực, liêm chính, chịu trách nhiệm giải trình. Tiếp tục tinh thần Đại hội XIII, Đại hội XIV nhấn mạnh, một trong những nhiệm vụ then chốt của giai đoạn mới, đó là "Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống" [21, tr.388]. Đồng thời, "Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thật tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước" [21, tr.388]. Khi đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tôn trọng dân, gần dân, hiểu dân và chịu sự giám sát của Nhân dân, đồng thời Nhân dân chủ động, tự giác thực hiện quyền làm chủ gắn với thượng tôn pháp luật dưới sự định hướng của Đảng, chúng ta sẽ tạo dựng được một trật tự xã hội văn minh, kỷ cương với tinh thần đồng thuận lan toả tạo nền tảng vững chắc để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Tiểu kết chương 4

Tư tưởng của J.J.Rousseau về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước mang đến những giá trị tham khảo, giá trị thực tiễn đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, giai đoạn phát triển mới đặt ra những vấn đề cấp thiết khi xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật với nâng cao hiệu quả thi hành; tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước; bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đây là các định hướng chiến lược gắn với Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và quan điểm chỉ đạo trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Thứ hai, luận án phân tích một số giá trị tham khảo từ tư tưởng J.J.Rousseau: tư tưởng chủ quyền nhân dân làm nền tảng soi chiếu quan điểm "Dân là gốc"; luận điểm ý chí chung gợi mở hoàn thiện pháp luật phục vụ lợi ích công; quan niệm tinh thần công dân giúp đề cao trách nhiệm chính trị cá nhân; giá trị về giới hạn quyền lực, phát huy dân chủ trong quản trị quốc gia.

Thứ ba, vận dụng chọn lọc tư tưởng J.J.Rousseau vào Việt Nam cần đặt trong khung phương pháp luận đúng đắn. Tham khảo di sản triết học phương Tây phải dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuyệt đối không đồng nhất mô hình dân chủ trực tiếp lý tưởng hóa mà phải kết hợp hài hòa dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân gắn với tăng cường kỷ cương pháp luật, giữ vững sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những giá trị trong tư tưởng J.J.Rousseau về quan hệ công dân - nhà nước không chỉ có ý nghĩa trong quá trình hình thành mô hình nhà nước pháp quyền trên thế giới, mà còn góp phần cung cấp những giá trị tham khảo, những vấn đề vận dụng chọn lọc cho Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển hiện nay.

KẾT LUẬN

Theo J.J.Rousseau, khế ước xã hội là cơ sở, nguồn gốc của xã hội công dân và chủ quyền nhân dân. J.J.Rousseau đặt vấn đề cần phải thiết lập một khế ước chung khi con người thoát khỏi trạng thái tự nhiên để trở thành con người dân sự trong xã hội. Tư tưởng cấp tiến của ông cùng với các nhà khai sáng Pháp đã trở thành nguồn lý luận quan trọng cho quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền trong lịch sử, đặc biệt là ở các nước phương Tây.

Cuộc đời đầy thăng trầm của J.J.Rousseau cùng với thực tế xã hội Pháp thế kỷ XVIII đã tác động không nhỏ đến tư tưởng của ông về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước. Sự yếu kém của chính quyền phong kiến, nhân dân chịu cuộc sống khổ cực, gánh trên lưng bao nhiêu loại thuế khác nhau, chịu bao tầng bóc lột, chính quyền đó không vì lợi ích của nhân dân mà vì chính lợi ích của họ. Làn sóng tư tưởng Khai sáng nhen nhóm tinh thần đấu tranh, được nhân dân ủng hộ cũng bị chính quyền truy đuổi. Và, chính J.J.Rousseau là một minh chứng. Ông bị truy đuổi, bị trục xuất… Nhưng, J.J.Rousseau đã thể hiện tinh thần cách mạng rực lửa: "Con người sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người con người cũng sống trong xiềng xích" [44, tr.52]. Ông kịch liệt phê phán xã hội phong kiến với những quy định hà khắc, bóp nghẹt đời sống nhân dân. Ông đấu tranh cho một xã hội phát triển cao với chủ quyền thuộc về nhân dân, với lý tưởng tự do, bình đẳng, khát khao xây dựng nhà nước cộng hoà với chủ quyền nhân dân, để lại cho hậu thế những di sản lý luận quý báu.

J.J.Rousseau khẳng định, mối quan hệ giữa công dân và nhà nước là mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ với nhau. Quan điểm của ông về quyền công dân, về sự hình thành nhà nước pháp quyền, về mối quan hệ giữa công dân và nhà nước cũng như những yếu tố đảm bảo cho mối quan hệ công dân và nhà nước được J.J.Rousseau phân tích khá hệ thống trong tác phẩm *"Bàn về khế ước xã hội"*. Trong đó, cá nhân được nhà nước bảo đảm quyền lợi và phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước với tư cách một công dân. Nhà nước sẽ đảm bảo các quyền tự nhiên, quyền công dân được thực hiện trên cơ

sở của luật pháp; phát huy trách nhiệm của công dân cũng như chính quyền vì lợi ích chung, ý chí chung. J.J.Rousseau bước đầu đề xuất một số giải pháp để góp phần củng cố, tăng cường quyền làm chủ của nhân dân đối với các hoạt động chính trị - xã hội. Mô hình nhà nước cộng hoà dựa trên chủ quyền nhân dân trong tư tưởng J.J.Rousseau hiện lên đầy lý tưởng.

Nghiên cứu tư tưởng J.J.Rousseau, chúng ta thấy được những giá trị, những hạt nhân hợp lý về quyền con người, chủ quyền nhân dân, tinh thần dân chủ, đề cao luật pháp… để kế thừa và phát huy, song cũng nhận diện, đánh giá được rằng, thế giới quan tiểu tư sản cùng với những rào cản về bối cảnh lịch sử - xã hội thế kỷ XVIII đã tác động đến tư tưởng J.J.Rousseau về mối quan hệ công dân và nhà nước, làm cho tư tưởng ấy thiếu cơ sở thực tiễn và không xác định được hệ thống phương pháp rõ ràng. Dù giới hạn lịch sử làm cho tư tưởng J.J.Rousseau chưa thể đạt đến sự hoàn thiện, song những giá trị chứa đựng trong đó là điều nhân loại không thể phủ nhận. Thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy có những nét tương đồng, nhìn thấy được những giá trị tham khảo từ chính tư tưởng của J.J.Rousseau nói chung, tư tưởng về mối quan hệ công dân và nhà nước nói riêng. Điểm tương đồng nổi bật nhất vẫn xoay quanh quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể của các quá trình xã hội. Đó cũng chính là hướng đi mà toàn dân tộc ta đang mong muốn với cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lưu Thị Thu Hiền (2025), *Quan điểm của J.J.Rousseau về cơ quan hành pháp và ý nghĩa với tinh gọn bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn, số 37 (6/2025), tr.62 - 67, ISSN 2615-9473.
2. Lưu Thị Thu Hiền (2026), *Mối quan hệ giữa tự do cá nhân và ý chí chung của cộng đồng xã hội trong Bàn về khế ước xã hội của J.J.Rousseau và giá trị tham khảo trong xây dựng người công dân số hiện nay*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, Thứ sáu, ngày 23/01/2026, ISSN 2525-2607; https://lyluanchinhtri.vn/moi-quan-he-giua-tu-do-ca-nhan-va-y-chi-chung-cua-cong-dong-xa-hoi-trong-ban-ve-khe-uoc-xa-hoi-cua-j-j-rousseau-va-gia-tri-tham-khao-trong-xay-dung-nguoi-cong-dan-so-hien-nay-11457.html
3. Lưu Thị Thu Hiền (2026), *Ý nghĩa của tác phẩm "Bàn về khế ước xã hội" trong xây dựng đội ngũ công chức chính quyền địa phương hai cấp ở hiện nay*, Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước, Thứ ba, ngày 03/02/2026. ISSN e - 2815-5831; https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/02/03/y-nghia-cua-tac-pham-ban-ve-khe-uoc-xa-hoi-trong-xay-dung-doi-ngu-cong-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-hai-cap-hien-nay/
4. Lưu Thị Thu Hiền (2026), *Luận bàn quan điểm "ý chí chung" của Jean Jacques Rousseau và những gợi mở trong xây dựng thể chế quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận (Học viện chính trị Khu vực III), số 2(215), tr.50-54, ISSN 0868-3247.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*** Tài liệu tham khảo tiếng Việt**

1. Nguyễn Quỳnh Anh (2016), Từ tư tưởng về quyền con người trong tác phẩm Bàn về khế ước xã hội của Jean - Jacques Rousseau đến tư tưởng về quyền dân tộc trong Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*, 11 (36).
2. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới*", Hà Nội.
3. Bernard Morichère (2010), *Triết học Tây phương từ khởi thủy đến đương đại*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Bertrand Rusell (2023), *Lịch sử Triết học phương Tây*, Hồ Hồng Đăng dịch, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
5. Trần Văn Bính (2003), *Toàn cầu hóa và quyền công dân ở Việt Nam, Nhìn từ khía cạnh văn hóa*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Doãn Chính (2015), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Chirstoph Dejung (2013), Jean - Jacques Rousseau, *Tạp chí Triết học*, 1(260), tr.57-62.
8. Dagobert D. Runes (2009), *Lịch sử triết học (Từ cổ đại đến cận hiện đại)*, Phạm Văn Liễn dịch, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Dung (2001), Sự phân biệt hay thống nhất giữa chấp hành, hành pháp và hành chính nhà nước cao nhất trong Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Nghiên cứu lập pháp*, 10/2001.
10. Nguyễn Đăng Dung (2002), *Hiến pháp và Bộ máy Nhà nước*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

11. Nguyễn Đăng Dung (2008), *Chế ước quyền lực nhà nước*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng.
12. Dương Thị Ngọc Dung (2009), *Triết học chính trị của J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Võ Thị Dung (2002), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng nhân văn của các nhà triết học Khai sáng Pháp và ảnh hưởng của nó đến các nhà yêu nước Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
22. Nguyễn Quang Điển (chủ biên) (2003), *C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin về những vấn đề triết học*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Đặng Quang Định (2023), *Triết học Mác - Lênin trong nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Phạm Văn Đức (2015), *Lịch sử triết học của xã hội dân sự*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Trần Ngọc Đường (2011), *Quyền con người, quyền công dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Francis Fukuyama (2021), *Nguồn gốc trật tự chính trị từ thời tiền sử đến cách mạng Pháp*, Nguyễn Khắc Giang và Nguyễn Quang Thái dịch, tập 1, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
27. Francis Fukuyama (2021), *Nguồn gốc trật tự chính trị từ thời tiền sử đến cách mạng Pháp*, Bùi Kim Tuyến dịch, tập 2, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
28. Vũ Công Giao (2016), *Hỏi - Đáp về quyền con người và nghĩa vụ của công dân*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
29. Phan Thanh Hà (2023), *Mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Hoàng Thị Hạnh (2017), "Jean Jacques Rousseau và tác phẩm "Bàn về khế ước xã hội"*, Thông tin khoa học xã hội*, 7, tr.30-36.
31. Hoàng Văn Hảo (2003), "Vấn đề dân chủ và đặc trưng của mô hình tổng thể Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, 2, tr.12-20.
32. Nguyễn Trung Hiếu (2020), "Tư tưởng pháp quyền của Jean Jacques Rousseau và ý nghĩa của nó trong thời đại ngày nay"*, Tạp chí khoa học Đại học Văn Lang*, 22, tháng 7, tr.47-52.
33. Dương Văn Hóa, *Khế ước xã hội*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
34. Nguyễn Đình Hoà (2020), *Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

35. Vũ Đình Hòe (1998), *Hiến pháp dân tộc và dân chủ/ Hiến pháp năm 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Nguyễn Thị Hồi (2005), *Tư tưởng phân chia quyền lực nhà nước với việc tổ chức bộ máy nhà nước ở một số nước*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
38. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nhà xuất bản Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh
39. Đỗ Minh Hợp (2014), *Lịch sử Triết học phương Tây,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đỗ Minh Hợp (2017), "Đôi nét về triết lý phản khai sáng của Rousseau", *Tạp chí Triết học*, 6, tr.63-69.
41. Lê Tuấn Huy (2005), *Tư tưởng chính trị Montesquier trong tác phẩm Tinh thần pháp luật và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
42. Lê Tuấn Huy (2006), *Triết học chính trị Montesquieu với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
43. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2014), "Tư tưởng của Rousseau về quyền con người", *Tạp chí triết học*, 6, tr.82-89.
44. Jean Jacques Rousseau (2006), *Bàn về khế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
45. Jean Jacques Rousseau (2020), *Những lời bộc bạch*, Lê Hồng Sâm dịch, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.

46. John Locke (2007), *Khảo luận thứ hai về chính quyền - chính quyền dân sự*, Lê Tuấn Huy dịch, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
47. Nguyễn Hiến Lê, Thiên Giang (2012), *Lịch sử thế giới*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
48. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, tập 9, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, tập 36, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội..
50. Nguyễn Thị Bích Lệ (2008), "Jean - Jacques Rousseau (1712 - 1778) - nhà triết học Khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh", *Tạp chí Triết học*, 7 (206), tr.76-82.
51. Nguyễn Thị Châu Loan (2012), "Gi.Gi. Rútxô với vấn đề con người", *Tạp chí Triết học*, 8 (255), tr.80-88.
52. Nguyễn Thị Châu Loan (2013), "Quan niệm của J.J.Rousseau về nhà nước pháp quyền trong tác phẩm "Bàn về khế ước xã hội", *Hội thảo Nhà nước pháp quyền - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
53. Nguyễn Thị Châu Loan (2014), *Triết học chính trị J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
54. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 7, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 10, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

59. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 7, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 10, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Montesquieu (2004), *Bàn về tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đạm dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
67. N.M. Voskrenckaia (2009), *Chế độ dân chủ, Nhà nước và xã hội*, Phạm Nguyên Tường dịch, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
68. Nguyễn Văn Niên (1996), *Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2004), *Lịch sử thế giới cận đại*, tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
70. Vũ Dương Ninh (2010), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
71. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2014), *Lịch sử thế giới cận đại*, tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
72. Noman Davies (2012), *Lịch sử Châu Âu*, Lê Thành dịch, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

73. Nguyễn Thế Nghĩa (1999), *Đại cương các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
74. Lê Tôn Nghiêm (2000), *Lịch sử triết học Tây phương, 3 tập*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
75. Đỗ Văn Nhung (1999), *Đại cương lịch sử văn minh phương Tây*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
76. Nguyễn Thị Huỳnh Như (2022), "Từ khế ước xã hội đến sự hình thành quyền lực nhà nước theo quan điểm của Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 3, tr.63-71.
77. Nguyễn Thị Huỳnh Như (2018), "Tư tưởng về dân chủ trực tiếp của J.J.Rousseau - giá trị tham khảo trong xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Khoa học chính trị*, Số 6.
78. Nguyễn Thị Huỳnh Như (2019), *Tư tưởng về quyền con người của Jean - Jacques Rousseau - đặc điểm và giá trị lịch sử*, Luận án Tiến sĩ, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội.
79. Nguyễn Xuân Phong (2011), *Giới thiệu một số tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin về chính trị*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Trần Văn Phòng, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023), "Nhận thức về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương xã hội trong tổng thể các mối quan hệ lớn theo văn kiện Đại hội lần thức XIII của Đảng và một số vấn đề đặt ra", *Tạp chí Khoa học chính trị*, 1/2023, tr.9-14.
81. Thang Văn Phúc, Nguyễn Đăng Thành (2005), *Một số lý thuyết và kinh nghiệm tổ chức nhà nước trên thế giới*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
82. Đỗ Nguyên Phương, Trần Ngọc Đường (1992), *Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

83. Nguyễn Văn Quang (2018), *Xây dựng con người chính trị Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
84. Lê Minh Quân (2020), *Tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăng ghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
85. Võ Ngọc Quân (2022), *Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
86. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Nguyễn Duy Quý (2005), "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Cộng sản*, 23, tr.10-16; 92.
88. Nguyễn Duy Quý (chủ trì, 2006), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân*, Đề tài Khoa học cấp Nhà nước, mã số KX.04.01. Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.
89. Stanley Rosen (2004), *Triết học nhân sinh*, Nguyễn Minh Sơn, Lưu Văn Hy, Nguyễn Đức Phú biên dịch, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
90. Phùng Xuân Tế (2002), *Jean-Jacques Rousseau: Về khế ước xã hội*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Phùng Xuân Tế (2008), "Tư tưởng Rousseau trong cách mạng Pháp", *Tạp chí Triết học*, 7, tr.15-21.
92. Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, Đoàn Đức Lương, Lê Thị Nga (2019), *Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

93. Lã Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Tuấn (2011), *Tư tưởng về quyền con người (Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam)*, Nhà xuất bản Lao động - xã hội, Hà Nội.
94. Lê Trọng Tuyến, Hà Đức Long (2017), *Tác phẩm "Nhà nước và cách mạng" của V.I.Lênin với vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
95. Nguyễn Mạnh Tường, (1994), *Lý luận giáo dục châu Âu: từ Érasme tới Rousseau - Thế kỷ XVI, XVII, XVIII*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
96. Phùng Văn Tửu, Đỗ Ngoạn (1983), *Văn học Phương Tây thế kỷ XVIII*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
97. Phùng Văn Tửu (1978), *Giăng - giắc - cơ Ru - xô*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội.
98. Phùng Văn Tửu (1996), *Jean Jacques Rousseau*, Nhà xuất bản Văn học.
99. Đinh Ngọc Thạch, Doãn Chính (2018), *Lịch sử triết học phương Tây, tập 1, Từ triết học cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Lưu Kiếm Thanh, Phạm Hồng Thái (2006), *Lịch sử các học thuyết chính trị thế giới*, Nhà xuất bản Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
101. Thomas Hobbes (2023), *Leviathan*, Nguyễn Phương Anh dịch, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng.
102. Đoàn Trường Thụ (2006), *Quyền con người, thước đo quan trọng của tiến bộ xã hội*, Luận án tiến sĩ triết học, Viện Triết học, Hà Nội.
103. Trần Văn Trị (1989), *Cách mạng Pháp 1789*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
104. Yên Ngọc Trung (2022), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

105. Đào Trí Úc (2005), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Viện Nghiên cứu con người, Hồ Sỹ Quý (chủ biên) (2003), *Con người và phát triển con người trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (1962), *Triết học thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa: triết học Khai sáng từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
108. Nguyễn Văn Vĩnh (2005), *Triết học Chính trị về quyền con người*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Nguyễn Hữu Vui (1998), *Lịch sử Triết học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Durant Will và Ariel Durant (2015), *Jean - Jacques Rousseau*, Bùi Xuân Linh dịch, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
111. Will Durant & Will (2016), *Lịch sử cách mạng Pháp*, Bùi Xuân Linh dịch, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

*** Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài**

112. Charles W. Eliot (2004), *French and English philosophers: Decarters - Rousseau - Voltaire - Hobbes*, Kessinger Publishing, Montana.
113. J.J.Rousseau (1997), *Discours sur les sciences et les arts*, Folio Essais, Paris.
114. J.J.Rousseau (2019), *Discours sur l'origine et les fondements de l'inégalité parmi les hommes*, Arvensa Editions, Paris.
115. Jonh Morris Roberts (1993), *The History of the World*, Oxford University Press, Oxford, England.

116. Joseph R. Reisert (2003), *Jean - Jacques Rousseau - a friend of virtue*, Comell University Press.
117. Leo Damrosch (2005): *Jean-Jacques Rousseau: Restless Genius*, Houghton Mifflin, Boston, Massachusetts, United States of America.
118. Qvortrup.M (2003), *The political philosophy of Jean Jacques Rousseau. Imposibility of reason*, Manchester University Press.
119. Thomas Hobbes (2019), *Leviathan*, London: Anodos books.
120. Wraight, Christopher D.(2008), *Rousseau's the social contract: a reader's*, London: Continuum Books.